

MỞ ĐẦU

1. Xuất xứ của dự án

1.1. Thông tin chung về dự án

Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3901229496, đăng ký lần đầu ngày 29/8/2016, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 04/5/2019 do Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp.

Công ty đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh cấp Quyết định số 1724/QĐ-UBND ngày 28/7/2017 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án lò mổ gia súc, gia cầm và thủy cầm của Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân.

Ngày 26/12/2017, Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Lò mổ gia súc, gia cầm và thủy cầm Thanh Bảo Hân do Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân làm chủ dự án tại Quyết định số 3203/QĐ-UBND, với quy mô, công suất như sau:

- *Giết mổ gia súc công suất 600 con/ngày; giết mổ gia cầm và thủy cầm, công suất 6.000 con/ngày*

- *Diện tích đất sử dụng: 28.295,1m²*

- *Tổng vốn đầu tư: 40 tỷ đồng.*

Ngày 29/9/2023, Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh cấp phép cho Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Cơ sở Giết mổ gia súc, gia cầm và thủy cầm Thanh Bảo Hân, phân kỳ 1 tại ấp Ninh Bình, xã Bàu Năng, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh, với quy mô, công suất: giết mổ gia cầm, thủy cầm quy mô 6.000 con/ngày tại Giấy phép số 1992/GPMT-UBND.

Ngày 29/5/2025, Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án dự án lò mổ gia súc, gia cầm và thủy cầm tại Quyết định số 1235/QĐ-UBND, với nội dung chính như sau:

- *Quy mô dự án: Gia súc: 600 con/ngày; Gia cầm và thủy cầm: 24.000 con/ngày.*

- *Diện tích đất sử dụng: 28.478,7 m²*

- *Tổng vốn đầu tư: 48 tỷ đồng.*

Căn cứ Phụ lục I Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công, Quy mô dự án đầu tư thuộc nhóm B (trên 45 tỷ đồng) theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công.

Căn cứ mục 16.III Phụ lục II Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ: “Đầu tư kinh doanh cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm từ 1.000 con gia súc/ngày hoặc từ 10.000 gia cầm/ngày trở lên thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh,

dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường ở mức quy mô lớn”.

Căn cứ mục 3.I Phụ lục III Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ: “*Dự án Lò mổ gia súc, gia cầm và thủy cầm Thanh Bảo Hân, công suất: Gia súc 600 con/ngày; Gia cầm và thủy cầm: 24.000 con/ngày thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường với công suất lớn quy định tại cột 3 Phụ lục II ban hành kèm theo nghị định này*”. Dự án này thuộc nhóm I có nguy cơ tác động xấu đến môi trường ở mức cao quy định tại khoản 3 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

Căn cứ khoản 4 Điều 28 và khoản 1 Điều 30 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020: “*Dự án đầu tư nhóm II quy định tại các điểm c, d, đ và e khoản 4 Điều 28 của Luật này*”, Dự án thuộc đối tượng thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường do UBND tỉnh Tây Ninh phê duyệt.

- Loại hình dự án: Dự án mới.

Tuân thủ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022 của Chính phủ, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân (sau đây gọi tắt là Chủ dự án, Công ty) phối hợp với Đơn vị tư vấn tiến hành lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) cho Dự án Lò mổ gia súc, gia cầm và thủy cầm Thanh Bảo Hân, công suất: Gia súc 600 con/ngày; Gia cầm và thủy cầm: 24.000 con/ngày tại ấp Ninh Bình, xã Bàu Năng, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh (sau đây gọi tắt là Dự án) theo cấu trúc quy định tại Mẫu số 04 – Mẫu cấu trúc và nội dung cụ thể Báo cáo ĐTM của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Nội dung và trình tự các bước thực hiện Báo cáo ĐTM được tuân thủ theo các quy định pháp luật về môi trường và các hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường về lập ĐTM cho các dự án đầu tư. Đánh giá những tác động tích cực và tiêu cực, trực tiếp và gián tiếp, ngắn hạn và dài hạn từ các hoạt động của dự án gây ra cho môi trường.

1.2. Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền phê duyệt dự án đầu tư

Cơ quan phê duyệt chấp thuận chủ trương đầu tư: Ủy ban nhân dân tỉnh

Cơ quan phê duyệt dự án đầu tư: Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân.

Cơ quan thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường: Sở Tài nguyên và Môi trường.

Cơ quan phê duyệt kết quả Báo cáo đánh giá tác động môi trường: Ủy ban nhân dân tỉnh.

1.3. Sự phù hợp của dự án đầu tư với Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học; mối quan hệ của dự án với các dự án khác, các quy hoạch và quy định khác của pháp

luật có liên quan.

- Dự án phù hợp với Quyết định số 611/QĐ-TTg ngày 08/7/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Dự án phù hợp với Quyết định số 1352/QĐ-TTg ngày 08/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050.

- Dự án phù hợp với Quyết định số 1736/QĐ-TTg ngày 29/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến 2050.

- Dự án phù hợp với Quyết định số 2187/QĐ-UBND ngày 30/8/2018. Quyết định số 1025/QĐ-UBND ngày 07/5/2019 của UBND tỉnh Tây Ninh cho phép Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân được phép chuyển mục đích sử dụng đất.

- Dự án phù hợp với Quyết định số 382/QĐ-UBND ngày 20/02/2017 của UBND tỉnh Tây Ninh phê duyệt Đề án cơ cấu lại nông nghiệp tỉnh Tây Ninh theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

- Dự án đảm bảo khoảng cách an toàn trong giết mổ gia súc, gia cầm theo quy định tại Thông tư số 13/2017/TT-BNNPTNT ngày 20/6/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia lĩnh vực thú y.

*** Mối quan hệ của dự án và các đối tượng xung quanh**

Khoảng cách từ cơ sở đến Khu dân cư tập trung gần nhất là 500m về hướng Đông Bắc và hướng Đông Nam, cách khu dân cư tập trung về hướng Tây Nam khoảng 510m.

Cách cơ sở khoảng 1,9km về hướng Tây Nam là chợ Bàu Năng, cách trường học gần nhất (Trường Tiểu học Bàu Năng B thuộc ấp Ninh Bình, xã Bàu Năng) khoảng 980m về hướng Tây Nam; cách Trường THCS Bàu Năng khoảng 1,2km về hướng Tây Nam, cách Trường Tiểu học Bàu Năng A thuộc ấp Ninh Hiệp, xã Bàu Năng khoảng 2,08 km về hướng Tây Nam; cách cơ sở y tế gần nhất (Trạm y tế xã Bàu Năng) khoảng 1,8km về hướng Tây Nam; cơ sở cách Quốc lộ 22B khoảng 7,2 km về hướng Tây và Tây Nam.

Tiếp giáp dự án về hướng Tây là kênh thoát nước, cách dự án khoảng 70 đến 90 m về hướng Nam là suối Cầu Vườn Điều, kênh thoát nước trên và suối cầu Vườn Điều là nguồn tiếp nhận nước mưa, nước thải của cơ sở, có mục đích sử dụng chủ yếu là tưới tiêu, thoát nước, không sử dụng cho mục đích sinh hoạt. Khoảng cách từ cơ sở đến Kênh Tây khoảng 20m, hiện nay mục đích sử dụng kênh Tây chủ yếu phục vụ cho hoạt động tưới tiêu, không sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

2. Căn cứ pháp lý và kỹ thuật của việc thực hiện ĐTM

2.1. Liệt kê các văn bản pháp lý, quy chuẩn, tiêu chuẩn và hướng dẫn kỹ

thuật có liên quan làm căn cứ cho việc thực hiện ĐTM.

- Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật ngày 29/6/2006;
- Luật Đa dạng sinh học ngày 13/11/2008;
- Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;
- Luật Thú y ngày 19/6/2015;
- Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;
- Luật Đầu tư ngày 17/6/2020;
- Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;
- Luật Tài nguyên nước ngày 27/11/2023;
- Luật Đất đai ngày 18/01/2024;
- Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ ngày 29/11/2024;
- Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ quy định về Thoát nước và xử lý nước thải;
- Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y;
- Nghị định số 53/2020/NĐ-CP ngày 01/07/2020 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải;
- Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;
- Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 30/6/2021 của Chính phủ quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;
- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;
- Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;
- Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
- Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;
- Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 của Bộ Nông nghiệp

và Phát triển Nông thôn quy định về dịch bệnh động vật trên cạn;

- Thông tư số 13/2017/TT-BNNPTNT ngày 20/6/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia lĩnh vực thú y.

- Thông tư số 06/2020/TT-BLĐTBXH ngày 20/8/2020 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về Danh mục công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động;

- Thông tư số 12/2021/TT-BNNPTNT ngày 26/10/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn việc thu gom, xử lý chất thải chăn nuôi, phụ phẩm nông nghiệp tái sử dụng cho mục đích khác;

- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

- Thông tư số 24/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về cơ sở, vùng an toàn dịch bệnh động vật;

- Thông tư số 18/2023/TT-BNNPTNT ngày 15/12/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số điều của Luật Chăn nuôi về hoạt động chăn nuôi;

- Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

- Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

* Các tiêu chuẩn và quy chuẩn môi trường Việt Nam áp dụng trong ĐTM

- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;

- QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;

- QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung;

- QCVN 01-41:2011/BNNPTNT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về yêu cầu vệ sinh khi tiêu hủy động vật, sản phẩm động vật.

- QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh;

- QCVN 22:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Chiếu sáng – Mức cho phép chiếu sáng nơi làm việc.

- QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

- QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Vi khí hậu – Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.

- QCVN 27:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Rung – Giá trị cho phép tại nơi làm việc.

- QCVN 07 – 2:2016/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật – Công trình thoát nước.

- QCVN 07 – 5:2016/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật – Công trình cấp điện.

- QCVN 62-MT:2016/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi.

- QCVN 14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

- QCVN 02:2019/BTYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.

- QCVN 03:2019/BTYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.

- QCVN 18:2021/BXD: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về An toàn trong thi công xây dựng.

Và các quy định, quy phạm hiện hành có liên quan.

2.2. Các văn bản pháp lý, quyết định hoặc ý kiến bằng văn bản của các cấp có thẩm quyền về dự án

- Quyết định số 1724/QĐ-UBND về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án lò mổ gia súc, gia cầm và thủy cầm của Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân do Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh cấp ngày 28/07/2017.

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 8558115162 chứng nhận lần đầu ngày 19/10/2017, chứng nhận thay đổi lần thứ nhất ngày 27/5/2019 bởi Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh.

- Quyết định số 3203/QĐ-UBND ngày 26/12/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Lò mổ gia súc, gia cầm và thủy cầm Thanh Bảo Hân do Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân làm chủ dự án.

- Công văn số 907/STNMT-PBVMT ngày 20/02/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh về việc Xây dựng hệ thống xử lý nước thải công suất 90m³/ngày đêm của Dự án Lò mổ gia súc, gia cầm và thủy cầm Thanh Bảo Hân.

- Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 1593/GP-STNMT do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp ngày 19/03/2020;

- Giấy phép khai thác nước dưới đất số 1604/GP-STNMT (điều chỉnh lần 1) do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp ngày 20/03/2020;

- Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 05/TDPCCC do Phòng Cảnh sát PCCC & CNCH – Công an tỉnh Tây Ninh cấp ngày

10/01/2019.

- Văn bản đồng ý nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy số 151/NT-PCCC ngày 14/10/2019 do Phòng Cảnh sát PCCC & CNCH – Công an tỉnh Tây Ninh cấp.

- Quyết định số 2739/QĐ-UBND ngày 12/11/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh Về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân.

- Hợp đồng thuê đất số 01/6/HĐTD ngày 04/06/2019 giữa Ủy ban nhân dân tỉnh/Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh và Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân.

- Giấy phép môi trường số 1992/GPMT-UBND ngày 29/9/2023 của UBND tỉnh Tây Ninh.

- Quyết định số 1235/QĐ-UBND ngày 29/5/2025 của UBND tỉnh Tây Ninh chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư: Lò mổ gia súc, gia cầm và thủy cầm Thanh Bảo Hân.

2.3. Các nguồn tài liệu do chủ đầu tư tạo lập được sử dụng trong quá trình đánh giá tác động môi trường.

Báo cáo dự án đầu tư Dự án Lò mổ gia súc, gia cầm và thủy cầm Thanh Bảo Hân, bao gồm thuyết minh, khối lượng, dự toán và bản vẽ thiết kế thi công.

Kết quả phân tích hiện trạng môi trường tại dự án.

3. Tổ chức thực hiện ĐTM

3.1. Tóm tắt về tổ chức thực hiện ĐTM

Quá trình lập báo cáo ĐTM gồm các bước sau:

Thực hiện thu thập các tài liệu về điều kiện tự nhiên môi trường, kinh tế xã hội, Dự án đầu tư và nhiều văn bản tài liệu khác có liên quan đến dự án cũng như địa điểm xây dựng Dự án, các văn bản pháp luật liên quan đến thực hiện ĐTM.

Khảo sát, điều tra hiện trạng các thành phần môi trường, lấy mẫu và phân tích đánh giá chất lượng hiện trạng môi trường tại khu vực thực hiện Dự án.

Trên cơ sở Dự án đầu tư, số liệu thu thập được và kết quả phân tích mẫu trong phòng thí nghiệm, đánh giá các tác động đến môi trường và cộng đồng dân cư, đồng thời đề xuất các biện pháp giảm thiểu trong việc xây dựng và hoạt động.

Tổ chức tham vấn thông qua đăng tải trên trang thông tin điện tử, lấy ý kiến của UBND, UBMTTQ xã và cộng đồng dân cư bị tác động khi triển khai xây dựng dự án cũng như khi dự án đi vào khai thác sử dụng.

Xây dựng báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án hoàn chỉnh.

Trình thẩm định và bảo vệ trước hội đồng xét duyệt báo cáo ĐTM theo quy định hiện hành của Luật Bảo vệ môi trường.

Báo cáo ĐTM của Dự án Lò mổ gia súc, gia cầm và thủy cầm Thanh Bảo Hân được lập bởi đơn vị tư vấn là Công ty TNHH Dịch vụ, Tư vấn Môi trường và Nông

ngiệp Nguyên Hưng, Chủ đầu tư là Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân kiểm tra, trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt.

3.2. Chủ đầu tư

Chủ đầu tư: Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân.

Người đại diện: ông Bùi Văn Thanh - Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ trụ sở chính: ấp Ninh Bình, xã Bàu Năng, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

Điện thoại: 0913 994 967

3.3. Đơn vị tư vấn

Đơn vị tư vấn: Công ty TNHH Dịch vụ, Tư vấn Môi trường và Nông nghiệp Nguyên Hưng.

Người đại diện: ông Lê Phú Minh Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ: 182 Điện Biên Phủ, KP. Ninh Tân, P. Ninh Sơn, TP. Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Những thành viên chính thức thực hiện báo cáo ĐTM dự án như sau:

Bảng 1: Danh sách cán bộ tham gia trực tiếp lập Báo cáo ĐTM của dự án

TT	Họ và tên	Học vị	Chuyên ngành/chức vụ	Trách nhiệm	Chữ ký
I	Chủ đầu tư				
1	Bùi Văn Thanh	-	Giám đốc	Cung cấp thông tin và số liệu được sử dụng trong báo cáo	
II	Đơn vị tư vấn				
1	Lê Phú Minh	Kỹ sư	Hóa	Quản lý chung	
2	Nguyễn Thị Phương Thanh	Cử nhân	Sinh học	Tổ chức thực hiện và kiểm soát nội dung báo cáo ĐTM; tham vấn ý kiến cộng đồng	
3	Trần Văn Minh	Kỹ sư	Môi trường	Thu thập tài liệu, khảo sát thực địa, đề xuất biện pháp giảm thiểu tác động và tổng hợp viết báo cáo ĐTM	
4	Trần Viết Cường	Kỹ sư	Địa chất	Đánh giá các tác động, đề xuất chương trình quản lý, giám sát môi trường và kết luận, kiến nghị	

Bên cạnh sự tư vấn của Công ty TNHH Dịch vụ, Tư vấn Môi trường và Nông nghiệp Nguyên Hưng, trong quá trình lập Báo cáo ĐTM cho dự án, Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân đã nhận sự phối và giúp đỡ chân tình của các cơ quan quản lý nhà nước, cụ thể như sau:

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã Bàu Năng.
- Ủy ban nhân dân xã Bàu Năng

4. Phương pháp đánh giá tác động môi trường

4.1. Phương pháp bản đồ

Phương pháp này nhằm xem xét sơ bộ các tác động của dự án đến từng thành phần môi trường trong vùng, từ đó định hướng nghiên cứu tiếp theo. Phương pháp bản đồ dựa trên nguyên tắc so sánh các bản đồ chuyên ngành (bản đồ địa hình, thực vật, thổ nhưỡng, phân bố dân cư,...) với các bản đồ môi trường cùng tỷ lệ. Hiện nay kỹ thuật GIS (hệ thống tin địa lý) cho phép thực hiện phương pháp này một cách nhanh chóng và chính xác.

Sử dụng trong chương I, II, III của báo cáo này.

4.2. Phương pháp liệt kê

Phương pháp này dựa trên việc lập bảng thể hiện mối quan hệ giữa các hoạt động của dự án với các thông số môi trường có khả năng chịu tác động bởi Dự án nhằm mục tiêu nhận dạng tác động môi trường. Một bảng kiểm tra được xây dựng tốt sẽ bao quát được tất cả các vấn đề môi trường của dự án, cho phép đánh giá sơ bộ mức độ tác động và định hướng các tác động cơ bản nhất cần được đánh giá chi tiết.

Đối với phương pháp này, có 2 loại bảng liệt kê phổ biến nhất gồm bảng liệt kê đơn giản và bảng liệt kê đánh giá sơ bộ mức độ tác động.

- Bảng liệt kê đơn giản: được trình bày dưới dạng các câu hỏi với việc liệt kê đầy đủ các vấn đề môi trường liên quan đến dự án. Trên cơ sở các câu hỏi này, các chuyên gia nghiên cứu ĐTM với khả năng kiến thức của mình cần trả lời các câu hỏi này ở mức độ nhận định, nêu vấn đề. Bảng liệt kê này là một công cụ tốt để sàng lọc các loại tác động môi trường của Dự án từ đó định hướng cho việc tập trung nghiên cứu các tác động chính.

- Bảng liệt kê đánh giá sơ bộ mức độ tác động: nguyên tắc lập bảng cũng tương tự như bảng liệt kê đơn giản, song việc đánh giá tác động được xác định theo các mức độ khác nhau, thông thường là tác động không rõ rệt, tác động rõ rệt và tác động mạnh. Việc xác định này tuy vậy vẫn chỉ có tính chất phán đoán dựa vào kiến thức và kinh nghiệm của chuyên gia, chưa sử dụng các phương pháp tính toán định lượng.

Như vậy, lập bảng liệt kê là một phương pháp đơn giản, nhưng hiệu quả không chỉ cho việc nhận dạng các tác động mà còn là một bảng tổng hợp tài liệu đã có, đồng thời giúp cho việc định hướng bổ sung tài liệu cần thiết cho nghiên cứu ĐTM. Như vậy, phải thấy rằng, hiệu quả của phương pháp này phụ thuộc rất

hiều vào việc lựa chọn chuyên gia và trình độ, kinh nghiệm của các chuyên gia đó.

Sử dụng trong đánh giá các tác động môi trường trong từng giai đoạn hoạt động của Dự án tại Chương III của Báo cáo.

4.3. Phương pháp đánh giá nhanh

Là phương pháp dùng để xác định nhanh tải lượng, nồng độ các chất ô nhiễm trong khí thải, nước thải, mức độ gây ồn, rung động phát sinh từ hoạt động của Dự án. Việc tính tải lượng chất ô nhiễm được dựa trên các hệ số ô nhiễm. Thông thường và phổ biến hơn cả là việc sử dụng các hệ số ô nhiễm do Tổ chức Y tế thế giới (WHO) thiết lập.

Phương pháp này được sử dụng để tính toán tải lượng ô nhiễm không khí, nước thải, nước mưa tại Chương III.

4.4. Phương pháp chuyên gia

Các chuyên gia thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau (tài nguyên, quản lý môi trường, kỹ thuật môi trường, bản đồ học, chuyên ngành sinh thái, chuyên gia môi trường,...) sử dụng kiến thức chuyên môn của mình để nhận dạng, phân tích, đánh giá các tác động cụ thể của Dự án.

Sử dụng trong chương I, III, IV của báo cáo.

4.5. Phương pháp nhận dạng

- Mô tả hệ thống môi trường.
- Xác định các thành phần của Dự án ảnh hưởng đến môi trường.
- Nhận dạng đầy đủ các dòng thải, các vấn đề môi trường có liên quan phục vụ cho công tác đánh giá chi tiết.

4.6. Phương pháp điều tra, khảo sát hiện trường

Khảo sát hiện trường là điều bắt buộc khi thực hiện công tác ĐTM để xác định hiện trạng khu đất thực hiện Dự án nhằm làm cơ sở cho việc đo đạc, lấy mẫu phân tích cũng như làm cơ sở cho việc đánh giá và đề xuất các biện pháp kiểm soát và giảm thiểu ô nhiễm môi trường, chương trình quản lý môi trường, giám sát môi trường... Do vậy, quá trình khảo sát hiện trường càng chính xác và đầy đủ thì quá trình nhận dạng các đối tượng bị tác động cũng như đề xuất các biện pháp giảm thiểu các tác động càng chính xác, thực tế và khả thi.

Phương pháp được sử dụng trong các nội dung sau:

- Mô tả hiện trạng địa hình, thảm thực vật tại Chương I của Báo cáo.
- Mô tả mối quan hệ của Dự án với các đối tượng tự nhiên, kinh tế - xã hội trong khu vực (Chương I, II của Báo cáo).

4.7. Phương pháp tham vấn ý kiến cộng đồng

Phối hợp với UBND xã Bàu Nặng nơi thực hiện dự án, tổ chức họp tham vấn cộng đồng dân cư chịu ảnh hưởng bởi dự án, tổng hợp các ý kiến của lãnh đạo và

nhân dân địa phương nơi triển khai để có biện pháp và hướng giải quyết phù hợp.

Sử dụng trong Chương V của báo cáo.

4.8. Phương pháp đo đạc, thu mẫu và phân tích mẫu

Việc lấy mẫu và phân tích mẫu của các thành phần môi trường là không thể thiếu trong việc xác định và đánh giá hiện trạng chất lượng môi trường nền tại khu vực triển khai Dự án.

Sau khi khảo sát hiện trường, chương trình lấy mẫu và phân tích mẫu sẽ được lập ra với nội dung chương trình như : Vị trí lấy mẫu, thông số đo đạc và phân tích, nhân lực, thiết bị và dụng cụ cần thiết, Thời gian phát sinh, kế hoạch bảo quản mẫu, kế hoạch phân tích,...

Các phương pháp đo đạc, thu mẫu và phân tích mẫu áp dụng cho từng thành phần môi trường (đất, nước, không khí,...), kết quả được trình bày rõ trong phần phụ lục.

Được sử dụng nhằm phục vụ nội dung đánh giá hiện trạng môi trường nền tại Chương II của Báo cáo.

4.9. Phương pháp so sánh

Đây là phương pháp không thể thiếu trong công tác ĐTM, được sử dụng rộng rãi trên thế giới. Thông thường phương pháp này có hai cách tiếp cận:

- So sánh với giá trị quy định trong tiêu chuẩn, quy chuẩn.
- So sánh với các số liệu đo đạc thực tế với các Dự án tương tự.

Phương pháp so sánh được sử dụng tại các nội dung sau:

Chương II: So sánh, đánh giá hiện trạng chất lượng môi trường nền của Dự án.

Chương III: So sánh nhằm đánh giá tác động trong các giai đoạn của Dự án đến môi trường.

4.10. Phương pháp kế thừa và tổng hợp tài liệu

Kế thừa các nghiên cứu và báo cáo đã có là thực sự cần thiết vì khi đó sẽ kế thừa được các kết quả đã đạt trước đó, đồng thời, hạn chế những mặt tiêu cực và tránh những sai lầm.

Tham khảo các tài liệu, đặc biệt là tài liệu chuyên ngành liên quan đến Dự án, có vai trò quan trọng trong việc nhận dạng và phân tích các tác động liên quan đến hoạt động của Dự án.

Phương pháp được sử dụng trong các nội dung sau:

- Trình bày các nội dung liên quan đến đặc điểm địa hình, địa lý, địa chất, khí tượng, thủy văn, hiện trạng kinh tế - xã hội (Chương I, Chương II của Báo cáo).

- Kế thừa các kết quả nghiên cứu của một số đề tài, công trình khoa học phục vụ cho công tác đánh giá tác động của Dự án, đề xuất các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường do hoạt động của Dự án (Chương III của Báo cáo).

CHƯƠNG I.

THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN

1.1. Thông tin về dự án

1.1.1. Tên dự án

Dự án Lò mổ gia súc, gia cầm và thủy cầm Thanh Bảo Hân, công suất: Gia súc 600 con/ngày; Gia cầm và thủy cầm: 24.000 con/ngày.

1.1.2. Thông tin chủ dự án

- Tên chủ dự án: Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân
- Địa chỉ trụ sở chính: ấp Ninh Bình, xã Bàu Năng, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.
- Người đại diện: Bùi Văn Thanh Chức vụ: Giám đốc
- Điện thoại: 0913 994 967
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3901229496, đăng ký lần đầu ngày 29/8/2016, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 04/5/2019 do Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp.
- Tiến độ thực hiện dự án:
 - + Giai đoạn 1: Công suất giết mổ gia cầm và thủy cầm: 6.000 con/ngày: Đã hoàn thành đưa vào hoạt động ổn định.
 - + Giai đoạn 2: Nâng công suất giết mổ gia cầm và thủy cầm từ 6.000 con/ngày lên 24.000 con/ngày.
 - ++ Tiến độ xây dựng cơ bản: Từ quý 4/2024 đến quý 4/2025.
 - ++ Tiến độ hoàn thành dự án đưa vào sử dụng/hoạt động: Trong quý 4/2025.
 - + Giai đoạn 3: Thực hiện dây chuyền giết mổ heo công suất 600 con/ngày.
 - ++ Tiến độ xây dựng cơ bản: Từ quý 4/2025 đến quý 4/2026.
 - ++ Tiến độ hoàn thành dự án đưa vào sử dụng/hoạt động: Trong quý 4/2026.

1.1.3. Vị trí địa lý

Dự án Lò mổ gia súc, gia cầm và thủy cầm Thanh Bảo Hân của Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân được đầu tư xây dựng trên thửa đất đất 483, 484 tờ bản đồ số 12, ấp Ninh Bình, xã Bàu Năng, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Khoảng cách từ cơ sở đến Khu dân cư tập trung gần nhất là 500m về hướng Đông Bắc và hướng Đông Nam, cách khu dân cư tập trung về hướng Tây Nam khoảng 510m.

- Cách cơ sở khoảng 1,9km về hướng Tây Nam là chợ Bàu Năng, cách trường học gần nhất (Trường Tiểu học Bàu Năng B thuộc ấp Ninh Bình, xã Bàu Năng) khoảng 980m về hướng Tây Nam; cách Trường THCS Bàu Năng khoảng 1,2km

về hướng Tây Nam, cách Trường Tiểu học Bàu Nặng A thuộc ấp Ninh Hiệp, xã Bàu Nặng khoảng 2,08 km về hướng Tây Nam; cách cơ sở y tế gần nhất (Trạm y tế xã Bàu Nặng) khoảng 1,8km về hướng Tây Nam; cơ sở cách Quốc lộ 22B khoảng 7,2 km về hướng Tây và Tây Nam.

- Tiếp giáp dự án về hướng Tây là kênh thoát nước, cách dự án khoảng 70 đến 90 m về hướng Nam là suối Cầu Vườn Điều, kênh thoát nước trên và suối cầu Vườn Điều là nguồn tiếp nhận nước mưa, nước thải của cơ sở, có mục đích sử dụng chủ yếu là tưới tiêu, thoát nước, không sử dụng cho mục đích sinh hoạt. Khoảng cách từ cơ sở đến Kênh Tây khoảng 20m, hiện nay mục đích sử dụng kênh Tây chủ yếu phục vụ cho hoạt động tưới tiêu, không sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

- Trong phạm vi bán kính 500m không có đường quốc lộ, sông, suối, nguồn nước sử dụng cho mục đích cấp sinh hoạt. Trong phạm vi bán kính 01 km không có trại chăn nuôi, chợ buôn bán gia súc, gia cầm và các nguồn gây ô nhiễm như bãi rác, nghĩa trang, nhà máy thải bụi và hóa chất độc hại.

Vị trí tiếp giáp khu đất dự án như sau:

- + Phía Tây giáp kênh thoát nước chung khu vực;
- + Phía Đông giáp rừng cao su.
- + Phía Nam giáp khu đất trống.
- + Phía Bắc giáp kênh Tây.

Tọa độ ranh giới vị trí cơ sở được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 2. Tọa độ vị trí cơ sở

STT	Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trực 105°30', múi chiều 3°)	
		Tọa độ X	Tọa độ Y
1	M1	1252436,3	572355,0
2	M2	1252232,5	572309,3
3	M3	1252220,7	572414,7
4	M4	1252232,7	572490,0
5	M5	1252390,8	572517,0



Hình 1. Vị trí cơ sở

1.1.4. Hiện trạng quản lý, sử dụng đất, mặt nước của dự án

- Khu đất dự kiến xây dựng dự án có diện tích 28.478,7 m², toàn bộ diện tích này thuộc sở hữu của chủ dự án.

- Hiện trạng sử dụng đất: Đã xây dựng công trình Nhà máy giết mổ.

1.1.5. Khoảng cách từ dự án tới khu dân cư và khu vực có yếu tố nhạy cảm về môi trường

- Vị trí thực hiện dự án nằm ở ấp Ninh Bình, xã Bàu Năng, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh, không nằm trên phường của đô thị đặc biệt, đô thị loại I, II, III, IV.

- Dự án không có sử dụng đất, đất có mặt nước của khu bảo tồn thiên nhiên, khu di sản thế giới, khu di tích lịch sử - văn hóa, khu danh lam thắng cảnh...

Do đó vị trí triển khai của lò mổ hoàn toàn phù hợp với các quy định tại QCVN 01 - 150:2017/BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia yêu cầu vệ sinh thú y đối với cơ sở giết mổ động vật tập trung.

1.1.6. Mục tiêu, loại hình, quy mô, công suất, công nghệ sản xuất của dự án

1.1.6.1. Mục tiêu của dự án

- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

- Đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện Dương Minh Châu và tỉnh Tây Ninh nói chung.

- Đóng góp cho nguồn thu ngân sách Nhà nước từ thuế GTGT, thuế thu nhập doanh nghiệp.

- Góp phần phát triển ngành chăn nuôi, giết mổ của tỉnh Tây Ninh theo phương thức chuỗi liên kết gia tăng giá trị.

1.1.6.2. Loại hình của dự án

Nhà đầu tư thực hiện đầu tư đồng bộ cơ sở hạ tầng theo dự án được duyệt và thực hiện sản xuất, kinh doanh theo quy định hiện hành.

1.1.6.3. Quy mô, công suất của dự án

- Quy mô diện tích của dự án: Tổng diện tích xây dựng dự án là 28.478,7 m², dự án có cơ cấu sử dụng đất như sau:

Bảng 3. Cơ cấu sử dụng đất

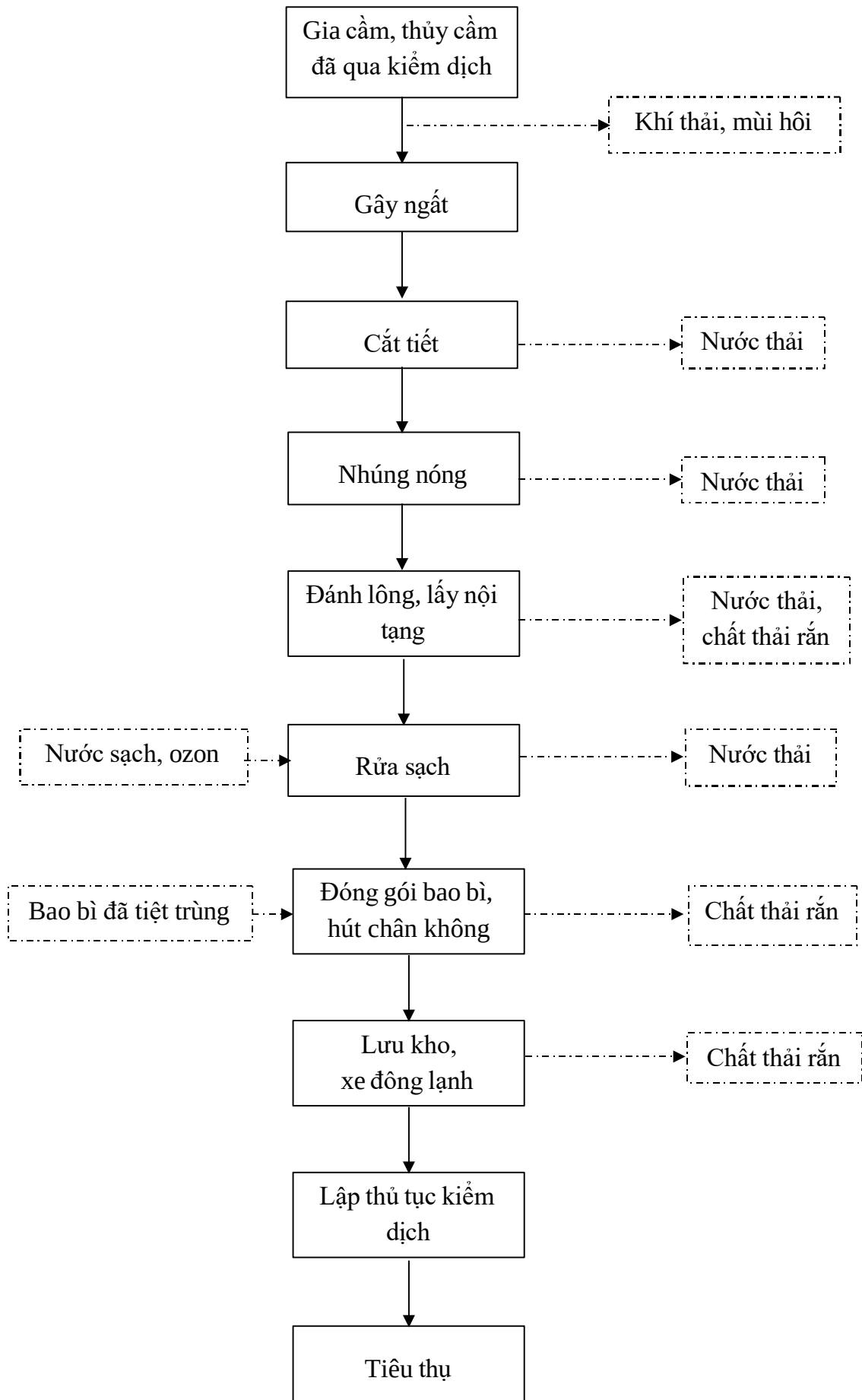
STT	Hạng mục	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
1	Các hạng mục công trình chính	3.626,92	12,7
2	Các hạng mục công trình phụ trợ	7.668,94	27,0
3	Các công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường	7.403,1	26,0
4	Đất dự phòng	9.779,74	34,3
	Tổng cộng	28.478,7	100,0

Nguồn: Thuyết minh dự án đầu tư của dự án

- Công suất của dự án: Gia súc 600 con/ngày; Gia cầm và thủy cầm: 24.000 con/ngày.

1.1.6.4. Công nghệ sản xuất của dự án

Quy trình hoạt động sản xuất của dự án như sau:



Hình 2. Sơ đồ quy trình công nghệ giết mổ gia cầm và thủy cầm

▪ **Thuyết minh quy trình công nghệ:**

Nguyên liệu của quá trình sản xuất là gia cầm và thủy cầm đã qua kiểm dịch được nhập về cơ sở và được đưa vào quy trình giết mổ trong ngày. Cơ sở không tổ chức lưu trữ gia cầm, thủy cầm.

Gia cầm và thủy cầm nhập về trong ngày được chuyển sang xưởng giết mổ. Tại xưởng giết mổ, gia cầm và thủy cầm được giết mổ theo công nghệ sạch và khép kín.

Trước tiên, gia cầm và thủy cầm được gây ngất bằng dòng điện vừa đủ để gây mê mà không ảnh hưởng đến chất lượng thịt. Sau khi gây mê gia cầm và thủy cầm, công nhân sẽ tiến hành cắt tiết và chứa tiết trong máng hứng tiết. Sau khi được lấy hết tiết, gia cầm và thủy cầm được đưa qua máy nhúng nước nóng tự động hoạt động bằng điện ở nhiệt độ khoảng 67 - 68°C để dễ lấy lông mà không làm rách da của động vật khi qua máy đánh lông, thời gian nhúng tại máy nhúng nước nóng là 1,5 đến 2 phút. Nước nhúng gia cầm, thủy cầm sau một thời gian thì nồng độ chất bẩn tăng lên thì sẽ được xả bỏ để thay vào nước mới. Gia cầm và thủy cầm tiếp tục được chuyển sang máy đánh lông tự động để làm sạch lông, máy đánh lông có khả năng làm sạch lông trên gia cầm và thủy cầm khoảng 90%, phần lông còn lại sẽ được công nhân nhổ bằng thủ công (cơ sở không sử dụng sáp trong quá trình đánh lông), tại công đoạn này sẽ phát sinh chất thải là lông và được chứa trong các sọt sau đó sẽ thu gom bán cho đơn vị chức năng cần thu mua, lông gia cầm và thủy cầm có thể dùng cho ngành may mặc. Suốt quá trình trên, gia cầm và thủy cầm được vận chuyển bằng hệ thống băng chuyền treo (Cụm truyền động I).

Sau quá trình đánh lông, gia cầm và thủy cầm được chuyển qua bàn mổ để tách nội tạng ra khỏi gia cầm và thủy cầm, một số bộ phận nội tạng của gia cầm và thủy cầm có thể làm thực phẩm hoặc dùng làm thức ăn cho gia súc, phần nội tạng làm phụ phẩm sẽ được sơ chế và rửa sạch trước khi xuất hàng phụ phẩm, công đoạn này được thực hiện thủ công. Sau đó gia cầm và thủy cầm được chuyển qua bồn rửa nước lạnh, hỗn hợp nước muối và khí ozone để làm sạch và khử trùng trước khi chuyển sang đóng gói. Trong quá trình sản xuất trên, gia cầm được vận chuyển trong 2 cụm truyền động II và III.

Trước khi đóng gói gia cầm và thủy cầm được treo trên xích tải truyền động (Cụm truyền động IV) dài 100m để làm ráo. Sau đó sẽ được đưa vào phòng đóng gói sản phẩm và xuất bán trong ngày. Trong trường hợp khối lượng sản phẩm chưa kịp xuất bán kịp thời trong ngày, Công ty sẽ tạm thời lưu trữ sản phẩm trong phòng đông lạnh.

1.1.7. Phạm vi

1.1.7.1. Các hạng mục công trình

Bảng 4. Các hạng mục công trình của dự án

TT	Nội dung	Diện tích (m²)	Tỷ lệ %
I	Hạng mục công trình chính	3.626,92	12,7
1	Nhà xưởng giết mổ 1	1.200	4,2
2	Nhà xưởng giết mổ 2	1.200	4,2
3	Kho đông lạnh 1	212,6	0,75
4	Kho đông lạnh 2	212,6	0,75
5	Nhà kho	58,32	0,2
6	Văn phòng 1	281	1,0
7	Văn phòng quản lý	383	1,3
8	Văn phòng 2	79,4	0,3
II	Hạng mục công trình phụ trợ	7.668,94	27
1	Nhà ở công nhân	120	0,4
2	Căn tin (Nhà ăn)	205,6	0,7
3	Xưởng cơ khí	335	1,2
4	Nhà bảo vệ	14,44	0,05
5	Trạm điện+nhà máy phát điện	56	0,2
6	Nhà xe 02 bánh	100	0,35
7	Nhà xe tải	120	0,4
8	Khu rửa tay	32,4	0,11
9	Kho xuất, nhập hàng	203	0,7
10	Khu xử lý nước cấp	85,5	3,0
11	Đường nội bộ	2.725	9,6
12	Ao cá cảnh (02 ao)	3.672	12,9
III	Hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường	7.403,1	26
1	Khu xử lý nước thải	336	1,2
2	Ao sinh học	800	2,8

3	Hồ điều hòa	48	0,2
4	Bể khử trùng	12	0,04
5	Hồ sục cở	315	1,1
6	Nhà vệ sinh	35,4	0,12
7	Kho chứa chất thải nguy hại	15	0,05
8	Khu vực chứa chất thải thông thường	22,7	0,8
9	Cây xanh	5.819	20,4
IV	Đất dự phòng	9.779,74	34,3
	Tổng	28.478,7	100

1.1.7.2. Các hoạt động của dự án có tác động đến môi trường

- Giai đoạn thi công, xây dựng dự án (xây dựng thêm 01 xưởng sản xuất).
 - + Hoạt động thi công dự án
 - + Hoạt động sinh hoạt của công nhân thi công, xây dựng
- Giai đoạn vận hành của dự án
 - + Hoạt động sản xuất của dự án
 - + Hoạt động sinh hoạt của công nhân

1.1.8. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

- Vị trí thực hiện dự án nằm ở ấp Ninh Bình, xã Bàu Năng, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh, không nằm trên phường của đô thị đặc biệt, đô thị loại I, II, III, IV.

- Toàn bộ lượng nước thải phát sinh từ dự án sau khi xử lý sẽ được tuần hoàn cho việc xịt rửa gầm chuồng, tái sử dụng cho tưới cây, không xả thải ra nguồn nước tiếp nhận, nguồn nước mặt phục vụ cho mục đích cấp nước sinh hoạt.

- Dự án không có sử dụng đất, đất có mặt nước của khu bảo tồn thiên nhiên, khu di sản thế giới, khu di tích lịch sử - văn hóa, khu danh lam thắng cảnh...

- Dự án không có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ 02 vụ trở lên.

- Dự án không có yêu cầu di dân, tái định cư.

1.2. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án

1.2.5. Các hạng mục công trình chính

- Nhà xưởng giết mổ gia cầm và thủy cầm: Quy mô 01 tầng, dài 60m, rộng 20m, cao 8,7m, nền xưởng bằng BTCT trần bằng tấm panel cách nhiệt, tường xây gạch, mái lợp tôn, cửa đi khung nhựa lõi thép, vách kính. Móng đơn BTCT,

khung thép chịu lực.

- Kho đông lạnh: Nền bằng tấm panel cách nhiệt, trần bằng tấm panel cách nhiệt, tường gạch, mái lợp tôn, móng đơn BTCT, khung thép chịu lực.

- Nhà kho: Quy mô 01 tầng, nền bê tông, trần thạch cao, mái lợp tôn, tường gạch, móng đơn, khung BTCT.

- Văn phòng 1, 2; Văn phòng quản lý: Quy mô 01 tầng, nền lát gạch, trần thạch cao, mái lợp tôn, tường gạch, móng đơn, khung BTCT.

1.2.6. Các hạng mục công trình phụ

- Nhà ở công nhân: 01 tầng, nền lát gạch, mái tôn, móng đơn BTCT.

- Căn tin (Nhà ăn): 01 tầng, nền lát gạch, mái tôn, móng đơn BTCT.

- Xưởng cơ khí: Quy mô 01 tầng, nền đổ bê tông, trần bằng tấm panel cách nhiệt, tường xây gạch, mái lợp tôn. Móng đơn BTCT, khung thép chịu lực.

- Nhà bảo vệ: 01 tầng, nền lát gạch, mái ngói, móng đơn BTCT.

- Trạm điện + Nhà máy phát điện: 01 tầng, nền BT, mái tôn, cửa sắt kính, móng đơn, khung BTCT.

- Nhà xe hai bánh: 01 tầng, khung thép, nền bê tông láng vữa, mái lợp tôn, móng đơn BTCT.

1.2.7. Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường

- Khu xử lý nước thải: Bê tông cốt thép.

- Ao sinh học: Lót bạt HDPE dày 1mm

- Kho chứa rác thải nguy hại: 01 tầng, tường gạch, vữa bê tông, mái che bằng tôn, nền đổ bê tông láng vữa.

- Khu vực lưu chứa CTRTT: 01 tầng, tường gạch, vữa bê tông, mái che bằng tôn, nền gạch ceramic.

1.3. Nguyên, nhiên, vật liệu, hóa chất sử dụng của dự án; nguồn cung cấp điện, nước và các sản phẩm của dự án

1.3.1. Trong giai đoạn thi công xây dựng (Dự án đã xây dựng hoàn chỉnh các hạng mục công trình, chỉ lắp đặt thêm dây chuyền giết mổ)

1) Nhu cầu sử dụng nước

** Nước cho sinh hoạt công nhân:*

Nhu cầu công nhân viên phục vụ thi công dự án khoảng 10 người. Theo Bảng 2 - TCXDVN 13606:2023 Cấp nước - Mạng lưới đường ống và công trình - Yêu cầu thiết kế, định mức sử dụng là 120 lít/người.ngày.

Do đó nhu cầu cấp nước sinh hoạt cho công nhân giai đoạn thi công xây dựng là:

Bảng 5. Nhu cầu cấp nước sinh hoạt cho công nhân giai đoạn lắp đặt

TT	Thành phần dùng nước	ĐVT	Số lượng	Định mức sử dụng (lít/ngđ)	Lượng sử dụng (m ³ /ngđ)	Nguồn cấp nước
1	Nước sinh hoạt của công nhân chính	Người	10	120	1,2	Nước giếng khoan

** Nước cho hoạt động thi công lắp đặt:*

Nước phục vụ cho nhu cầu xây dựng chủ yếu là để trộn bê tông và bảo dưỡng, tưới nước chống bụi và vệ sinh phương tiện thiết bị thi công lắp đặt, dự kiến nhu cầu sử dụng như sau:

- Nước chống bụi: $5\text{m}^3/\text{lần tưới} \times 2 \text{ lần/ngày} = 10\text{m}^3/\text{ngày}$.
- Nước vệ sinh phương tiện, thiết bị: khoảng $5\text{m}^3/\text{ngày}$.

Vậy tổng nhu cầu sử dụng nước trong giai đoạn thi công lắp đặt là $16,2\text{m}^3/\text{ngày}$.

2) Nhu cầu sử dụng điện

- Điện dùng trong giai đoạn thi công lắp đặt chủ yếu là để phục vụ hoạt động xây dựng như cắt, hàn, trộn bê tông,... và chiếu sáng bảo vệ công trình vào ban đêm.

- Dự kiến chủ dự án đã đầu tư 01 trạm biến áp 500 KVA để sử dụng cho dự án trong giai đoạn xây dựng cũng như hoạt động sau này. Từ trạm biến áp, điện cung cấp qua hệ thống lưới điện nội bộ. Ngoài ra, Chủ dự án còn trang bị 01 máy phát điện dự phòng 1.500kVA để đảm bảo cung cấp điện trong giai đoạn thi công của dự án.

1.3.5. Trong giai đoạn vận hành

1) Danh mục máy móc, thiết bị dự kiến phục vụ dự án:

Trong giai đoạn hoạt động, nhu cầu trang thiết bị của dự án được trình bày trong bảng dưới đây.

Bảng 6. Danh mục máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động của cơ sở

STT	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Số lượng	Đặc tính kỹ thuật	Xuất xứ	Năm sản xuất	Tình trạng
I	Băng tải lông gà	Cái	1	Kích thước 10.000 x 600 x 500 mm Vật liệu inox 304 Vòng bi inox 6203 NTN Nhật 160 cái	Trung Quốc	2017	80-85%
II	Băng chuyền tải giết và đánh lông						
1	Đường ray cho xích tải (I)	Mét	58	Chiều dài xích tải 58m Đường ray T inox 304 – 6mm: chiều dài 58m Đường ray cong 90° inox 304: 08 bộ Đường ray cong 180° inox 304: 01 bộ Đường ray chuyển cao độ inox 304: 04 bộ Bộ treo đường ray inox 304: Thanh treo Φ34x2mm	Đài Loan	2017	80-85%
2	Móc treo gà (I)	Bộ	250	Khoảng cách móc 228,6mm (7 mắt xích) Móc treo gà inox 304 : Φ7x250 cái Thanh nối móc treo inox 304: Φ7x250 cái Càng nhựa và con lăn bi: 250 bộ	Đài Loan	2017	80-85%
3	Xích tải (I)	Hệ	01	Xích tải Inox Φ8 - 304 x 58m Xích giữ móc Inox Φ5 - 304 x 68m	Đài Loan	2017	80-85%

4	Truyền động xích tải (I)	Hệ	2	Motor Gongji 1HP – 1/100-3Φ (Đài Loan) Truyền động dây đai 4 sợi A65 (Bando) Bộ điều khiển tốc độ Invertor ABB (Phần Lan) Tủ điều khiển từ tủ trung tâm Gối đỡ chính inox 304 Trục truyền động chính inox 304 Gối đỡ bị động inox 304 Trục bị động inox 304	Đài Loan	2017	80-85%
5	Bánh xích tải (I)	Hệ	01	Bánh xích chủ động gang: Đường kính đĩa Φ366,5: 01 bộ Bánh xích bị động nhôm: Đường kính đĩa Φ366,5: 08 bộ	Đài Loan	2017	80-85%
6	Khung treo đường ray xích tải	Hệ	01	Diện tích khung theo mặt bằng nhà máy, gồm nhiều khung ghép lại Vật liệu hình hộp inox 304 kích thước 50x100x3mm Toàn bộ khung sườn treo lên khung sườn nhà xưởng	Đài Loan	2017	80-85%
III	Máy gây ngắt	Cái	1	Công suất 1000 con/giờ Kích thước máy 1.500x600x1.850mm Nguồn điện 220V/200W Bê gây choáng bằng nhựa composite cách điện Chân bê bằng inox 304	Trung Quốc	2017	80-85%
IV	Máng hứng tiết	Cái	1	Công suất 1000 con/giờ Kích thước máy 6.000x800x850mm Vật liệu inox 304x1,5mm Ống xả tiết dưới đáy máng	Trung Quốc	2017	80-85%

V	Máy nhúng nước nóng tự động	Cái	1	Công suất 1000 con/giờ Kích thước máy 4.400x500x1.100mm Thể tích nước cần cho bể 1,5m³ Vật liệu Inox 304 Quạt sục khí 0,75kW/380V Van đóng mở nước bằng điện tử Gia nhiệt bằng điện trở Inox 316 4 điện trở 17,5kW Nhiệt độ cung cấp để nhúng 67-680C Thời gian nhúng 1,5 – 2 phút Hệ thống xả nước bằng cơ dưới đáy bể Hệ thống điều khiển trung tâm, hệ thống sensor báo nhiệt tự động Bộ chân chỉnh cao độ máy theo kích thước gà bằng cơ	Trung Quốc	2017	80-85%
VI	Máy đánh lông	Cái	1	Công suất 1.000 con/giờ Kích thước máy 2.500x1.500x1.950mm Vật liệu inox 304 Động cơ điện ABB 6x1,5kW/380V Vách máy lắp đĩa đánh lông 2 vách, inox 304 Vòng bi NSK Nhật 132 cái 6206 và 16 cái 6202 Puly truyền động đĩa đánh lông 66 cái, gang xám, sơn emosa Đĩa đánh lông có 6 lỗ lắp ngón tay cao su 66 đĩa bằng inox 304 Ngón tay cao su đánh lông dài 175mm: 396 cái làm bằng cao su tổng hợp Bộ điều chỉnh vách theo phương ngang bằng cơ Hệ thống đường ống phun nước	Trung Quốc	2017	80-85%

				inox 304x40mm Máng hứng lông 01 cái, inox 304 Thể tích nước cần 2m3/giờ			
VII	Máy rửa móc	Cái	01	Kích thước 1.400 x 500 x 500mm Động cơ Gongji 2x1/2HP (Đài Loan) Vật liệu Inox 304 + bánh cước nhựa Vòng bi 04 bộ: UC 206 inox ANB Châu Âu	Đài Loan	2017	80-85%
VIII	Băng chuyền mổ lòng						
1	Đường ray cho xích tải (II)	m	60	Chiều dài xích tải 60m Đường ray T inox 304 – 6mm: chiều dài 60m Đường ray cong 90o inox 304: 06 bộ Đường ray cong 180o inox 304: 04 bộ Đường ray chuyển cao độ inox 304: 02 bộ Bộ treo đường ray inox 304: Thanh treo Φ34x2mm	Đài Loan	2017	80-85%
2	Móc treo gà (II)	Bộ	263	Khoảng cách móc 228,6mm (7 mắt xích) Móc treo gà inox 304 : Φ7x263 cái Thanh nối móc treo inox 304: Φ7x263 cái Càng nhựa và con lăn bi: 263 bộ	Đài Loan	2017	80-85%
3	Xích tải (II)	Hệ	01	Xích tải Inox Φ8 - 304 x 60m Xích giữ móc Inox Φ5 - 304 x 70m	Đài Loan	2017	80-85%

4	Truyền động xích tải (II)	Hệ	01	Motor Gongji 1HP – 1/120-3Φ (Đài Loan) Truyền động dây đai 4 sợi A65 (Bando) Bộ điều khiển tốc độ Invertor ABB (Phần Lan) Tủ điều khiển từ tủ trung tâm Gổỉ đỡ chính inox 304 Trục truyền động chính inox 304 Gổỉ đỡ bị động inox 304 Trục bị động inox 304	Đài Loan	2017	80-85%
5	Bánh xích tải (II)	Hệ	01	Bánh xích chủ động gang: Đường kính đĩa Φ366,5: 01 bộ Bánh xích bị động nhôm: Đường kính đĩa Φ366,5: 09 bộ	Đài Loan	2017	80-85%
6	Khung treo đường ray xích tải	Hệ	01	Diện tích khung theo mặt bằng nhà máy, gồm nhiều khung ghép lại Vật liệu hình hộp inox 304 kích thước 50x100x3mm Toàn bộ khung sườn treo lên khung sườn nhà xưởng	Đài Loan	2017	80-85%
IX	Máng hứng phụ phẩm	Cái	02	Kích thước 4.500 x 780 x 800mm Vật liệu Inox 304x1,5mm	Trung Quốc	2017	80-85%
X	Bàn mổ lòng	Cái	02	Kích thước 2.000 x 600 x 900mm Vật liệu Inox 304x1,5mm Hệ thống xả nước dưới đáy bàn	Trung Quốc	2017	80-85%
XI	Bàn làm lòng	Cái	01	Kích thước 2.000 x 1.000 x 900mm Vật liệu Inox 304x1,5mm	Trung Quốc	2017	80-85%
XII	Hệ thống tháo gà tự động	Cái	01	Khung treo inox kích thước 1.000x300x730mm Vật liệu inox 304	Trung Quốc	2017	80-85%
				Bộ chỉnh cao độ bằng cơ			

XIII	Vít tải làm lạnh	Hệ	01	Kích thước 6.500 x Φ1.400 x 1600mm Vật liệu inox 304 Hệ thống xả nước dưới đáy bồn Bơm sục khí 1,5Kw/380V/3Φ Motor vít tải Gongji: giảm tốc 1/400 – 0,75Kw/380V/3Φ Vòng bi 2 bộ UC 210 Inox ANB Châu Âu Phân làm lạnh bằng nước đá xay Gà 2kg nhiệt độ đầu vào 38o, đầu ra +10o – 12o Gà 2,5kg nhiệt độ đầu vào 38o, đầu ra +15o – 17o Gà 2,5kg nhiệt độ đầu vào 38o, đầu ra +20o – 22o	Trung Quốc	2017	80-85%
XIV	Máy rửa móc	Cái	01	Kích thước 1.400 x 500 x 500mm Động cơ Gongji 2x1/2HP (Đài Loan) Vật liệu Inox 304 + bánh cước nhựa Vòng bi 04 bộ: UC 206 inox ANB Châu Âu	Đài Loan	2017	80-85%
XV	Băng chuyền treo ráo						
1	Đường ray cho xích tải (III)	m	82	Chiều dài xích tải 82m Đường ray T inox 304 – 6mm: chiều dài 82m Đường ray cong 90o inox 304: 04 bộ Đường ray cong 180o inox 304: 08 bộ Bộ treo đường ray inox 304: Thanh treo Φ34 inox 304	Đài Loan	2017	80-85%

2	Móc treo gà (III)	Hệ	360	Khoảng cách móc 228,6mm (7 mắt xích) Móc treo gà inox 304 : $\Phi 7 \times 360$ cái Thanh nối móc treo inox 304: $\Phi 7 \times 360$ cái Càng nhựa và con lăn bi: 360 bộ	Đài Loan	2017	80-85%
3	Xích tải (III)	Hệ	01	Xích tải Inox $\Phi 8 - 304 \times 82m$ Xích giữ móc Inox $\Phi 4 - 304 \times 92m$	Đài Loan	2017	80-85%
4	Truyền động xích tải (III)	Hệ	01	Motor Gongji 1HP – 1/100-3 Φ (Đài Loan) Truyền động dây đai 4 sợi A65 (Bando) Bộ điều khiển tốc độ Inverter ABB (Phân Lan) Tủ điều khiển từ tủ trung tâm Gói đỡ chính inox 304 Trục truyền động chính inox 304 Gối đỡ bị động inox 304 Trục bị động inox 304	Đài Loan	2017	80-85%
5	Bánh xích tải (III)	Hệ	01	Bánh xích chủ động gang: Đường kính đĩa $\Phi 366,5$: 01 bộ Bánh xích bị động nhôm: Đường kính đĩa $\Phi 366,5$: 11 bộ	Đài Loan	2017	80-85%
6	Khung treo đường ray xích tải	Hệ	01	Diện tích khung theo mặt bằng nhà máy, gồm nhiều khung ghép lại Vật liệu hình hộp inox 304 kích thước $50 \times 100 \times 3mm$ Toàn bộ khung sườn treo lên khung sườn nhà xưởng	Đài Loan	2017	80-85%
XVI	Bàn pha lọc	Cái	02	Kích thước $2.000 \times 10.000 \times 800mm$ Vật liệu Inox 304 x 1,5mm	Trung Quốc	2017	80-85%

XVII	Bàn thành phẩm	Cái	06	Kích thước 2.000 x 1.000 x 800mm Vật liệu Inox 304 x 1,5mm, dập lỗ 10mm	Trung Quốc	2017	80-85%
XVIII	Máy cắt gà	Bộ	02	Bàn inox 304: 1.200 x 600 x 800mm Máy cắt công suất 01 HP bonpi Italia Vật liệu Inox 304	Italia	2017	80-85%
XIX	Thùng rửa sọt	Cái	02	Kích thước 1.000 x 780 x 500 mm (1 cái) Kích thước 1.200 x 1.200 x 690mm (1 cái) Vật liệu Inox 304 x 1,5mm	Việt Nam	2017	80-85%
XX	Máy rửa móc	Cái	01	Kích thước 1.400 x 500 x 500mm Động cơ Gongji 2x1/2HP (Đài Loan) Vật liệu Inox 304 + bánh cước nhựa Vòng bi 04 bộ: UC 206 inox ANB Châu Âu	Đài Loan	2017	80-85%
XXI	Thiết bị phụ trợ kèm theo	Hệ	01	Đường ống nước cho thiết bị dây chuyền Cây móc lòng: 03 cây Cao su đánh lông: 200 cây; Càng nhựa, con lăn, móc treo gà: 10 bộ Điện trở 17,5 KW: 01 cây; Cây móc phơi 02 cây; ghế đứng thao tác inox 04 cái; xe đẩy sọt inox 04 cái; máy kéo sọt inox 06 cái; dao cắt tiết và pha lọc 06 cái, bao tay inox 03 bộ	Đài Loan	2017	80-85%
XXII	Tủ điện điều khiển trung tâm	Hệ	1	Bao gồm các thiết bị điều khiển cho toàn bộ dây chuyền CB đóng ngắt độc lập Invertor ABB (Phần Lan): xích tải Invertor ABB (Phần Lan): máy đánh lông	Phần Lan	2017	80-85%

				Vật liệu tủ thép sơn tĩnh điện Các nút điều khiển trên tủ Tủ được nối tiếp đất với hệ thống chống giật			
XXIII	Máy phát điện dự phòng	Cái	01	Công suất 1.500kVA	Đài Loan	2017	85-90%

2) Nhu cầu sử dụng nguyên, nhiên, vật liệu

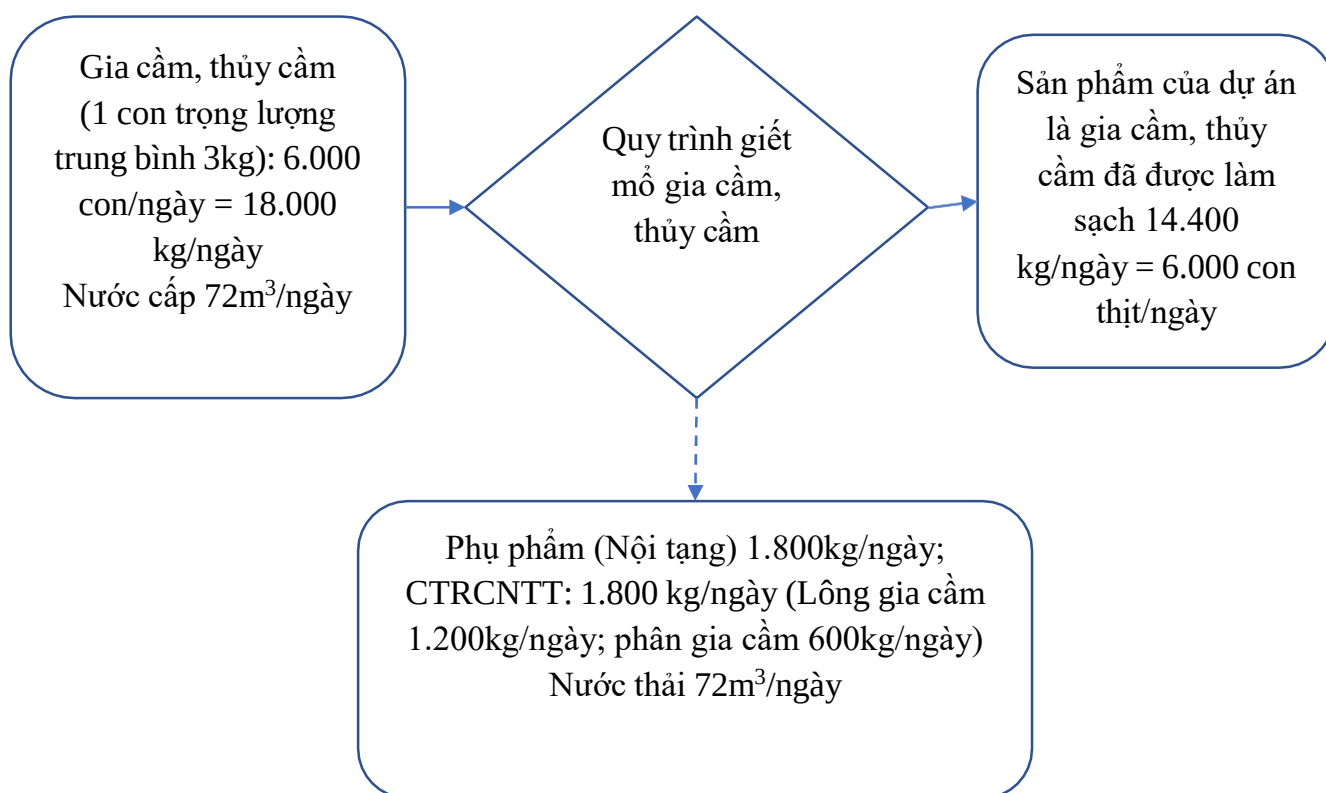
Nhu cầu nguyên vật, nhiên liệu sử dụng cho hoạt động của cơ sở được trình bày chi tiết dưới đây:

Bảng 7. Nhu cầu sử dụng nguyên, nhiên liệu của dự án

STT	Nguyên, nhiên, vật liệu	Đơn vị	Số lượng	Nguồn cung cấp
1	Gia cầm, thủy cầm	Con/ngày	6.000	Việt Nam
2	Dầu DO	Lít/Năm	500	Việt Nam

Nguồn: Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân

– Tỷ lệ hao hụt sau khi giết mổ gia cầm, thủy cầm là 20%. Nghĩa là 1kg gà lông còn 0,8kg gà thịt.



Hình 3. Sơ đồ cân bằng vật chất quy trình giết mổ gia cầm, thủy cầm

Bảng 8. Tổng hợp số liệu nguyên vật liệu, thành phẩm chất thải trong quá trình sản xuất thực tế

TT	Tháng	Số ngày hoạt động	Nguyên liệu		Thành phẩm và chất thải phát sinh (Kg/tháng)			
			(Con /tháng)	(Con/ngày)	Gà thành phẩm (Con/tháng)	Nội tạng	Phân	Lông

1	Tháng 02/2022	28	113.403	4.050	113.403	34.020	11.300	22.650
2	Tháng 03/2022	31	144.915	4.674	144.915	43.450	14.000	28.950
3	Tháng 04/2022	30	111.675	3.722	111.675	33.500	11.100	22.300
4	Tháng 05/2022	31	155.913	5.029	155.913	46.750	15.500	31.000
5	Tháng 06/2022	30	125.296	4.176	125.296	37.500	12.400	25.000
6	Tháng 07/2022	31	161.403	5.206	161.403	48.000	16.000	32.200
7	Tháng 08/2022	31	163.542	5.275	163.542	48.900	16.300	32.500
8	Tháng 09/2022	30	158.786	5.292	158.786	47.250	15.420	31.600
9	Tháng 10/2022	31	150.844	4.865	150.844	43.500	15.000	30.000
10	Tháng 11/2022	30	168.206	5.606	168.206	50.250	16.820	33.400
11	Tháng 12/2022	31	160.327	5.171	160.327	47.790	16.032	32.000
Trung bình			146.755	4.824	146.755	146.755	14.534	29.236

3) Nhu cầu sử dụng hóa chất

Nhu cầu sử dụng hóa chất của cơ sở trong quá trình hoạt động được trình bày chi tiết dưới đây:

Bảng 9. Nhu cầu sử dụng hóa chất của dự án

STT	Tên hóa chất	Nhu cầu sử dụng thực tế (Kg/năm)				Mục đích sử dụng	Nguồn cung cấp
		2020	2021	2022	Trung bình		
I	Hóa chất phục vụ sản xuất						
1	Chloramine B	145	85	130	120	Khử trùng trong quá trình nhập gia cầm, thủy cầm	Việt Nam
2	Chế phẩm sinh học khử mùi	175	95	180	150	Khử mùi các	Việt Nam

						khu vực giết mổ	
3	Khí ozone	11.750	8.700	11.050	10.500	Làm sạch và khử khuẩn cầm, gia cầm, thủy	Việt Nam
II	Hóa chất trong xử lý nước thải						
1	Chlorine	305	295	300	300	Khử trùng	Việt Nam

Nguồn: Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân

4) Nguồn cung cấp điện

❖ Nguồn cung cấp điện

Nguồn điện Công ty sử dụng được lấy từ mạng lưới cung cấp điện của khu vực do Tổng Công ty Điện lực Miền Nam – Công ty Điện lực Tây Ninh – Điện lực Dương Minh Châu cung cấp.

❖ Nhu cầu sử dụng điện

Hiện tại, nhu cầu sử dụng điện cho hoạt động của cơ sở trung bình khoảng 77.291kWh/tháng để phục vụ cho hoạt động sản xuất, chiếu sáng, sinh hoạt,...

Nhu cầu sử dụng điện hiện tại cơ sở được ước tính trung bình từ 77.291 kW/tháng.

Ngoài ra, dự án còn trang bị 01 máy phát điện dự phòng với công suất 1.500kVA để dự phòng trong trường hợp có sự cố mất điện, máy phát điện sử dụng nhiên liệu là dầu DO.

5) Nguồn cung cấp nước

❖ Nguồn cung cấp nước

Nguồn nước cung cấp của cơ sở được lấy từ nguồn nước dưới đất tại 02 giếng khoan trong khuôn viên cơ sở với tổng lưu lượng khai thác tối đa là 200 m³/ngày đêm.

Cơ sở đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh cấp Giấy phép khai thác nước dưới đất (Gia hạn, điều chỉnh lần 2) số 4121/GP-STNMT ngày 10/7/2024 với các thông tin cụ thể như sau:

- + Số giếng khai thác: 02 giếng.
- + Lưu lượng khai thác: 80,4m³/ngày.
- + Số ngày khai thác: 306 ngày/năm.
- + Thời hạn khai thác: 03 năm kể từ ngày cấp phép.

Theo số liệu thống kê thực tế tại cơ sở, nhu cầu sử dụng nước và lưu lượng nước thải trong quá trình hoạt động của cơ sở được trình bày trong các bảng dưới

đây:

Bảng 10. Khối lượng sử dụng nước thực tế tại dự án

STT	Tháng	Nhu cầu sử dụng		Số ngày làm việc trung bình
		(m ³ /tháng)	(m ³ /ngày)	
1	Tháng 01/2022	1.833	59,13	31
2	Tháng 02/2022	1.649	58,89	28
3	Tháng 03/2022	1.826	58,9	31
4	Tháng 04/2022	2.176	72,53	30
5	Tháng 05/2022	1.758	56,7	31
6	Tháng 06/2022	1.776	59,2	30
7	Tháng 07/2022	1.774	57,23	31
8	Tháng 08/2022	1.849	59,65	31
9	Tháng 09/2022	1.685	56,17	30
10	Tháng 10/2022	1.744	56,26	31
11	Tháng 11/2022	1.736	57,86	30
12	Tháng 12/2022	1.803	58,16	31
13	Tháng 02/2023	1.579	56,39	28
Lưu lượng nước cấp trung bình		1.738	60	

Nguồn: Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân

Bảng 11. Lưu lượng nước thải thực tế của dự án

STT	Tháng	Lưu lượng nước thải		Số ngày làm việc
		(m ³ /tháng)	(m ³ /ngày)	
1	Tháng 01/2022	1.698	54,77	31
2	Tháng 02/2022	1.529	54,6	28
3	Tháng 03/2022	1.823	58,8	31
4	Tháng 04/2022	1.928	64,27	30
5	Tháng 05/2022	1.644	53,03	31
6	Tháng 06/2022	1.686	56,2	30
7	Tháng 07/2022	1.692	54,58	31
8	Tháng 08/2022	1.766	56,97	31
9	Tháng 09/2022	1.628	54,27	30
10	Tháng 10/2022	1.685	54,35	31
11	Tháng 11/2022	1.736	57,86	30

12	Tháng 12/2022	1.739	56,10	31
13	Tháng 02/2023	1.518	54,21	28
Lưu lượng nước thải trung bình		1.698	56,00	

Nhu cầu sử dụng nước của cơ sở được trình bày chi tiết trong bảng dưới đây:

Bảng 12. Bảng cân bằng sử dụng nước của dự án

Mục đích sử dụng nước	Lưu lượng nước cấp (m³/ ngày)	
	Tối đa	Trung bình
Sinh hoạt của công nhân viên	6,4	6,0
Nước phục vụ cho hoạt động giết mổ	72	52
Nước cấp cho hoạt động nấu ăn tại khu nhà ăn	2	2
Tổng nhu cầu sử dụng nước thường xuyên (Không bao gồm nước tưới cây, PCCC)	80,4	60

Nguồn: Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân

Nhu cầu sử dụng nước của cơ sở được ước tính như sau:

Nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt của công nhân

Nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt tại cơ sở tính toán trung bình với định mức 80 lít/người.ngày (Theo QCVN 01:2021/BXD). Tổng nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt: 80 người x 80 lít/người.ngày = 6.400 lít/ngày = 6,4m³/ ngày.đêm. Nước thải tương đương 100% nước cấp tương ứng 6,4m³/ngày.

+ Nước cấp cho hoạt động giết mổ gia cầm, thủy cầm: Theo thống kê thực tế tại cơ sở, nhu cầu dùng nước trung bình cho 1 tấn sản phẩm là khoảng 5m³ nước. Tổng lượng sản phẩm tối đa của cơ sở là 6.000 con/ngày (01 con trung bình ra 2,4kg thành phẩm tương đương 14,4 tấn sản phẩm/ngày); lượng nước cấp sử dụng cho hoạt động giết mổ tại thời điểm lớn nhất ứng với công suất khoảng 6.000 con/ngày tối đa khoảng 72m³/ngày. Theo số liệu thống kê từ năm 2021 đến nay, trung bình mỗi ngày cơ sở giết mổ khoảng 4.500 đến 6.000 con, tương ứng với lượng nước thực tế sử dụng 52m³ đến 72m³/ngày.

+ Nhu cầu nước cấp cho hoạt động nấu ăn: Lượng nước sử dụng phục vụ cho bếp ăn của cơ sở được tính toán theo TCVN 4513 : 1988 (Cấp nước bên trong – Tiêu chuẩn thiết kế). Định mức nước cấp sử dụng cho một suất ăn tương đương 18 đến 25 lít/ngày. Báo cáo chọn định mức cho mỗi suất ăn tối đa tương đương 25 lít/ngày. Vậy lượng nước cấp sử dụng cho hoạt động này tương đương:

$Q_{\text{nấu ăn}} = 25 \text{ lít/suất ăn} \times 01 \text{ người/suất ăn.ngày} \times 80 \text{ người/ngày} = 2000 \text{ lít/ngày} = 2 \text{ m}^3/\text{ngày}.$

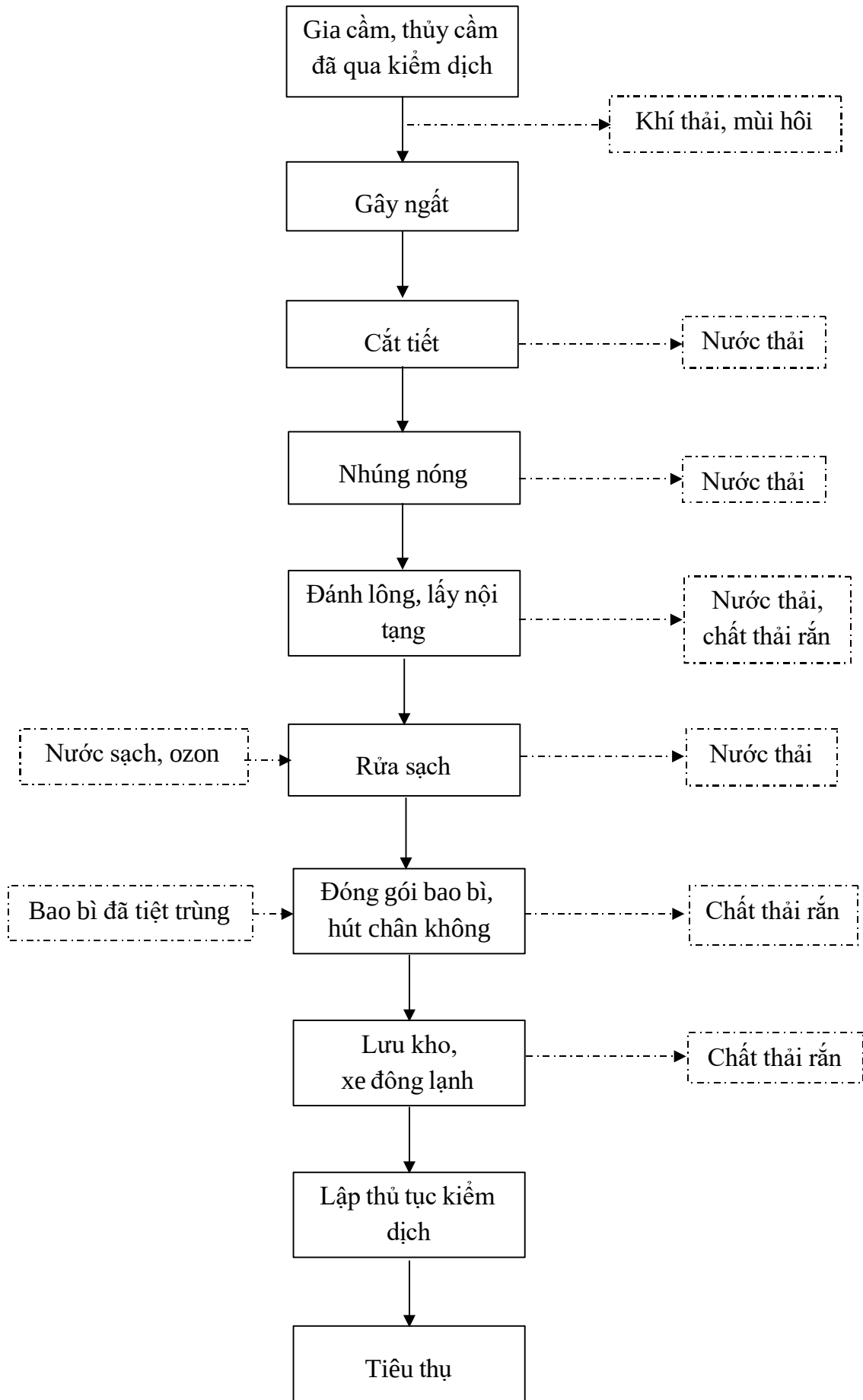
Tổng lưu lượng nước cấp của cơ sở tối đa khoảng 80m³/ngày. Trung bình khoảng 60m³/ngày.

1.3. Sản phẩm của dự án

Sản phẩm đầu ra của dự án là thịt gia súc, gia cầm và thủy cầm.

1.4. Công nghệ sản xuất, vận hành

Quy trình hoạt động sản xuất của dự án như sau:



Hình 4. Sơ đồ quy trình công nghệ giết mổ gia cầm và thủy cầm

▪ **Thuyết minh quy trình công nghệ:**

Nguyên liệu của quá trình sản xuất là gia cầm và thủy cầm đã qua kiểm dịch được nhập về cơ sở và được đưa vào quy trình giết mổ trong ngày. Cơ sở không tổ chức lưu trữ gia cầm, thủy cầm.

Gia cầm và thủy cầm nhập về trong ngày được chuyển sang xưởng giết mổ. Tại xưởng giết mổ, gia cầm và thủy cầm được giết mổ theo công nghệ sạch và khép kín.

Trước tiên, gia cầm và thủy cầm được gây ngất bằng dòng điện vừa đủ để gây mê mà không ảnh hưởng đến chất lượng thịt. Sau khi gây mê gia cầm và thủy cầm, công nhân sẽ tiến hành cắt tiết và chứa tiết trong máng hứng tiết. Sau khi được lấy hết tiết, gia cầm và thủy cầm được đưa qua máy nhúng nước nóng tự động hoạt động bằng điện ở nhiệt độ khoảng 67 - 68°C để dễ lấy lông mà không làm rách da của động vật khi qua máy đánh lông, thời gian nhúng tại máy nhúng nước nóng là 1,5 đến 2 phút. Nước nhúng gia cầm, thủy cầm sau một thời gian thì nồng độ chất bẩn tăng lên thì sẽ được xả bỏ để thay vào nước mới. Gia cầm và thủy cầm tiếp tục được chuyển sang máy đánh lông tự động để làm sạch lông, máy đánh lông có khả năng làm sạch lông trên gia cầm và thủy cầm khoảng 90%, phần lông còn lại sẽ được công nhân nhổ bằng thủ công (cơ sở không sử dụng sáo trong quá trình đánh lông), tại công đoạn này sẽ phát sinh chất thải là lông và được chứa trong các sọt sau đó sẽ thu gom bán cho đơn vị chức năng cần thu mua, lông gia cầm và thủy cầm có thể dùng cho ngành may mặc. Suốt quá trình trên, gia cầm và thủy cầm được vận chuyển bằng hệ thống băng chuyền treo (Cụm truyền động I).

Sau quá trình đánh lông, gia cầm và thủy cầm được chuyển qua bàn mổ để tách nội tạng ra khỏi gia cầm và thủy cầm, một số bộ phận nội tạng của gia cầm và thủy cầm có thể làm thực phẩm hoặc dùng làm thức ăn cho gia súc, phần nội tạng làm phụ phẩm sẽ được sơ chế và rửa sạch trước khi xuất hàng phụ phẩm, công đoạn này được thực hiện thủ công. Sau đó gia cầm và thủy cầm được chuyển qua bồn rửa nước lạnh, hỗn hợp nước muối và khí ozone để làm sạch và khử trùng trước khi chuyển sang đóng gói. Trong quá trình sản xuất trên, gia cầm được vận chuyển trong 2 cụm truyền động II và III.

Trước khi đóng gói gia cầm và thủy cầm được treo trên xích tải truyền động (Cụm truyền động IV) dài 100m để làm ráo. Sau đó sẽ được đưa vào phòng đóng gói sản phẩm và xuất bán trong ngày. Trong trường hợp khối lượng sản phẩm chưa kịp xuất bán kịp thời trong ngày, Công ty sẽ tạm thời lưu trữ sản phẩm trong phòng đông lạnh.

1.5. Biện pháp tổ chức thi công, công nghệ thi công lắp ráp dây chuyền giết mổ của dự án.

1) Biện pháp tổ chức thi công:

- Tổ chức bộ máy quản lý công trường.
- Xác định vị trí định vị các hạng mục công trình theo hồ sơ thiết kế thi công do đơn vị tư vấn lập.

- Tổ chức tổng mặt bằng thi công sao cho thật hợp lý
- Bố trí các kho, bãi để vật tư, thiết bị phục vụ thi công tại chỗ,

2) Công nghệ thi công lắp ráp dây chuyền giết mổ của dự án:

Biện pháp thi công lắp đặt máy móc, thiết bị:

- + Vận chuyển máy móc, thiết bị từ nơi cung cấp về dự án bằng xe tải và các xe chuyên dụng.
- + Các máy móc, thiết bị có trọng lượng lớn hoặc vị trí trên cao sẽ có sự hỗ trợ lắp đặt của xe cẩu.
- + Các thiết bị, máy móc đơn giản lắp đặt thủ công.

1.6. Tiến độ, tổng mức đầu tư, tổ chức quản lý và thực hiện dự án

1.6.1. Tiến độ dự án

- Giai đoạn 1: Công suất giết mổ gia cầm và thủy cầm: 6.000 con/ngày: Đã hoàn thành đưa vào hoạt động ổn định.
- Giai đoạn 2: Nâng công suất giết mổ gia cầm và thủy cầm từ 6.000 con/ngày lên 24.000 con/ngày.
 - + Tiến độ xây dựng cơ bản: Từ quý 4/2024 đến quý 4/2025.
 - + Tiến độ hoàn thành dự án đưa vào sử dụng/hoạt động: Trong quý 4/2025.
- Giai đoạn 3: Thực hiện dây chuyền giết mổ heo công suất 600 con/ngày.
 - + Tiến độ xây dựng cơ bản: Từ quý 4/2025 đến quý 4/2026.
 - + Tiến độ hoàn thành dự án đưa vào sử dụng/hoạt động: Trong quý 4/2026.

1.6.2. Vốn đầu tư

1) Tổng vốn đầu tư

Tổng vốn: 48.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn mươi tám tỷ đồng), cụ thể:

Bảng 13. Tổng vốn đầu tư của dự án

TT	Hạng mục	Thành tiền
1	Chi phí xây dựng (bao gồm công trình BVMT)	30.000.000.000
2	Chi phí thiết bị (bao gồm thiết bị xử lý MT)	10.000.000.000
3	Chi phí quản lý dự án	500.000.000
4	Chi phí tư vấn ĐTXD	500.000.000
5	Chi phí khác	1.000.000.000
6	Chi phí dự phòng	6.000.000.000
Tổng mức đầu tư		48.000.000.000

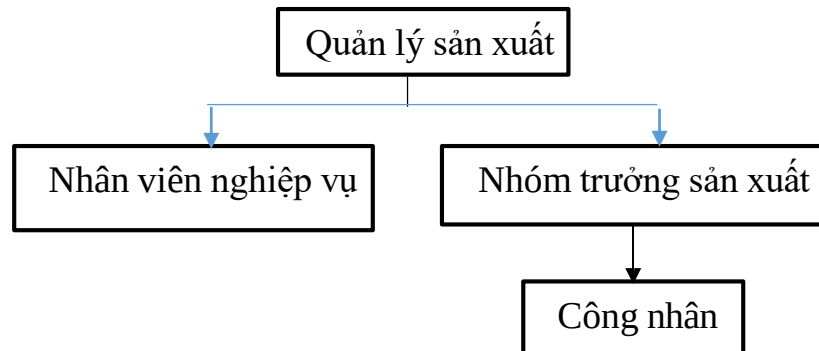
Nguồn: Thuyết minh dự án đầu tư

2) Nguồn vốn:

- Vốn góp của nhà đầu tư: 100%.
- Vốn vay ngân hàng thương mại: Không có.

1.6.3. Tổ chức quản lý và thực hiện dự án

- Giai đoạn lắp ráp dây chuyền giết mổ:
 - + Nhu cầu nhân lực: 10 người.
 - + Cơ cấu tổ chức: Chủ Dự án hợp đồng thuê nhà thầu thi công toàn bộ các hạng mục công trình của Dự án.
 - + Tổ chức ăn ở, sinh hoạt của công nhân: Bố trí nhà tạm để công nhân lưu trú tại dự án. Tổ chức bếp ăn tập trung tại công trường đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.
- Giai đoạn hoạt động: Cơ cấu tổ chức quản lý, sản xuất của Cơ sở được minh họa trong hình sau:



Hình 5. Sơ đồ tổ chức quản lý dự án

1.6.4. Nhu cầu lao động

Tổng nhu cầu lao động của cơ sở tối đa khoảng 80 người, trong đó có khoảng 65 công nhân và 15 cán bộ văn phòng.

Thời gian làm việc trung bình: 300 ngày/năm.

+ Số ca làm việc mỗi ngày: 01 ca, 08 giờ làm việc/01 ca.

CHƯƠNG II.

ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG KHU VỰC THỰC HIỆN DỰ ÁN

2.1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội

2.1.1. Điều kiện tự nhiên

2.1.1.1. Vị trí địa lý

Huyện Dương Minh Châu nằm ở phía Đông Nam tỉnh Tây Ninh, trong khoảng $106^{\circ}08' \div 106^{\circ}26'$, kinh độ Đông và $11^{\circ}11' \div 11^{\circ}33'$, vĩ độ Bắc

Ranh giới được xác định như sau:

- Phía Bắc giáp huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.
- Phía Đông giáp huyện Dầu Tiếng tỉnh Bình Dương, huyện Bình Long, tỉnh Bình Phước.
- Phía Nam giáp huyện Gò Dầu.
- Phía Đông Nam giáp thị xã Trảng Bàng.
- Phía Tây giáp thị xã Tây Ninh.
- Phía Nam giáp thị xã Hòa Thành.

Các đơn vị hành chính tỉnh Tây Ninh (gồm 10 xã và 01 thị trấn): Xã Phan, Suối Đá, Chà Là, Cầu Khởi, Truong Mít, Lộc Ninh, Phước Ninh, Phước Minh, Bến Củi, Bàu Năng và thị trấn Dương Minh Châu.

Huyện Dương Minh Châu nằm ở trung tâm tỉnh Tây Ninh, gần thị xã Tây Ninh, lại có ranh giới với tỉnh bạn Bình Dương. Với hệ thống giao thông khá thuận lợi, tạo mối quan hệ giữa huyện với các huyện và tỉnh trong vùng. Huyện có hồ Dầu Tiếng nổi tiếng nhất vùng Đông Nam Bộ, là điều kiện thuận lợi cho các ngành thủy sản, giao thông, du lịch,... Tuy nhiên, huyện có vị trí xa các trung tâm kinh tế lớn như thành phố Hồ Chí Minh, do vậy ít có cơ hội được hưởng sức lan tỏa của các trung tâm phát triển đó.

2.1.1.2. Địa hình, địa chất

Nhìn chung Dương Minh Châu có địa hình bằng phẳng, trên nền trầm tích phù sa cổ (Pleistocen), rất thuận lợi cho việc bố trí sử dụng các loại đất.

Hình thể huyện chạy dài theo hướng Bắc Nam, chiều dài 31km từ cực Đông sang cực Tây chiều rộng tới 25km, nằm trên vùng đất cao của đồng bằng Nam Bộ, các dạng địa hình của huyện:

- Địa hình đồi lượn sóng: phân bố ở các xã Suối Đá, Phan, Phước Ninh.
- Địa hình đồi bằng: phân bố ở hầu hết các xã, thị trấn của huyện.
- Địa hình sườn đồi: phân bố ở các xã Suối Đá, Cầu Khởi, Phước Ninh, Phước Minh, Bến Củi, Lộc Ninh.

- Địa hình bằng: phân bố ở các xã.
- Sông, hồ, mặt nước: có diện tích 13.643,98ha.

Ngoài ra, Dương Minh Châu còn có diện tích ngập nước ở hồ Dầu Tiếng, diện tích này thay đổi theo mùa, phần diện tích ngập theo mùa khá lớn.

2.1.1.3. Điều kiện về khí hậu, khí tượng

Dương Minh Châu mang đặc điểm chung của vùng Đông Nam Bộ là khí hậu nhiệt đới gió mùa, nền nhiệt độ cao quanh năm, có hai mùa: mùa mưa và mùa khô trái ngược nhau, không có gió bão và mùa đông lạnh. Nhiệt độ bình quân từ $26 \div 27^{\circ}\text{C}$, nhiệt độ tối cao trung bình 32°C vào tháng 3, 4, nhiệt độ tối thấp trung bình 23°C vào tháng 1. Tổng tích ôn tương đối cao ($9000 \div 9700^{\circ}$) và phân bố tương đối đều theo mùa vụ thuận lợi cho việc trồng trọt quanh năm. Đây là điều kiện thuận lợi cho việc phát triển các trồng nhiệt đới.

Lượng mưa trên địa bàn huyện tương đối lớn từ $1900 \div 2000\text{mm/năm}$, phân bố theo mùa nên đã chi phối mạnh mẽ nền sản xuất nông nghiệp.

Mùa khô kéo dài trong 6 tháng từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau, lượng mưa rất thấp chỉ chiếm khoảng $10 \div 15\%$ lượng mưa cả năm. Trong khi đó lượng bốc hơi rất cao, chiếm $64 \div 67\%$ tổng lượng bốc hơi cả năm.

Mùa mưa kéo dài trong 6 tháng từ tháng 5 đến tháng 10, mưa rất tập trung, lượng mưa 6 tháng mùa mưa chiếm 90% tổng lượng mưa cả năm. Lượng bốc hơi và nền nhiệt độ thấp hơn mùa khô.

2.1.1.4. Điều kiện thủy văn

Hệ thống sông rạch tự nhiên tương đối ít, chủ yếu là những con sông, suối nhỏ đổ vào hồ Dầu Tiếng, trong đó lớn nhất là sông Sài Gòn, sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện hoàn toàn dựa vào hệ thống kênh đào dẫn nước tưới tiêu từ hồ Dầu Tiếng.

Hồ nước Dầu Tiếng diện tích 27.000ha, dung tích $1,58 \text{ tỷ m}^3$ nước, với $3/4$ diện tích hồ thuộc địa phận tỉnh Tây Ninh, còn lại thuộc địa phận tỉnh Bình Dương và Bình Phước, hồ Dầu Tiếng với hệ thống kênh hoàn chỉnh đủ đảm bảo phục vụ nước cho công nghiệp, nông nghiệp, sinh hoạt và cải thiện môi trường cho tỉnh và một số tỉnh lân cận. Bao gồm các kênh như:

Kênh chính Đông với chiều dài 45 km, chảy qua các xã Phước Minh, Bến Củi, lộ Ninh, Truong Mít.

Kênh chính Tây với chiều dài 39km chảy qua thị trấn DMC, Xã Suối Đá, Phước Ninh, Chà Là, Cầu Khởi, Bàu Năng.

Kênh Tân Hưng có độ dài 29km nằm phía Bắc xã Suối Đá

Kênh cấp 1 có 16 tuyến, tổng độ dài 54km

Kênh cấp 2 có 66 tuyến, tổng độ dài 97km

Kênh cấp 3 có 78 tuyến, tổng độ dài 55km

Kênh cấp 4 có 10 tuyến, tổng độ dài 8,5km

2.1.2. Hệ thống thủy lợi của huyện cơ bản đáp ứng được yêu cầu cung cấp nước cho sản xuất trên địa bàn. Điều kiện kinh tế - xã hội

2.1.2.1. Điều kiện kinh tế

a. Nông nghiệp

- Tổng diện tích gieo trồng cây hàng năm là 28.618 ha, đạt 100% kế hoạch, so cùng kỳ đạt 101,4%, (Một số cây trồng chính: Lúa: 8.810 ha, mì 9.647 ha, rau các loại 4.018 ha; các loại cây trồng nhỏ, lẻ khác: 6.143 ha). Tổ chức 12 lớp tập huấn phòng trừ dịch hại trên cây trồng (lúa, khoai mì) trên địa bàn các xã, thị trấn. Công tác chuyển dịch cơ cấu cây trồng theo hướng khai thác lợi thế tiềm năng của từng vùng, sản xuất gắn thị trường tiêu thụ sản phẩm từng bước chuyển biến tích cực gắn với thực hiện chương trình đảm bảo an ninh lương thực, trong đó diện tích đất lúa được giữ ổn định (6.131,02 ha).

- Chăn nuôi - thú y: Ngành chăn nuôi trên địa bàn ổn định, loại hình chăn nuôi gia công trong phương thức chăn nuôi quy mô trang trại ngày càng phát triển. Tỷ lệ chăn nuôi quy mô lớn và quy mô vừa so với tổng đàn: đàn heo đạt 73.59%, đàn trâu, bò đạt 14.27%, đàn gia cầm đạt 88,84%; còn lại là chăn nuôi quy mô nhỏ và chăn nuôi nông hộ. Thực hiện tốt công tác phòng, chống dịch bệnh trên gia súc, gia cầm, không xảy ra dịch bệnh trên gia súc, gia cầm.

- Khuyến nông: Thường xuyên kiểm tra đồng ruộng, theo dõi diễn biến tình hình dịch bệnh trên cây trồng, chủ động giúp nông dân phòng trị các bệnh gây hại cho cây trồng, vật nuôi. Kiểm tra, nghiệm thu tiến độ thực hiện 05 mô hình khuyến nông trên địa bàn huyện với diện tích 4,1 ha tại 03 xã Suối Đá, Phước Ninh, Chà Lài. Kết quả: các mô hình được thực hiện đúng tiến độ.

b. Lâm nghiệp

Tỷ lệ che phủ rừng (không tính cây cao su) đạt 1,87%. Triển khai thực hiện kế hoạch trồng cây phân tán năm 2025, kết quả đã tổ chức trồng 18.000 cây (sao, dầu và keo).

c) Công nghiệp - xây dựng, quy hoạch

- Kinh tế tập thể: huyện có 18 hợp tác xã, gồm 15 hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp, 02 hợp tác xã dịch vụ và 01 hợp tác xã Quỹ tín dụng nhân dân, với 206 thành viên, tổng số lao động làm việc thường xuyên 206 lao động.

- Cấp giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ tại đô thị: 15 công trình; nhà ở riêng lẻ tại nông thôn 08 công trình và 04 công trình khác. Triển khai thực hiện lập quy hoạch chung Thị trấn và hướng dẫn các xã Bến Củi, Cầu Khởi, Chà Lài, Lộc Ninh, Phước Minh, Phước Ninh, Suối Đá, Truong Mít thực hiện các bước lập quy hoạch nông thôn theo đúng quy định.

- Xây dựng và lấy ý kiến các ngành chức năng về đồ án Quy hoạch chi tiết 1/500 Khu ở phát triển mới phía Bắc công viên trung tâm thị trấn Dương Minh Châu.

- Cấp mới, thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh hộ cá thể cho 754 giấy, tổng vốn đăng ký 366.700 triệu đồng; chấm dứt hoạt động kinh doanh 32 hộ.

- Thường xuyên kiểm tra, kiểm soát việc kinh doanh, niêm yết giá và bán theo giá niêm yết của các cơ sở kinh doanh, chủ động nắm tình hình biến động giá cả thị trường. Hàng hóa đa dạng, phong phú, thị trường ổn định, không có hiện tượng mất cân đối cung, cầu trên địa bàn.

2.1.2.2. Văn hóa – xã hội

a) Văn hóa và Thông tin

- Thực hiện tốt công tác tuyên truyền nhiệm vụ, các sự kiện chính trị tại địa phương; tổ chức các hoạt động văn hóa, thể dục thể thao phục vụ nhu cầu của người dân.

- Tổ chức phát sóng trên hệ thống truyền thanh được 968 giờ 05 phút, biên tập được 263 chương trình thời sự, 1.810 tin, 255 bài. Thực hiện 87 chuyên mục tuyên truyền và giới thiệu gương điển hình trong việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, an ninh trật tự, phổ biến pháp luật.

- Không xảy ra bạo lực gia đình trên địa bàn. Tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Gia đình Việt Nam 28/6 thiết thực, ý nghĩa.

- Tạo điều kiện hỗ trợ Liên đoàn du lữ thể thao Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức sự kiện bay du lữ chào mừng ngày Giải phóng miền Nam thống nhất đất nước và tổ chức Lễ ra mắt Liên đoàn du lữ, điều bay thể thao tỉnh Tây Ninh lần thứ I (2022-2026) tại ngã ba Bờ Hồ, thu hút được sự quan tâm của đông đảo người dân địa phương và khách tham quan.

- Đã tổ chức được các giải thi đấu thể thao lớn như: Giải bóng chuyền, giải bóng đá cup Taniland, giải Cầu lông, giải Taekwondo, giải bơi lội mở rộng lần thứ nhất,... thu hút được đông đảo vận động viên tham gia.

b) Giáo dục

Tiểu học: học sinh hoàn thành chương trình lớp học đạt 98,2%, 100% học sinh hoàn thành chương trình tiểu học; Trung học cơ sở: học sinh có học lực trung bình trở lên đạt 96,8%; Trung học phổ thông: học sinh có học lực trung bình trở lên đạt 99%; tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THPT đạt 98,94%.

- Tỷ lệ học sinh bỏ học các cấp: Tiểu học 40 em, tỷ lệ 0,4%; THCS: 15, tỷ lệ 0,2%.

- Tổ chức khai giảng năm học mới vui tươi, ý nghĩa và đảm bảo an toàn.

- Tổ chức huy động học sinh ra lớp đạt: Mầm non, Mẫu giáo 3.671/118 nhóm, lớp; Tiểu học 9.903/335 lớp; THCS 6.480/167 lớp; THPT 2.638/63 lớp.

- Tổng số cán bộ, giáo viên và nhân viên ngành giáo dục được 1.267/1.374 biên chế giao, rà soát và ban hành kế hoạch tuyển dụng giáo viên theo quy định.

c) Công tác Y tế

- Thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân, khám, chữa bệnh tây y được 80.056 lượt, giảm 17.876 lượt so với cùng kỳ; đông y 19.576 lượt, giảm 9.872 lượt so với cùng kỳ; khám chữa bệnh miễn phí cho người nghèo, hoàn cảnh khó khăn 3.834 lượt, trị giá hơn 99,6 triệu đồng.

- Thực hiện tốt các chương trình mục tiêu y tế và phòng, chống dịch bệnh, trẻ dưới 1 tuổi được tiêm chủng đủ 7 loại vắc xin đạt 77% chỉ tiêu tỉnh giao; phụ nữ có thai được tiêm ngừa uốn ván đạt 96% chỉ tiêu tỉnh giao.

- Tổ chức kiểm soát tốt dịch sốt xuất huyết, không để phát sinh thành ổ dịch, tổng số phát hiện 1.450 trường hợp, tăng 1.341 trường hợp so với cùng kỳ.

- Tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ dưới 5 tuổi thấp còn ước còn 13,35%, đạt 100% kế hoạch (*NQ dưới 13,51%*)

- Duy trì 5,2 bác sĩ/vạn dân, đạt 100% kế hoạch (*NQ 5,2*); 5,4 giường bệnh/vạn dân, đạt 100% kế hoạch (*NQ 5,4*).

2.1.3. Đánh giá sự phù hợp của địa điểm lựa chọn thực hiện dự án với đặc điểm kinh tế - xã hội khu vực dự án

Dự án Lò mổ gia súc, gia cầm và thủy cầm Thanh Bảo Hân của Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân được đầu tư xây dựng trên thửa đất đất 483, 484 tờ bản đồ số 12, ấp Ninh Bình, xã Bàu Năng, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Khoảng cách từ cơ sở đến Khu dân cư tập trung gần nhất là 500m về hướng Đông Bắc và hướng Đông Nam, cách khu dân cư tập trung về hướng Tây Nam khoảng 510m.

- Cách cơ sở khoảng 1,9km về hướng Tây Nam là chợ Bàu Năng, cách trường học gần nhất (Trường Tiểu học Bàu Năng B thuộc ấp Ninh Bình, xã Bàu Năng) khoảng 980m về hướng Tây Nam; cách Trường THCS Bàu Năng khoảng 1,2km về hướng Tây Nam, cách Trường Tiểu học Bàu Năng A thuộc ấp Ninh Hiệp, xã Bàu Năng khoảng 2,08 km về hướng Tây Nam; cách cơ sở y tế gần nhất (Trạm y tế xã Bàu Năng) khoảng 1,8km về hướng Tây Nam; cơ sở cách Quốc lộ 22B khoảng 7,2 km về hướng Tây và Tây Nam.

- Tiếp giáp dự án về hướng Tây là kênh thoát nước, cách dự án khoảng 70 đến 90 m về hướng Nam là suối Cầu Vườn Điều, kênh thoát nước trên và suối cầu Vườn Điều là nguồn tiếp nhận nước mưa, nước thải của cơ sở, có mục đích sử dụng chủ yếu là tưới tiêu, thoát nước, không sử dụng cho mục đích sinh hoạt. Khoảng cách từ cơ sở đến Kênh Tây khoảng 20m, hiện nay mục đích sử dụng kênh Tây chủ yếu phục vụ cho hoạt động tưới tiêu, không sử dụng cho mục đích sinh hoạt.

- Trong phạm vi bán kính 500m không có đường quốc lộ, sông, suối, nguồn nước sử dụng cho mục đích cấp sinh hoạt. Trong phạm vi bán kính 01 km không có trại chăn nuôi, chợ buôn bán gia súc, gia cầm và các nguồn gây ô nhiễm như bãi rác, nghĩa trang, nhà máy thải bụi và hóa chất độc hại.

Do đó vị trí triển khai của lò mổ hoàn toàn phù hợp với các quy định tại QCVN 01 - 150:2017/BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia yêu cầu vệ sinh thú y đối với cơ sở giết mổ động vật tập trung.

2.2. Hiện trạng môi trường và đa dạng sinh học khu vực thực hiện dự án

2.2.1. Hiện trạng các thành phần môi trường đất, nước mặt, nước ngầm,

không khí khu vực thực hiện dự án

Để đánh giá sự phù hợp của vị trí dự án với đặc điểm môi trường tự nhiên của khu vực dự án; Chủ dự án phối hợp với đơn vị lấy mẫu tiến hành đo đạc, lấy mẫu và phân tích các thành phần môi trường tự nhiên khu vực dự án trong 03 đợt

- Đợt 1: ngày 20/03/2025 (Không khí, nước dưới đất, nước mặt, đất)
- Đợt 2: ngày 21/03/2025 (Nước mặt)
- Đợt 3: ngày 22/03/2025 (Nước mặt)

a) Hiện trạng chất lượng môi trường không khí và tiếng ồn

Vị trí lấy mẫu chất lượng không khí và tiếng ồn được mô tả tại bảng dưới và được thể hiện trong sơ đồ vị trí lấy mẫu hiện trạng tại phần phụ lục

Bảng 14: Vị trí lấy mẫu môi trường không khí và tiếng ồn

Ký hiệu	Vị trí lấy mẫu	Tọa độ VN2000 kinh tuyến trục 108°30', múi chiếu 3°	
		X	Y
KK01	Khu vực văn phòng	416.112	1.392.635
KK02	Khu vực xưởng sản xuất	416.188	1.392.382
KK03	Khu vực xử lý chất thải	416.042	1.392.278

Chất lượng môi trường không khí và tiếng ồn như sau:

Bảng 15: Kết quả chất lượng môi trường không khí, tiếng ồn khu vực dự án

TT	Thông số	Đơn vị	KK01	KK02	KK03	QCVN 05:2023/ BTNMT	QCVN 26:2010/ BTNMT
1	Nhiệt độ	°C	29,9	29,6	29,8	-	-
2	Độ ẩm	%	58,4	59,4	60,1	-	-
3	Tốc độ gió	m/s	4,2	5,1	4,4	-	-
4	Tiếng ồn	dBA	50,4	51,1	55,4	-	70
5	Bụi TSP	µg/Nm ³	KPH	KPH	KPH	300	-
6	SO ₂	µg/Nm ³	47	38	35	350	-
7	CO	µg/Nm ³	5.229	5.381	5.070	30.000	-
8	NO ₂	µg/Nm ³	42	41	32	200	-
9	Amoni(NH ₃)	µg/Nm ³	KPH	KPH	KPH	200	-
10	Hydrosulfide (H ₂ S)	µg/Nm ³	KPH	KPH	KPH	42	-

Ghi chú:

1. QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.
2. QCVN 05:2023/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

3. (–) Không quy định trong QCVN.

4. KPH: Không phát hiện

Nhận xét: Kết quả quan trắc môi trường không khí khu vực thực hiện dự án tại 3 vị trí cho thấy tất cả các chỉ tiêu phân tích đều nằm trong giới hạn quy chuẩn cho phép theo QCVN 05:2023/BTNMT và QCVN 26:2010/BTNMT.

b) Hiện trạng chất lượng nước dưới đất

Vị trí lấy mẫu chất lượng nước ngầm được mô tả tại bảng dưới và được thể hiện trong sơ đồ vị trí lấy mẫu hiện trạng tại phần phụ lục.

Bảng 16: Kết quả chất lượng môi trường nước ngầm khu vực dự án

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả		QCVN 09:2023/BTNMT
			NN01	NN02	
1	pH	–	7,02	6,89	5,8 – 8,5
2	TDS	mg/L	310	308	1.500
3	Độ cứng	mg/L	243	244	500
4	Chỉ số pemanganat	mg/L	KPH	0,703	4
5	Amoni ($\text{NH}_4^+ \text{--} \text{N}$)	mg/L	KPH	KPH	1
6	Nitrat ($\text{NO}_3^- \text{--} \text{N}$)	mg/L	0,013	0,014	15
7	Clorua (Cl^-)	mg/L	3,17	1,49	250
8	Asen (As)	mg/L	KPH	KPH	0,05
9	Coliform	CFU/100mL	KPH	KPH	3

Ghi chú:

1. QCVN 09:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất;

2. KPH: Không phát hiện.

3. (<): Kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp.

Nhận xét: So sánh kết quả phân tích chất lượng nước dưới đất trong 3 đợt quan trắc cho thấy tất cả các chỉ tiêu phân tích đều thấp hơn giới hạn cho phép của QCVN 09:2023/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất.

c) Hiện trạng môi trường nước mặt

Vị trí lấy mẫu chất lượng nước mặt được mô tả tại bảng dưới và được thể hiện trong sơ đồ vị trí lấy mẫu hiện trạng tại phần phụ lục.

Bảng 17: Kết quả chất lượng nước mặt khu vực dự án

TT	Thông số	Đơn vị	NM01		NM02		QCVN 08:2023/BTNMT Bảng 2, Mức B
			Đợt 1	Đợt 2	Đợt 1	Đợt 2	
1	pH	–	7,07	7,01	6,89	7,03	6 - 8,5
2	TSS	mg/L	12	12,0	7,6	7,2	≤ 100

3	BOD ₅	mg/L	7,29	10,3	4,79	5,15	≤ 6
4	COD	mg/L	12,8	19,2	9,6	9,6	≤ 15
5	Tổng Nito	mg/L	4,27	4,27	2,32	2,32	≤ 1,5
6	Tổng Photpho	mg/L	0,045	0,034	0,108	0,108	≤ 1,5
7	Tổng Coliform	MPN/100mL	2,2x10 ³	3,5x10 ³	2,8x10 ³	2,4x10 ³	≤ 5.000

Ghi chú:

1. QCVN 08:2023/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt;
2. (<): Kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp;
3. (–): Không quy định trong QCVN;
4. Bảng 2. Giá trị giới hạn các thông số trong nước mặt phục vụ việc phân loại chất lượng nước sông, suối, kênh, mương, khe, rạch và bảo vệ môi trường sống dưới nước;
5. Mức B: Chất lượng nước trung bình. Hệ sinh thái trong nước tiêu thụ nhiều oxy hòa tan do một lượng lớn chất ô nhiễm. Nước có thể sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp, nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

Nhận xét: So sánh kết quả phân tích chất lượng nước mặt trong 3 đợt quan trắc cho thấy hầu hết các chỉ tiêu phân tích đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 08:2023/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt. Tuy nhiên có chỉ tiêu BOD₅ của NM01 vượt quy chuẩn ở đợt 1 là 1,215 lần, vượt quy chuẩn ở đợt 2 là 1,717 lần.

d) Hiện trạng môi trường đất

Vị trí lấy mẫu chất lượng đất được mô tả tại bảng dưới và được thể hiện trong sơ đồ vị trí lấy mẫu hiện trạng tại phần phụ lục.

Bảng 18: Vị trí lấy mẫu đất

STT	Kí hiệu mẫu	Vị trí lấy mẫu	Tọa độ VN2000 kinh tuyến trực 108°30', múi chiếu 3°	
			X	Y
1	DD01	Khu vực xử lý chất thải của dự án	416.096	1.392.360

Chất lượng môi trường đất của dự án như sau:

Bảng 19: Kết quả chất lượng đất khu vực dự án

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 03:2023/BTNMT, Loại 1
			DD01	
1	Asen (As)	mg/Kg	KPH	25

2	Cadimi (Cd)	mg/Kg	0,430	4
3	Chì (Pb)	mg/Kg	KPH	200
4	Thủy ngân (Hg)	mg/Kg	KPH	12
5	Tổng Crôm (Cr)	mg/Kg	KPH	150

Ghi chú

1. QCVN 03:2023/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng đất;
2. Loại 1: Bao gồm đất ở tại nông thôn, đất ở tại đô thị;
3. (<): Kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện của phương pháp;
4. ND: Không phát hiện.

Nhận xét: So sánh kết quả phân tích với QCVN 03:2023/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng đất cho thấy tất cả các chỉ tiêu phân tích đều nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Quy chuẩn.

❖ Đánh giá chung về hiện trạng môi trường khu vực thực hiện dự án

Thông qua kết quả 03 đợt quan trắc hiện trạng chất lượng môi trường không khí, tiếng ồn, nước mặt tại khu vực thực hiện dự án cho thấy chất lượng môi trường trong khu vực là tương đối tốt, các chỉ tiêu phân tích đều nằm trong giới hạn quy chuẩn cho phép. Điều này cho thấy địa điểm thực hiện dự án là phù hợp với đặc điểm tự nhiên môi trường khu vực và sẽ không gây trở ngại khi thi công xây dựng dự án và khi dự án đi vào hoạt động.

2.2.2. Hiện trạng đa dạng sinh học

- Động vật: trong khu vực thực hiện dự án và khu vực xung quanh chủ yếu là đất nông nghiệp của người dân, nên chủ yếu là các loài động vật nhỏ như chim, bướm, sâu bọ, các loài bò sát như tắc kè, thằn lằn, rắn. Một số ít loại vật nuôi của người dân xung quanh như chó, mèo, gà, vịt,... Không có các loài động vật hoang dã, nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ.

- Vị trí thực hiện dự án không có đất mặt nước. Xung quanh khu vực thực hiện dự án không có ao hồ lớn,... Qua khảo sát hiện trạng khu vực dự án cho thấy không có các loài thủy hải sản quý hiếm, cần bảo tồn.

- Nhìn chung, trên toàn bộ các khu vực triển khai của dự án về thành phần và chủng loại sinh vật khá nghèo nàn và không có các loài quý hiếm nằm trong danh mục cần được bảo vệ.

- Khu vực thực hiện Dự án không nằm gần khu vực bảo tồn hay các vùng sinh thái nhạy cảm.

2.3. Nhận dạng các đối tượng bị tác động, yếu tố nhạy cảm về môi trường khu vực thực hiện dự án

- Vị trí thực hiện dự án nằm ở ấp Ninh Bình, xã Bàu Năng, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh, không nằm trên phường của đô thị đặc biệt, đô thị loại I, II, III, IV.

- Dự án không có sử dụng đất, đất có mặt nước của khu bảo tồn thiên nhiên, khu di sản thế giới, khu di tích lịch sử - văn hóa, khu danh lam thắng cảnh...

- Do đó vị trí triển khai của lò mổ hoàn toàn phù hợp với các quy định tại QCVN 01 - 150:2017/BNNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia yêu cầu vệ sinh thú y đối với cơ sở giết mổ động vật tập trung.

2.4. Sự phù hợp của địa điểm lựa chọn thực hiện dự án

❖ Về điều kiện tự nhiên

- Vị trí xây dựng dự án cách xa khu dân cư, xung quanh chủ yếu là đất sản xuất nông nghiệp, không có dân sinh sống nên các tác động của dự án đến người dân xung quanh là không lớn và cũng phần nào phòng tránh lây lan dịch bệnh từ bên ngoài vào dự án;

- Địa hình vị trí dự kiến xây dựng dự án tương đối bằng phẳng, cấu tạo các lớp địa chất khu vực ổn định, thuận lợi cho việc quy hoạch và thi công các hạng mục công trình của Dự án;

- Điều kiện khí hậu khu vực thích hợp cho hoạt động giết mổ;

- Dự án không nằm trong khu vực bảo tồn, không gần các vùng sinh thái nhạy cảm. Khu vực dự án chủ yếu là đất sản xuất nông nghiệp của người dân và đã chịu tác động của hoạt động sản xuất từ lâu nên hệ động, thực vật tại đây tương đối nghèo nàn cả về số lượng, thành phần loài và hầu như không có loài nào quý hiếm. Do vậy, việc thực hiện dự án ít có khả năng ảnh hưởng đến tài nguyên sinh vật của khu vực.

❖ Về điều kiện kinh tế - xã hội

Dự án khi đi vào hoạt động sẽ góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã nhà. Mặt khác, góp phần tạo công ăn việc làm cho địa phương. Chất lượng môi trường nền tại khu vực dự án hiện tương đối tốt. Đây là điều kiện thuận lợi khi triển khai thực hiện dự án vì sức chịu tải của môi trường cao và đảm bảo được yêu cầu chất lượng nước để cung cấp cho hoạt động chăn nuôi của dự án.

CHƯƠNG III.

ĐÁNH GIÁ, DỰ BÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN VÀ ĐỀ XUẤT CÁC BIỆN PHÁP, CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Quá trình đánh giá, dự báo tác động môi trường của dự án và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường, ứng phó sự cố môi trường được chia làm 2 giai đoạn: Giai đoạn thi công, lắp đặt dây chuyền giết mổ dự án và giai đoạn vận hành. Các tác động môi trường và các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường, ứng phó sự cố môi trường của từng giai đoạn được liệt kê, phân tích, đánh giá và đề xuất cụ thể như sau:

3.1. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công, lắp đặt dây chuyền sản xuất

3.1.1. Đánh giá, dự báo các tác động

3.1.1.1. Tác động của việc chiếm dụng đất, mặt nước, giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư.

Toàn bộ diện tích đất thuộc sở hữu của chủ dự án do đó khi triển khai thực hiện dự án sẽ không xảy ra hoạt động đền bù, giải phóng mặt bằng, di dân, tái định cư. Sẽ không xảy ra tranh chấp, khiếu kiện.

3.1.1.2. Các tác động đến đa dạng sinh học.

Hiện trạng trên đất đa phần là công trình dự án đã xây dựng, hệ sinh thái tự nhiên trên cạn hầu như không còn nên không ảnh hưởng đến hệ sinh thái tự nhiên và đa dạng sinh học của khu vực.

3.1.1.3. Các tác động môi trường liên quan đến chất thải

Các hoạt động có khả năng gây tác động xấu đến môi trường trong giai đoạn thi công, lắp đặt như:

- Hoạt động vận chuyển máy móc, thiết bị thi công đến dự án
- Hoạt động vận chuyển nguyên, nhiên, vật liệu thi công đến dự án
- Hoạt động sinh hoạt của công nhân.

Các đánh giá tác động môi trường liên quan đến chất thải của dự án được đánh giá cụ thể như sau:

a) Tác động do bụi, khí thải

** Bụi phát sinh từ hoạt động vận chuyển lắp đặt máy móc, thiết bị công:*

Nguồn phát sinh: Hoạt động vận chuyển trang thiết bị, máy móc Thời gian phát sinh: Trong thời gian vận chuyển (2 ngày)

Đối tượng bị tác động: Môi trường không khí, người dân 2 bên tuyến đường vận chuyển, người tham gia giao thông.

Để phục vụ cho giai đoạn thi công của dự án, đơn vị thi công phải tiến hành vận chuyển nguyên thiết bị, máy móc đến công trình.

Dựa vào nhu cầu thiết bị máy móc phục vụ cho thi công xây dựng được trình bày ở Chương 1. Để vận chuyển lượng thiết bị máy móc này đến địa điểm thực hiện dự án cần 10 chuyến (trừ xe tải tự di chuyển). Khoảng cách vận chuyển dự kiến 30km.

Quá trình vận chuyển bao gồm:

Bảng 20: Tổng chiều dài đoạn đường vận chuyển trong ngày

Hoạt động	Số chuyến xe	Thời gian tác động	Quãng đường vận chuyển (km)	Số lượt vận chuyển trong ngày		Tổng chiều dài vận chuyển trong ngày (km/ng)	
				Có tải	Không tải	Có tải	Không tải
Vận chuyển thiết bị máy móc	10	8h/ngày 2 ngày	30	5	5	150	150
Xe tải di chuyển đến dự án	6	8h/ngày 2 ngày	30	0	3	0	90

Tải lượng bụi phát sinh từ hoạt động vận chuyển được tính dưới bảng sau:

Bảng 21: Tải lượng bụi phát sinh từ quá trình vận chuyển thiết bị, máy móc

Hoạt động	E (kg/km)		D (km/ngày)		Q (mg/m.s)		Tổng cộng
	Có tải	Không tải	Có tải	Không tải	Có tải	Không tải	
VC thiết bị máy móc	0,25	0,16	150	150	0,043	0,028	0,070
Xe tải tự di chuyển đến dự án	0,25	0,16	0	90		0,017	0,017
Tổng cộng							0,087

Bụi phát thải và lan truyền trên đường vận chuyển có dạng nguồn đường, mức độ khuếch tán chất ô nhiễm trong không khí từ dòng xe thường sử dụng mô hình Sutton dựa trên lý thuyết Gauss áp dụng cho nguồn đường:

Nồng độ bụi được tính theo công thức mô hình cải biến của Sutton như sau

$$C = \frac{0.8E \left\{ \exp \left[\frac{-(z+h)^2}{2\sigma_z^2} \right] + \exp \left[\frac{-(z-h)^2}{2\sigma_z^2} \right] \right\}}{\sigma_z u} \quad [\text{Công thức 3}]$$

Trong đó:

C: nồng độ chất ô nhiễm trong không khí,

mg/m³ E: lượng thải (mg/m.s)

z: độ cao của điểm tính toán so với mặt nguồn đường, m

δz : trị số khuếch tán chất ô nhiễm theo phương z, là hàm số của khoảng cách theo phương gió thổi (x). $\delta z = 0,53x^{0,73}$

Với x là khoảng cách theo chiều gió thổi tại điểm tính toán so với nguồn thải, m.

u: vận tốc gió trung bình của dự án: 2,4 m/s

h: độ cao của mặt nguồn đường so với mặt đất xung quanh, m

Ta chọn độ cao điểm tính toán z (điểm chịu tác động tại khoảng cách x) là trên mặt đất tương đương với z=0m; độ cao mặt nguồn so với mặt đất xung quanh bằng với chiều cao ống khói xe tải so với mặt đất, tương đương với h = 0.5m. Áp dụng Công thức 3 – ta tính toán được nồng độ bụi lan truyền trên đường vận chuyển như sau:

Bảng 22: Nồng độ bụi phát sinh do quá trình vận chuyển thiết bị máy móc

Vận tốc gió	Nồng độ bụi	Khoảng cách (m)				QCVN
(m/s)	(mg/m.s)					05:2023/BTNMT
		2	3	5	7,5	(mg/m ³)
2,4	0,087	0,078	0,054	0,035	0,026	0,3

* Khí thải phát sinh từ hoạt động vận chuyển máy móc, thiết bị thi công lắp đặt dây chuyền sản xuất:

- Nguồn phát sinh: Hoạt động vận máy móc, thiết bị thi công
- Thời gian phát sinh: Trong thời gian vận chuyển
- Đối tượng bị tác động: Môi trường không khí, người dân 2 bên tuyến đường vận chuyển, người tham gia giao thông.
- Thải lượng và nồng độ:

Căn cứ hệ số phát thải khí ô nhiễm (EF) của xe tải hạng nặng sử dụng dầu diesel tải trọng từ 3,5 – 16 tấn (chạy tốc độ trung bình 60km/h) của tổ chức y tế thế giới (WHO). Tải lượng phát sinh khí thải từ hoạt động vận chuyển máy móc, thiết bị thi công như sau:

Bảng 23: Tải lượng khí thải phát sinh

Hoạt động		Chất ô nhiễm				
		Bụi	SO ₂	NO ₂	CO	THC/VOC
Vận chuyển máy móc, thiết bị	Hệ số ô nhiễm (kg/1000km)	0,9	4,15S	14,4	2,9	0,8
	Tải lượng (kg/ngày)	0,35	0,08	5,62	1,13	0,31
	Tải lượng (mg/m.s)	0,000	0,000	0,007	0,001	0,000

Áp dụng Công thức 3 – ta tính toán được nồng độ khí thải lan truyền trên đường vận chuyển như sau:

Bảng 24: Nồng độ khí thải phát sinh

Chất ô nhiễm	Khoảng cách (m)				QCVN
					05:2023/BTNMT
	2	3	5	7,5	(mg/m ³)
Bụi (mg/m ³)	0,000	0,000	0,000	0,000	0,3
SO ₂ (mg/m ³)	0,000	0,000	0,000	0,000	0,35
NO ₂ (mg/m ³)	0,006	0,004	0,003	0,002	0,2
CO (mg/m ³)	0,001	0,001	0,001	0,000	30
THC/VOC	0,000	0,000	0,000	0,000	-

Áp dụng Công thức 3 ta tính được nồng độ bụi phát sinh từ quá trình vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng và thiết bị chăn nuôi, XLNT như sau:

Bảng 25: Bảng Nồng độ bụi phát sinh do quá trình vận chuyển

Vận tốc gió	Nồng độ bụi	Khoảng cách (m)				QCVN
(m/s)	(mg/m.s)					05:2023/BTNMT
		2	3	5	7,5	(mg/m ³)
2,4	0,000	2,027	0,285	0,074	0,038	0,3

Ghi chú:

QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí

Đánh giá:

- So sánh với quy chuẩn cho thấy bụi phát sinh từ các phương tiện vận chuyển vật liệu vượt giới hạn cho phép trong bán kính dưới 2m từ nguồn phát sinh. Trong khoảng cách này, bụi phát sinh ảnh hưởng trực tiếp đến những người cùng tham gia giao thông. Trên khoảng cách 2m nồng độ bụi phát sinh đạt quy chuẩn cho phép, cho thấy, bụi phát sinh từ hoạt động này không gây tác động đến người dân sinh sống dọc theo tuyến được vận chuyển. Tuy nhiên chủ dự án sẽ có các biện pháp giảm thiểu thêm để hạn chế tối đa nguồn gây ô nhiễm này.

- Không gian tác động: Dọc theo tuyến đường vận chuyển

- Thời gian tác động: Trong suốt quá trình vận chuyển của dự án (Vận chuyển nguyên vật liệu 400 ngày, vận chuyển thiết bị chăn nuôi 60 ngày, tổng là 460 ngày).

b) Tác động do nước thải

b.1) Tác động do nước mưa chảy tràn:

- Nguồn phát sinh: Nước mưa chảy tràn trên bề mặt dự án
- Thời gian phát sinh: Thời điểm có mưa
- Đối tượng bị tác động: Môi trường đất, nước khu vực dự án
- Thải lượng và nồng độ:

Thời gian thi công lắp đặt dự án dự kiến khoảng 10 ngày (đã trừ ngày nghỉ và ngày lễ). Để dự báo khả năng bị tác động do nước mưa chảy tràn trong giai đoạn san lấp mặt bằng cũng như thi công xây dựng dự án, lưu lượng nước mưa chảy tràn được dự báo như sau:

- Tổng diện tích khu đất của công trình bị ảnh hưởng bởi nước mưa chảy tràn là 28.478,7 m². Áp dụng công thức tính nước mưa chảy tràn của Lê Trình, năm 1997 - Quan trắc và kiểm soát ô nhiễm môi trường nước, nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội và hệ số dòng chảy mặt được lấy theo giáo trình bài giảng về mạng lưới thoát nước mưa – TS Nguyễn Trung Việt, TS Trần Thị Mỹ Diệu ta có lượng nước mưa chảy tràn qua khu vực như sau:

$$Q_{\text{mưa}} = 0,278 \times k \times I \times A$$

Trong đó: k : Là hệ số dòng chảy (chu kỳ lặp lại trận mưa là 10 năm)

I : cường độ mưa cao nhất, Lượng mưa tháng lớn nhất là 416,2 mm, thời gian mưa trong tháng là 27 ngày, lưu lượng mưa trung bình tháng lớn nhất là 15,41mm/ngày.

A: diện tích lưu vực, A = 28.478,7 m²

Bảng 26: Bảng lưu lượng nước mưa chảy tràn qua dự án giai đoạn lắp đặt

TT	Loại mặt phủ	Diện tích (m ²)	Hệ số dòng chảy (K)	Lưu lượng chảy tràn (m ³ /ngày)
1	Bề mặt đất đá	22.659,7	0,45	241,0
2	Cây xanh (<50%, độ dốc lớn)	5.819	0,45	90,6
	Tổng	28.478,7		331,6

Như vậy lưu lượng nước mưa chảy tràn qua khu đất công trình vào ngày mưa nhiều nhất là 331,6 m³/ngày. Nồng độ các chất ô nhiễm có trong nước mưa được trình bày trong bảng sau:

Bảng 27: Nồng độ các chất có trong nước mưa chảy tràn

TT	Chất ô nhiễm	Nồng độ (mg/l)
1	Tổng Nito	0,5 – 1,5
2	Tổng Phospho	0,003 – 0,004
3	COD	10 – 20
4	TSS	10 – 20

Trong giai đoạn này nếu dự án không có biện pháp thu gom chất thải rắn, đào đắp san gạt hợp lý thì nước mưa chảy tràn sẽ cuốn trôi theo đất đá, chất thải rắn,... xuống các khu vực thấp của dự án, các ao hiện hữu và các khe cạn rãnh xung quanh khu đất dự án, làm tắc nghẽn dòng chảy, ảnh hưởng đến quá trình thoát nước của dự án, đồng thời gây ảnh hưởng tới chất lượng nước mặt tại ao hồ thuộc dự án.

Do đó chủ dự án sẽ có biện pháp thu gom, xử lý nước mưa chảy tràn phù hợp để giảm thiểu các tác động xấu từ nguồn thải này.

b.2) Tác động do nước thải sinh hoạt công nhân

- Thời gian phát sinh: Trong giai đoạn thi công xây dựng (10 ngày).
- Đối tượng bị tác động: Môi trường đất, nước
- Thải lượng và nồng độ:

Theo bảng nhu cầu cấp nước sinh hoạt cho công nhân giai đoạn thi công xây dựng thì nhu cầu cấp nước sinh hoạt cho công nhân giai đoạn này là 1,0m³/ngày. Lượng nước thải từ sinh hoạt của công nhân tính bằng 100% lượng nước cấp tương đương 1,0m³/ngày.

Thành phần nước thải sinh hoạt chủ yếu là các chất ô nhiễm hữu cơ dễ bị phân hủy như hydratecarbon, protein, chất béo; các chất dinh dưỡng vô cơ như photphat, nitơ; một số vi khuẩn, vi sinh vật gây bệnh và trứng giun sán,... Từ tải lượng ô nhiễm ta tính được nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt như sau:

Bảng 28: Tải lượng và nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt

Chất ô nhiễm	Theo thống kê (g/người.ngày)	Tính cho Dự án		QCVN 14:2008/BTNMT Cột B, K=1,2
		Tổng tải lượng (kg/ngày)	Nồng độ (mg/l)	
BOD ₅	54	3,24	1322,4	60
TSS	145	8,7	3551,0	120
Dầu mỡ ĐTV	30	1,8	734,7	24
Nitrat (NO ₃ ⁻)	12	0,72	293,9	60
Amôni	4,8	0,288	117,6	12
Phosphat	4	0,24	98,0	12

Nguồn: Tổ chức y tế thế giới WHO, 1993.

Đánh giá:

- So sánh nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt với QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước thải sinh hoạt được phép xả thải vào nguồn tiếp nhận (cột B, K=1,2) thì nồng độ các chất ô nhiễm đều vượt Quy chuẩn quy định. Nước thải này có khả năng gây ô nhiễm hữu cơ, vi sinh rất lớn cho nguồn tiếp nhận chính là môi trường nước và môi trường đất xung quanh khu vực lán trại của công nhân, từ đó ảnh hưởng đến sức

khỏe của công nhân xây dựng. Nước thải sinh hoạt là môi trường sinh sống tốt cho các vectơ lây truyền dịch bệnh như: ruồi, muỗi, nhặng, chuột, gián,... sinh sôi và phát triển lây lan các dịch bệnh ra cộng đồng như: dịch tả, sốt,...

- Thời gian tác động: Thời gian thi công lắp đặt dự án (10 ngày).

** Tác động do nước thải phát sinh từ hoạt động thi công lắp đặt:*

Trong hoạt động thi công lắp đặt, nước thải phát sinh chủ yếu là từ hoạt động vệ sinh phương tiện, thiết bị. Theo tính toán tại chương 1, nhu cầu nước cho vệ sinh phương tiện, thiết bị khoảng $5\text{m}^3/\text{ngày}$.

Nước thải vệ sinh phương tiện, thiết bị có độ đục cao, chủ yếu là đất, cát, chất rắn lơ lửng,... Do khối lượng phát sinh thấp và phân tán, chủ yếu sẽ chảy tràn và thấm vào đất. Do đó, việc tác động đến môi trường do nước thải phát sinh từ hoạt động này là không đáng kể.

c) Tác động do chất thải rắn

c.1) Chất thải rắn sinh hoạt:

- Nguồn phát sinh: Hoạt động sinh hoạt của 10 công nhân.
- Thời gian phát sinh: Phát sinh trong thời gian thi công lắp đặt dự án.
- Đối tượng bị tác động: Môi trường đất, nước, không khí
- Thải lượng và tải lượng:

Trong thời gian thi công san lấp mặt bằng số lượng lao động dự kiến là 10 người, chất thải rắn phát sinh từ sinh hoạt của công nhân khoảng $0,5\text{kg}/\text{người.ngày}$, vậy tổng khối lượng chất thải rắn sinh hoạt của công nhân phát sinh khoảng $5\text{kg}/\text{ngày}$.

+ Thành phần chất thải: Thành phần chủ yếu là chất hữu cơ dễ phân hủy và các loại bao bì, giấy, bìa carton, chai lọ,... Khối lượng phát thải nhỏ, tuy nhiên chất thải rắn sinh hoạt có thành phần chủ yếu là chất hữu cơ dễ phân hủy tạo điều kiện cho ruồi, nhặng, chuột, bọ,... phát triển. Nếu chất thải rắn không được thu gom và xử lý sẽ làm ô nhiễm môi trường đất, nước, không khí và ảnh hưởng đến sức khỏe của công nhân làm việc trực tiếp tại dự án.

Chất thải rắn sinh hoạt nếu không được thu gom thì ngoài việc ảnh hưởng đến môi trường, cảnh quan tại dự án, sức khỏe của công nhân còn có thể là nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn kiện cáo của các hộ dân sinh sống và canh tác nông nghiệp gần khu đất dự án, làm mất an ninh trật tự tại địa phương. Do đó dự án sẽ có biện pháp thu gom và xử lý rác thải sinh hoạt phù hợp nhằm giảm thiểu các tác động xấu này.

- Thời gian tác động: thời gian thi công xây dựng dự án (10 ngày).

c.2) Chất thải nguy hại:

- Nguồn phát sinh: Hoạt động bảo trì, bảo dưỡng của máy móc, thiết bị
- Thời gian phát sinh: Trong thời gian thi công lắp đặt dự án.
- Đối tượng bị tác động: Môi trường đất, nước
- Thải lượng và tải lượng:

Chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn này của dự án chủ yếu từ hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa các phương tiện, thiết bị thi công:

Bảng 29. Bảng thống kê khối lượng CTNH phát sinh

TT	Loại chất thải	Trạng thái	Mã CTNH	Khối lượng	Tổ chức, cá nhân tiếp nhận CTNH
				(kg/năm)	
I	Chất thải nguy hại dạng rắn				
1	Pin, ắc quy thải	Rắn	16 01 12	5	Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý theo quy định
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	5	
3	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu không nêu tại mã khác) giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	80	
II	Chất thải nguy hại dạng lỏng				
1	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	157,6	Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý theo quy định

Đây là nguồn có thể gây ô nhiễm nghiêm trọng đối với chất lượng đất, nước mặt và nước ngầm trong khu vực. Chủ đầu tư và nhà thầu phải có công trình, biện pháp thu gom, lưu chứa để tránh gây tác động đến môi trường đất xung quanh.

3.1.1.4. Các tác động môi trường không liên quan đến chất thải

a) Tác động do tiếng ồn, rung

a.1) Tiếng ồn:

- Nguồn phát sinh: Hoạt động của máy móc, phương tiện
- Thời gian phát sinh: Trong thời gian san lấp mặt bằng
- Đối tượng bị tác động: Môi trường không khí

Mức độ tác động của các thiết bị, phương tiện thi công tại khoảng cách dưới 50m đa phần đều vượt giới hạn cho phép của tiêu chuẩn QCVN 26:2010/BTNMT. Khi khoảng cách càng xa thì mức độ tác động của tiếng ồn càng giảm. Trên thực tế dự án có nhiều máy móc hoạt động cùng một lúc sẽ có sự cộng hưởng tiếng ồn giữa chúng, khi số lượng nguồn gây ra tiếng ồn tăng gấp đôi thì mức ồn tăng lên 2dBA.

Ảnh hưởng của tiếng ồn phát sinh từ các phương tiện, máy móc thi công lắp đặt của dự án chủ yếu ảnh hưởng trực tiếp đến công nhân làm việc tại dự án.

- Không gian tác động: Tác động cục bộ tại khu vực thực hiện dự án, phạm vi bán kính 100m từ khu vực thi công.

a.2) Độ rung:

- Nguồn phát sinh: Hoạt động của máy móc, phương tiện thi công lắp đặt dự án

- Thời gian phát sinh: Trong thời thi công lắp đặt

- Đối tượng bị tác động: Môi trường xung quanh

Khu vực dự án cách xa khu dân cư vì vậy hạn chế được tác động của độ rung đến người dân. Tuy nhiên, tác động của độ rung sẽ ảnh hưởng đến sức khỏe của công nhân trực tiếp thi công trên công trường vì vậy chủ dự án sẽ có biện pháp phòng chống và giảm thiểu tác động của độ rung để hạn chế những ảnh hưởng này đến sức khỏe của công nhân.

b) Ảnh hưởng đến kinh tế xã hội và an ninh – trật tự xã hội địa phương:

b.1) Tác động tích cực:

Giai đoạn thi công lắp đặt dự án sẽ có một số tác động tích cực đến kinh tế - xã hội địa phương như:

- Huy động một lượng lao động nhân rồi đáng kể ở địa phương, góp phần giải quyết việc làm và tăng thu nhập cho người lao động.

- Kích thích phát triển một số loại hình dịch vụ ăn uống, sinh hoạt, giải trí khác nhằm phục vụ cho nhu cầu sinh hoạt của công nhân tại khu vực dự án.

- Tăng nhu cầu tiêu thụ nguyên liệu, vật liệu xây dựng tại địa phương.

b.2) Tác động tiêu cực:

Việc tập trung công nhân để phục vụ lắp đặt dây chuyền giết mổ dự án sẽ có các nhu cầu về sinh hoạt, giao tiếp, tôn giáo,... có thể gây mất trật tự tại địa phương, ảnh hưởng đến an ninh khi có mâu thuẫn giữa công nhân và người dân địa phương. Công tác quản lý công nhân, người lao động không chặt chẽ rất dễ xảy ra các tệ nạn xã hội như: Trộm cắp, cờ bạc, ma túy, mại dâm,... Bên cạnh đó, nhu cầu về thực phẩm, ăn uống của công nhân là không thể thiếu, nếu không chú ý đến công tác an toàn vệ sinh thực phẩm thì rất dễ xảy ra ngộ độc thực phẩm, ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe, tính mạng của công nhân, người lao động.

c) Tác động đến tài nguyên sinh vật

Như đã trình bày ở trên, khu đất thực hiện dự án có hệ sinh thái nghèo nàn, hệ thực vật chủ yếu là đất trống bỏ hoang, không có hệ động vật, thực vật tự nhiên, do đó hoạt động của dự án được dự báo là gây tác động không đáng kể đến tài nguyên sinh vật nơi đây.

d) Tác động do xói mòn, sạt lở, bồi lắng dòng chảy và chất lượng nước mặt tại khu vực dự án

Khu đất xây dựng dự án có địa hình tương đối dốc, do đó khả năng xảy ra xói mòn, trượt lở, bồi lắng tại khu vực dự án rất cao. Quá trình thi công xây

dựng các hạng mục công trình diễn trong mùa mưa, khi thời tiết có mưa, kết cấu đất bị xáo trộn, bề mặt đất chưa ổn định với nước mưa chảy tràn sẽ cuốn trôi đất, rác thải xuống khu vực thấp hơn và giảm khả năng thoát nước, ảnh hưởng đến hệ sinh thái trên khu đất và chất lượng nước mặt trên lưu vực khe suối.

Cùng với quá trình xói lở, bồi lắng thì quá trình rửa trôi các chất hữu cơ, các chất dinh dưỡng tích tụ trên bề mặt sẽ gây ảnh hưởng đến chất lượng nước mặt, làm biến đổi điều kiện sống của các sinh vật trong môi trường nước. Ngoài ra, xói mòn, sạt lở còn làm hư hỏng kết cấu dự án, ảnh hưởng đến chất lượng công trình của dự án. Do đó, trong quá trình thi công xây dựng, chủ dự án sẽ có kế hoạch giám sát và triển khai các biện pháp phòng chống xói mòn, sạt lở đất đá. Các biện pháp giảm thiểu sẽ được trình bày trong phần sau của báo cáo.

3.1.1.5. Đánh giá, dự báo tác động gây nên bởi các rủi ro, sự cố của dự án trong giai đoạn triển khai xây dựng dự án

a) Sự cố về cháy nổ

- Các nguồn nhiên liệu (như dầu DO) trong phạm vi công trường là một nguồn gây cháy nổ khá quan trọng. Đặc biệt là khi các kho (hoặc bãi) chứa này nằm gần các nơi có gia nhiệt hoặc các nơi có nhiều người qua lại.

- Sự cố gây cháy nổ khác nữa có thể phát sinh là từ các sự cố về điện.

- Khi xảy ra có thể dẫn tới các thiệt hại lớn về kinh tế – xã hội và làm ô nhiễm môi trường không khí, đất một cách nghiêm trọng. Hơn nữa còn ảnh hưởng tới tính mạng con người và tài sản.

b) Tai nạn lao động

Công tác an toàn lao động là vấn đề đặc biệt quan tâm từ nhà thầu xây dựng cho đến người lao động trực tiếp thi công trên công trường.

Ô nhiễm môi trường có khả năng làm ảnh hưởng xấu đến sức khỏe của người lao động trên công trường. Một vài ô nhiễm tùy thuộc vào thời gian và mức độ tác động có khả năng làm ảnh hưởng nặng đến người lao động, gây choáng váng, mệt mỏi thậm chí ngất xỉu và cần được cấp cứu kịp thời (thường xảy ra đối với các công nhân nữ hoặc người có sức khỏe yếu).

Công trường thi công sẽ có nhiều phương tiện vận chuyển ra vào có thể dẫn đến các tai nạn do chính các phương tiện này gây ra.

Các tai nạn lao động từ các công tác tiếp cận với điện như thi công hệ thống cáp điện, va chạm vào các đường dây điện dẫn ngang đường, bão, gió gây đứt dây điện.

Khi công trường thi công trong những ngày mưa, khả năng gây ra tai nạn lao động còn có thể tăng cao: đất trơn dẫn đến sự trượt té cho người lao động, các sự cố về điện dễ xảy ra hơn, đất mềm và dễ lún sẽ gây ra các sự cố cho người và các máy móc thiết bị thi công,...

Việc sử dụng các thiết bị gia nhiệt trong thi công có thể gây ra cháy, bỏng hay tai nạn lao động nếu như không có các biện pháp phòng ngừa.

c) Sự cố tai nạn giao thông

Để xây dựng cơ sở hạ tầng, dự án phải huy động các phương tiện để chở nguyên vật liệu, máy móc và thiết bị phục vụ thi công xây dựng. Phần lớn là các phương tiện chở nặng, gia tăng phương tiện giao thông trên tuyến đường xung quanh dự án nên dễ dẫn đến nguy cơ xung đột giao thông hoặc gây tai nạn giao thông cho người và phương tiện lưu thông trên đường.

Một số hoạt động vận chuyển phải đi qua khu vực có dân cư, khu vực ngã 3, ngã tư và khu vực đường hẹp làm gia tăng nguy cơ tai nạn giao thông.

Nguy cơ xảy ra tai nạn giao thông trong giai đoạn này gồm nhiều nguyên nhân bao gồm cả nguyên nhân khách quan và chủ quan. Khi xảy ra tai nạn giao thông thì mức độ ảnh hưởng rất lớn cho cộng đồng, đặc biệt là dễ xảy ra chết người. Do đó chủ dự án sẽ có các biện pháp phòng chống và giảm thiểu sự cố tai nạn giao thông đến mức thấp nhất.

3.1.2. Các công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải và biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực khác đến môi trường

3.1.2.1. Đối với nước thải

a) Biện pháp giảm thiểu tác động do nước mưa chảy tràn

Để giảm thiểu tác động do nước mưa chảy tràn trong giai đoạn này chủ dự án áp dụng các biện pháp giảm thiểu như sau:

- Thu gom sạch sẽ khối lượng chất thải rắn phát quang trong thời gian thi công san gạt, đảm bảo không gây tắc nghẽn dòng chảy khi thời tiết có mưa xảy ra.
- Thường xuyên khơi thông, nạo vét các khu vực bị ngập, ứ đọng, các khu vực bị bồi lấp gây ảnh hưởng đến dòng chảy. Tiến hành gia cố các khu vực có mái taluy cao dễ bị sạt lở.
- Che chắn bãi tập kết nguyên vật liệu, tránh bị nước mưa cuốn trôi.
- Chủ đầu tư sẽ yêu cầu và giám sát đơn vị thi công thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động do nước mưa chảy tràn.
- Ưu tiên thi công hoàn thiện tuyến thoát nước mưa ngay sau khi hoàn thành hạng mục sân đường nội bộ của từng khu.

b) Nước thải sinh hoạt của công nhân xây dựng

Trong thời gian thi công lắp đặt dự án, chủ đầu tư sẽ bố trí cho công nhân sử dụng nhà vệ sinh chung đã được xây dựng ở giai đoạn 1.

Nguyên lý hoạt động của bể tự hoại 3 ngăn:

- Qua thời gian từ 3 – 6 tháng, cặn lên men yếm khí (thời gian cặn được giữ lại trong bể tự hoại phụ thuộc vào yêu cầu thiết kế). Quá trình lên men diễn ra trong giai đoạn đầu chủ yếu là lên men axit. Khi cặn bị phân hủy, một phần nổi lên trên được gọi là màng nổi, một phần cặn bị nén đến độ ẩm 84 - 90% bị thối rửa và ở đáy xảy ra quá trình lên men. Kết quả của quá trình này là các bọt

khí nổi lên lôi kéo theo các hạt cặn và bám dính vào màng nổi làm tăng chiều dày của màng này. Ở màng nổi có cả vi khuẩn hiếu khí, chúng hấp thụ oxy, kết quả là tạo một chế độ yếm khí cho bề tự hoại.

Các chất khí tạo nên trong quá trình phân hủy như CH_4 , CO_2 , NO_2 , H_2S ,... sẽ thoát ra theo ống dẫn khí.

- Sau khi lên men, nước thải được dẫn qua ngăn lọc và được lọc ngược qua 3 lớp vật liệu lọc là sỏi – than – sỏi (hoặc cát).

- Nước thải sau khi xử lý qua bể tự hoại ba ngăn đạt cột A của QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt trước khi cho thấm tự nhiên tại giếng thấm.

- Bùn trong bể tự hoại sẽ được lấy ra định kỳ. Mỗi lần lấy cặn bùn phải để lại 20% lượng cặn trong bể để làm giống men cho bùn cặn tươi mới lắng, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình lên men.

3.1.2.2. Đối với bụi, khí thải

a) Đối với bụi, khí thải từ hoạt động vận chuyển, lắp đặt

Chủ đầu tư sẽ áp dụng thêm các biện pháp sau:

- Phương tiện vận chuyển phải được kiểm tra kỹ thuật định kỳ, bảo dưỡng theo đúng quy định, đảm bảo các thông số khí thải của xe đạt yêu cầu về mặt môi trường.

- Sử dụng nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh $< 0,05\%$.

- Xây dựng kế hoạch, điều tiết phân bố lượng xe chuyên chở nguyên vật liệu phù hợp, tránh ùn tắc, gây ô nhiễm khói bụi cho khu vực đặc biệt là các đoạn đường có điểm dân cư sinh sống.

- Quy định tốc độ xe vận chuyển trên đường phù hợp với từng đoạn đường, đặc biệt là khi đi qua các khu vực đông dân cư.

- Bố trí thời gian vận chuyển phương tiện, máy móc thích hợp, tránh hoạt động vào giờ cao điểm (hoạt động trong khoảng từ 6 giờ – 18 giờ).

- Quy định tải trọng của xe vận chuyển, không chở quá tải trọng cho phép.

3.1.2.3. Đối với chất thải rắn

a) Đối với chất thải rắn sinh hoạt công nhân

Chủ dự án bố trí 02 thùng rác có dung tích 160 lít/thùng đặt tại khu vực lán trại công nhân xây dựng để thu gom rác thải sinh hoạt.

Rác thải sinh hoạt sẽ được phân loại:

- Rác tái chế được như (chai nhựa, vỏ lon...) sẽ được lưu chứa trong kho chờ bán cho đơn vị thu mua

- Rác hữu cơ và thức ăn thừa sẽ được ủ tại hố ủ bố trí trong khu vực cây xanh gần khu lán trại. Lượng phân này sẽ bón cho cây xanh trong khu vực dự án.

b) Chất thải nguy hại

Chất thải nguy hại phát sinh sẽ được vận chuyển về kho chứa chất thải nguy hại để lưu chứa và quản lý theo đúng quy định, định kỳ sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định.

Công tác thu gom, lưu giữ quản lý chất thải nguy hại chủ dự án sẽ tuân thủ theo hướng dẫn tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 07/2025/BTNMT ngày 28/02/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3.1.2.4. Giảm thiểu tác động đến cảnh quan, hệ sinh thái

Để giảm thiểu tác động đến hệ sinh thái, dự án áp dụng những biện pháp sau:

- Cho công nhân cam kết không được xâm hại đến thực vật ở các diện tích ngoài khu vực thi công.
- Đảm bảo che chắn xung quanh diện tích thi công và nơi tập kết vật liệu tránh sạt lở ảnh hưởng đến thảm thực vật ở vùng lân cận dự án.
- Nước thải phải được xử lý, tránh thải trực tiếp gây ô nhiễm nguồn tiếp nhận, ảnh hưởng đến hệ sinh thái nơi đây.
- Giảm thiểu phát sinh bụi, khí thải gây ức chế sinh trưởng của thực vật xung quanh khu vực dự án.

3.1.2.5. Các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường đối với tác động không liên quan đến chất thải

a) Tiếng ồn, rung:

- Ưu tiên vận hành các máy móc, thiết bị và phương tiện ít gây ồn, rung hoặc gắn thiết bị giảm thanh để mức ồn nguồn đạt tiêu chuẩn. Bảo trì máy móc, thiết bị và phương tiện trong suốt thời gian thi công.
- Tắt những máy móc hoạt động gián đoạn nếu thấy không cần thiết để giảm mức ồn tích lũy ở mức thấp nhất.
- Quy định tốc độ xe, máy móc thi công khi hoạt động tại công trường <5km/h.
- Không sử dụng các thiết bị gây mức ồn nguồn >70 dBA hoặc các hoạt động thi công có thể tạo ra mức ồn >70 dBA để thi công vào ban đêm.
- Công nhân thi công phải được trang bị trang thiết bị hạn chế hoặc chống ồn.
- Bố trí lịch thi công và vận chuyển hợp lý, hạn chế quá trình thi công và vận chuyển trong thời gian yên tĩnh (ban đêm).
- Thiết bị thi công phải được kiểm tra định kỳ để kịp thời có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, khói, bụi và an toàn giao thông.
- Luân phiên công nhân làm việc tại khu vực nhiều tiếng ồn, rung để hạn

chế ảnh hưởng sức khỏe.

b) Ảnh hưởng đến kinh tế xã hội và an ninh – trật tự xã hội địa phương:

- Thực hiện theo mục tiêu của dự án đã đề ra là sẽ ưu tiên tuyển chọn công nhân lao động địa phương nếu đáp ứng yêu cầu công việc của dự án.

- Yêu cầu đơn vị thi công phối hợp với lực lượng Công an xã, huyện thường xuyên kiểm tra, quản lý công tác cư trú, khai báo tạm trú và các tình hình khác liên quan đến an ninh trật tự.

- Chủ dự án tạo điều kiện cho công nhân có đạo thực hiện sinh hoạt tôn giáo theo tự do tín ngưỡng và theo quy định của pháp luật.

- Xây dựng các nội quy sinh hoạt tại nơi ở của công nhân, thực hiện đăng ký tạm trú với chính quyền địa phương nếu công nhân không phải là người địa phương. Hạn chế tối đa các xung đột giữa công nhân của dự án với công nhân của các dự án khác, giữa công nhân với người dân địa phương bằng biện pháp quản lý công nhân tại khu vực dự án, khi có mâu thuẫn phải kịp thời giải quyết không để xảy ra xung đột.

- Tổ chức bữa ăn tập trung cho công nhân, đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh, an toàn thực phẩm.

- Tập huấn, hướng dẫn cho công nhân lao động các biện pháp an toàn lao động và phòng chống dịch bệnh thông thường.

- Tuyên truyền và có quy định nghiêm cấm các tệ nạn xã hội như trộm cắp, cờ bạc, ma túy,... Khi phát hiện các hành vi này cần có biện pháp mạnh và báo cáo chính quyền địa phương nếu hành vi còn tiếp diễn.

c) Tác động đến môi trường đất:

Để giảm thiểu tác động đến môi trường đất chủ dự án sẽ áp dụng các biện pháp giảm thiểu như sau:

- Tiến hành trồng cây xanh trên phạm vi quy hoạch, đặc biệt là các khu vực có mái taluy dốc dễ gây sạt lở.

- Thu gom và xử lý triệt để các chất thải phát sinh như: Chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn, chất thải nguy hại, nước thải,... đạt chuẩn cho phép trước khi xả vào nguồn tiếp nhận.

- Quản lý chặt chẽ nguyên nhiên liệu tránh để xảy ra sự cố rò rỉ, cháy nổ.

- Tiến hành xây dựng và hoàn thiện công trình trong thời gian sớm nhất, ưu tiên xây dựng các hạng mục công trình về bảo vệ môi trường để hạn chế chất thải phát sinh, tác động đến môi trường đất.

- Thực hiện các biện pháp phòng chống xói mòn, sạt lở, rửa trôi đất đá do nước mưa chảy tràn.

d) Biện pháp giảm thiểu tác động đến tài nguyên sinh vật:

Chủ dự án sẽ áp dụng các biện pháp giảm thiểu để hạn chế tác động đến tài nguyên sinh vật tại khu vực thực hiện dự án như sau:

- Tiến hành đào rãnh thu, thoát nước, đào các hố lắng nước mưa chảy tràn

để lắng sơ bộ nước mưa chảy tràn trước khi thoát vào nguồn tiếp nhận.

- Thường xuyên khơi thông dòng chảy, thực hiện các biện pháp phòng chống ảnh hưởng do nước mưa chảy tràn như: ngập úng, xói mòn, sạt lở,...

- Thu gom và xử lý các chất thải phát sinh từ hoạt động thi công xây lắp đặt án tránh để nước thải và rác thải của công nhân xả bừa bãi ra môi trường, áp dụng các biện pháp giảm thiểu bụi, nước thải, chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại ngay từ khi thực hiện dự án.

- Che chắn nguyên vật liệu tránh bị nước mưa cuốn trôi gây ô nhiễm nguồn nước mặt, ảnh hưởng đến đời sống thủy sinh vật trong khu vực dự án.

- Trồng thêm cây xanh khu vực dọc theo ranh giới dự án để vừa tạo sinh thái hạn chế mùi hôi, tạo cảnh quan trong giai đoạn hoạt động của dự án.

e) Biện pháp giảm thiểu tác động do xói mòn, sạt lở và bồi lắng dòng chảy:

- Thực hiện tốt các biện pháp thoát nước mưa để hạn chế tối đa tác động gây xói mòn do mưa lớn.

- Các khu vực có mái taluy dốc dễ xảy ra sạt lở thì trong quá trình thi công cần bố trí cán bộ giám sát, kịp thời có các biện pháp tu sửa, gia cố khi phát hiện dấu hiệu nứt lún sạt lở. Tiến hành trồng cây xanh, thảm cỏ để tạo liên kết đất chống xói mòn.

- Đối với các khu vực không thi công xây dựng công trình thì hạn chế đào đắp, phá bỏ thảm thực vật để giảm thiểu tác động gây xói mòn, sạt lở do nước mưa chảy tràn.

- Trong giai đoạn thi công chủ dự án sẽ ưu tiên xây dựng và hoàn thiện hệ thống thu gom và xử lý nước mưa chảy tràn nhằm hạn chế tối đa các tác động do nước mưa chảy tràn trên khu đất thực hiện dự án.

- Trong quá trình thi công, chủ dự án sẽ thường xuyên kiểm tra, giám sát đơn vị thi công để đảm bảo chất lượng công trình, kịp thời phát hiện những bất thường về xói mòn, trượt lở nếu có để nhanh chóng có biện pháp phù hợp đảm bảo an toàn.

g) Biện pháp giảm thiểu tác động đến cảnh quan khu vực dự án:

Theo đánh giá trên thì các tác động từ hoạt động thi công lắp đặt các hạng mục công trình chính, công trình phụ sẽ ảnh hưởng đến cảnh quan khu vực dự án. Chủ dự án sẽ áp dụng các biện pháp sau để hạn chế tác động đến cảnh quan, cụ thể như sau:

- Thi công, xây dựng công trình theo bản vẽ quy hoạch đã phê duyệt.

- Xây dựng và hoàn thiện các hạng mục công trình xử lý chất thải để phục vụ cho giai đoạn hoạt động của dự án.

- Thu gom, quản lý và xử lý tất cả các chất thải phát sinh trong quá trình thi công lắp đặt dự án.

3.1.2.6. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường và phòng ngừa, ứng phó

sự cố.

a) Sự cố cháy nổ:

- Các phương tiện thi công sử dụng điện cần được kiểm tra thường xuyên dây điện, ổ áp hay nguồn cấp điện cho thiết bị, tránh nguy cơ chập điện, gây cháy nổ.

- Hạn chế tích lũy nguyên vật liệu dễ gây ra cháy nổ tại công trường. Trường hợp tích lũy phải có kho chứa đảm bảo an toàn và có biện pháp phòng cháy chữa cháy.

- Sắp xếp, bố trí các máy móc thiết bị đảm bảo trật tự, gọn gàng và tạo khoảng cách an toàn cho công nhân khi có sự cố cháy nổ xảy ra.

- Hệ thống dây điện, các chỗ tiếp xúc, cầu dao điện có thể gây ra tia lửa điện phải bố trí an toàn theo quy định.

- Đảm bảo các máy móc, thiết bị không để rò rỉ dầu mỡ.

- Trong khu vực có thể xảy ra cháy nổ, tuyệt đối công nhân không được hút thuốc, không mang bật lửa, các dụng cụ phát ra lửa do ma sát, tia lửa điện,...

- Tuân thủ quy định của pháp lệnh phòng chống cháy nổ.

- Xây dựng lực lượng phòng chống cháy nổ tại chỗ, tăng cường kiểm tra tập huấn cho cán bộ công nhân và phòng chống cháy nổ.

- Trang bị các thiết bị phòng chống cháy nổ tại các nơi dễ xảy ra cháy nổ. Bố trí các bình cứu hỏa cầm tay ở những vị trí thích hợp nhất để tiện sử dụng, các phương tiện chữa cháy luôn kiểm tra thường xuyên và đảm bảo trong tình trạng sẵn sàng.

- Yêu cầu đơn vị thi công báo cáo cho chủ dự án, ban an toàn lao động, chỉ huy công trường thông qua phương tiện liên lạc để có biện pháp chỉ đạo xử lý và khắc phục, trường hợp cần thiết sẽ báo cho lực lượng PCCC của địa phương để được hỗ trợ chữa cháy kịp thời.

b) Công tác an toàn lao động:

*** An toàn về lao động:**

- Lập ban toàn lao động tại công trường và cử người chuyên trách: xây dựng và ban hành đồng thời buộc công nhân viên tại công trường phải thực hiện nghiêm túc các nội quy làm việc tại công trường bao gồm nội quy ra vào công trường, nội quy về trang bị bảo hộ lao động, về an toàn điện, nội quy về cháy nổ.

- Đề ra quy định về công tác an toàn lao động.

- Trang bị các dụng cụ bảo hộ lao động như găng tay, ủng, kính bảo hộ, khẩu trang, mũ nhựa và các loại dụng cụ lao động phù hợp với từng công nhân và từng loại công việc.

- Tuyên truyền giáo dục ý thức của công nhân, công nhân phải được tập huấn về an toàn lao động trước khi thi công. Tại các vị trí nguy hiểm trong công trường, chủ dự án sẽ đặt các biển báo nhắc nhở nhằm đảm bảo an toàn lao động.

- Khu vực có hố sâu đang thi công sẽ được rào chắn, giăng giây cảnh báo.
- Hạn chế thi công vào ban đêm.

*** An toàn về thiết bị:**

- Thiết bị trước khi đưa vào sử dụng phải được các ban chức năng kiểm tra và được đăng ký sử dụng.
- Tuân thủ nghiêm ngặt quy trình, vận hành máy móc của nhà sản xuất.
- Tất cả các công nhân đều được tập huấn về công tác an toàn thiết bị điện.
- Đối với các thiết bị điện:
 - + Phân kim loại của thiết bị điện được nối đất bảo vệ tuân theo quy định của TCVN “Quy phạm nối đất và nối không của các thiết bị điện”.
 - + Nối điện từ điện lưới, máy phát điện dự phòng vào thiết bị phải có cầu giao, dây cháy.
 - + Tất cả các thiết bị sử dụng có vỏ che chắn an toàn.
- Đối với đường dây điện phục vụ sinh hoạt và thi công sẽ dùng cáp cách điện, tránh đường dây điện đi qua khu vực thi công, đặc biệt là các khu vực thường xuyên qua lại.
- Tại vị trí làm việc được lắp dây tiếp đất và tủ điện.
- Đường dây tải điện đủ lớn và công suất để truyền tải đủ điện cho thiết bị.
- Các đầu cáp điện được cuộn kín và đặt trong hòm thiếc và sau đó phủ bằng vật liệu cách điện và chống thấm.

c) Sự cố tai nạn giao thông

Để phòng chống tai nạn giao thông Chủ dự án áp dụng các biện pháp giảm thiểu như sau:

- Lắp đặt các biển báo tại khu vực ngã ba, ngã tư trên tuyến đường nội bộ và lắp đặt biển báo, đèn giao thông tại các giao lộ với các đường giao thông đối ngoại.
- Tuyên truyền và nâng cao ý thức chấp hành luật lệ giao thông cho công nhân viên sinh sống trong dự án.
- Tất cả các nhân viên lái xe, phương tiện vận tải của dự án phải có giấy phép lái xe theo đúng quy định.
- Không chở quá trọng tải của xe, không chở cồng kềnh hoặc quá thùng xe.
- Thường xuyên nhắc nhở lái xe tuân thủ luật giao thông và hạn chế tốc độ tại khu vực đông người, đặc biệt là đoạn đi qua khu vực đông dân cư, trường học, khu chợ cũng như đoạn đường đất vào dự án.
- Nhắc nhở công nhân làm việc trong công trường chú ý đến các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, phương tiện vận chuyển trên đường phải chạy đúng tốc độ, chở đúng trọng tải của xe và thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng theo quy định.

3.2. Đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp, công trình bảo vệ môi

trường trong giai đoạn vận hành

3.2.1. Đánh giá, dự báo các tác động

3.2.1.1. Đánh giá, dự báo tác động liên quan đến chất thải

a) Đánh giá, dự báo tác động do nước thải:

Trong giai đoạn hoạt động, có thể thống kê các nguồn có khả năng phát sinh nước thải trong hoạt động sản xuất như sau:

- Nước mưa chảy tràn.
- Nước sinh hoạt cho cán bộ công nhân viên dự án.
- Nước sử dụng cho sản xuất.

a.1) Nước mưa chảy tràn:

- Nguồn phát sinh: Nước mưa chảy tràn qua khu vực dự án.
- Thời gian phát sinh: Thời tiết có mưa
- Phạm vi: Khu vực bên trong dự án.
- Tải lượng, thải lượng:

Tổng diện tích khu đất của công trình bị ảnh hưởng bởi nước mưa chảy tràn là 28.478,7 m². Áp dụng công thức tính nước mưa chảy tràn của Lê Trình, năm 1997 - Quan trắc và kiểm soát ô nhiễm môi trường nước, nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội và hệ số dòng chảy mặt được lấy theo giáo trình bài giảng về mạng lưới thoát nước mưa – TS Nguyễn Trung Việt, TS Trần Thị Mỹ Diệu ta có lượng nước mưa chảy tràn qua khu vực như sau:

$$Q_{\text{mưa}} = 0,278 \times k \times I \times A$$

Trong đó: k : Là hệ số dòng chảy (chu kỳ lặp lại trận mưa là 10 năm)

I : cường độ mưa cao nhất, Lượng mưa tháng lớn nhất là 416,2 mm, thời gian mưa trong tháng là 27 ngày, lưu lượng mưa trung bình tháng lớn nhất là 15,41mm/ngày.

A: diện tích lưu vực, A = 28.478,7 m²

Bảng 30: Bảng lưu lượng nước mưa chảy tràn qua dự án

TT	Loại mặt phủ	Diện tích (m ²)	Hệ số dòng chảy (K)	Lưu lượng chảy tràn (m ³ /ngày)
1	Bề mặt đất đá	22.659,7	0,45	241,0
2	Cây xanh (<50%, độ dốc lớn)	5.819	0,45	90,6
	Tổng	28.478,7		331,6

Như vậy lưu lượng nước mưa chảy tràn qua khu đất công trình vào ngày mưa nhiều nhất là 331,6 m³/ngày. Nồng độ các chất ô nhiễm có trong nước mưa được trình bày trong bảng sau:

Bảng 31: Nồng độ các chất có trong nước mưa chảy tràn

TT	Chất ô nhiễm	Nồng độ (mg/l)
1	Tổng Nito	0,5 – 1,5
2	Tổng Phospho	0,003 – 0,004
3	COD	10 – 20
4	TSS	10 – 20

Nguồn: Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), 1993.

Trong giai đoạn này không có biện pháp thu gom chất thải rắn, đào đắp san gạt hợp lý thì nước mưa chảy tràn sẽ cuốn trôi theo đất đá, chất thải rắn,... xuống các khu vực thấp của dự án, các ao hiện hữu và các khe cạn rãnh xung quanh khu đất dự án, làm tắc nghẽn dòng chảy, ảnh hưởng đến quá trình thoát nước của dự án, đồng thời gây ảnh hưởng tới chất lượng nước mặt tại ao hồ thuộc dự án.

Do đó chủ dự án sẽ có biện pháp thu gom, xử lý nước mưa chảy tràn phù hợp để giảm thiểu các tác động xấu từ nguồn thải này.

a.2) Nước thải sinh hoạt

+ Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân làm việc tại dự án. Theo tính toán tại Chương 1, khối lượng nước thải sinh hoạt phát sinh là 6m³/ngày. Đặc điểm của nước thải sinh hoạt có chứa các chất cặn bã, các chất rắn lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD, COD), các chất dinh dưỡng (N,P) và vi khuẩn khi thải ra môi trường sẽ bị ô nhiễm. Các chất dinh dưỡng (N,P), các chất này gây hiện tượng phú dưỡng nguồn nước làm ảnh hưởng đến chất lượng nước gây tác hại cho đời sống các sinh vật thủy sinh.

Nồng độ các chất ô nhiễm có trong nước thải sinh hoạt được trình bày dưới đây:

Bảng 32. Nồng độ các chất ô nhiễm có trong nước thải sinh hoạt

Chất ô nhiễm	Chưa qua xử lý
BOD5	469 - 563
COD	750 – 1.063
Chất rắn lơ lửng	730 – 1.510
Dầu mỡ	104 - 313
Tổng Nito	63 - 125
Amoni	25 – 1.510
Tổng Phospho	8 - 42
Coliform (*)	10 ⁶ - 10 ⁹

Nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của dự án bao gồm nước thải từ khu nhà ăn tập thể, nước thải từ nhà vệ sinh và từ các hoạt động sinh hoạt

khác của toàn bộ nhân viên trong dự án.

Đặc trưng nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt có chứa các chất cặn bã, các chất rắn lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ dễ phân hủy sinh học, các hợp chất dinh dưỡng (N,P), vi khuẩn,... các chất này gây hiện tượng phú dưỡng hóa nguồn nước làm ảnh hưởng đến chất lượng nước gây tác hại cho đời sống các sinh vật thủy sinh nếu không được xử lý mà thải trực tiếp ra ngoài.

Nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt được tính toán trên cơ sở lưu lượng nước thải và tải lượng ô nhiễm, thể hiện trong bảng sau:

Bảng 33: Nồng độ các chất ô nhiễm đặc trưng trong nước thải sinh hoạt khi chưa qua xử lý

Chất ô nhiễm	Theo thống kê (g/người.ngày)	Tính cho Dự án		QCVN 14:2008/BTNMT Cột B, K=1,2
		Tổng tải lượng (kg/ngày)	Nồng độ (mg/l)	
BOD ₅	45 – 54	4,5 – 5,4	300 – 360	60
TSS	70 – 145	7 – 14,5	466,7 – 966,7	120
Dầu mỡ ĐTV	10 – 30	1 – 3	66,7 – 200	24
Nitrat (NO ₃ ⁻)	6 – 12	0,6 – 1,2	40 – 80	60
Amôni	2,4 – 4,8	0,24 – 0,48	16 – 32	12
Phosphat	0,8 – 4,0	0,08 – 4	5,3 – 26,7	12

So sánh nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt với QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước thải sinh hoạt được phép xả thải vào nguồn tiếp nhận (mức B, K=1,2) thì nồng độ các chất ô nhiễm đều vượt Quy chuẩn quy định. Nước thải này có khả năng gây ô nhiễm hữu cơ, vi sinh rất lớn cho nguồn tiếp nhận chính là môi trường nước và môi trường đất xung quanh khu vực dự án. Nước thải sinh hoạt là môi trường sinh sống tốt cho các vectơ lây truyền dịch bệnh như: ruồi, muỗi, nhặng, chuột, gián,... sinh sôi và phát triển lây lan các dịch bệnh ra cộng đồng như: dịch tả, sốt,... là nguồn chứa mầm bệnh cho công nhân viên làm việc trong khu vực trong suốt thời gian dự án hoạt động. Bên cạnh đó, việc nước thải không được xử lý cũng gây ô nhiễm nguồn nước ngầm. Do đó, chủ dự án sẽ có những biện pháp xử lý triệt để lượng nước thải này. Các biện pháp cụ thể được trình bày trong phần sau của báo cáo.

a.3). Nước thải phát sinh từ hoạt động sản xuất:

+ Nước thải phát sinh từ hoạt động giết mổ gia cầm, thủy cầm: Theo thống kê thực tế tại cơ sở, nhu cầu dùng nước trung bình cho 1 tấn sản phẩm là khoảng 5m³ nước. Tổng lượng sản phẩm tối đa của cơ sở là 6.000 con/ngày (01 con trung bình ra 2,4kg thành phẩm tương đương 14,4 tấn sản phẩm/ngày); lượng nước cấp sử dụng cho hoạt động giết mổ tại thời điểm lớn nhất ứng với công suất khoảng 6.000 con/ngày tối đa khoảng 72m³/ngày. Theo số liệu thống kê từ năm 2021 đến nay, trung bình mỗi ngày cơ sở giết mổ khoảng 4.500 đến 6.000 con, tương ứng với lượng nước thực tế sử dụng 52m³ đến 72m³/ngày. Thực tế

khối lượng nước sử dụng có thể chênh lệch so với cơ sở tính toán lý thuyết; dựa trên số theo dõi lưu lượng nước thải của cơ sở, nước thải phát sinh từ hoạt động giết mổ của cơ sở phát sinh tối đa khoảng $68\text{m}^3/\text{ngày}$, lưu lượng trung bình khoảng $48\text{m}^3/\text{ngày}$. Thành phần nước thải từ hoạt động giết mổ gia cầm, thủy cầm có hàm lượng chất hữu cơ cao, chứa nhiều vi sinh vật gây bệnh, vi khuẩn, dầu mỡ động vật,... Nước thải từ hoạt động giết mổ không ổn định về mặt lưu lượng do phụ thuộc về số lượng gia cầm được giết mổ mỗi ngày.

Theo “Thoát nước và xử lý nước thải công nghiệp - Trần Hiếu Nhuệ, 1998”, tải lượng các chất ô nhiễm ở các cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm như sau:

Bảng 34. Tải lượng các chất ô nhiễm ở các cơ sở giết mổ gia cầm

Loại chất bẩn	Tải lượng (kg/ngày đêm)
COD	1.301
BOD ₅	580
Tổng Nitơ	70,4
Chất lơ lửng	459

+ Nước thải từ hoạt động nấu ăn tại nhà ăn của cơ sở: Lượng nước sử dụng phục vụ cho bếp ăn của cơ sở được tính toán theo TCVN TCVN 4513 : 1988 (Cấp nước bên trong – Tiêu chuẩn thiết kế). Định mức nước cấp sử dụng cho một suất ăn tương đương 18 đến 25 lít/ngày. Báo cáo chọn định mức cho mỗi suất ăn tối đa tương đương 25 lít/ngày. Vậy lượng nước cấp sử dụng cho hoạt động này tương đương: $Q_{\text{nấu ăn}} = 25 \text{ lít/suất ăn} \times 01 \text{ người/suất ăn.ngày} \times 80 \text{ người/ngày} = 2.000 \text{ lít/ngày} = 2\text{m}^3/\text{ngày}$. Lượng nước thải tương đương 100% nước cấp = $2\text{m}^3/\text{ngày}$. Thành phần nước thải chủ yếu chứa chất rắn lơ lửng và một số chất hữu cơ, dầu mỡ động thực vật,...

Như vậy, tổng lưu lượng nước thải phát sinh của dự án tối đa khoảng $80\text{m}^3/\text{ngày}$ (Gồm nước thải sinh hoạt $6\text{m}^3/\text{ngày}$; nước thải từ hoạt động giết mổ $72\text{m}^3/\text{ngày}$; nước thải từ khu nhà ăn $2\text{m}^3/\text{ngày}$).

Trong nước thải chứa nhiều chất rắn lơ lửng (SS), các chất hữu cơ (BOD₅, COD), các chất dinh dưỡng (N,P) và vi sinh vật gây bệnh, cụ thể:

+ Nước thải có hàm lượng chất lơ lửng cao: các chất rắn lơ lửng nếu thải ra môi trường nước sẽ nổi lên trên mặt nước tạo thành lớp dày, lâu dần lớp đó ngả màu xám, không những làm mất vẻ mỹ quan mà quan trọng hơn chính lớp vật nổi này sẽ ngăn cản quá trình trao đổi oxy và truyền sáng, dẫn nước đến tình trạng kỵ khí. Mặt khác một phần cặn lắng xuống đáy sẽ bị phân hủy trong điều kiện kỵ khí, sẽ tạo ra mùi hôi cho khu vực xung quanh. Chất rắn lơ lửng sẽ làm giảm khả năng quang hợp, đồng thời làm giảm sự sinh trưởng và phát triển của thực vật trong nước.

+ Nước thải có hàm lượng chất hữu cơ cao: hàm lượng chất hữu cơ cao sẽ làm nồng độ oxy hòa tan (DO) trong nước giảm đi nhanh chóng do vi sinh vật cần lấy oxy hòa tan trong nước để chuyển hóa các chất hữu cơ nói trên thành CO₂, N₂, H₂O, CH₄,... Nếu nồng độ DO dưới 3 mg/l sẽ kìm hãm sự phát triển của thủy sinh vật và ảnh hưởng đến sự phát triển của hệ sinh thái thủy vực. Loại

nước thải này nếu bị ứ đọng ngoài môi trường sẽ gây mùi hôi thối khó chịu do các chất hữu cơ bị phân hủy tạo thành. Mặt khác do quá trình phân hủy các hợp chất hữu cơ sẽ làm cho các hợp chất nitơ và photpho khuếch tán trở lại trong nước, sự gia tăng nồng độ các chất dinh dưỡng này trong nước có thể dẫn đến hiện tượng phú dưỡng hóa.

+ Nước thải có chứa các vi sinh vật gây bệnh: làm lây lan dịch bệnh, gây nguy hiểm cho sức khỏe con người và động vật khi sử dụng nguồn nước bị nhiễm vi sinh vật gây bệnh. Nước có lẫn các loại vi khuẩn gây bệnh thường là nguyên nhân của các dịch bệnh thương hàn, phó thương hàn, lỵ, tả. Tùy điều kiện mà vi khuẩn có sức chịu đựng mạnh hay yếu. Các nguồn nước thiên nhiên thường có một số loài vi khuẩn thường xuyên sống trong nước hoặc một số vi khuẩn từ đất nhiễm vào. Coliform là nhóm vi khuẩn đường ruột hình que hiếu khí hoặc kỵ khí tùy tiện và đặc biệt là *Escherichia Coli* (*E. Coli*). *E. Coli* là một loại vi khuẩn có nhiều trong phân người và phân động vật máu nóng. *Salmonella* là vi khuẩn gây bệnh thương hàn, phó thương hàn. Ước tính có tới 70% bệnh truyền nhiễm được truyền qua đường nước có nhiễm tác nhân gây bệnh.

Tác động của nước thải đến nguồn tiếp nhận:

Như đã đánh giá ở trên tác động của nước thải chăn nuôi đến môi trường là rất lớn, nước thải nếu không được xử lý mà thải trực tiếp sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến chất lượng nước mặt, môi trường đất, nước mặt, nước ngầm.

- Không gian tác động: khuôn viên dự án, hệ thống thoát nước tự nhiên.
- Thời gian tác động: Thời gian hoạt động của dự án

b) Đánh giá, dự báo tác động do bụi, khí thải

b.1) Bụi, khí thải phát sinh từ phương tiện giao thông, vận chuyển nguyên liệu, nhập và thành phẩm:

- Nguồn phát sinh: Quá trình phát thải do sử dụng nhiên liệu của phương tiện vận chuyển.

- Thời gian phát sinh: Chỉ xảy ra khi có phương tiện giao thông vận chuyển đi qua.

- Phạm vi: Đường giao thông vận chuyển, người thực hiện vận chuyển, người tham gia giao thông, môi trường không khí và người dân 02 bên tuyến đường.

- Tải lượng, thải lượng:

Lượng xe vận chuyển tối đa trong 1 ngày tại dự án khoảng 13 lượt.

Theo báo cáo “Nghiên cứu các biện pháp kiểm soát ô nhiễm không khí giao thông đường bộ tại TP. Hồ Chí Minh” cho thấy lượng nhiên liệu tiêu thụ trung bình tính chung cho các loại xe tải 15T chạy dầu là 0,3 lít/km. Lượng nhiên liệu cần cung cấp cho hoạt động của xe được trình bày trong bảng sau:

Bảng 35: Lượng nhiên liệu cần cung cấp cho hoạt động của xe trong 1 ngày

Xe vận chuyển	Số lượt xe (lượt/ngày)	Quãng đường vận chuyển	Lượng nhiên liệu tiêu thụ (lít/km)	Nhiên liệu tiêu thụ (lít)	Nhiên liệu tiêu thụ (tấn)
Xe tải 15T (Diesel)	13	250	0,3	975	0,83

Ghi chú:

- Khối lượng riêng dầu DO là 0,85 kg/lít.
- Hàm lượng lưu huỳnh (S) trong dầu DO là 0,05%.

Bảng 36: Tải lượng các chất ô nhiễm khí thải sinh ra từ các hoạt động của phương tiện vận tải

Hoạt động	Chất ô nhiễm				
	Bụi	SO ₂	NO ₂	CO	THC/VOC
Hệ số ô nhiễm (kg/tấn)	4,3	20S	70	14	4
Tải lượng (kg/ngày)	3,569	0,83	58,1	11,62	3,32
Tải lượng (mg/m.s)	0,0005	0,0001	0,0081	0,0016	0,0005

Áp dụng Công thức 3 – Tính toán phát thải trên nguồn đường ta tính được nồng độ bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động vận chuyển như sau:

Bảng 57: Nồng độ các chất ô nhiễm khí thải sinh ra từ các hoạt động của phương tiện vận tải

Chất ô nhiễm	Khoảng cách (m)				QCVN 05:2023/BTNMT(mg/m ³)
	2	3	4	5	
Bụi	0,000	0,000	0,000	0,000	0,2
SO ₂	0,000	0,000	0,000	0,000	0,35
NO ₂	0,001	0,000	0,000	0,000	0,2
CO	0,000	0,000	0,000	0,000	30
THC	0,000	0,000	0,000	0,000	-

Đánh giá:

- Nhận thấy tất cả các chỉ tiêu đều nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 05:2023/BTNMT ở khoảng cách 2m. Qua đó cho thấy, tải lượng và nồng độ các chất ô nhiễm trong khí thải phát sinh từ hoạt động phương tiện giao thông, vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm thành phẩm của dự án là đáng kể, bên cạnh đó đây là nguồn ô nhiễm di động, phát tán, các phương tiện vận chuyển của dự án cũng không hoạt động liên tục, số lượt vận chuyển, đi lại trong ngày ít.

- Khu vực dự án có thảm thực vật tốt, cách xa khu dân cư, xung quanh phần lớn là diện tích đất nông nghiệp của người dân, bên cạnh đó diện tích cây xanh theo quy hoạch tại dự án lớn nên là điều kiện để hấp thu và khả năng tự làm sạch không khí cũng góp phần giảm thiểu nồng độ các chất ô nhiễm. Các tác động từ khí thải của phương tiện vận chuyển đối với môi trường tự nhiên, kinh tế xã hội trong giai đoạn hoạt động được dự báo là tác động không đáng kể.

b.2) Đánh giá ô nhiễm do khí thải từ máy phát điện dự phòng

- Nguồn phát sinh: Khí thải từ máy phát điện dự phòng.
- Thời gian phát sinh: Khi có sự cố về điện.
- Phạm vi: Nhà phát điện dự phòng.
- Tải lượng, thải lượng:

Trong giai đoạn hoạt động, chủ dự án sẽ đầu tư trang bị 02 máy phát điện dự phòng có công suất 250KVA để cấp điện cho toàn trang trại khi xảy ra sự cố mất điện. Các tác động của khí thải từ máy phát điện dự phòng đến môi trường chỉ mang tính chất tạm thời, gián đoạn trong thời gian mất điện lưới.

Như đã đánh giá tại hoạt động san lấp mặt bằng, thi công xây dựng, các thông số ô nhiễm khí thải từ máy phát điện dự phòng đảm bảo theo QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ nên ảnh hưởng đến môi trường không đáng kể. Tuy nhiên chủ dự án sẽ có các biện pháp để kiểm soát cũng như giảm thiểu tối đa nguồn gây ảnh hưởng này.

c) Đánh giá, dự báo tác động do chất thải rắn

c.1) Chất thải rắn sinh hoạt:

- Nguồn phát sinh: Sinh hoạt của công nhân.
- Phạm vi: Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh chủ yếu tại các khu vực nhà ăn, bếp nấu, nhà ở công nhân, nhà điều hành, khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt.

- Thời gian phát sinh: Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh hàng ngày và kéo dài trong suốt thời gian hoạt động của trang trại.

- Tải lượng, thải lượng:

+ Thải lượng: Trong giai đoạn hoạt động, tổng số lượng công nhân làm việc tại dự án là 80 người, chất thải rắn phát sinh từ sinh hoạt của công nhân khoảng 0,5kg/người.ngày, vậy tổng khối lượng chất thải rắn sinh hoạt của công nhân phát sinh khoảng 40 kg/ngày.

+ Thành phần chất thải: Thành phần chủ yếu là chất hữu cơ dễ phân hủy và các loại bao bì, giấy, bìa carton, chai lọ đựng thức ăn, đồ uống,... Khối lượng phát thải nhỏ, tuy nhiên chất thải rắn sinh hoạt có thành phần chủ yếu là chất hữu cơ dễ phân hủy tạo điều kiện cho ruồi, nhặng, chuột, bọ,...phát triển.

Trong giai đoạn hoạt động, nếu lượng chất thải rắn phát sinh mà không được thu gom và xử lý sẽ làm ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến sức khỏe của công

nhân, môi trường cảnh quan khu vực dự án. Tác động xấu này ngoài việc ảnh hưởng đến môi trường, sức khỏe của công nhân và người dân. Do đó, chủ dự án sẽ có biện pháp thu gom và xử lý rác thải sinh hoạt phù hợp nhằm giảm thiểu các tác động xấu này. Các biện pháp giảm thiểu được trình bày trong phần sau của báo cáo.

c2) Chất thải rắn sinh hoạt:

Quá trình hoạt động, cơ sở không bố trí khu vực lưu trữ gia cầm mà chỉ tiến hành thu gom gia cầm và đưa vào quy trình giết mổ trong ngày, không lưu chứa lại nên giảm thiểu được phân, chất thải phát sinh từ quá trình lưu trữ.

Chất thải rắn công nghiệp thông thường, phụ phẩm phát sinh thường xuyên từ cơ sở phát sinh chủ yếu là lông gia cầm (lông gà), phân, nội tạng... với tổng khối lượng khoảng 3.600kg/ngày. Trong đó khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh khoảng 1.800kg/ngày; phụ phẩm nội tạng phát sinh khoảng 1.800kg/ngày; nội tạng sau khi làm sạch sẽ được Chủ cơ sở bán cho các đơn vị có nhu cầu thu mua để làm thực phẩm.

Theo kinh nghiệm thực tế trong quá trình giết mổ của Chủ cơ sở, khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh tại cơ sở cụ thể như sau: Khối lượng trung bình của gia cầm (gà) nhập về tại cơ sở là 3kg, khối lượng gà sau khi bóc lông (gà thành phẩm) trung bình khoảng 2,4kg. Còn lại là lông gà khoảng 0,2kg, nội tạng khoảng 0,3kg, còn lại là phân và chất thải chứa trong dạ dày (mề) khoảng 0,1kg. Như vậy, với tổng khối lượng gia cầm giết mổ tối đa tại cơ sở mỗi ngày là 6.000 con, thì khối lượng phụ phẩm (nội tạng), chất thải rắn thông thường phát sinh tương ứng như sau:

Lông gia cầm = 6.000 con/ngày x 0,2 kg/con = 1.200kg/ngày. Nội tạng = 6.000 con/ngày x 0,3 kg/con = 1.800 kg/ngày.

Phân gia cầm = 6.000 con/ngày x 0,1 kg/con = 600 kg/ngày.

d) Đánh giá, dự báo tác động do chất thải nguy hại

Trong giai đoạn hoạt động của dự án, nguồn phát sinh chất thải nguy hại có thể thống kê như sau:

- Nguồn phát sinh: Chất thải nguy hại từ quá trình sinh hoạt của công nhân phát sinh chủ yếu tại khu nhà ở công nhân, các dụng cụ vật dụng có chứa nguồn chất thải nguy hại đã hết hạn sử dụng

- Thời gian phát sinh: Thời gian phát sinh diễn ra trong suốt thời gian hoạt động của dự án.

- Tải lượng, thải lượng:

Trong giai đoạn hoạt động, quá trình sinh hoạt của cán bộ công nhân viên tại dự án sẽ làm phát sinh chất thải nguy hại. Dự kiến khối lượng chất thải nguy hại phát sinh này ước tính khoảng 15 kg/năm. Hiện nay chưa có nhiều tài liệu để dự báo, tính toán khối lượng chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình sinh hoạt. Do đó, sau khi dự án đi vào giai đoạn hoạt động chính thức, hàng ngày, hàng tháng chủ dự án cam kết sẽ thống kê số liệu cụ thể về thành phần các loại chất thải nguy hại phát sinh và bổ sung vào báo cáo giám sát môi trường định kỳ và

Báo cáo quản lý chất thải nguy hại hàng năm của dự án.

Thành phần các chất ô nhiễm: Thành phần chất thải nguy hại chủ yếu gồm các loại bóng đèn huỳnh quang bị hỏng, pin các loại, sạc điện thoại,...

3.2.1.2. Đánh giá, dự báo tác động không liên quan đến chất thải

a) Đánh giá, dự báo tác động của các nguồn phát sinh tiếng ồn

- Nguồn phát sinh tiếng ồn phát sinh chủ yếu từ các nguồn sau:

+ Hoạt động của các máy móc thiết bị như: máy phát điện, quạt công nghiệp, máy bơm,...

+ Hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên nhiên liệu,...

- Thời gian phát sinh: Trong thời gian hoạt động của dự án.

- Tải lượng, thải lượng:

Tiếng ồn cao sẽ gây ảnh hưởng đến công nhân làm việc trực tiếp tại dự án và gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh. Tác hại của tiếng ồn là gây nên những tổn thương cho các bộ phận trên cơ thể người. Trước hết là cơ quan thính giác chịu tác động trực tiếp của tiếng ồn làm giảm độ nhạy của tai, thính lực giảm sút gây nên bệnh điếc nghề nghiệp. Ngoài ra, tiếng ồn gây ra các chứng đau đầu, ù tai, chóng mặt, buồn nôn, rối loạn thần kinh, rối loạn tim mạch, các bệnh về hệ thống tiêu hóa. Rung động gây nên các bệnh về thần kinh, khớp xương.

Theo thống kê của Bộ Y tế và Viện nghiên cứu Khoa học Kỹ thuật Bảo hộ lao động của Tổng Liên Đoàn Lao động Việt Nam thì tiếng ồn từ 80dBA trở lên sẽ làm giảm sự chú ý, gây cảm giác mệt mỏi, nhức đầu chóng mặt, tăng cường sự ức chế thần kinh trung ương và ảnh hưởng tới thính giác của con người. Khi tiếp xúc với tiếng ồn ở cường độ cao trong thời gian dài sẽ dẫn đến bệnh điếc nghề nghiệp. Ngoài ra tiếng ồn còn gây thương tổn cho hệ tim mạch và làm tăng bệnh đường tiêu hóa.

Bảng 58: Mức độ ồn ảnh hưởng đến con người

Mức ồn (dBA)	Tác động đến con người
0	Ngưỡng nghe thấy
100	Bắt đầu làm biến đổi nhịp đập của tim
110	Kích thích mạnh màng nhĩ
120	Ngưỡng chói tai
130 ÷ 135	Gây bệnh thần kinh, nôn mửa, làm yếu xúc giác và cơ bắp
140	Đau chói tai, gây bệnh mất trí, điên
145	Giới hạn cực đại mà con người có thể chịu được tiếng ồn
150	Nếu nghe lâu sẽ bị thủng màng nhĩ
160	Nếu nghe lâu sẽ nguy hiểm
190	Chỉ cần nghe trong thời gian ngắn đã bị nguy hiểm

Để xác định khả năng lan truyền của tiếng ồn từ các nguồn ồn đến khu

vực xung quanh, áp dụng công thức sau:

$$L = L_p - \Delta L_d - \Delta L_b - \Delta L_n \text{ (dBA)}.$$

Trong đó:

- L : Mức ồn truyền tới điểm tính toán ở môi trường xung quanh, (dBA)
- L_p : Mức ồn tại nguồn gây ồn (dBA).
- ΔL_d : Mức ồn giảm theo khoảng cách d .
- + Đối với nguồn ồn là điểm: $\Delta L_d = 20 \cdot \lg[(r_2/r_1)^{1+a}]$ (dBA).
- + Đối với nguồn ồn là dòng xe giao thông: $\Delta L_d = 10 \cdot \lg[(r_2/r_1)^{1+a}]$ (dBA).

Trong đó:

- r_1 : Khoảng cách dùng để xác định mức âm đặc trưng của nguồn gây ồn, thường lấy bằng 1m đối với nguồn điểm.
- r_2 : Khoảng cách tính toán độ giảm mức ồn tính từ nguồn gây ồn, m.
- a : Hệ số kể đến ảnh hưởng hấp thụ tiếng ồn của địa hình mặt đất, đối với mặt đất trống trải $a = 0$
- ΔL_b : Mức ồn giảm đi khi truyền qua vật cản. Khu vực dự án có địa hình rộng, thoáng, không có vật cản nên $\Delta L_b = 0$

- ΔL_n : Mức ồn giảm đi do không khí và các bề mặt xung quanh hấp thụ.

Trong phạm vi tính toán nhỏ, chúng ta có thể bỏ qua mức giảm độ ồn này.

(Nguồn: GS.TS Phạm Ngọc Đăng, Môi trường không khí, Nhà xuất bản Khoa học Kỹ thuật, Hà Nội - 2003).

Từ công thức trên, tính toán được mức ồn phát sinh từ máy móc, thiết bị tới môi trường xung quanh ở khoảng cách tương ứng được thể hiện trong bảng sau.

Bảng 59: Mức độ ồn ảnh hưởng đến con người

STT	Loại máy móc	Mức ồn cách 5m	Mức ồn cách 20m	Mức ồn cách 50m	Mức ồn cách 100m
1	Xe tải	74	62	54	48
2	Máy phát điện	79	49,6	40,3	38,1
3	Máy bơm	61	49	41	35
QCVN 26:2010/BTNMT		70 dBA			

Nguồn: GS.TS Phạm Ngọc Đăng, Môi trường không khí, Nhà xuất bản Khoa học Kỹ thuật, Hà Nội – 2003.

Khi so sánh với Quy chuẩn thì ở khoảng cách 5m, tiếng ồn phát sinh từ tất cả các nguồn như phương tiện giao thông, máy phát điện đều vượt giới hạn cho phép. Ở khoảng cách từ 20m trở lên tiếng ồn từ các nguồn phát sinh đều nằm trong giới hạn cho phép.

Theo như đã trình bày tại chương 1, phần mô tả các đối tượng xung quanh thì khu vực dự án cách xa khu dân cư sinh sống tập trung, khu vực dự án cách

khá xa khu dân cư, do đó khi tiếng ồn phát tán ra môi trường xung quanh không ảnh hưởng nhiều đến các đối tượng xung quanh dự án, tác động của tiếng ồn chỉ ảnh hưởng đến sức khỏe của cán bộ công nhân viên làm việc tại dự án, làm giảm năng suất lao động, giảm khả năng tập trung lao động dễ dẫn đến tai nạn lao động.

Khu đất dự án nằm trên địa hình thông thoáng nên sẽ hạn chế được tối đa ảnh hưởng do tiếng ồn đến một số đối tượng xung quanh dự án.

b) Tác động từ khai thác và sử dụng nước ngầm

Dự án có sử dụng nguồn nước ngầm khai thác qua các giếng khoan. Do đó chủ dự án sẽ lập hồ sơ gửi cơ quan có chức năng để xin phép khai thác nước ngầm theo đúng quy định hiện hành. Quá trình khai thác có nhiều nguy cơ ảnh hưởng đến chất lượng nước ngầm do sự thâm nhập của các chất gây ô nhiễm nước qua lỗ khai thác hoặc quá trình thẩm thấu, ngoài ra việc khai thác 1 lượng lớn nước ngầm diễn ra qua nhiều năm thì nguy cơ bị sụt lún địa hình do quá trình khai thác nước ngầm cũng có thể xảy ra. Trong quá trình khai thác sử dụng nước ngầm, chủ dự án sẽ tuân thủ nghiêm các quy định tại Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/05/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

c) Tác động đến hạ tầng giao thông tại khu vực dự án

Như số liệu đã trình bày ở trên, trong giai đoạn hoạt động trung bình 1 ngày sẽ có khoảng 13 lượt ô tô ra vào dự án.

Trong giai đoạn hoạt động, các tác động đến hạ tầng giao thông chủ yếu tại tuyến đường đất dài 1,6km kết nối đến dự án, tuy mật độ phương tiện giao thông trong giai đoạn này không cao nhưng với tải trọng của các phương tiện vận chuyển nặng nên ít nhiều sẽ có tác động đến hạ tầng tuyến đường như làm sụt lún, hư hỏng mặt đường, các xe vận chuyển sẽ làm phát sinh đất đá (vào mùa mưa), phát sinh bụi, khí thải, tăng mật độ phương tiện trên đường và ảnh hưởng đến nhu cầu đi lại của người tham gia giao thông.

Nhìn chung các tác động xấu phát sinh từ hoạt động vận chuyển lên hệ thống hạ tầng giao thông tại khu vực dự án tương đối thấp. Các tác động này chủ dự án sẽ có biện pháp phòng chống và giảm thiểu phù hợp, biện pháp áp dụng được trình bày trong phần sau của báo cáo.

d) Tác động đến kinh tế - xã hội

d.1) Tác động tích cực:

Khi dự án đi vào hoạt động có nhiều tác động tích cực đến kinh tế - xã hội của huyện Dương Minh Châu nói riêng và tỉnh Tây Ninh nói chung, cụ thể như sau:

- Tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động trong khu vực đặc biệt là lao động phổ thông.

- Tận dụng được quỹ đất để thúc đẩy phát triển ngành nông nghiệp trong lĩnh vực chăn nuôi.

- Cung cấp nguồn giống heo chất lượng cho người dân và các vùng lân cận dự án.

- Làm tăng tỷ lệ chăn nuôi trên địa bàn xã Bàu Năng theo định hướng phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao của tỉnh, tạo thế cân đối trong nội bộ ngành nông nghiệp giữa trồng trọt và chăn nuôi, tạo thêm giá trị gia tăng cho kinh tế nông nghiệp, là điều kiện để phát triển công nghiệp và thương mại – dịch vụ, tận dụng lợi thế về tài nguyên đất đai, lao động, đồng thời là động lực thúc đẩy phong trào chăn nuôi vốn là một lợi thế so sánh của tỉnh Tây Ninh nhưng lâu nay lại chưa có điều kiện phát triển.

Ngoài ra, khi trang trại hoạt động, ngoài tăng thu cho ngân sách nhà nước, đem lại hiệu quả kinh tế cho chủ đầu tư, góp phần tăng nguồn thu ngân sách cho địa phương thông qua việc nộp thuế, thúc đẩy cơ sở hạ tầng công nghiệp phát triển.

d.2) Tác động tiêu cực:

- Việc công nhân tạm trú tại khu vực dự án nếu không được quản lý chặt chẽ dễ dẫn đến mất an ninh trật tự địa phương đặc biệt là với những công nhân từ vùng khác đến. Quá trình sinh hoạt tại địa phương có thể phát sinh các mâu thuẫn giữa người dân địa phương với công nhân, công nhân dự án này với công nhân dự án khác. Ngoài ra có thể xảy ra hiện tượng cờ bạc, trộm cắp, ăn nhậu, ma túy,... ảnh hưởng đến an ninh trật tự địa phương.

- Phương tiện vận chuyển gia tăng trên các tuyến đường vào dự án, ảnh hưởng đến nhu cầu đi lại, sinh hoạt của người dân, bên cạnh đó còn gia tăng khả năng xảy ra tai nạn giao thông hoặc xảy ra va chạm và mâu thuẫn trong quá trình vận chuyển với người dân lưu thông trên tuyến đường.

3.2.1.3. Đánh giá, dự báo tác động gây nên bởi các rủi ro, sự cố của dự án trong giai đoạn hoạt động

a) Sự cố cháy nổ

- Khả năng cháy do bất cẩn trong lưu trữ và sử dụng nhiên liệu như dầu DO. Khí gas từ hầm biogas cũng là một dạng nhiên liệu nên rất dễ cháy, trong trường hợp bị rò rỉ và gặp nguồn nhiệt, khí gas từ hầm biogas sẽ bắt lửa và gây cháy.

- Khả năng cháy do những vật liệu dễ bắt lửa (bao bì, các loại giấy, gỗ,...) để gần các nguồn phát sinh nhiệt hay tia lửa. Khả năng cháy từ sự cố về điện: chập mạch điện...

- Cháy nổ do sét: sự cố sét đánh có thể dẫn đến cháy nổ

- Cháy nổ hầm biogas.

Sự cố cháy nổ sẽ gây thiệt hại to lớn về kinh tế và làm ô nhiễm hệ sinh thái đất, không khí một cách nghiêm trọng. Hơn nữa sự cố còn ảnh hưởng đến hoạt động của trại, đe dọa đến tính mạng con người và tài sản.

b) Sự cố về an toàn lao động

Khả năng bị tai nạn của người công nhân rất dễ xảy ra, nguyên nhân gây

tai nạn lao động có rất nhiều, cụ thể như: do sự bất cẩn, không tuân thủ nghiêm ngặt những quy định khi vận hành máy móc, thiết bị..., do sự bất cẩn về điện dẫn đến sự cố điện giật, không thực hiện đầy đủ các quy định an toàn lao động do chủ đầu tư dự án đề ra,...

Xác suất xảy ra các sự cố này tùy thuộc vào việc chấp hành nội quy và quy tắc an toàn lao động của người công nhân. Mức độ tác động có thể gây ra thương tật hay thiệt hại tính mạng người lao động.

c) Nguy cơ nhiễm bệnh cho người lao động:

Người lao động trực tiếp tham gia chăn nuôi heo trong khu trại có nhiều nguy cơ bị lây nhiễm một số bệnh từ gia súc như: Các bệnh về đường hô hấp, bệnh cúm H₁N₁ khi gia súc mắc bệnh truyền sang người, nhiễm giun, sán do vệ sinh kém, bệnh uốn ván do nhiễm vi trùng uốn ván khi bị trầy xước do bất cẩn và một số bệnh lây nhiễm khác. Nguy cơ nhiễm bệnh đặc biệt là một số bệnh có tính lây nhiễm và khả năng gây tử vong cao như bệnh cúm H₁N₁, có khả năng lây từ người sang người, ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng của cộng đồng và có khả năng bùng nổ dịch bệnh trên phạm vi rộng lớn.

d) Sự cố dịch bệnh

Sự cố dịch bệnh xảy ra bao gồm: Các bệnh theo Danh mục bệnh động vật trên cạn phải công bố dịch theo quy định tại mục 1 của Phụ lục 01; Danh mục bệnh truyền lây giữa động vật và người theo quy định tại mục 2 của Phụ lục 01 và Danh mục bệnh động vật cấm giết mổ, chữa bệnh theo quy định tại mục 3 của Phụ lục 01 ban hành kèm theo Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về dịch bệnh động vật trên cạn.

Nếu không có biện pháp phòng ngừa tốt có thể xảy ra sự cố về dịch bệnh có thể xảy ra chủ yếu do nguyên nhân sau:

- Heo bị nhiễm bệnh trước khi nhập về.
- Chim hoặc do người ra vào trại chăn nuôi mang mầm bệnh từ nơi khác đến do công tác phòng chống dịch không đúng quy trình.
- Hoạt động chăm sóc, tiêm phòng cho heo không đúng quy định.
- Các tác hại trong trường hợp dịch bệnh xảy ra:
 - + Thiệt hại nặng nề về mặt kinh tế cho chủ dự án.
 - + Ảnh hưởng đến sức khỏe và tính mạng của công nhân viên làm việc trực tiếp trong trại chăn nuôi.
 - + Có thể làm lây lan dịch bệnh trên diện rộng nếu không có biện pháp ngăn chặn hiệu quả sự lây lan dịch bệnh.
 - + Khi dịch bệnh xảy ra trên diện rộng sẽ gây thiệt hại nặng nề cho nền kinh tế (ảnh hưởng đến ngành chăn nuôi, chế biến lương thực – thực phẩm, ngành du lịch...) và sức khỏe, tính mạng của người dân. Trường hợp này có thể làm cho hệ thống y tế bị quá tải do xuất hiện hàng loạt người bị bệnh trong cùng một thời điểm.

+ Nếu không có biện pháp phòng ngừa tốt có thể xảy ra các dịch bệnh nguy hiểm, lan truyền nhanh như bệnh heo tai xanh, lở mồm long móng,... gây thiệt hại nặng về kinh tế cho chủ dự án, ảnh hưởng đến sức khỏe công nhân trực tiếp chăn nuôi, có thể làm lây lan trên diện rộng.

e) Các rủi ro sự cố môi trường khác

e.1). Sự cố về rò rỉ hoặc vỡ đường ống cấp, thoát nước thải, sự cố ngưng vận hành các hệ thống xử lý môi trường:

- Đối với hệ thống xử lý nước thải: Sự cố thường gặp ở hệ thống thoát nước của dự án là tắc nghẽn đường ống thoát nước thải từ các xưởng sản xuất đến khu xử lý nước thải. Hư hỏng các máy móc thiết bị trong quy trình công nghệ xử lý nước thải của dự án. Khi sự cố này xảy ra sẽ gây ảnh hưởng đến quy trình sản xuất, ảnh hưởng đến hệ thống thoát nước, làm ô nhiễm môi trường nước, đất, không khí tại khu vực dự án nếu không có biện pháp xử lý kịp thời.

- Đối với sự cố vỡ đường ống cấp nước: Sự cố này có thể xảy ra do đường ống cấp nước được lắp đặt không đúng theo thiết kế hoặc độ bền và độ ổn định của đường ống không đảm bảo tiêu chuẩn. Khi sự cố này xảy ra sẽ ảnh hưởng đến quá trình hoạt động của trang trại, gây thất thoát một lượng nước đáng kể cho trang trại.

- Đối với sự cố ngưng vận hành các hệ thống xử lý môi trường gồm:

+ Các máy móc thiết bị của trạm như máy bơm, máy khuấy,... ngưng hoạt động (vì bị sự cố hoặc mất điện).

+ Công nhân vận hành không đảm bảo các yếu tố như nhiệt độ, độ pH để vi sinh vật hoạt động, phân hủy chất ô nhiễm dẫn đến chất lượng nước thải không được xử lý hiệu quả, gây ảnh hưởng đến các công trình xử lý kế tiếp, ảnh hưởng đến chất lượng nước đầu ra của hệ thống xử lý.

+ Sự cố từ đường ống, mương dẫn nước và thoát nước: Khi xảy ra sự cố về hệ thống xử lý, tùy mức độ mà tác động đến môi trường là khác nhau. Với những sự cố từ hệ thống bơm và đường ống, có thể sửa chữa trong thời gian ngắn thì tác động không lớn, chủ yếu ảnh hưởng trong khu vực xử lý nước thải. Tuy nhiên nếu sự rò rỉ đường ống dẫn nước, đặc biệt là nước thải đầu vào không được phát hiện trong thời gian dài có thể ảnh hưởng đến môi trường đất, nước ngầm, nước mặt và không khí khu vực. Đặc biệt nếu sự cố làm ảnh hưởng đến chất lượng xử lý nước thải, nước đầu ra không đạt yêu cầu thì sẽ gây tác động rất lớn đến chất lượng nguồn nước mặt tại khu vực tiếp nhận nước thải của dự án.

g) Sự cố từ hệ thống xử lý nước thải không đạt quy chuẩn Việt Nam theo đăng ký

Các sự cố từ hệ thống xử lý nước thải không đạt quy chuẩn QCVN 62-MT:2016/BTNMT (cột A), nguyên nhân có thể từ:

- Công nhân vận hành không nắm vững quy trình vận hành hệ thống xử lý.
- Các loại hóa chất đưa vào hệ thống xử lý không đúng liều lượng, tỷ lệ

hoặc không rõ xuất xứ, nguồn gốc, không đảm bảo chất lượng.

- Các công trình, biện pháp xử lý không được thực hiện, xây dựng theo đúng hồ sơ thiết kế đã được phê duyệt.

- Lưu lượng nước thải tăng giảm đột ngột.

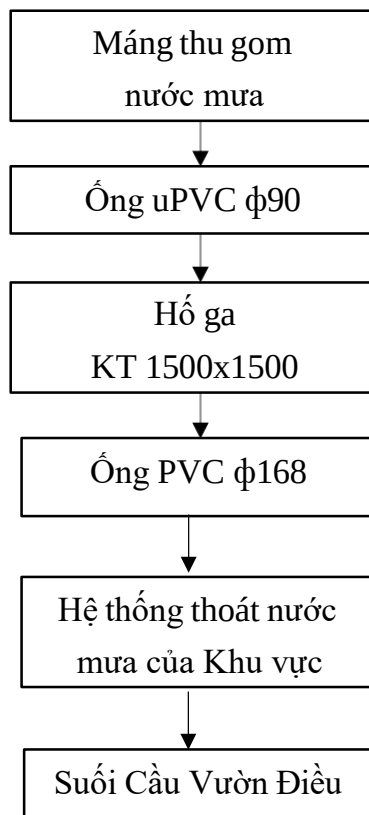
3.2.2. Hệ thống hầm biogas bị sự cố, nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải quá cao dẫn đến hệ thống không đủ khả năng xử lý. Các công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý chất thải và biện pháp giảm thiểu tác động tiêu cực khác đến môi trường

3.2.2.1. Đối với công trình xử lý nước thải

a) Nước mưa chảy tràn

Hệ thống thu gom và thoát nước mưa của Cơ sở được xây dựng riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước thải.

Cơ sở đã tiến hành bê tông hóa toàn bộ đường nội bộ và xây dựng hệ thống hố ga thu gom và thoát nước mưa xung quanh nhà xưởng, sau đó đầu nối vào hệ thống cống thoát nước mưa chung của Khu vực và chảy ra suối Cầu Vườn Điều. Tại các cửa xả nước mưa chảy tràn vào hệ thống cống thoát nước mưa chung lắp đặt các song chắn rác thô và hố ga lắng các tạp chất. Thường xuyên kiểm tra để có kế hoạch nạo vét bùn trong hố ga lắng và vệ sinh song chắn rác để chống tắc nghẽn hệ thống thoát nước mưa. Hệ thống thoát nước mưa của dự án cụ thể như sơ đồ sau:



Hình 6. Hệ thống thoát nước mưa của dự án

Hệ thống thu gom nước mưa của cơ sở bao gồm:

+ Nước mưa mái được thu gom qua các máng thu nước mưa về các ống đứng uPVC $\phi 90\text{mm}$ chảy xuống các hố ga thu nước. Nước mưa từ các khu vực đất trống, sân bãi chảy tràn theo độ dốc địa hình về các hố ga thu nước mưa.

+Nước mưa từ các hố ga theo các tuyến ống chạy dọc theo nhà xưởng và các hạng mục công trình ra hố ga đầu nối vào hệ thống thoát nước chung ngoài nhà sau đó tiếp tục theo đường cống thoát nước PVC $\phi 168\text{mm}$, $i=2\%$ chảy ra vị trí đầu nối hệ thống thoát nước mưa chung của khu vực được bố trí dọc theo đường bờ Nam kênh Tây để thoát theo hệ thống thoát nước mưa chung của khu vực sau đó chảy ra suối Cầu Vườn Điều.

+Trên các tuyến cống bố trí các hố ga thu nước BTCT có kích thước $1.500 \times 1.500\text{mm}$, khoảng cách hố ga trung bình từ 10-30m/hố, tùy theo khu vực.

+Vị trí đầu nối nước mưa: 01 vị trí, thoát ra hệ thống thoát nước của khu vực sau đó chảy ra suối Cầu Vườn Điều. Tọa độ VN 2000 X= 2125230; Y = 57233.

+Chế độ xả: Tự chảy.

Bảng 60. Tổng hợp khối lượng mạng lưới thu gom, thoát nước mưa

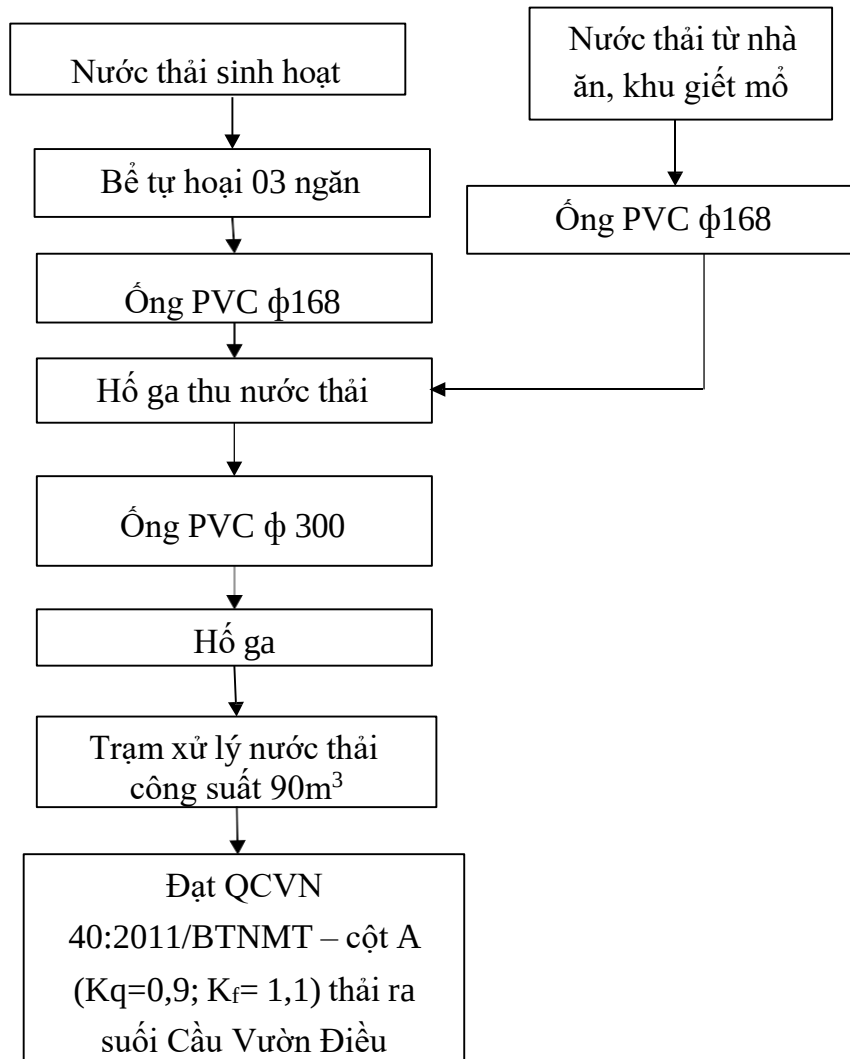
STT	Quy cách	Đơn vị	Khối lượng	Kết cấu
1	Ống thoát nước mưa tự chảy $\phi 168\text{mm}$	m	218	PVC
2	Hố ga thoát nước mưa $1500 \times 1500\text{mm}$	Cái	10	BTCT
3	Vị trí thoát nước mưa	Vị trí	01	-

Nguồn: Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân

a) Nước thải sinh hoạt và giết mổ

Chủ cơ sở đã bố trí hệ thống thu gom, thoát nước thải riêng biệt với hệ thống thoát nước mưa.

Chi tiết hệ thống thu gom, thoát nước thải của dự án được trình bày dưới đây:



Hình 7. Hệ thống thu gom, thoát nước thải của dự án

Nước thải sinh hoạt tại các khu vực nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn sau đó theo đường ống PVC $\phi 168\text{mm}$, thoát ra hố gas thoát nước thải ngoài nhà của cơ sở sau đó tiếp tục theo hệ thống thu gom bằng ống PVC $\phi 300\text{mm}$ đưa về HTXLNT của cơ sở công suất $90\text{m}^3/\text{ngày}$ để tiếp tục xử lý.

Nước thải phát sinh từ khu giặt mủ được thu gom theo hệ thống đường ống thu gom bằng PVC $\phi 168\text{mm}$ sau đó chảy ra hố gas thu gom nước thải ngoài nhà của cơ sở sau đó tiếp tục theo hệ thống thu gom bằng ống PVC $\phi 300\text{mm}$ đưa về HTXLNT của cơ sở công suất $90\text{m}^3/\text{ngày}$ để tiếp tục xử lý.

Nước thải phát sinh từ khu vực nhà ăn theo hệ thống thu gom bằng đường ống PVC $\phi 168\text{mm}$ chảy ra hố gas thu gom nước thải của dự án sau đó tiếp tục theo hệ thống thu gom bằng ống PVC DN 168mm sau cùng theo hệ thống thu gom bằng ống PVC $\phi 300\text{mm}$ đưa về HTXLNT của cơ sở công suất $90\text{m}^3/\text{ngày}$ để tiếp tục xử lý.

Nước thải sau khi xử lý qua hệ thống xử lý nước thải của cơ sở công suất $90\text{m}^3/\text{ngày}$.đảm đạt QCVN 40:2011/BTNMT – cột A ($K_q=0,9$; $K_f= 1,1$) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp sẽ tiếp tục theo đường ống PVC $\phi 114$ đặt âm dưới đất $0,5\text{m}$ đến hố gas, sau đó theo đường cống bê tông $\phi 400\text{mm}$, đặt âm 1m , có chiều dài 5m thải ra điểm tiếp nhận cuối cùng là suối Cầu Vườn Điều tại Ấp Ninh Bình, xã Bàu Năng, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

Vị trí xả nước thải: 01 vị trí có tọa độ VN 2000 (kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiều 3°): $X= 1252228$; $Y = 572302$ thuộc Ấp Ninh Bình, xã Bàu Năng, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

Chế độ xả: Tự chảy, $16\text{ giờ}/\text{ngày}$.

Bảng 61. Tổng hợp khối lượng mạng lưới thu gom nước thải

STT	Quy cách	Đơn vị	Khối lượng	Kết cấu
1	Hố gas thoát nước thải $1.000 \times 1.000\text{mm}$	cái	06	BTCT
2	Đường ống $\phi 168\text{mm}$	m	185	PVC
3	Đường ống $\phi 300\text{mm}$	m	79	PVC
4	Đường ống $\phi 114\text{mm}$	m	10	PVC
5	Cống $\phi 400$	m	05	BTCT
6	Bể tự hoại	cái	02	BTCT
7	Trạm xử lý nước thải công suất $90\text{m}^3/\text{ngày}$	Trạm	01	-

Nguồn: Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân

* Công trình, biện pháp xử lý nước thải

Nước thải phát sinh tại cơ sở được thu gom và xử lý như sau:

Nước thải sinh hoạt tại các khu vực nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ bằng bể tự

hoại 3 ngăn sau đó tiếp tục đưa về HTXLNT của cơ sở công suất 90m³/ngày để tiếp tục xử lý.

Nước thải từ hoạt động giết mổ gia cầm, nước thải từ khu nhà ăn được thu gom theo hệ thống thu gom nước thải về HTXLNT của cơ sở công suất 90m³/ngày để tiếp tục xử lý.

Chi tiết các công trình xử lý nước thải của cơ sở như sau:

❖ **Bể tự hoại 03 ngăn**

Chủ cơ sở đã bố trí 03 bể tự hoại 03 ngăn với tổng thể tích các bể tự hoại là 60 m³. Vị trí bố trí các bể tự hoại cụ thể như sau:

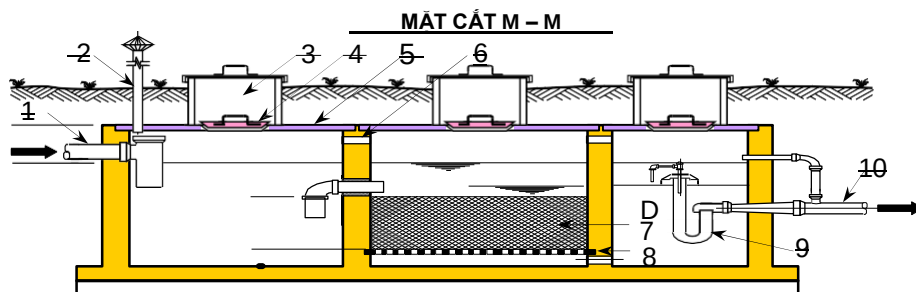
- + 01 bể tại khu vực văn phòng với kích thước 3x2x2,5m. Dung tích bể 15m³.
- + 01 bể tại khu vực nhà ăn với kích thước 5x2x2,5m, dung tích bể 25m³.
- + 01 bể tại khu vực kho vật tư với kích thước 2x4x2,5m; dung tích bể 20m³.

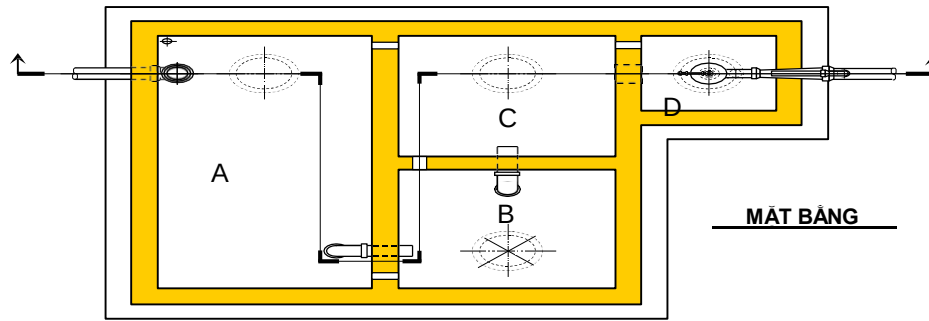
Nguyên lý hoạt động của Bể tự hoại:

Bể tự hoại 3 ngăn có dạng hình chữ nhật, được xây bằng bê tông cốt thép, đáy bằng tấm đan. Nguyên tắc hoạt động của bể là lắng cặn và phân hủy kỵ khí cặn lắng, cặn lắng được giữ lại trong bể từ 6 - 8 tháng, dưới ảnh hưởng của các vi sinh vật, các chất hữu cơ bị phân giải, một phần tạo thành các chất khí và một phần tạo thành các chất vô cơ hòa tan. Hiệu quả xử lý của bể này theo chất lơ lửng đạt 65 - 70% và BOD₅ là 60 - 65%.

Ngăn đầu tiên của bể tự hoại có chức năng tách cặn ra khỏi nước thải. Cặn lắng ở dưới đáy bể bị phân hủy yếm khí khi đầy bể, khoảng 6 tháng sử dụng, cặn này được hút ra theo hợp đồng với đơn vị có chức năng để đưa đi xử lý.

Nước thải và cặn lơ lửng theo dòng chảy sang ngăn thứ hai. Ở ngăn này, cặn tiếp tục lắng xuống đáy, nước được vi sinh yếm khí phân hủy làm sạch các chất hữu cơ trong nước. Sau đó, nước chảy sang ngăn thứ ba và thoát ra ngoài. Nước thải sau khi ra khỏi bể tự hoại sẽ được đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung của cơ sở công suất 90m³/ngày để tiếp tục xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột A, K_q=0,9, K_f=1,1) trước khi xả thải ra nguồn tiếp nhận.





Hình 8. Mô hình bể tự hoại 3 ngăn

A: Ngăn tự hoại (ngăn thứ nhất); B: Ngăn lắng (ngăn thứ hai)

C: Ngăn lọc (ngăn thứ ba); D: Ngăn định lượng với xi phông tự động

❖ **Trạm xử lý nước thải công suất 90m³/ngày.đêm**

Trạm xử lý nước thải tập trung của dự án gồm các thông tin cụ thể như sau:

+ Vị trí: Phía Nam khu đất cơ sở.

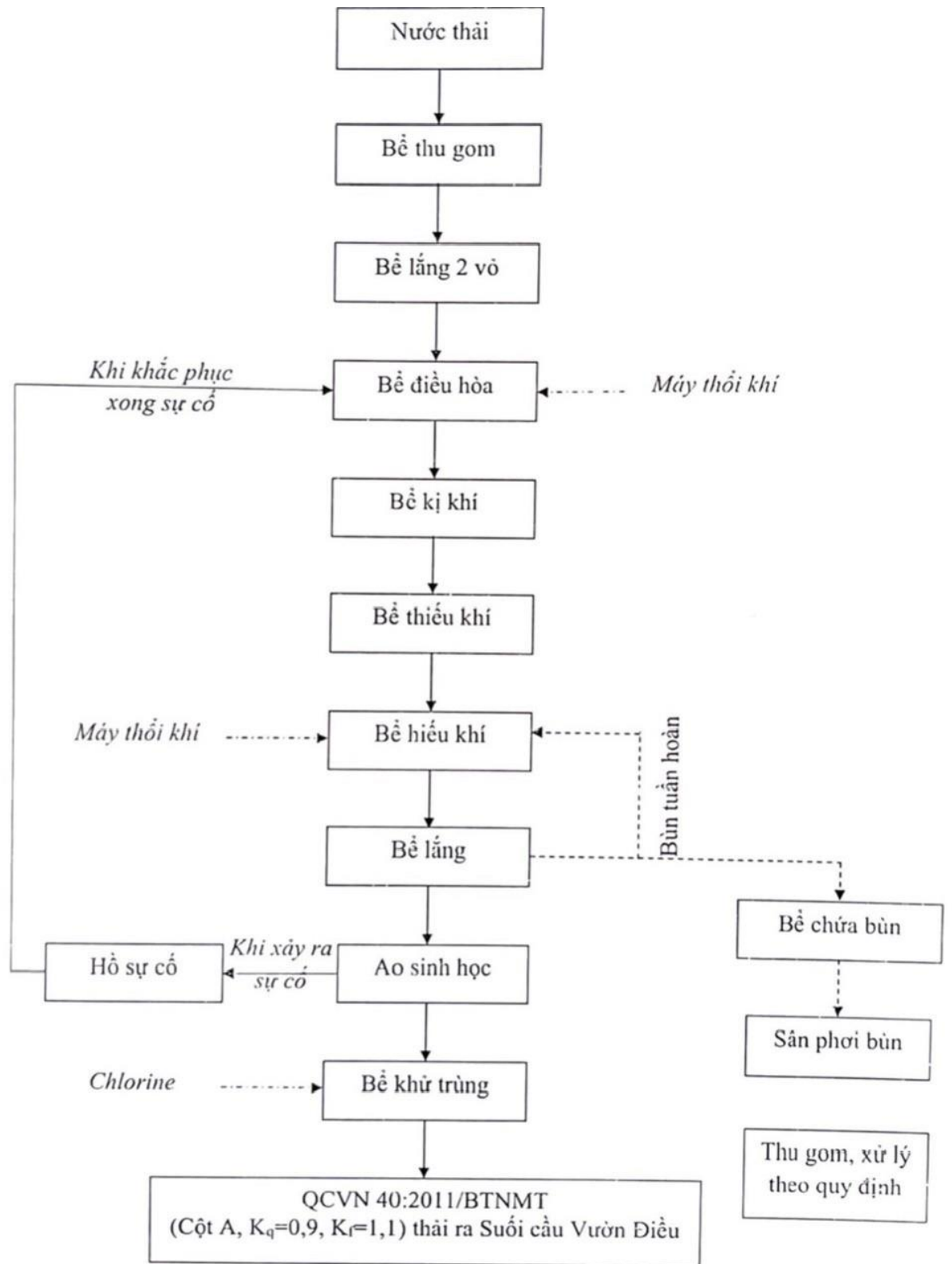
+ Công suất thiết kế: 90m³/ngày.

+ Quy chuẩn áp dụng: QCVN 40:2011/BTNMT (cột A, K_q=0,9, K_f=1,1) – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

+ Vị trí xả nước thải: suối Cầu Vườn Điều tại Ấp Ninh Bình, xã Bàu Nặng, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh. Tọa độ VN 2000 (kinh tuyến trực 105⁰30', múi chiều 3⁰): X= 1252228; Y = 572302.

Chế độ xả: Tự chảy, 16 giờ/ngày.

Sơ đồ công nghệ xử lý nước thải của cơ sở được trình bày trong hình dưới đây:



Hình 9. Quy trình hệ thống xử lý nước thải của dự án

Thuyết minh:

Nước thải từ các công đoạn sản xuất, nước thải vệ sinh nhà xưởng và nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại được đưa vào hệ thống chứa trong bể thu gom.

Bể thu gom

Bể thu gom có nhiệm vụ thu gom các nguồn nước xả thải cần xử lý và chuyển cao độ mực nước thấp lên các hạng mục xử lý tiếp theo.

Trước khi đi vào hồ thu, nước thải được dẫn đi qua song chắn rác thô. Song chắn rác thô thường được lắp đặt đầu tiên của quy trình xử lý để bảo vệ các thiết bị khỏi thiệt hại do các hạt thô trong nước thải (bơm, thiết bị trộn...). Tại đây, rác có kích thước cỡ > 10 mm được loại bỏ. Lượng rác này được gom vào thùng chứa rác và được công ty có chức năng thu gom và xử lý định kỳ.

Định kỳ vệ sinh song chắn rác 2 – 3 ngày/lần.

Sau đó nước thải sẽ được bơm vào bể lắng 2 vỏ để loại bỏ đi những cặn bản trước khi sang các công đoạn xử lý tiếp theo.

Bể lắng hai vỏ

Bể lắng 2 vỏ gồm có 2 phần bao gồm:

- Máng lắng: lưu giữ chất thải không phân hủy từ ngăn chứa.
- Ngăn lên men: chất thải sau xử lý ở ngăn chứa sẽ nằm ở ngăn này và lọc các chất thải còn đang lơ lửng.

Tại đây tại đây các tạp chất lơ lửng sẽ được lắng lại rồi sau đó các cặn lắng sẽ được lên men bằng quá trình kỵ khí. Nước thải sau đó tự chảy sang bể điều hòa.

Bể điều hòa

Bể điều hòa có tác dụng điều hòa lưu lượng và nồng độ của chất ô nhiễm trong nước thải một cách ổn định trước khi đưa vào các công trình đơn vị phía sau giúp cho các vi sinh có thể thích nghi với nước thải trong điều kiện ổn định, tránh được tình trạng vi sinh bị sốc tải. Bên cạnh đó, việc điều hòa lưu lượng và nồng độ giúp cho các quá trình sử dụng hóa chất cũng như chế độ hoạt động của các thiết bị cơ khí như bơm, máy thổi khí được duy trì một cách ổn định.

Nước sau bể điều hòa tiếp tục được bơm lên hộp chia lưu lượng (Flow Control Box), tại đây một phần nước thải sẽ được tuần hoàn trở lại bể điều hòa, một phần tiếp tục lưu chuyển tới bể kỵ khí.

Bể kỵ khí

Sau bể điều hòa, nước thải được đưa sang bể phân hủy kỵ khí. Bể phân hủy kỵ khí sử dụng vi sinh vật kỵ khí để phân hủy hàm lượng lớn chất hữu cơ trong nước thải.

Quá trình phân hủy các chất hữu cơ trong điều kiện kỵ khí là do sự hoạt động của các vi sinh vật trong môi trường mà không cần sự có mặt của oxi không khí và sản phẩm cuối cùng tạo ra gồm CH₄, CO₂, N₂, H₂,... và trong đó khí

CH₄(metan) chiếm tới 65%. Quá trình này còn có thể gọi là quá trình lên men metan.

Quá trình xử lý kỵ khí trong điều kiện nhân tạo có thể được áp dụng để xử lý các loại cặn bã chất thải công nghiệp có hàm lượng chất hữu cơ cao BOD 10-30(g/l).

Quá trình phân hủy kỵ khí chất hữu cơ là quá trình diễn ra hàng loạt các phản ứng sinh hóa phức tạp và có thể hợp thành 4 giai đoạn, các giai đoạn trong quá trình xử lý sinh học kỵ khí:

Có nhiều nhóm vi khuẩn khác nhau tham gia vào quá trình sinh học kỵ khí. Phản ứng chung của quá trình như sau:



- *Nhóm 1: Vi khuẩn thủy phân*

Nhóm vi sinh vật này phân hủy các chất hữu cơ phức tạp (Protein, cellulose, lignin, lipids) thành những đơn phân tử hòa tan như acid amin, glucose, acid béo và glycerol. Các đơn phân tử này lại được nhóm vi khuẩn thứ 2 sử dụng làm cơ chất. Quá trình này được xúc tác bởi các enzym ngoại bào như cellulase, protease và lipase. Tuy nhiên quá trình thủy phân diễn ra tương đối chậm và có thể làm giới hạn khả năng phân hủy kỵ khí của một số chất thải nguồn gốc cellulose, có chứa lignin.

- *Nhóm 2: Nhóm vi khuẩn lên men acid*

Nhóm này sẽ chuyển hóa đường, acid amin, acid béo để tạo thành các acid hữu cơ như acetic, propionic, formic, lactic, butyric, succinic, các alcol và ketons như ethanol, methanol, glycerol, aceton, acetat, CO₂ và H₂. Acetat là sản phẩm chính của quá trình lên men carbohydrat. Các sản phẩm được tạo thành rất khác nhau theo loại vi khuẩn và các điều kiện nuôi cấy (nhiệt độ, pH, thế oxy hóa khử).

- *Nhóm 3: Vi khuẩn acetic*

Nhóm này gồm các vi khuẩn như Syntrobacter wolnii và syntrophomonas wolfei chuyển hóa các acid béo và alcol thành acetat, hydrogen và CO₂, mà chúng sẽ được vi khuẩn metan sử dụng tiếp theo. Nhóm này đòi hỏi thế Hydro thấp để chuyển hóa các acid béo, do đó cần giám sát nồng độ hydro. Dưới áp suất riêng phần của hydro khá cao, sự tạo thành acetat sẽ bị giảm và cơ chất sẽ được chuyển hóa thành acid propionic, butyric và ethanol hơn là metan. do vậy có một mối quan hệ cộng sinh giữa vi khuẩn acetogenic và vi khuẩn metan. Vi khuẩn metan sẽ giúp đạt được thế hydro thấp mà vi khuẩn acetogenic cần.

Ethanol, acid propionic và butyric được chuyển hóa thành acid acetic bởi nhóm vi khuẩn acetogenic.

Vi khuẩn Acetogenic tăng trưởng nhanh hơn nhiều so với vi khuẩn metan với $\mu_{\max} = 1 \text{ hr}^{-1}$ và 0.04 hr^{-1} .

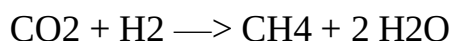
- *Nhóm 4: Vi khuẩn metan*

Nhóm vi khuẩn metan bao gồm cả vi khuẩn gram âm và gram dương với các

hình dạng rất khác nhau. Vi khuẩn metan tăng trưởng chậm trong nước thải và thời gian thế hệ của chúng thay đổi từ 3 ngày ở 35°C và tăng lên đến 50 ngày ở 10°C.

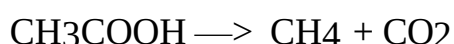
Vi khuẩn metan được chia làm hai nhóm phụ.

1. Nhóm vi khuẩn metan hydrognotrophic nghĩa là sử dụng hydrogen hóa tự dưỡng: chuyển hóa hydro và CO₂ thành metan.



Nhóm này giúp duy trì áp suất riêng phần thấp cần thiết để chuyển hóa acid bay hơi và alcol hình thành acetat.

2. Nhóm vi khuẩn metan acetotrophic, còn gọi là vi khuẩn phân giải acetat, chúng chuyển hóa acetat thành metan và CO₂.



Trong 3 giai đoạn đầu thì lượng COD hầu như không giảm, COD chủ yếu chỉ giảm trong giai đoạn metan hóa.

- Lắp tấm lắng lamella: Nước vào bể kị khí sẽ di chuyển theo chiều từ dưới lên trên theo chiều nghiêng 60° của các tấm lắng lamella, trong quá trình di chuyển các cặn lắng sẽ va chạm vào nhau và bám vào bề mặt tấm lắng lamella. Khi các bông lắng kết dính với nhau trên bề mặt tấm lắng lamella đủ nặng và thắng được lực đẩy của dòng nước đang di chuyển lên thì bông kết tủa sẽ trượt xuống theo chiều ngược lại và rơi xuống đáy bể và tách pha khí đi lên trên bề mặt bể và thoát ra ngoài.

Sau quá trình kị khí thì nước thải được bơm lên bể thiếu khí.

Bể thiếu khí

Tại đây, các vi khuẩn dị dưỡng tùy tiện còn gọi là vi khuẩn khử nitrat sẽ khử nitrat thành khí N₂.

Các vi khuẩn dị dưỡng cần nguồn carbon như là nguồn thức ăn để sinh trưởng và phát triển. Vi khuẩn khử nitrat sử dụng nguồn oxy từ các phân tử nitrat cho hoạt động của mình. Quá trình thiếu khí khử nitrat diễn ra hiệu quả khi DO thấp hơn 0,5mg/l, lý tưởng hơn cả là DO thấp hơn 0,2mg/l. Khi đó vi khuẩn sẽ gây liên kết trong ion nitrat để lấy oxy. Kết quả là nitrat bị khử thành N₂O và cuối cùng là N₂, sản phẩm cuối cùng thân thiện với môi trường.

Quá trình khử nitrat thể hiện qua phương trình sau:



Bể hiếu khí

Quá trình sinh học hiếu khí đã được chứng minh rất hiệu quả trong các hệ thống xử lý nước thải sản xuất và sinh hoạt. Đây là quy trình đã được cải tiến các thông số thiết kế, vận hành để đem lại hiệu quả xử lý cao và chi phí đầu tư, vận hành thấp.

Dưới sự cung cấp oxy không khí từ hệ thống máy thổi khí B-301A/B, các vi

sinh hiếu khí sẽ sinh trưởng và phát triển sinh khối nhờ vào quá trình tiêu thụ các chất hữu cơ ô nhiễm. Cụ thể quá trình như sau:

Không khí được đưa vào bằng máy thổi khí B-301A/B, lượng oxy hòa tan trong nước thải luôn được duy trì trong khoảng 2 – 4 mg/L nhằm đảm bảo cung cấp đủ lượng oxy cho sinh vật sống tiêu thụ chất hữu cơ trong nước thải. Tại đây các chất hữu cơ ô nhiễm được vi sinh vật sử dụng làm nguồn thức ăn để tạo nên tế bào mới. Sản phẩm của quá trình này chủ yếu là CO_2 , H_2O và sinh khối vi sinh vật, các sản phẩm chứa Nitơ, Photpho và lưu huỳnh sẽ được vi sinh vật hiếu khí chuyển thành dạng NO_3^- , PO_4^{3-} , SO_4^{2-} và các sản phẩm này sẽ bị khử bởi các vi sinh vật thiếu khí. Trong xử lý sinh học hiếu khí có giả thể các vi sinh thiếu khí phát triển chủ yếu ở lớp bên trong của màng vi sinh.

Bể lắng

Nước thải sau quá trình xử lý sinh học chứa nhiều màng vi sinh. Do vậy cần phải tách chúng ra khỏi nước trước khi qua quá trình xử lý tiếp theo. Bể lắng được thiết kế nhằm mục đích tách loại bông bùn vi sinh ra khỏi nước sau xử lý bằng quá trình lắng trọng lực.

Bể lắng được chia làm 3 phần:

- Phần nước trong;
- Phần lắng;
- Phần chứa bùn.

Nước đưa vào ống trung tâm rồi từ đó phân phối đều khắp bể. Dưới tác dụng của trọng lực và tầm chắn hướng dòng các bông bùn vi sinh lắng xuống đáy, nước trong di chuyển lên trên. Phần nước trong sẽ được thu gom qua hệ thống máng tràn tiếp tục chảy sang Bể trung gian.

Tại bể lắng sinh học sẽ bổ sung thêm tấm lắng lamella, nước di chuyển theo chiều từ dưới lên trên theo chiều nghiêng 60° của các tấm lắng lamella, trong quá trình di chuyển các cặn lắng sẽ va chạm vào nhau và bám vào bề mặt tấm lắng lamella. Khi các bông lắng kết dính với nhau trên bề mặt tấm lắng lamella đủ nặng và thắng được lực đẩy của dòng nước đang di chuyển lên thì bông kết tủa sẽ trượt xuống theo chiều ngược lại và rơi xuống đáy bể lắng.

Ao sinh học

Nước sẽ được chuyển từ bể lắng sang ao sinh học. Các hoạt động diễn ra trong hồ sinh học là kết quả của sự cộng sinh phức tạp giữa nấm và tảo, giúp ổn định dòng nước và làm giảm các vi sinh vật gây bệnh. Vi sinh vật sử dụng oxy từ rêu tảo trong hóa trình quang hợp cũng như oxy từ không khí để oxy hóa các chất hữu cơ và rong tảo trong hồ lại tiêu thụ CO_2 , photphat và nitrat amon sinh ra từ sự phân hủy, oxy hóa các chất hữu cơ của vi sinh vật.

Bể khử trùng

Nước thải sau khi ổn định tại ao sinh học sẽ được dẫn về bể khử trùng, tại đây nước thải được khử trùng bằng Chlorine. Quá trình tiêu diệt vi sinh vật xảy

ra hai giai đoạn. Đầu tiên hóa chất khử trùng khuếch tán xuyên qua vỏ tế bào vi sinh, sau đó phản ứng với men bên trong tế bào và phá hoại quá trình trao đổi chất dẫn đến sự diệt vong của tế bào vi sinh.

Nước thải sau xử lý sẽ đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi - QCVN 62-MT:2016/BTNMT (Cột A, $K_q=0,9$, $K_f=1,1$) trước khi thải ra suối Cầu Vườn Điều.

Bùn lắng từ bể lắng sau khi tập trung ở đáy bể lắng được định kỳ bơm vào bể chứa bùn. Một phần bùn được tuần hoàn về bể hiếu khí để đảm bảo lượng bùn hoạt tính trong bể hiếu khí được cung cấp đầy đủ cho vi sinh vật phát triển.

Bể chứa bùn

Phần bùn từ bể lắng có độ ẩm cao sẽ đưa sang bể chứa bùn.

Bể chứa bùn có nhiệm vụ làm tăng mật độ bùn trong dòng đồng thời phân hủy một phần bùn. Phần nước trong phía trên đưa về bể điều hòa để xử lý, phần bùn được bơm sang sân phơi bùn để phơi cho bùn khô.

Sân phơi bùn

Bùn từ bể chứa bùn sẽ được đưa đến sân phơi bùn. Bùn thải sau đó được đóng bao, lưu trữ tại kho chứa chất thải nguy hại của cơ sở và hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý định kỳ.

Công dụng chính của sân phơi bùn là làm giảm thể tích và khối lượng của cặn.

Ưu điểm của sân phơi bùn:

- + Sân phơi bùn có kích thước rộng lớn do đó cho phép phơi bùn rộng rãi hơn cả phơi khô bằng sân tự nhiên.
- + Sử dụng sân phơi bùn sẽ giúp cho việc xử lý bùn thải tối ưu hơn. Sân phơi bùn giúp làm giảm thể tích và khối lượng của chất cặn.
- + Sân phơi bùn được thiết kế gắn liền với quy trình xử lý bùn thải hiện đại. Do đó sẽ giảm chi phí và xử lý tốt bùn thải, không gây ô nhiễm môi trường.

Hồ sự cố

Ngoài ra, cơ sở đã bố trí 01 hồ sự cố với dung tích khoảng 630m³, dung tích hữu ích 499m³ để lưu chứa nước thải khi hệ thống xử lý nước thải xảy ra sự cố. Khi hệ thống xử lý nước thải xảy ra sự cố, nước từ ao sinh học được bơm vào hồ sự cố. Sau khi sự cố được khắc phục nước thải được bơm cưỡng bức từ hồ sự cố về bể điều hòa để tiếp tục quá trình xử lý nước thải.

Bảng 62. Các thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý nước thải

STT	Hạng mục	Kích thước bể DxRxC (m)	Số lượng	Dung tích hữu ích (m ³)	Kết cấu
1	Bể thu gom	2,6x 1,1 x 3,1	01 bể	8,86	BTCT
2	Bể lắng 2 vỏ	6 x 5 x 5,15	01 bể	150	BTCT
3	Bể điều hòa	6x 2,8 x 5,15	01 bể	60	BTCT

4	Bể kỵ khí	6x4,2 x 5,15	01 bể	100	BTCT
5	Bể thiếu khí	6 x 4,2 x 5,15	01 bể	60	BTCT
6	Bể hiếu khí	7,2 x 4,2 x 5,15	01 bể	120	BTCT
7	Bể lắng	3,6 x 4,2 x 5,15	01 bể	40	BTCT
8	Ao sinh học	20x20x2,5	01 bể	800	Lót bạt HDPE dày 1mm
9	Bể khử trùng	3x2x1	01 bể	3	BTCT
10	Bể chứa bùn	3,4x4,2 x 5,15	01 bể	58	BTCT
11	Sân phơi bùn	$S = 7,2 \times 2,8 = 20,16\text{m}^2$			Bê tông
12	Hồ sục cở	$S = 315\text{m}^2$, gồm 02 ngăn, kích thước mỗi ngăn 10,4x15mx2m, vách ngăn 20cm	01 bể, gồm 02 ngăn	499	BTCT

Nguồn: Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân

Bảng 63. Danh mục máy móc, thiết bị của HTXLNT

STT	Hạng mục	Số lượng	Thông số kỹ thuật	Xuất xứ
I.	Bể thu gom			
1	Bơm nước thải	2 bộ	Bơm chìm, Động cơ: 3HP/380V/3pha;	Đài Loan
2	Song chắn rác	1 bộ	Vật liệu chế tạo: Inox 304, gia công	Việt Nam
II	Bể lắng 2 vỏ			
1	Ngăn lắng: bao gồm máng răng cưa và tấm chắn dòng	1 bộ	SUS#304	Việt Nam
III	Bể điều hòa			
1	Bơm nước thải	2 bộ	Bơm chìm: 1HP/380V/3pha. H=6m, Q=6m ³ /h.	Đài Loan
2	Công tắc phao	1 bộ	Loại phao nổi 2 trái	Đài Loan
3	Hộp điều chỉnh lưu lượng	1 bộ	PVC, gia công	Việt Nam
IV	Bể kỵ khí			
1	Bơm phá váng nổi	1 bộ	Động cơ: 1HP/380V/3pha;	Đài Loan
2	Giá thể	22,44 m ³	Dạng tấm lamella, PVC	Việt Nam
3	Dàn đỡ và giằng giá thể	22,44 m ²	Dạng ống PVC, gia công	Việt Nam
V	Bể thiếu khí			
1	Máy khuấy	1 bộ	Motor 3HP/380V/3pha, tỷ số truyền 1/30	Đài Loan
2	Cánh khuấy và giàn đỡ	1 bộ	Vật liệu chế tạo: Inox 304	Việt Nam
VI	Bể hiếu khí			
1	Máy thổi khí	2 bộ	Đầu thổi: Loại Roots, ngõ ra: DN80 Động cơ: 5kW/380V/3pha/50Hz	Đài Loan

2	Giá thể	30,24 m ³	Dạng tổ ong, PVC	Việt Nam
3	Dàn đỡ và giằng giá thể	30,24 m ²	Dạng ống PVC, gia công	Việt Nam
4	Bơm Airlift	1 bộ	PVC	Việt Nam
VII	Bể lắng sinh học			
1	Ống trung tâm và máng răng cưa	1 bộ	Vật liệu chế tạo: Inox 304, gia công	Việt Nam
2	Bơm Airlift	1 bộ	PVC, gia công	Việt Nam
3	Bơm hóa chất	1 bộ	Động cơ: 130W/220V/1pha/50Hz; Lưu lượng: 15 lít/h.	Mỹ
4	Bồn đựng hóa chất	1 bộ	PE-1000L	Việt Nam
VIII	Bể khử trùng			
1	Bơm hóa chất	1 bộ	Động cơ: 130W/220V/1pha/50Hz; Lưu lượng: 15 lít/h.	Mỹ
2	Bồn đựng hóa chất	1 bộ	PE-1000L	Việt Nam

* Đánh giá về công nghệ xử lý nước thải nước thải của dự án

Cơ sở sử dụng công nghệ xử lý nước thải bằng phương pháp xử lý sinh học thông qua các bể sinh học kỵ khí, thiếu khí và hiếu khí đồng thời kết hợp với phương pháp lắng cơ học. Đây là công nghệ phổ biến trong xử lý nước thải hiện nay. Chất lượng nước thải sau xử lý đảm bảo đạt tiêu chuẩn theo các quy định hiện hành. Vì thành phần đặc trưng của nước thải phát sinh từ dự án chủ yếu là chất dinh dưỡng, chất hữu cơ và vi sinh vật do đó cơ sở lựa chọn công nghệ xử lý sinh học để có thể xử lý triệt để các thành phần ô nhiễm có trong nước thải.

Về quy trình vận hành

-Hệ thống có hai chế độ điều khiển gồm:

+ Chế độ tự động: toàn bộ hệ thống được điều khiển tự động bằng hệ thống PLC thông qua các tín hiệu từ các thiết bị đo, cảm biến gắn trong hệ xử lý.

+Chế độ tay: tất cả các thiết bị trong hệ thống đều có thể điều khiển theo chế độ bằng tay.

Chế độ bằng tay chỉ được sử dụng khi chạy chế độ điều chỉnh hệ thống hay sửa chữa.

Quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải

Công tác vận hành hàng ngày

+ Xem xét nhật ký: có ghi nhận bất thường nào xảy ra không?

Kiểm tra tình trạng hoạt động của hệ thống thông qua bảng hiển thị (các chỉ số đồng hồ đo, đèn hiển thị trạng thái trên tủ điều khiển).

Kiểm tra bằng trực quan quá trình bùn hoạt tính: Có bọt nổi trên bề mặt bể hay không?

Bọt màu gì? Độ dày của lớp bọt? Nước trong bể có được khuấy trộn đều hay không? Bùn trong bể màu gì? Mùi?

Bể lắng có hiện tượng bất thường: bùn nổi, nước ra trong/ đục?

+ Vệ sinh và thu gom rác tại lược rác: chu kỳ thu gom rác tối thiểu 1 lần/1 ngày, tùy theo lượng rác thực tế trong quá trình vận hành.

+ Kiểm tra hoạt động của các máy bơm, máy thổi khí, máy khuấy,...: nước bơm lên, tiếng ồn, van một chiều, độ rung, thời gian hoạt động... Và vệ sinh máy

+ Kiểm tra lượng hóa chất trong kho và mức hóa chất đã pha còn lại trong bồn chứa. Tiến hành pha hóa chất nếu cần.

+ Kiểm tra toàn bộ hệ thống để bảo trì sửa chữa kịp thời các vị trí rò rỉ.

+ Kiểm tra lịch bảo trì, bảo dưỡng thiết bị và thực hiện công tác bảo trì, bảo dưỡng theo kế hoạch.

Ghi chép đầy đủ các thông số đo đạc, kết quả công tác kiểm tra, sự cố, hướng khắc phục và những điều chỉnh vào Nhật ký vận hành. Kiểm tra và cài đặt các thông số vận hành.

+ Kiểm tra lượng hóa chất sử dụng: Kiểm tra mực hóa chất ở tất cả các bồn chứa. Đảm bảo mực nước tối thiểu để vận hành không được nhỏ hơn 1/4 chiều cao bồn chứa.

Cài đặt mức lưu lượng cho các bơm định lượng hóa chất: Muốn điều chỉnh lưu lượng thì thực hiện cài đặt bằng cách xoay tay. Mức điều chỉnh công suất cho bơm theo lưu lượng hóa chất cần thiết cấp vào nước thải trong mỗi giờ.

Ghi chép đầy đủ số lượng hóa chất sử dụng trong từng ca làm việc.

+ Kiểm tra tủ điện điều khiển trung tâm: Kiểm tra về điện áp: đủ áp (380-400V), đủ pha (3 pha). Nếu không đủ điều kiện vận hành: mất pha, thiếu hoặc dư áp thì không nên hoạt động hệ thống vì lúc này các thiết bị sẽ dễ xảy ra sự cố. Kiểm tra trạng thái làm việc của các công tắc, cầu dao. Tất cả các thiết bị phải ở trạng thái sẵn sàng làm việc.

+ Kiểm tra hệ thống van và đường ống công nghệ. Kiểm tra các van trên đường ống đã đúng vị trí đóng/ mở phù hợp với quy trình vận hành hay chưa.

Kiểm tra thiết bị: Trước khi bật máy cũng như sau khi máy đã hoạt động cần kiểm tra tình trạng của tất cả các thiết bị trong HTXLNT. Sau khi hệ thống hoạt động liên tục, ổn định cần kiểm tra lại tình trạng của các thiết bị, máy móc sau mỗi ngày, chú ý những hiện tượng có thể ảnh hưởng đến hoạt động của chúng.

Bảng 64. Nội dung hạng mục thiết bị được kiểm tra

STT	Hạng mục thiết bị	Công tác kiểm tra
1	Lược rác	Khả năng thoát nước (do nghẹt rác).

2	Bơm nước thải Bơm bùn thải Bơm hóa chất	• Nguồn điện cấp vào bơm. • Hoạt động của bơm theo phao hoặc/ và chương trình điều khiển tự động. • Lưu lượng bơm khi hoạt động. • Độ rung, tiếng ồn khi hoạt động. • Rò rỉ tại các mối hàn, khớp nối, van... • Các phụ tùng, linh kiện hao mòn trong quá trình hoạt động: phốt bơm, lượng dầu, nhớt, mỡ bôi, ron, mối nối...
3	Máy thổi khí, thiết bị khuấy trộn	• Nguồn điện cấp vào máy. • Hoạt động của máy chương trình điều khiển tự động. • Lưu lượng khí cấp và áp suất làm việc. • Độ rung, tiếng ồn khi hoạt động. • Rò rỉ tại các mối hàn, khớp nối, van... • Các phụ tùng, linh kiện hao mòn trong quá trình hoạt động: V-belt, dầu, nhớt, mỡ bôi, ron, mối nối...
4	Thiết bị phân phối khí	Khả năng phân phối khí trên bề mặt bể ở tất cả các vị trí.
5	Đồng hồ đo lưu lượng	• Giá trị lưu lượng tổng cộng.
6	Van điều khiển	• Nguồn điện cấp vào van. • Hoạt động theo chương trình điều khiển tự động.
7	Phao đo mức	• Khả năng đóng/ mở tiếp điểm. • Chế độ nổi lên và chìm xuống so với đối trọng.
8	Bồn chứa hóa chất	• Lượng hóa chất trong bồn. • Mối nối từ bồn vào các thiết bị khác như: bơm, van, ống thông khí...

❖ **Các loại hóa chất, chế phẩm sinh học sử dụng:**

Bảng 65. Hóa chất sử dụng cho Hệ thống xử lý nước thải

STT	Tên hóa chất	Đơn vị	Khối lượng
1	Chlorine	Kg/năm	300

Nguồn: Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân

❖ **Mức tiêu hao điện năng cho quá trình vận hành:**

Nguồn điện sử dụng vận hành hệ thống xử lý nước thải được sử dụng chung với cơ sở từ nguồn sử dụng điện chung do Tổng Công ty Điện lực Miền Nam – Công ty Điện lực Tây Ninh – Điện lực Dương Minh Châu cung cấp. Lượng tiêu hao điện năng trong quá trình vận hành khoảng 15 kW/ngày.

3.2.2.2. Các công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

a) Giảm thiểu bụi, khí thải phát sinh từ phương tiện vận chuyển nguyên liệu, nhập và xuất thành phẩm:

Bụi và khí thải từ các phương tiện vận chuyển là các nguồn không liên tục, phân tán, không thể tập trung để thu gom xử lý nên phần này chỉ đề xuất biện pháp chung góp phần tạo môi trường không khí trong khu vực trang trại trong lành hơn. Các giải pháp không chế ô nhiễm được áp dụng như sau:

- Quy định các phương tiện vận chuyển chở đúng tải trọng quy định, chạy đúng tốc độ quy định.

- Tất cả các phương tiện vận chuyển sử dụng cho hoạt động vận chuyển của trang trại phải được kiểm tra kỹ thuật định kỳ, bảo dưỡng theo đúng quy định, đảm bảo các thông số khí thải của xe đạt yêu cầu về mặt môi trường.

- Sử dụng nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh $< 0,05\%$ hoặc lựa chọn các nhiên liệu sinh học.

- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân của trang trại.

- Phân bố lượng xe chuyên chở phù hợp, tránh ùn tắc, gây ô nhiễm khói, bụi cho khu vực.

- Yêu cầu tất cả các phương tiện tắt máy trong khi chờ đợi hoặc tạm ngừng hoạt động.

Xây dựng đường giao thông nội bộ hoàn chỉnh để thuận tiện cho việc vận chuyển.

Phun nước sân bãi, đường nội bộ vào mùa khô để giảm bụi và hơi nóng do xe vận chuyển ra vào khu vực dự án.

b) Đối với bụi và khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng

Chủ cơ sở không bố trí hệ thống xử lý khí thải của máy phát điện mà chỉ thực hiện các công tác quản lý như sau:

- Sử dụng nguyên liệu đúng theo quy chuẩn cho phép;

- Bảo trì, bảo dưỡng máy phát điện theo đúng định kỳ quy định của nhà sản xuất;

- Vận hành máy phát điện theo đúng quy định của nhà sản xuất;

- Bố trí khu vực đặt máy phát điện ở khu vực riêng biệt. Phòng đặt máy phát điện được thiết kế cao, rộng, thoáng và được đặt ở địa điểm có khoảng cách hợp lý so với và tách biệt với các khu vực cần độ yên tĩnh;

- Kiểm tra độ mòn chi tiết định kỳ và thường kỳ cho dầu bôi trơn hoặc thay những chi tiết hư hỏng.

- Máy phát điện sử dụng là loại mới có trang bị các bộ phận giảm ồn, rung, hạn chế tối đa lượng khói thải gây ô nhiễm. Nồng độ các chất ô nhiễm trong khí thải máy phát điện đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 19:2009/BTNMT, cột B, $K_p=1$; $K_v=1,2$.

c) Biện pháp giảm thiểu mùi hôi từ hoạt động lưu trữ gia cầm, thủy cầm và khu vực giết mổ, khu vực tập kết chất thải

Quá trình hoạt động, cơ sở không bố trí khu vực lưu trữ gia cầm mà chỉ tiến hành thu gom gia cầm và đưa vào quy trình giết mổ trong ngày, không lưu chứa lại nên giảm thiểu được mùi hôi phát sinh từ quá trình lưu trữ.

Đồng thời, để giảm thiểu mùi hôi, Chủ cơ sở áp dụng các biện pháp sau đây:

+ Vệ sinh nhà xưởng sau khi giết mổ. Khu vực giết mổ lòng bố trí riêng biệt, thu gom và xử lý triệt để các phế phẩm (lông, nội tạng) trong ngày, tránh tình trạng tồn đọng trong nhà máy.

- + Phun các chế phẩm sinh học để khử mùi khu vực giết mổ.
- + Bố trí khu vực tập kết chất thải theo đúng quy định.
- + Trồng cây xanh trong khuôn viên dự án.
- + Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân.

3.2.2.3. Các công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn

a) Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn sinh hoạt

Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trung bình tại cơ sở được ước tính như sau: Với định mức phát sinh CTRSH ở huyện Dương Minh Châu theo QCVN 01:2021/BXD – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng là 0,8kg/người.ngày. Số lượng công nhân làm việc tại cơ sở khoảng 80 người, ước tính tổng lượng rác thải sinh hoạt phát sinh trong quá trình hoạt động của cơ sở tương ứng khoảng 80 người x 0,8kg/người.ngày = 64 kg/ngày. Thành phần rác sinh hoạt chủ yếu là các giấy bao bì, thực phẩm thừa, chứa nhiều chất hữu cơ và dễ phân hủy, vỏ chai nhựa, vỏ hộp,...

Cơ sở bố trí 3 thùng chứa 120L tập kết trước cổng Cơ sở, khu vực tập kết có diện tích khoảng 3m² có mái che bằng tôn, sau đó cuối ngày sẽ thu gom.

b) Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

Cơ sở hoạt động tiến hành thu gom gia cầm về và tiến hành giết mổ trong ngày, gia cầm thu mua được nhốt trong các lồng chứa và vận chuyển bằng xe chuyên dụng; toàn bộ gia cầm trước khi nhập về đã qua kiểm dịch, chọn lọc nên hầu như không phát sinh gà chết. Đối với nội tạng (lòng, mề,...) sẽ được làm sạch và bán cho các đơn vị có nhu cầu thu mua để làm thực phẩm.

Khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh tại cơ sở được trình bày chi tiết trong bảng dưới đây:

Bảng 66. Khối lượng chất thải rắn thông thường từ hoạt động giết mổ

TT	Loại chất thải, phụ phẩm	Mã chất thải	Dạng tồn tại	Khối lượng phát sinh	
				Kg/ngày	Tấn/năm
1	Lông gia cầm	14 01 10	Rắn	1.200	360
2	Phân gia cầm	14 01 12	Rắn	600	180
	TỔNG CỘNG			1.800	540

Nguồn: Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân

Đối với phân gia cầm và chất thải có trong lòng mề, lượng phát sinh không lớn do gia cầm được đưa về và giết mổ liền trong ngày mà không lưu trữ lại nên sẽ được vệ sinh bằng nước cuối ca, ngày làm việc và thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

Chủ cơ sở đã bố trí khu vực tập kết, lưu giữ chất thải với diện tích 22,7m² để lưu chứa toàn bộ chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh từ hoạt động của cơ sở. Thiết kế, cấu tạo: Xây dựng kho chứa có kết cấu tường xây bằng gạch, mái che bằng tôn, nền bê tông, có gờ chắn tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào. Toàn bộ chất thải cần được thu gom, xử lý sẽ được Chủ cơ sở thu gom vào các bao chứa và hợp đồng với đơn vị có chức năng để chuyển giao, xử lý theo quy định. Công tác thu gom, xử lý được diễn ra vào cuối ca sản xuất do đó kho chứa hoàn toàn đảm bảo khả năng lưu chứa chất thải.

Bảng 67. Khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh tại dự án

STT	Tháng	Số ngày hoạt động	Nguyên liệu		Phụ phẩm và chất thải phát sinh (Kg/tháng)		
			(Con /tháng)	(Con/ngày)	Nội tạng	Phân	Lông
1	Tháng 02/2024	28	113.403	4.050	34.020	11.300	22.650
2	Tháng 03/2024	31	144.915	4.674	43.450	14.000	28.950
3	Tháng 04/2024	30	111.675	3.722	33.500	11.100	22.300
4	Tháng 05/2024	31	155.913	5.029	46.750	15.500	31.000
5	Tháng 06/2024	30	125.296	4.176	37.500	12.400	25.000
6	Tháng 07/2024	31	161.403	5.206	48.000	16.000	32.200
7	Tháng 08/2024	31	163.542	5.275	48.900	16.300	32.500
8	Tháng 09/2024	30	158.786	5.292	47.250	15.420	31.600
9	Tháng 10/2024	31	150.844	4.865	43.500	15.000	30.000
10	Tháng 11/2024	30	168.206	5.606	50.250	16.820	33.400
11	Tháng 12/2024	31	160.327	5.171	47.790	16.032	32.000
Trung bình			146.755	4.824	29.236	146.755	14.534

Nguồn: Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân

Chủ cơ sở cam kết thời gian lưu trữ chất thải thông thường trong lò mổ không quá 24 giờ.

c) Biện giảm thiểu ô nhiễm từ chất thải nguy hại

Cơ sở không có công trình xử lý chất thải nguy hại mà chỉ có công trình thu gom và lưu giữ chất thải sau đó hợp đồng với đơn vị có chức năng để chuyển giao, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định hiện hành.

Khối lượng chất thải nguy hại của cơ sở phát sinh được thống kê trong bảng dưới đây:

Bảng 68. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại cơ sở

TT	Tên chất thải	Trạng thái	Khối lượng (kg/năm)	Mã chất thải
1	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải ^(KS)	Rắn	200	18 01 03
2	Các loại dầu thải khác ^(NH)	Lỏng	50	17 07 03
3	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ các quá trình xử lý nước thải công nghiệp khác ^(KS)	Bùn	1.300	12 06 06

4	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải ^(NH)	Rắn	10	16 01 06
5	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải ^(KS)	Rắn	15	08 02 04
6	Pin, ắc quy thải ^(NH)	Rắn	05	16 01 12
7	Gia súc, gia cầm chết (do dịch bệnh) ^(NH)	Rắn	Phát sinh không thường xuyên	14 02 01
Tổng cộng			1.580	

Toàn bộ lượng chất thải nguy hại phát sinh của Cơ sở sẽ được thu gom vào 5 thùng chứa có dán nhãn cảnh báo phân loại theo từng loại chất thải theo quy định và lưu chứa vào kho CTNH có diện tích 15 m², Kích thước 5mx3m. Kết cấu bê tông cốt thép, mái che bằng tôn, tường xây bằng gạch, vữa bê tông.

Kho chứa chất thải nguy hại của cơ sở được bố trí theo đúng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, cụ thể như sau:

+ Mặt sàn kho chứa chất thải bảo đảm kín khít, không bị thấm thấu và tránh được nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào, có mái che kín nắng, mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ chất thải.

+ Bố trí đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô, mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại.

+ Trong kho bố trí các thiết bị lưu chứa phù hợp với từng loại chất thải, có dán mã chất thải nguy hại trên từng thiết bị lưu chứa.

+ Kho chứa chất thải được phân thành khu vực chứa bùn thải có diện tích khoảng 10m² và khu vực lưu chứa chất thải khác có diện tích khoảng 5m². Vì khối lượng chất thải nguy hại tại dự án phát sinh không quá lớn, khoảng 1.580kg/năm, tương đương với 131,6kg/tháng, do đó kho chứa hoàn toàn đảm bảo khả năng lưu chứa.

Đối với gia cầm chết do dịch bệnh sẽ được xử lý theo quy định của Bộ Nông nghiệp và phát triển chăn nuôi, cụ thể như sau:

+ Chủ cơ sở sẽ tiến hành khai báo ngay với cơ quan thú y tại địa phương để bố trí cán bộ thú y đến kiểm tra và xác định loại dịch bệnh tại cơ sở.

+ Đồng thời, tiến hành thực hiện các biện pháp tiêu hủy gia cầm, thủy cầm theo hướng dẫn tại Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 5 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn. Địa điểm tiêu hủy theo hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

+ Cơ sở giết mổ phải bảo đảm không còn động vật lưu giữ chờ giết mổ.

+ Phải giết mổ toàn bộ số gia cầm được đưa đến để giết mổ bắt buộc và theo nguyên tắc gia cầm khỏe mạnh thì giết mổ trước, sau đó đến gia cầm có dấu hiệu mắc bệnh và gia cầm mắc bệnh;

+ Sau khi hoàn tất việc giết mổ gia cầm, xử lý thân thịt, phụ phẩm và sản phẩm khác của động vật, cơ sở giết mổ phải thực hiện thu gom toàn bộ chất thải để tiêu hủy và thực hiện vệ sinh, khử trùng tiêu độc; nước thải trong quá trình giết mổ phải được thu gom và xử lý bằng hóa chất khử trùng; dụng cụ giết mổ, chứa đựng sản phẩm gia cầm phải được vệ sinh, khử trùng tiêu độc.

+ Đối với thân thịt của gia cầm phải được xử lý nhiệt bằng cách làm giò chả hoặc luộc chín hoặc áp dụng các biện pháp khác bảo đảm không còn khả năng lây lan dịch bệnh.

+ Đối với phụ phẩm và sản phẩm khác của gia cầm phải được thu gom, phun hóa chất khử trùng trước khi cho vào bao kín hoặc dụng cụ chứa đựng, phun hóa chất khử trùng trước khi đưa đến địa điểm tiêu hủy.

+ Phương tiện vận chuyển phụ phẩm và sản phẩm khác đến địa điểm tiêu hủy phải có sàn kín; phải được vệ sinh, khử trùng tiêu độc trước và sau khi vận chuyển đến địa điểm tiêu hủy.

3.2.2.4. Biện pháp giảm thiểu tác động của các nguồn phát sinh không liên quan đến chất thải

a) Tiếng ồn

- Đối với tiếng ồn phát sinh từ hoạt động của máy phát điện, quạt hút, máy bơm nước thải,... chủ dự án sẽ áp dụng các biện pháp giảm thiểu như sau:

+ Hoàn thiện công nghệ: Bố trí buồng cách âm với lớp vật liệu hút âm ở mặt trong đối với khu vực đặt máy phát điện; thiết kế khu vực đặt máy bơm cách ly với khu vực tập trung công nhân.

+ Hiện đại hoá thiết bị, sử dụng các loại thiết bị ít gây ồn và rung nhất: lắp ráp đúng quy trình kỹ thuật. Các biện pháp chống rung dễ dàng thực hiện nhưng hiệu quả cao, đó là: lắp đặt máy móc, thiết bị đúng quy cách.

+ Thiết kế các bộ phận giảm âm, lắp đệm chống ồn ngay sau khi lắp đặt thiết bị.

b) Biện pháp giảm thiểu tác động từ khai thác và sử dụng nước ngầm

- Trong quá trình khai thác, sử dụng sẽ thực hiện các biện pháp sau để tránh không làm ô nhiễm nguồn nước.

- Xây dựng, bảo vệ lỗ khoan không để nước mặt và các chất ô nhiễm chảy xuống giếng.

- Các công trình xử lý nước thải, công trình có khả năng gây thẩm thấu cao phải xây dựng cách giếng thấp nhất là 50m và xây dựng trên mực nước ngầm.

- Thực hiện các biện pháp xử lý chất thải chôn nuôi tiên tiến, hạn chế quá trình thẩm thấu các chất ô nhiễm xuống nguồn nước ngầm.

- Tất cả các công trình xử lý nước thải đều được lót bạt HDPE chống thấm

để bảo vệ nguồn nước ngầm.

c) Biện pháp giảm thiểu các tác động của trang trại gây ảnh hưởng đến hệ sinh thái

- Chủ trang trại sẽ đầu tư hệ thống xử lý nước thải chăn nuôi và tái sử dụng 100% nước thải sau xử lý, không thải ra môi trường bên ngoài.
- Thực hiện tốt các biện pháp giảm thiểu mùi hôi từ khu vực chuồng trại phát tán ra môi trường xung quanh, đồng thời thu gom chất thải rắn chăn nuôi và xử lý theo đúng quy định.
- Thường xuyên giám sát quy trình vận hành hệ thống nước thải và thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu các tác động môi trường để kịp thời xử lý, khắc phục khi có sự cố xảy ra.
- Lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ để phục vụ cho công tác quản lý môi trường. Đồng thời qua đó bổ sung thêm các biện pháp ngăn ngừa, kiểm soát ô nhiễm cũng như đưa ra các biện pháp xử lý, cải thiện môi trường.
- Chăm sóc cây xanh nhằm tăng diện tích phủ xanh, điều hòa chế độ vi khí hậu của khu vực.

d) Biện pháp giảm thiểu tác động đến kinh tế - xã hội

- Chủ dự án phối hợp chặt chẽ với chính quyền xã nhằm quản lý công nhân làm việc tại trang trại. Các công nhân dự án được khai báo tạm trú với công an xã để quản lý tốt nhân khẩu, quán triệt cho công nhân thực hiện an ninh trật tự không gây mất đoàn kết giữa các công nhân, giữa công nhân với nhân dân địa phương.
- Quản lý cán bộ công nhân viên dự án, có nội quy, quy chế chặt chẽ, không để xảy ra tình trạng nghiện hút, mại dâm, cờ bạc trong đội ngũ cán bộ, công nhân viên.
- Tăng cường các biện pháp quản lý, tránh tình trạng mâu thuẫn giữa các công nhân trong trang trại, mâu thuẫn giữa công nhân với người dân địa phương. Tránh hiện tượng trộm cắp tài sản trong khu vực.
- Tuyên truyền nâng cao ý thức về bảo vệ môi trường, vận động giữ gìn vệ sinh nơi ở của công nhân, có các biện pháp phòng ngừa một số bệnh thường gặp như sốt rét, sốt xuất huyết,... Chủ dự án có kế hoạch định kỳ khám sức khỏe, cấp phát thuốc phòng chống dịch bệnh cho các cán bộ, công nhân của dự án.
- Xây dựng các quy định về bảo vệ môi trường tại khu vực dự án.
- Liên hệ với công an xã để phối hợp trong công tác bảo vệ an ninh trật tự tại khu vực.
- Xây dựng các nội quy sử dụng điện, nước; thực hiện tốt việc tiết kiệm điện, nước trong dự án.

- Sửa chữa, bảo dưỡng các hư hỏng trên tuyến đường đi vào dự án để thuận lợi cho công tác vận tải của dự án đồng thời thuận lợi cho người dân lưu thông.

- Áp dụng đầy đủ các biện pháp xử lý mùi hôi, xử lý nước thải, khí thải và thường xuyên cải tiến nhằm giảm thiểu đến mức thấp nhất các tác động xấu của chất thải phát sinh từ dự án.

- Thực hiện giám sát môi trường định kỳ để kiểm tra, đánh giá chất lượng môi trường khu vực nhằm đưa ra các biện pháp điều chỉnh hợp lý đồng thời báo cáo với Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tây Ninh để kiểm tra, giám sát.

3.2.2.5. Công trình ứng phó sự cố môi trường đối với nước thải

- Cơ sở đã bố trí 01 hồ sự cố có dung tích khoảng 630m³, dung tích hữu ích 499m³ để lưu chứa nước thải trong trường hợp xảy ra sự cố. Hồ sự cố được xây bằng BTCT, gồm 02 ngăn, kích thước mỗi ngăn 10,4x15mx2m, vách ngăn 20cm. Thời gian lưu trữ hữu ích khoảng 5 ngày.

- Hệ thống xử lý nước thải được vận hành theo đúng quy trình, có sổ theo dõi lưu lượng hàng ngày.

- Trang bị các thiết bị dự phòng như bơm.

- Thường xuyên giám sát chất lượng mẫu nước thải sau xử lý nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động của hệ thống xử lý.

Khi hệ thống xử lý không đạt quy chuẩn, chủ dự án sẽ tiến hành các biện pháp sau đây:

- + Kiểm tra để xác định nguyên nhân.

- + Trường hợp sự cố xảy ra trong thời gian ngắn (Khoảng 1-2 ngày): Điều chỉnh sản lượng sản xuất phù hợp để có đủ thời gian sửa chữa phục hồi hệ thống XLNT.

- + Trường hợp sự cố xảy ra trong thời gian dài (Từ 03 ngày trở lên) Ngưng hoạt động các công đoạn sản xuất có phát sinh nước thải khi xảy ra sự cố để khắc phục kịp thời. Đồng thời, báo cáo cho cơ quan có chức năng để được hỗ trợ và hướng dẫn xử lý. Chỉ hoạt động lại các công đoạn phát sinh nước thải khi hệ thống xử lý nước thải đã khắc phục xong. Lập nhật ký ghi chép lại các sự cố xảy ra và các biện pháp khắc phục.

3.2.2.6. Các biện pháp quản lý phòng ngừa các sự cố, rủi ro trong giai đoạn hoạt động của dự án

a) Sự cố cháy nổ

Để quản lý tốt cũng như phòng ngừa khả năng gây ra cháy nổ, ứng cứu kịp thời khi sự cố xảy ra, chủ trang trại áp dụng các biện pháp sau:

- Trong các khu vực sản xuất đều có trang bị đầy đủ dụng cụ phòng cháy chữa cháy đảm bảo theo đúng các quy định của Việt Nam về phòng chống cháy nổ.

–Bố trí các sơ đồ thoát hiểm tại khu vực mọi người quan sát thấy;

–Các máy móc, thiết bị có lý lịch kèm theo và được đo đạc theo dõi thường xuyên các thông số kỹ thuật;

–Thường xuyên kiểm tra các biển báo, biển cấm lửa, nội quy PCCC, phương tiện PCCC;

–Tổ chức thường xuyên các đợt tập dợt chữa cháy cho công nhân, nêu chi tiết các nhiệm vụ mà người lao động cần thực hiện khi xảy ra sự cố cháy nổ;

–Thu lôi bằng hệ thống thu lôi trên nóc mái nhà, hệ thống thu lôi này sau khi thiết kế và thi công phải kiểm tra cụ thể $R < 10 \Omega$;

–Để tránh hiện tượng quá tải điện, các biện pháp sau sẽ được áp dụng:

+ Khi thiết kế chọn tiết diện dây dẫn phù hợp với dòng điện;

+ Khi sử dụng không được dùng thêm quá nhiều dụng cụ tiêu thụ điện có công suất lớn nếu mạng điện không tính được đến việc dùng thêm những dụng cụ đó;

+ Chú ý kiểm tra nhiệt độ các máy móc thiết bị không để nóng quá mức qui định;

+ Những nơi cách điện bị dập, nhựa cách điện bị biến màu là những nơi dễ phát lửa khi dòng điện quá tải cần được thay dây mới;

+ Khi sử dụng mạng điện và các máy móc thiết bị phải có những bộ phận bảo vệ như cầu chì, role...

Cơ sở có bố trí 1 hồ nước chữa cháy bên trong Cơ sở với thể tích là 214,36 m³.

Phương tiện chữa cháy tại cơ sở được bố trí gồm 37 bình chữa cháy trong đó có 18 bình bột MT5, 19 bình bột MFZ8. Bố trí 13 tủ chữa cháy trong đó có 09 tủ 01 cuộn vòi và 04 tủ 02 cuộn vòi.

Cơ sở đã được cấp giấy chứng nhận số 05/TDPCCC thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy chữa cháy do Công an Tỉnh Tây Ninh cấp ngày 10/01/2019.

b) Sự cố về an toàn lao động

Để hạn chế đề phòng nguy cơ xảy ra các tai nạn lao động khi dự án hoạt động chủ dự án sẽ áp dụng các biện pháp về công tác quản lý công nhân, cũng như xây dựng quy trình vận hành thiết bị một cách an toàn như sau:

-Trang bị đầy đủ các dụng cụ bảo hộ lao động như khẩu trang chống bụi, khẩu trang than hoạt tính, đồ bảo hộ lao động, găng tay, kính đeo mắt,... Tất cả các công nhân trực tiếp sản xuất, khi lao động phải thực hiện theo qui định;

-Tổ chức khám chữa bệnh định kỳ 1 năm/lần cho công nhân viên làm việc cho công ty (trong đó chú trọng đến các bệnh nghề nghiệp);

-Lắp đặt thêm hệ thống quạt thông gió nhằm đảm bảo các yếu tố vi khí hậu và điều kiện lao động đạt tiêu chuẩn do Bộ Y tế ban hành để đảm bảo sức khỏe cho người lao động;

- Lắp đặt thêm hệ thống các biển báo tại các khu vực có nguy cơ xảy ra tai nạn lao động cao;

- Cơ sở tổ chức bộ phận sơ cứu tai nạn, bố trí phòng sơ cứu ngay tại nhà máy.

c) Nguy cơ nhiễm bệnh cho người lao động

Để phòng ngừa nhiễm bệnh cho công nhân trực tiếp tham gia sản xuất trong khu vực nhà xưởng, chủ dự án thực hiện một số biện pháp giảm thiểu như sau:

- Quản lý tốt khâu cung cấp, trang bị đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động cho toàn bộ cán bộ công nhân viên làm việc tại dự án. Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, nhắc nhở công nhân sử dụng các trang thiết bị bảo hộ lao động khi làm việc.

- Thực hiện đầy đủ các biện pháp phòng bệnh dịch gia súc, gia cầm để tránh gia súc, gia cầm mắc bệnh và truyền sang người.

- Giáo dục ý thức vệ sinh môi trường và an toàn lao động cho toàn bộ CBNV làm việc tại dự án.

- Định kỳ phun thuốc sát trùng khu vực chuồng nuôi nhốt. Thực hiện chương trình khám sức khỏe định kỳ cho công nhân.

- Không ăn heo bị bệnh chết. Khi phát hiện người có dấu hiệu bệnh phải báo ngay với chính quyền địa phương và trạm y tế gần nhất để có biện pháp theo dõi, cách ly, chăm sóc, điều trị kịp thời, không để lây lan.

d) Sự cố dịch bệnh

- Chủ đầu tư đăng ký xây dựng cơ sở an toàn dịch bệnh và thực hiện các biện pháp phòng chống dịch bệnh theo Luật Thú y năm 2015 như sau:

- Thực hiện các biện pháp kiểm soát hoạt động giết mổ tuân thủ theo quy định tại Thông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm soát giết mổ và kiểm tra vệ sinh thú y và QCVN 01 -150:2017/BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia yêu cầu vệ sinh thú y đối với cơ sở giết mổ động vật tập trung.

- Giám sát dịch bệnh cho gia cầm và thủy cầm từ hộ chăn nuôi để chủ động phát hiện khoanh vùng, khống chế để tránh lây lan diện rộng.

- Nhập gia cầm và thủy cầm từ các cơ sở an toàn dịch bệnh, rõ nguồn gốc, có giấy chứng nhận kiểm dịch của cơ quan thú y.

- Phun hóa chất sát trùng trước khi nhập gia cầm và thủy cầm vào Lò mổ.

- Đồng thời, cơ sở không tổ chức lưu trữ gia cầm mà chỉ tiến hành nhập về và giết mổ trong ngày, tránh tình trạng lưu trữ gia cầm lâu ngày tại cơ sở, gia tăng nguy cơ phát sinh dịch bệnh.

- Đào tạo về quy trình giết mổ bảo đảm vệ sinh thú y với động vật theo quy định của pháp luật thú y cho người tham gia giết mổ.

- Trang bị trang phục bảo hộ cho công nhân khi tham gia giết mổ.

- Kiểm tra lại tình trạng vệ sinh nhà xưởng, thiết bị, dụng cụ trước khi bắt đầu mỗi ca giết mổ; chỉ bắt đầu sản xuất khi nhà xưởng, thiết bị, dụng cụ đạt yêu cầu. Tiến hành khử trùng tiêu độc nhà xưởng, trang thiết bị, dụng cụ ở cơ sở trước và sau khi giết mổ.

–Các chất thải như lông gà, phân,... sẽ được thu dọn và vận chuyển ra khỏi cơ sở cuối mỗi ca làm việc, không lưu giữ chất thải tại cơ sở quá 24 giờ.

–Có hồ sơ ghi chép, kiểm soát hoạt động giết mổ và được lưu trữ tại cơ sở.

Khi xảy ra sự cố dịch bệnh lây lan trên diện rộng:

+ Chủ cơ sở sẽ tiến hành khai báo ngay với cơ quan thú y tại địa phương để bố trí cán bộ thú y đến kiểm tra và xác định loại dịch bệnh tại cơ sở.

+ Đồng thời, tiến hành thực hiện các biện pháp tiêu hủy gia cầm, thủy cầm theo hướng dẫn tại Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 5 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn. Địa điểm tiêu hủy theo hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

+ Cơ sở giết mổ phải bảo đảm không còn động vật lưu giữ chờ giết mổ.

+ Phải giết mổ toàn bộ số gia cầm được đưa đến để giết mổ bắt buộc và theo nguyên tắc gia cầm khỏe mạnh thì giết mổ trước, sau đó đến gia cầm có dấu hiệu mắc bệnh và gia cầm mắc bệnh;

+ Sau khi hoàn tất việc giết mổ gia cầm, xử lý thân thịt, phụ phẩm và sản phẩm khác của động vật, cơ sở giết mổ phải thực hiện thu gom toàn bộ chất thải để tiêu hủy và thực hiện vệ.

3.3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

Bảng 69: Bảng thống kê các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

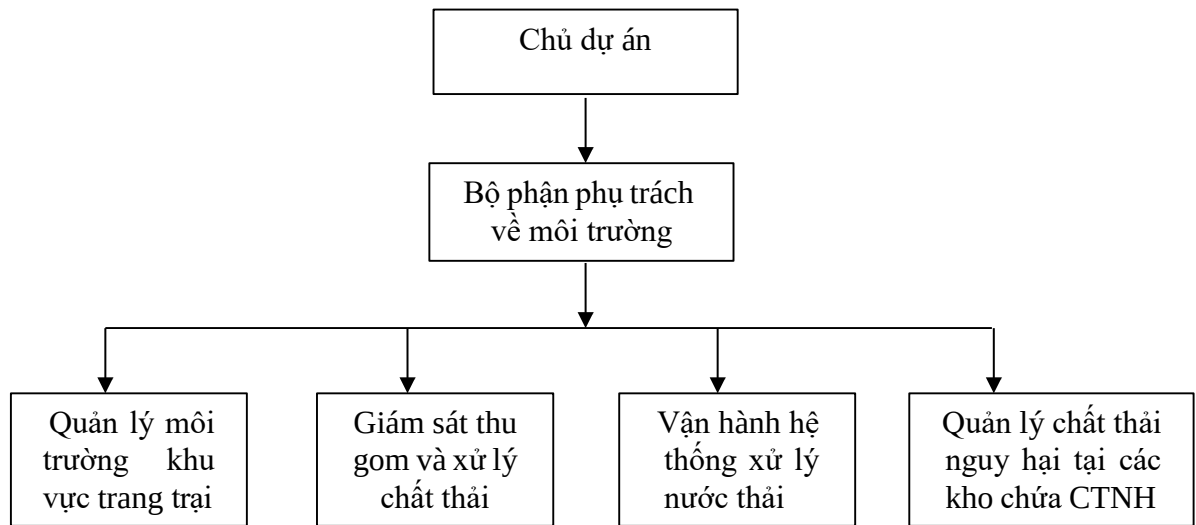
TT	Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Kế hoạch xây lắp các công trình	Tổ chức thực hiện
I	Giai đoạn triển khai xây dựng dự án		
1	Đầu tư thùng rác thông thường, thùng chứa chất thải nguy hại	Đã thực hiện	Chủ dự án và đơn vị thi công
2	Tưới nước chống bụi	Trong quá trình thi công lắp đặt	Chủ dự án và đơn vị thi công
4	Hệ thống cảnh báo, biển báo, xây dựng nội quy làm việc		Chủ dự án
5	Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân xây dựng		Chủ dự án và đơn vị thi công
6	Hệ thống thu gom, xử lý nước thải vệ sinh thiết bị, xịt rửa bánh xe		Chủ dự án và đơn vị thi công
7	Nhà vệ sinh tạm		Chủ dự án và đơn vị thi công

8	Tôn, bạt che, bao quây nguyên vật liệu khi vận chuyển, tập kết		Chủ dự án và đơn vị thi công
9	Bảo dưỡng phương tiện, máy móc, thiết bị thi công	4 lần/năm	Chủ dự án và đơn vị thi công
10	Tuyên truyền, phổ biến về an toàn lao động, vệ sinh môi trường, an ninh trật tự cho công nhân xây dựng	Trong quá trình thi công lắp đặt	Chủ dự án và đơn vị thi công
II	Giai đoạn hoạt động		
1	01 Hệ thống xử lý nước thải	Đã thực hiện	Chủ dự án và đơn vị thi công
2	Bể tự hoại 3 ngăn		
3	Nhà chứa rác sinh hoạt		

4	Hệ thống thu gom và thoát nước mưa		
5	- Kho chứa chất thải nguy hại, thùng chứa CTNH		
6	- Nhà để máy phát điện.		
	- Ống khói.		
7	- Trang bị hệ thống phòng cháy chữa cháy		
8	Hồ dự phòng sự cố		
9	- Ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom và xử lý chất thải nguy hại	Hàng năm	Chủ dự án
10	Thùng chứa rác sinh hoạt	Hàng năm	
11	- Lắp đặt các biển cảnh báo, nội quy hoạt động của dự án	Hàng năm	
18	- Trồng cây xanh	Đã thực hiện	Chủ dự án
19	Tu sửa, gia cố đường giao thông nội bộ	Hàng năm	
20	Bảo dưỡng định kỳ bảo dưỡng phương tiện, máy móc.	Hàng năm	
21	Phun nước sân, đường nội bộ vào mùa khô để giảm bụi	Hàng năm	
22	Chế phẩm vi sinh, hóa chất xử lý nước thải, mùi hôi	Hàng năm	
23	Bảo hộ lao động cho công nhân.	Hàng năm	
	Khám sức khỏe định kỳ		
24	Kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ các đường ống, hệ thống xử lý, lưu trữ chất thải;	Định kỳ hàng tháng trong giai đoạn hoạt động	

Tổ chức, bộ máy quản lý, vận hành các công trình bảo vệ môi trường

Trong giai đoạn hoạt động dự kiến 02 nhân sự môi trường trực tiếp quản lý và vận hành các công trình bảo vệ môi trường. Sơ đồ tổ chức như sau:



Hình 10. Sơ đồ tổ chức quản lý vận hành các công trình bảo vệ môi trường

3.4. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả nhận dạng, đánh giá, dự báo

3.4.1. Đánh giá mức độ tin cậy của các phương pháp

Các phương pháp được sử dụng trong báo cáo là những phương pháp đã được áp dụng từ lâu, mức độ tin cậy của các phương pháp được thể hiện:

Bảng 70: Tổng hợp mức độ tin cậy của các phương pháp thực hiện ĐTM

TT	Phương pháp đánh giá	Độ tin cậy (%)	Áp dụng	Nguyên nhân
1	Thống kê	90	Số liệu về khí tượng, thủy văn, tình hình kinh tế xã hội trong chương 2. Tài liệu nghiên cứu làm cơ sở nền phục vụ các phân tích ở chương 3.	Số liệu được cập nhật 6 tháng/lần hoặc 1 năm/lần
2	Điều tra, khảo sát thực địa, lấy mẫu và phân tích mẫu.	90	Điều tra, lấy mẫu, thu thập số liệu hiện trạng môi trường và khu vực dự án trong chương 2. Khảo sát, thu thập các số liệu phục vụ cho quá trình đánh giá tác động, đề xuất các giải pháp giảm thiểu sát thực tế trên cơ sở nền.	Thời gian lấy mẫu và bảo quản mẫu chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố môi trường.

3	Đánh giá nhanh theo hệ số ô nhiễm WHO	80	Phục vụ các đánh giá, dự đoán tải lượng ô nhiễm tạo ra trong quá trình thi công xây dựng và hoạt động của dự án làm cơ sở cho việc đề xuất các phương án giảm thiểu tác động trong chương 3.	Thời gian thiết lập từ lâu, không phù hợp với công nghệ hiện tại nên có thể chênh lệch so với thực tế.
4	Lập bảng liệt kê	90	Thiết lập mối quan hệ giữa các hoạt động của dự án ở chương 1 và các tác động môi trường ở chương 3.	Mang tính chủ quan
5	So sánh tiêu chuẩn, quy chuẩn	95	Phục vụ cho các đánh giá tác động và đánh giá hiệu quả của các phương án giảm thiểu ở chương 3.	Có thể chênh lệch nhỏ khi các chỉ tiêu tính toán được làm tròn để dễ dàng so sánh.
6	Phương pháp bản đồ	95	Phục vụ lập các sơ đồ, bản đồ thể hiện vị trí dự án, vị trí lấy mẫu môi trường, giám sát môi trường,...	Có sự sai số nhỏ khi các sử dụng các số liệu từ quá trình thu thập vào xây dựng bản đồ.

Các đánh giá về những tác động môi trường được thực hiện ở mức độ rất chi tiết và độ tin cậy cao. Dựa trên những đánh giá tác động của từng nguồn gây tác động khi dự án triển khai đều có biện pháp khắc phục ô nhiễm trình bày ở chương 3.

3.4.2. Nhận xét về mức độ tin cậy của các đánh giá

Báo cáo đã đánh giá chi tiết cho từng đối tượng bị tác động do các nguồn tác động khác nhau như môi trường không khí, môi trường nước, môi trường đất và môi trường kinh tế - xã hội. Những tác động của dự án đến môi trường tự nhiên, kinh tế xã hội tùy thuộc vào thời gian cũng như mức độ mà sẽ tạo nên những hậu quả khác nhau. Các đánh giá này tính toán trong trường hợp chưa có các biện pháp xử lý giảm thiểu. Khi áp dụng các biện pháp giảm thiểu tác động xấu thì các tác động sẽ giảm đáng kể và ở mức tác động nhẹ hoặc không tác động. Các phương pháp đánh giá sử dụng có mức độ tin cậy tương đối cao, đã được các chuyên gia nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực môi trường sử dụng.

Các đánh giá trong báo cáo ĐTM này được xây dựng dựa trên nguồn tài liệu, dữ liệu phong phú, kinh nghiệm thực tế đã được rút ra từ các báo cáo ĐTM tương tự. Bên cạnh nguồn tài liệu, dữ liệu tham khảo, chủ dự án còn nhận được sự góp ý bổ sung của chính quyền địa phương tại địa điểm thực hiện dự án, do đó các đánh giá nêu trong báo cáo đúng với yêu cầu thực tế địa phương.

CHƯƠNG IV. CHƯƠNG TRÌNH QUẢN LÝ VÀ GIÁM SÁT MÔI TRƯỜNG

4.1. Chương trình quản lý môi trường

Chương trình quản lý và quan trắc chất lượng môi trường của dự án là thu thập thông tin một cách liên tục về sự biến đổi chất lượng môi trường, để kịp thời phát hiện những tác động xấu đến môi trường của dự án và đề xuất các biện pháp ngăn ngừa, giảm thiểu ô nhiễm.

Các biện pháp quản lý môi trường bao gồm nhiều khía cạnh, tuy nhiên các biện pháp quản lý môi trường chủ yếu tập trung vào những vấn đề sau:

4.1.1. *Chương trình quản lý môi trường trong giai đoạn thi công lắp đặt*

Trong giai đoạn triển khai thi công lắp đặt dây chuyền giết mổ dự án chủ dự án và đơn vị thi công sẽ tuân thủ đúng quy định tại Thông tư số 02/2018/TT-BXD ngày 06/02/2018 của Bộ Xây Dựng quy định về bảo vệ môi trường trong thi công xây dựng công trình và chế độ báo cáo công tác bảo vệ môi trường ngành xây dựng, cụ thể:

- Lập kế hoạch quản lý và bảo vệ môi trường trên cơ sở chương trình quản lý môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025.

- Bố trí nhân sự phụ trách về môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường để kiểm tra, giám sát nhà thầu thực hiện kế hoạch quản lý và bảo vệ môi trường và các quy định về bảo vệ môi trường trong thi công xây dựng.

- Trên cơ sở các biện pháp bảo vệ môi trường đã được phê duyệt trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được cấp có thẩm quyền xác nhận, chủ dự án sẽ bố trí đầy đủ kinh phí để thực hiện kế hoạch quản lý và bảo vệ môi trường trong quá trình thi công xây dựng.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát các nhà thầu tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường trong thi công xây dựng công trình.

- Đình chỉ thi công và yêu cầu nhà thầu khắc phục để đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường khi phát hiện nhà thầu vi phạm nghiêm trọng các quy định về bảo vệ môi trường trong thi công xây dựng công trình hoặc có nguy cơ xảy ra sự cố môi trường nghiêm trọng.

- Phối hợp với nhà thầu thi công xây dựng công trình xử lý, khắc phục khi xảy ra ô nhiễm, sự cố môi trường; kịp thời báo cáo, phối hợp với cơ quan có thẩm quyền để giải quyết ô nhiễm, sự cố môi trường nghiêm trọng và các vấn đề phát sinh.

4.1.2. Chương trình quản lý môi trường trong giai đoạn vận hành

- Bố trí 01 nhân sự phụ trách có chuyên môn về môi trường, quản lý việc thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường.
- Phối hợp với các cơ quan chức năng tổ chức tuyên truyền, giáo dục, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường của Nhà nước cũng như những quy định của tỉnh về công tác bảo vệ môi trường.
- Giám sát các nguồn thải và điểm thải của hệ thống các công trình xử lý chất thải của dự án.
 - Lập kế hoạch giám sát môi trường cho khu vực dự án.
 - Xây dựng, thiết lập kế hoạch ứng phó sự cố môi trường.
 - Đào tạo về an toàn và môi trường cho nhân viên.
- Theo dõi, lưu trữ kết quả các hoạt động có liên quan đến an toàn môi trường của dự án, thường xuyên xem xét, kiểm tra lại hiệu quả của kế hoạch quản lý môi trường và chỉnh sửa lại kế hoạch khi cần thiết.
- Chương trình quản lý môi trường được tóm tắt như trong bảng sau:

Bảng 71: Bảng tổng hợp chương trình quản lý môi trường

Các giai đoạn của dự án	Các hoạt động của dự án	Các tác động môi trường	Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Kinh phí thực hiện các công trình, biện pháp BVMT	Thời gian phát sinh và hoàn thành	Trách nhiệm tổ chức thực hiện	Trách nhiệm giám sát	
Thi công xây dựng	Thực hiện các thủ tục pháp lý.	Không phát sinh chất thải			Đã hoàn thành	Chủ đầu tư và đơn vị thi công xây dựng công trình	Cơ quan có chức năng giám sát	
	Phát quang, dọn thực bì	- Chất thải rắn từ quá trình phát quang.	- Thu gom, xử lý thực bì	10 triệu	Quý IV/2025			
	Hoạt động máy móc đào, đào đắp, san gạt mặt bằng	- Bụi, khí thải, tiếng ồn, rung.	- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân	40 triệu				3 triệu
			- Hệ thống mương và hố lắng nước thải vệ sinh phương tiện thiết bị, xịt rửa bánh xe.	5 triệu				
		- Sự cố tai nạn.	- Lắp đặt hệ thống cảnh báo, biển báo, nội quy	10 triệu				Theo định kỳ
		Tập kết máy móc, thiết bị nguyên nhiên	- Bụi, khí thải, tiếng ồn, rung từ phương tiện vận chuyển, máy móc, thiết bị thi công. - Bụi phát sinh từ quá trình thi công xây dựng.	Tôn, bạt che, bao quây nguyên vật liệu tập kết				
	- Tưới nước chống bụi			50 triệu				
	- Bảo dưỡng phương tiện, thiết bị.							

Thi công xây dựng	vật liệu và thi công xây dựng các hạng mục công trình của dự án	- Vấn đề về vệ sinh môi trường, an ninh trật tự, an toàn lao động	Tuyên truyền, phổ biến về an toàn vệ sinh lao động, an ninh trật tự.	10 triệu	Trong suốt quá trình thi công	Chủ đầu tư và đơn vị thi công xây dựng	Cơ quan có chức năng giám sát
			- Nâng cấp, cải tạo đường giao thông nội thôn	300 triệu	Trong suốt quá trình thi công		
		Nước thải vệ sinh phương tiện thi công	- Mương thu nước và hố lắng nước thải vệ sinh phương tiện thiết bị, xít rửa bánh xe	3 triệu	Trong suốt quá trình thi công		
		- Chất thải xây dựng	- Tận dụng san nền, bán phế liệu		Trong suốt quá trình thi công		
		Chất thải nguy hại	- Đầu tư thùng chứa CTNH chuyên dụng	5 triệu	Quý IV/2025		
	Sinh hoạt của công nhân.	- Nước thải sinh hoạt	- Nhà vệ sinh tạm thời	10 triệu			
		- Chất thải rắn sinh hoạt	- Đầu tư thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt	5 triệu	Quý IV/2026		
			Tháo dỡ lán trại, thu dọn nhà vệ sinh tạm	2 triệu			
	Thời tiết có mưa	- Nước mưa chảy tràn	- Các biện pháp phòng chống xói mòn, sạt lở.	20 triệu	Trong suốt quá trình thi công		
			- Đào mương, rãnh, hố lắng thu nước mưa chảy tràn.	10 triệu	Quý IV/2025		
	Hoạt động giao thông, vận chuyển	- Khí thải, bụi, tiếng ồn, từ phương tiện giao thông, vận chuyển	Tu sửa, gia cố đường giao thông nội bộ	20 triệu	Hàng năm	Chủ dự án	Cơ quan có chức
			- Bảo dưỡng định kỳ bảo dưỡng phương tiện, máy móc.	30 triệu	Hàng năm		
			- Phun nước sân, đường nội bộ vào mùa khô để giảm bụi	5 triệu	Hàng năm		

Giai đoạn vận hành	Hoạt động chăn nuôi	- Nước thải chăn nuôi	- 01 Hệ thống thu gom và xử lý nước thải chăn nuôi heo công suất 450 m ³ /ngày.đêm	10 tỷ	Đã đầu tư trong giai đoạn XD	Chủ dự án	năng giám sát
			- Chế phẩm vi sinh, hóa chất xử lý nước thải, mùi hôi	20 triệu	Hàng năm		
			- Hồ dự phòng sự cố	200 triệu			
	Hoạt động chăn nuôi	- Phân heo, bùn từ hầm biogas.	- Máy tách phân. - Nhà chứa phân - Nhà ủ phân	300 triệu	Đã đầu tư trong giai đoạn XD		
			- Nhà nuôi trùn quế	200 triệu			
			Hoạt động chăn nuôi, kinh doanh	- Mùi hôi, tiếng ồn	- Phun chế phẩm vi sinh khử mùi		
	- Trồng cây xanh cách ly	100 triệu					
	- Khí gas từ hầm biogas	- Hệ thống thu gom, Lò đốt xác heo sử dụng khí biogas, máy phát điện		900 triệu	Đã đầu tư trong giai đoạn XD		
	Chất thải nguy hại	- 02 Thùng chứa 60 lít. - Kho chứa chất thải nguy hại		30 triệu			
		Ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom và xử lý	10 triệu	Hàng năm			
Giai đoạn vận hành	Máy phát điện dự phòng	Khí thải, tiếng ồn	- Nhà để máy phát điện. - Ống khói.	30 triệu	Đã đầu tư trong giai đoạn XD	Cơ quan có chức năng giám sát	
	Sinh hoạt của công nhân	Chất thải rắn sinh hoạt	- Nhà chứa rác sinh hoạt	20 triệu			
			- Thùng chứa rác sinh hoạt	20 triệu			
		Nước thải sinh hoạt	Bể tự hoại 3 ngăn, hố thu gom NTSH để dẫn về HTXLNT tập trung	100 triệu	Đã đầu tư trong giai đoạn XD		
	Nước mưa chảy tràn		- Hệ thống mương thu và thoát nước mưa	150 triệu			
	Rủi ro sự cố môi trường		- Bảo hộ lao động cho công nhân. - Khám sức khỏe định kỳ	100 triệu	Hàng năm		

Giai đoạn vận hành	Rủi ro sự cố môi trường		- Trang bị hệ thống PCCC	200 triệu	Đã đầu tư trong giai đoạn XD	Chủ dự án	Cơ quan có chức năng giám sát
			- Thường xuyên bảo dưỡng, kiểm tra định kỳ các đường ống, hệ thống xử lý, lưu trữ chất thải;	10 triệu	Hàng năm		
			- Lắp đặt các biển cảnh báo, nội quy hoạt động của trang trại	15 triệu	Đã đầu tư trong giai đoạn XD		
			- Hố hủy xác	150 triệu			

4.2. Chương trình quan trắc, giám sát môi trường của chủ dự án

Trong quá trình sản xuất, Chủ dự án sẽ phối hợp với các cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường tiến hành giám sát định kỳ chất lượng môi trường nhằm mục đích kiểm soát, bảo vệ và giám sát ô nhiễm môi trường; chất lượng môi trường thường xuyên được theo dõi, số liệu sẽ được lưu giữ. Thông qua các diễn biến về chất lượng môi trường sẽ giúp cơ sở có các biện pháp vận hành, điều chỉnh các công trình xử lý chất thải của dự án một cách phù hợp và xử lý chất thải đạt hiệu quả cao nhất. Kết quả giám sát và quan trắc môi trường sẽ được Chủ dự án gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tây Ninh và các cơ quan liên quan định kỳ theo đúng quy định của pháp luật.

4.2.1. Giám sát môi trường trong giai đoạn thi công lắp đặt

a) Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại:

- Kiểm soát, theo dõi các nguồn phát sinh, thành phần, khối lượng và biện pháp thu gom, xử lý đối với rác thải sinh hoạt, chất thải rắn trong quá trình thi công xây dựng và chất thải nguy hại.

- Vị trí giám sát: Tại khu vực lán trại công nhân và khu vực thi công xây dựng.

- Giám sát định kỳ: Giám sát liên tục trong suốt giai đoạn thi công xây dựng.

b) Giám sát khác:

Giám sát các hoạt động thi công lắp đặt của dự án, công tác vận chuyển cung cấp nguyên vật liệu, tiến độ thực hiện dự án.

4.2.2. Giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành của dự án

a) Giám sát môi trường không khí :

- Vị trí giám sát: 03 vị trí.

+ KK01: Không khí khu vực cổng (tọa độ giám sát: X = 1392542; Y = 416274).

+ KK03: Không khí khu vực cụm XLNT (tọa độ giám sát: X = 1392200; Y = 416094).

- Thông số giám sát: Bụi tổng, tiếng ồn, CO, NO_x, SO₂.

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

- Tiêu chuẩn so sánh: - Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí; QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.

b) Giám sát chất lượng nước thải:

- Vị trí giám sát: 01 vị trí (Nước thải đầu ra hệ thống xử lý nước thải; tọa độ giám sát: X = 1392180; Y = 416094)

- Thông số giám sát: pH, BOD₅, COD, TSS, Tổng N, Tổng Coliform.

- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 62-MT:2016/BTNMT (Cột A) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi.

c) Giám sát chất thải rắn thông thường

- Thông số giám sát: Giám sát về thành phần, khối lượng, biện pháp thu gom và xử lý của chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

- Vị trí giám sát:

+ Giám sát chất thải rắn sinh hoạt tại khu vực nhà ở và sinh hoạt của công nhân.

+ Giám sát chất thải rắn thông thường xung quanh dự án.

- Tần suất giám sát: Giám sát liên tục hàng ngày.

d) Giám sát chất thải nguy hại

- Thông số giám sát: tiến hành giám sát về thành phần, khối lượng, biện pháp thu gom và xử lý theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025.

- Vị trí giám sát: Kho chứa chất thải nguy hại.

- Tần suất giám sát: Giám sát liên tục hàng ngày.

e) Giám sát khác

- Giám sát thường xuyên đối với hệ thống thu gom xử lý nước mưa; các nguy cơ của hệ thống xử lý nước thải khi nước mưa tràn vào có thể gây quá tải, tràn nước thải ra ngoài, sự cố vỡ bờ hồ của các hạng mục xử lý,...

- Giám sát sự cố cháy, nổ, mất an toàn tại hệ thống biogas; giám sát các thiết bị phục vụ cho vận hành hệ thống xử lý nước thải (máy thổi khí, máy khuấy, máy châm Clo..) và các biện pháp khắc phục kịp thời; giám sát việc bồi lắng khe suối cận lân cận dự án. Báo cáo đến cơ quan quản lý liên quan khi có các sự cố xảy ra.

CHƯƠNG V.

KẾT QUẢ THAM VẤN

5.1. Tham vấn cộng đồng

5.1.1. Quá trình tổ chức thực hiện tham vấn cộng đồng

5.1.1.1. Tham vấn thông qua đăng tải trên trang thông tin điện tử

Dự án đang trong quá trình thực hiện các thủ tục tham vấn thông qua đăng tải trên trang thông tin điện tử.

5.1.1.2. Tham vấn cộng đồng dân cư, cá nhân chịu tác động trực tiếp

Thực hiện quy định tại Điều 33 Luật Bảo vệ môi trường và điểm a khoản 1, khoản 2, điểm b khoản 3 và khoản 4 Điều 26 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ, ngày 25/3/2025 Chủ dự án là Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân đã gửi đến UBND xã Bàu Năng Văn bản số 01/VB-MTTB về việc tổ chức họp tham vấn cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp bởi Dự án Lò mổ gia súc, gia cầm và thủy cầm Thanh Bảo Hân kèm theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án. UBND xã Bàu Năng đã thực hiện niêm yết Báo cáo ĐTM tại trụ sở UBND xã Bàu Năng và gửi giấy mời, thông báo thời gian, địa điểm tổ chức họp tham vấn lấy ý kiến tới cộng đồng dân cư, cá nhân chịu tác động trực tiếp của dự án.

Cuộc họp được tiến hành vào ngày .../6/2025 tại hội trường ấp Ninh Bình, xã Bàu Năng, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh với sự chủ trì của đại diện UBND xã Bàu Năng, Chủ dự án và sự tham gia của Đơn vị tư vấn và các cá nhân, hộ dân chịu tác động trực tiếp của dự án. Thành phần tham dự cuộc họp cụ thể như sau:

a. Đại diện Ủy ban nhân dân xã Bàu Năng (Chủ trì cuộc họp)

Ông:; Chức vụ: UBND xã Bàu Năng.

Ông: Lưu Văn Thức; Chức vụ: ... UBMTTQVN xã Bàu Năng.

b. Đại diện Chủ dự án: Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân

Ông Bùi Văn Thanh; Chức vụ: Giám đốc

c. Đại diện đơn vị tư vấn lập báo cáo đánh giá tác động môi trường: Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Môi trường và Nông nghiệp Nguyên Hưng.

Bà: Nguyễn Thị Phương Thanh Chức vụ: Nhân viên

d. Các cá nhân, hộ dân chịu tác động trực tiếp bởi dự án: hộ.

Do các cá nhân, hộ dân chịu tác động trực tiếp bởi dự án đều tham dự họp: hộ vì vậy không tham vấn bằng hình thức phiếu lấy ý kiến.

Tại cuộc họp Chủ dự án đã phối hợp với Đơn vị tư vấn trình bày nội dung tham vấn, ghi nhận và trả lời các ý kiến, câu hỏi của các đại biểu, các hộ dân tham dự. Qua nội dung cuộc họp, tất cả các thành phần tham dự đều thống nhất về việc thực hiện dự án.

(Biên bản họp tham vấn cộng đồng dân cư, cá nhân chịu tác động trực tiếp bởi dự án được đính kèm tại phần Phụ lục).

5.1.1.3. Tham vấn bằng văn bản

Thực hiện quy định tại Điều 33 Luật Bảo vệ môi trường và điểm b khoản 1, khoản 2, điểm c khoản 3, khoản 4 Điều 26 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ, ngày 04/01/2025 Chủ dự án đã gửi đến UBND xã Bàu Năng, UBND TTQVN xã Bàu Năng Văn bản số 01/VB-MTTB về việc xin ý kiến tham vấn trong quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường của Dự án Lò mổ gia súc, gia cầm và thủy cầm Thanh Bảo Hân kèm theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.

Sau khi xem xét Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án, UBND xã Bàu Năng đã phúc đáp tại Công văn số .../CV-UBND ngày .../6/2025 về việc ý kiến tham vấn quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường của Dự án Lò mổ gia súc, gia cầm và thủy cầm Thanh Bảo Hân và UBND TTQVN xã Bàu Năng đã phúc đáp tại Công văn số ---/CV-MBMT ngày .../6/2025 về việc ý kiến tham vấn về quá trình thực hiện đánh giá tác động môi trường của Dự án Lò mổ gia súc, gia cầm và thủy cầm Thanh Bảo Hân.

(Văn bản tham vấn của dự án và các Công văn trả lời của các cơ quan, tổ chức được đính kèm tại phần Phụ lục).

5.1.2. Kết quả tham vấn cộng đồng

Qua công tác tham vấn Chủ dự án tổng hợp kết quả tham vấn cộng đồng trong bảng sau:

Bảng 72. Kết quả tham vấn cộng đồng của dự án

TT	Ý kiến góp ý	Nội dung tiếp thu, hoàn thiện hoặc giải trình	Cơ quan, tổ chức/cộng đồng dân cư/đối tượng tham vấn
I	Tham vấn thông qua đăng tải trên trang thông tin điện tử		
	Đang trong quá trình thực hiện		
II	Tham vấn bằng hình thức tổ chức họp lấy ý kiến		
1	Về vị trí thực hiện dự án đầu tư		
-		Chủ dự án xin tiếp thu ý kiến	

TT	Ý kiến góp ý	Nội dung tiếp thu, hoàn thiện hoặc giải trình	Cơ quan, tổ chức/cộng đồng dân cư/đối tượng tham vấn
2	Về tác động môi trường của dự án đầu tư		
3	Biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường		
4	Chương trình quản lý và giám sát môi trường; phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường		

5	Các nội dung khác		

III	Tham vấn bằng văn bản		
1	Về vị trí thực hiện dự án đầu tư		
2	Về tác động môi trường của dự án đầu tư		
3	Về biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường		

4	Về chương trình quản lý và giám sát môi trường; phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường		
---	--	--	--

5	Về các nội dung khác có liên quan đến dự án đầu tư		

6.2. Tham vấn chuyên gia, nhà khoa học, tổ chức chuyên môn

Dự án đang trong quá trình tham vấn chuyên gia, nhà khoa học, tổ chức chuyên môn.

KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ VÀ CAM KẾT

1. Kết luận

Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Lò mổ gia súc, gia cầm và thủy cầm Thanh Bảo Hân đã tiến hành nhận dạng và đánh giá tương đối đầy đủ các vấn đề liên quan đến môi trường tự nhiên cũng như kinh tế - xã hội. Cụ thể:

- **Vấn đề mùi hôi:** Là vấn đề trọng tâm cần lưu ý của Dự án, quá trình sản xuất phát sinh mùi hôi dự án. Lưu lượng và thành phần có trong mùi hôi ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe công nhân làm việc trong Dự án cũng như môi trường xung quanh khi xảy ra sự cố. Tuy nhiên, chủ dự án sẽ xây dựng dự án theo đúng mô hình khép kín, chăn nuôi sạch nhằm giảm thiểu mùi hôi đến mức thấp nhất.

- **Vấn đề nước thải:** Chủ dự án sẽ tiến hành thu gom toàn bộ lượng nước thải phát sinh trong quá trình sản xuất, xử lý đạt quy chuẩn và tái sử dụng 100% nước thải sau xử lý, không xả ra nguồn nước.

- **Vấn đề chất thải rắn:** Chất thải rắn của dự án được thu gom và phân loại tại nguồn, chất thải rắn có khả năng tái chế được lưu giữ trong kho để cung cấp cho các đơn vị có nhu cầu thu mua, chất thải rắn không có khả năng tái chế được thu gom, xử lý hợp vệ sinh theo đúng quy định.

- **Chất thải nguy hại:** Lượng chất thải nguy hại phát sinh tại Dự án sẽ được thu gom riêng, quản lý nghiêm ngặt trong kho chứa, dán nhãn, mã chất thải nguy hại, cảnh báo nguy hiểm,... và hợp đồng với đơn vị có chức năng đem đi xử lý để giảm tối đa tác động do nguồn thải này gây nên.

- **Dịch bệnh:** Dịch bệnh như: Heo tai xanh, lở mồm long móng, dịch tả lợn Châu Phi,... xảy ra sẽ gây ảnh hưởng lớn đến dự án. Do vậy, dự án sẽ thực hiện các biện pháp phòng chống dịch bệnh theo Luật Thú y và các quy định có liên quan.

- **Kinh tế - xã hội:** Dự án khi đi vào hoạt động sẽ có những ảnh hưởng tới tình hình kinh tế - xã hội, an ninh trật tự khu vực, các dịch vụ đi kèm,... Tuy nhiên số lượng nhân công dự án không nhiều, Chủ Dự án sẽ bố trí nhà ở cho công nhân viên trong khuôn viên dự án, thường xuyên tuyên truyền phổ biến pháp luật cho công nhân, đảm bảo hoạt động của dự án không ảnh hưởng tới an ninh - trật tự khu vực.

- **Các sự cố, rủi ro:** Chủ dự án sẽ tiến hành các biện pháp để giảm thiểu tối đa việc phát sinh các sự cố, rủi ro trong suốt quá trình vận hành dự án. Chủ dự án cũng đưa ra những phương án giải quyết khi có các sự cố xảy ra.

2. Kiến nghị

Chủ Dự án Lò mổ gia súc, gia cầm và thủy cầm Thanh Bảo Hân đã nghiên cứu, thu thập cơ sở dữ liệu và đánh giá các tác động môi trường, hiệu quả thiết thực cho cả hai mặt: Lợi ích kinh tế - xã hội và những tổn thất về môi trường, bên cạnh đó đã đề xuất

ra các biện pháp khả thi nhằm kiểm soát và xử lý các nguồn gây ô nhiễm môi trường của dự án.

Kiến nghị Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tây Ninh và các Cơ quan chức năng hướng dẫn việc chấp hành Luật Bảo vệ môi trường trong quá trình xây dựng cũng như khi Dự án đi vào vận hành. Đảm bảo giảm thiểu đến mức thấp nhất các tác động tới môi trường của dự án.

3. Cam kết

- Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân – Chủ Dự án Lò mổ gia súc, gia cầm và thủy cầm Thanh Bảo Hân cam kết thực hiện một cách nghiêm túc và đầy đủ các giải pháp, biện pháp bảo vệ môi trường như đã trình bày trong báo cáo.

- Cam kết các giải pháp, biện pháp bảo vệ môi trường được thực hiện nghiêm chỉnh kể từ khi xây dựng công trình, dự án đi vào vận hành chính thức và đến khi kết thúc dự án.

- Cam kết thực hiện theo các ý kiến tham vấn cộng đồng dân cư, cá nhân chịu ảnh hưởng trực tiếp bởi dự án, các cơ quan, tổ chức, chuyên gia đã trình bày tại báo cáo.

- Cam kết thực hiện đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường theo đúng các quy định của pháp luật khi xảy ra các sự cố môi trường trong quá trình triển khai thực hiện dự án.

- Cam kết thực hiện hoàn thành các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường đúng theo báo cáo đánh giá tác động đã đề xuất và phải thực hiện vận hành thử nghiệm đúng theo quy định pháp luật.

- Cam kết chấp hành các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, đất đai, chăn nuôi, không thực hiện các hành vi gây ô nhiễm môi trường.

- Cam kết giám sát lưu lượng, chất lượng nước thải trong suốt quá trình hoạt động và định kỳ báo cáo về Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Tây Ninh để theo dõi, quản lý theo quy định.

- Cam kết kiểm soát các nguồn ô nhiễm phát sinh do hoạt động của dự án nằm trong giới hạn cho phép của quy chuẩn như sau:

+ QCVN 62-MT:2016/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi.

+ QCVN 14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

+ QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

+ QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

+ QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.

+ QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

- Chủ dự án cam kết sẽ thu gom và xử lý nước thải đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT, cột A.

- Chủ dự án cam kết thực hiện nghiêm các biện pháp xử lý mùi hôi phát sinh từ hoạt động chăn nuôi, không làm ảnh hưởng đến các hộ dân xung quanh dự án.

- Quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Thu gom, lưu giữ và chuyển giao tất cả chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình hoạt động của dự án cho các đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

- Cam kết tu sửa, cải tạo đường giao thông kết nối đến dự án trong suốt thời gian hoạt động của dự án trong trường hợp xảy ra hư hỏng do các hoạt động của dự án. Đảm bảo đảm tình hình an ninh trật tự tại dự án trong suốt quá trình hoạt động.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

EPA, (1998), Characterization of Building-Related construction and Demolition Debris;

Lăng Ngọc Huỳnh (2001), Bài giảng vệ sinh môi trường trong chăn nuôi;

Lâm Minh Triết, Nguyễn Thanh Hùng & Nguyễn Phước Dân (2008), *Tính toán thiết kế công trình – Xử lý nước thải đô thị và công nghiệp*, Đại học Quốc gia TP.HCM, Hồ Chí Minh;

Phạm Ngọc Đăng, (1997), Môi trường không khí, NXB KH&KT, Hà Nội;

Trần Ngọc Chân, (2000), Ô nhiễm không khí và xử lý khí thải, Tập 1: Ô nhiễm không khí và tính toán khuếch tán chất ô nhiễm, NXB Khoa học và kỹ thuật, Hà Nội;

Trịnh Xuân Lai (2000), Tính toán thiết kế các công trình xử lý nước thải, NXB Xây dựng Hà Nội, Hà Nội;

World Bank (8/1991) Enviromental assessment sourcebook, volume II, sectoral guidelines, enviroment;

World Health Organization, (1993), Assessment of Sources of Air, Water, and Land Pollution, Part 1: Rapid Inventory Techniques in Enviromental Pollution, WHO, Geneva.

Van Duy, N., & Vu Dinh, T. (2010). Studying on pig manure treatment to minimize environmental pollution and use bioenergy. *International journal of environmental and rural development*, 1(2).

PHỤ LỤC

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH TÂY NINH
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 3901229496

Đăng ký lần đầu: ngày 29 tháng 08 năm 2016

Đăng ký thay đổi lần thứ: 3, ngày 20 tháng 02 năm 2024

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH MTV THANH BẢO HÂN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Thửa đất số 464, Tờ bản đồ số 12, ấp Ninh Bình, Xã Bàu Nặng, Huyện Dương Minh Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 0913.994967

Fax:

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ : 15.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Mười lăm tỷ đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Họ và tên: BÙI VĂN THANH

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 20/10/1969

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 052069000483

Ngày cấp: 15/04/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 3, Ninh Thành, Phường Ninh Sơn, Thành phố Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 3, Ninh Thành, Phường Ninh Sơn, Thành phố Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: BÙI VĂN THANH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 20/10/1969

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 052069000483

Ngày cấp: 15/04/2021

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật
tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 3, Ninh Thành, Phường Ninh Sơn, Thành phố Tây Ninh, Tỉnh
Tây Ninh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 3, Ninh Thành, Phường Ninh Sơn, Thành phố Tây Ninh, Tỉnh Tây
Ninh, Việt Nam

TRƯỞNG PHÒNG



Phạm Hồng Thắm

BẢN SAO

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH

Số: 1724 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tây Ninh, ngày 28 tháng 7 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

V/v Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án lò mổ gia súc,
gia cầm và thủy cầm của Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014;

Căn cứ Nghị định số 118/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật đầu tư;

Theo văn bản đề nghị thực hiện dự án đầu tư và hồ sơ kèm theo do Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân nộp ngày 16/01/2017;

Xét Báo cáo thẩm định số 133/BC-SKHĐT ngày 20/6/2017 của Sở Kế hoạch và Đầu tư,

QUYẾT ĐỊNH:

Chấp thuận nhà đầu tư:

Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3901229496 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp ngày 29/08/2016.

Địa chỉ trụ sở chính: Thửa đất số 464, Tờ bản đồ số 12, ấp Ninh Bình, xã Bàu Năng, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

Thông tin người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp: Ông Bùi Văn Thanh, sinh ngày 20/10/1969, quốc tịch: Việt Nam, chứng minh nhân dân số 290460379 cấp ngày 14/02/2011 tại Công an tỉnh Tây Ninh; địa chỉ thường trú tại số 3, Hẻm 2, đường số 8, Trần Phú, Khu phố Ninh Thành, phường Ninh Sơn, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; chỗ ở hiện nay tại số 3, Hẻm 2, đường số 8, Trần Phú, Khu phố Ninh Thành, phường Ninh Sơn, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; điện thoại: 0913994967; Chức vụ: Giám đốc.

Thực hiện dự án đầu tư với các nội dung sau:

Điều 1. Nội dung dự án đầu tư

1. Tên dự án đầu tư: LÒ MỔ GIA SÚC, GIA CẦM VÀ THỦY CẦM THANH BẢO HÂN.

2. Mục tiêu của dự án: lò mổ gia súc, gia cầm và thủy cầm.

3. Quy mô của dự án: Gia súc: 600 con/ngày; Gia cầm và thủy cầm: 6.000 con/ngày

4. Địa điểm thực hiện: xã Bàu Năng, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

5. Diện tích mặt đất sử dụng: 28.295,1 m².

6. Tổng vốn đầu tư: 8.500.000.000 (tám tỷ năm trăm triệu) đồng. Trong đó, vốn góp để thực hiện dự án là 8.500.000.000 (tám tỷ năm trăm triệu) đồng, chiếm tỷ lệ 100% tổng vốn đầu tư.

Tiến độ, tỷ lệ và phương thức góp vốn: Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân góp 8.500.000.000 (tám tỷ năm trăm triệu) đồng, bằng tiền mặt, chiếm 100% vốn góp, trong vòng 12 tháng kể từ ngày được cấp Quyết định chủ trương đầu tư.

7. Thời gian hoạt động của dự án: 50 năm kể từ ngày được cấp Quyết định chủ trương đầu tư.

8. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư: tháng 01/2017-3/2018.

Điều 2. Các ưu đãi đầu tư

Dự án được hưởng ưu đãi đầu tư theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Nhà đầu tư liên hệ các Sở, ngành liên quan để được hướng dẫn làm thủ tục hưởng ưu đãi đầu tư theo quy định.

Điều 3. Trách nhiệm của Sở, ngành và Công ty

1. Giao UBND huyện Dương Minh Châu điều chỉnh, bổ sung dự án này vào quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2016-2020 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2018 của huyện Dương Minh Châu.

2. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn và UBND huyện Dương Minh Châu hướng dẫn Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân thực hiện đầy đủ các thủ tục có liên quan theo đúng quy định hiện hành.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Điều 5. Quyết định này được lập thành 01 (một) bản gốc lưu tại UBND tỉnh Tây Ninh; đồng sao gửi cho Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, UBND huyện Dương Minh Châu.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP, KT1, KT2;
- Lưu: VT/VP UBND tỉnh.

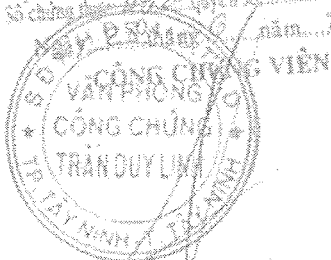
12

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thanh Ngọc

Chứng thực bản sao đúng với bản chính
Số chứng thực: 4922, ngày 02/03/2018



Trần Duy Linh

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: 8558115162

BẢN SAO

Chứng nhận lần đầu: ngày 19 tháng 10 năm 2017

Chứng nhận thay đổi lần thứ nhất: ngày 27 tháng 5 năm 2019

Căn cứ Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 8558115162 do Sở Kế hoạch và Đầu tư chứng nhận lần đầu ngày 19/10/2017;

Căn cứ Quyết định số 32/2016/QĐ-UBND ngày 27/9/2016 của UBND tỉnh Tây Ninh ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư và hồ sơ kèm theo do Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân nộp ngày 20/5/2019,

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH TÂY NINH

Chứng nhận:

Dự án đầu tư Lò mổ gia súc, gia cầm và thủy cầm Thanh Bảo Hân; mã số dự án 8558115162 do Sở Kế hoạch và Đầu tư chứng nhận lần đầu ngày 19/10/2017;

Được đăng ký điều chỉnh tổng vốn đầu tư, cụ thể như sau:

* Trước khi điều chỉnh: Tổng vốn đầu tư: 8.500.000.000 (tám tỷ năm trăm triệu) đồng. Trong đó vốn góp để thực hiện dự án 8.500.000.000 (tám tỷ năm trăm triệu) đồng, chiếm 100% tổng vốn đầu tư.

* Sau khi điều chỉnh: Tổng vốn đầu tư: 40.000.000.000 (bốn mươi tỷ) đồng. Trong đó vốn góp để thực hiện dự án 8.500.000.000 (tám tỷ năm trăm triệu) đồng, chiếm 21,25% tổng vốn đầu tư.

Nhà đầu tư:

Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3901229496 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp ngày 29/8/2016; đăng ký thay đổi lần thứ 2, ngày 04/5/2019.

Địa chỉ trụ sở chính: ấp Ninh Bình, xã Bàu Năng, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Văn Thanh; sinh ngày 20/10/1969; quốc tịch: Việt Nam; Chứng minh nhân dân số 290460379 cấp ngày 14/02/2011.

tại Công an tỉnh Tây Ninh; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại số 3, hẻm 2, đường số 8, Trần Phú, Khu phố Ninh Thành, phường Ninh Sơn, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; Chỗ ở hiện nay tại số 3, hẻm 2, đường số 8, Trần Phú, Khu phố Ninh Thành, phường Ninh Sơn, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh; số điện thoại: 0913994967; địa chỉ Email: maipham103@gmail.com; Chức vụ: Giám đốc.

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung như sau:

Điều 1: Nội dung dự án đầu tư

1. Tên dự án đầu tư: Lò mổ gia súc, gia cầm và thủy cầm Thanh Bảo Hân.
2. Mục tiêu và quy mô dự án: Lò mổ gia súc, công suất: 600 con/ngày; Lò mổ gia cầm và thủy cầm, công suất: 6.000 con/ngày.
3. Địa điểm thực hiện: xã Bàu Nặng, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.
4. Diện tích đất sử dụng: 28.295,1 m².

5. Tổng vốn đầu tư: 40.000.000.000 (bốn mươi tỷ) đồng. Trong đó: Vốn góp để thực hiện dự án là 8.500.000.000 (tám tỷ năm trăm triệu) đồng, chiếm 21,25% tổng vốn đầu tư.

Tiền độ, tỷ lệ và phương thức góp vốn: Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân góp 8.500.000.000 (tám tỷ năm trăm triệu) đồng, bằng tiền mặt, chiếm 100% vốn góp, đã góp.

6. Thời gian hoạt động của dự án: 50 năm kể từ ngày 28/7/2017.

7. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư: tháng 01/2017- tháng 3/2018.

Điều 2. Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:

- Cơ sở pháp lý của ưu đãi:

+ Điểm a Khoản 3 Điều 15 Nghị định 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp quy định: "*Thuế suất 20% trong thời gian mười năm áp dụng đối với thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này*".

+ Khoản 6 Điều 1 Nghị định 91/2014/NĐ-CP ngày 01/10/2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế: "*Miễn thuế 2 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo đối với thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư mới quy định tại Khoản 3 Điều 15 Nghị định này và thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện dự án đầu tư mới tại khu công nghiệp (trừ khu công nghiệp nằm trên địa bàn có điều kiện - kinh tế xã hội thuận lợi)*".

+ Mục 41 Phụ lục II Danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư ban hành kèm theo Nghị định 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư thì huyện Dương Minh Châu thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

- Đối tượng và điều kiện hưởng ưu đãi: dự án đầu tư mới thực hiện tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

H.Đ
VĂN
ÔNG
H.Đ
V.Đ

2. Ưu đãi về thuế nhập khẩu

- Cơ sở pháp lý của ưu đãi:

+ Khoản 11 Điều 16 Luật Thuế Xuất khẩu, Thuế Nhập khẩu năm 2016: *"Miễn thuế hàng hóa nhập khẩu để tạo tài sản cố định của đối tượng được hưởng ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư"*.

+ Điểm b Khoản 2 Điều 15 Luật Đầu tư năm 2014: *"Đối tượng được hưởng ưu đãi đầu tư: Dự án đầu tư tại địa bàn ưu đãi đầu tư theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Luật này"*.

+ Mục 41 Phụ lục II Danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư ban hành kèm theo Nghị định 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư thì huyện Dương Minh Châu thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

- Đối tượng và điều kiện hưởng ưu đãi: dự án đầu tư mới thực hiện tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

3. Ưu đãi về miễn giảm tiền thuê đất

- Cơ sở pháp lý của ưu đãi:

+ Khoản 6 Điều 3 Nghị định 135/2016/NĐ-CP ngày 09/9/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước:

"8. Việc miễn tiền thuê đất đối với dự án đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn thực hiện theo quy định của Chính phủ về ưu đãi đầu tư trong nông nghiệp, nông thôn và được miễn tiền thuê đất trong thời gian xây dựng cơ bản theo quy định tại Khoản 2 Điều này".

+ Khoản 2 Điều 19 Nghị định 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước: *"Miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước trong thời gian xây dựng cơ bản theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng tối đa không quá 03 năm kể từ ngày có quyết định cho thuê đất, thuê mặt nước"*.

+ Khoản 1 và Khoản 3 Điều 6 Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn:

"1. Nhà đầu tư có dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư, dự án nông nghiệp khuyến khích đầu tư khi thuê đất, thuê mặt nước của Nhà nước thì được áp dụng mức giá thấp nhất của loại đất tương ứng trong bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định."

3. Nhà đầu tư có dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư được miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước trong 15 năm đầu kể từ ngày dự án hoàn thành đi vào hoạt động".

+ Điểm 14 Phụ lục Danh mục lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư trong nông nghiệp và nông thôn ban hành kèm theo Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn thì *"Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp cơ sở giết"*

mổ, bảo quản chế biến gia súc, gia cầm tập trung, công nghiệp'' thuộc lĩnh vực đặc biệt ưu đãi đầu tư trong nông nghiệp và nông thôn.

+ Mục 41 Phụ lục II Danh mục địa bàn ưu đãi đầu tư ban hành kèm theo Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư thì huyện Dương Minh Châu thuộc địa bàn kinh tế xã hội khó khăn.

+ Khoản 4 Điều 3 Nghị định số 210/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn thì Dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư là dự án thuộc lĩnh vực nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư thực hiện tại địa bàn thuộc Danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn theo quy định pháp luật về đầu tư.

- Đối tượng và điều kiện hưởng ưu đãi: dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư.

Điều 3: Các quy định đối với nhà đầu tư thực hiện dự án

Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân có trách nhiệm thực hiện chế độ báo cáo hoạt động đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư, Nghị định 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ và Nghị định 84/2015/NĐ-CP ngày 30/9/2015 của Chính phủ về giám sát và đánh giá đầu tư.

Điều 4: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 8558115162 do Sở Kế hoạch và Đầu tư chứng nhận lần đầu ngày 19/10/2017.

Điều 5: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành 02 (hai) bản gốc; 01 bản cấp cho Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân và 01 bản lưu tại Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh. *bm*

Chứng thực bản sao đúng với bản chính

Số: 10757 quyền số: 03 /SCT/BS

Ngày: 24 tháng 11 năm 2022

CÔNG CHỨNG VIÊN



Trần Duy Linh

**KT. GIÁM ĐỐC
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Kiều Công Minh

Số: 1235/QĐ-UBND

QUYẾT ĐỊNH CHẤP THUẬN ĐIỀU CHỈNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ

(Cấp lần đầu: ngày 28 tháng 7 năm 2017)

(Điều chỉnh lần thứ nhất: ngày 29 tháng 5 năm 2025)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật số 57/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021 và Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 1724/QĐ-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án lò mổ gia súc, gia cầm và thủy cầm của Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân;

Căn cứ văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư và hồ sơ kèm theo do Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân nộp ngày 17 tháng 10 năm 2024;

Xét Báo cáo thẩm định số 85/BC-STC ngày 25 tháng 4 năm 2025 của Giám đốc Sở Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án dự án lò mổ gia súc, gia cầm và thủy cầm được phê duyệt chủ trương đầu tư tại Quyết định số 1724/QĐ-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh với những nội dung điều chỉnh như sau:

1. Nội dung điều chỉnh thứ nhất:

Nội dung nhà đầu tư tại Quyết định số 1724/QĐ-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh được điều chỉnh như sau:



“Chấp thuận nhà đầu tư:

Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3901229496 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (nay là Sở Tài chính) cấp đăng ký lần đầu ngày 29 tháng 8 năm 2016, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 20 tháng 02 năm 2024.”

2. Nội dung điều chỉnh thứ hai:

Nội dung thông tin chứng minh nhân dân người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp Quyết định số 1724/QĐ-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh được điều chỉnh như sau:

“Thông tin người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp: Ông Bùi Văn Thanh, căn cước công dân số 052069000483 cấp ngày 15 tháng 4 năm 2021, nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.”

3. Nội dung điều chỉnh thứ ba:

Nội dung quy mô dự án quy định tại khoản 3 Điều 1 Quyết định số 1724/QĐ-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh được điều chỉnh như sau:

“2. Quy mô dự án: Gia súc: 600 con/ngày; Gia cầm và thủy cầm: 24.000 con/ngày.”

4. Nội dung điều chỉnh thứ tư:

Nội dung diện tích mặt đất sử dụng quy định tại khoản 5 Điều 1 Quyết định số 1724/QĐ-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh được điều chỉnh như sau:

“5. Diện tích mặt đất sử dụng: 28.478,7 m²”

5. Nội dung điều chỉnh thứ năm:

Nội dung tổng vốn đầu tư quy định tại khoản 6 Điều 1 Quyết định số 1724/QĐ-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh được điều chỉnh như sau:

“3. Tổng vốn đầu tư của dự án: 48.000.000.000 đồng, trong đó:

- Vốn góp của nhà đầu tư: 48.000.000.000 đồng, chiếm 100% vốn góp, đã góp 15.000.000.000 đồng bằng tiền mặt, 33.000.000.000 đồng còn lại góp từ quý 4/2024 đến quý 4/2026.”

6. Nội dung điều chỉnh thứ sáu:

Nội dung tiến độ thực hiện dự án quy định tại khoản 8 Điều 1 Quyết định số 1724/QĐ-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh được điều chỉnh như sau:

“4. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư:

- Giai đoạn 1: Công suất giết mổ gia cầm và thủy cầm: 6.000 con/ngày: Đã hoàn thành đưa vào hoạt động ổn định.

- Giai đoạn 2: Nâng công suất giết mổ gia cầm và thủy cầm từ 6.000 con/ngày lên 24.000 con/ngày.

+ Tiến độ xây dựng cơ bản: Từ quý 4/2024 đến quý 4/2025.

+ Tiến độ hoàn thành dự án đưa vào sử dụng/hoạt động: Trong quý 4/2025.

- Giai đoạn 3: Thực hiện dây chuyền giết mổ heo công suất 600 con/ngày.

+ Tiến độ xây dựng cơ bản: Từ quý 4/2025 đến quý 4/2026.

+ Tiến độ hoàn thành dự án đưa vào sử dụng/hoạt động: Trong quý 4/2026.”

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm của các cơ quan

a. Sở Tài chính chịu trách nhiệm kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ dự án và những nội dung được giao thẩm định theo quy định của pháp luật về đầu tư, pháp luật có liên quan. Thực hiện điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và thực hiện thủ tục ký quỹ đối với phần vốn đầu tư tăng thêm theo quy định của Luật Đầu tư năm 2020.

b. Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân huyện Dương Minh Châu chịu trách nhiệm về nội dung thẩm định điều chỉnh dự án thuộc chức năng, nhiệm vụ theo quy định tại khoản 1, 2, 3 Điều 6 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ.

c. Các đơn vị có liên quan hướng dẫn Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân các thủ tục về đất đai, xây dựng, môi trường, PCCC, các thủ tục có liên quan; theo dõi, kiểm tra, giám sát, đôn đốc nhà đầu tư thực hiện các trách nhiệm được quy định; thực hiện quản lý nhà nước và giám sát, đánh giá đầu tư dự án theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật chuyên ngành.

2. Trách nhiệm của Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân:

a. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực về tài liệu chứng minh năng lực tài chính và các nội dung hồ sơ dự án, văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

b. Liên hệ với Sở Tài chính để thực hiện thủ tục ký quỹ đối với phần vốn đầu tư tăng thêm theo quy định.

c. Thực hiện và chịu toàn bộ trách nhiệm trong việc góp vốn, huy động vốn theo quy định pháp luật.

d. Nâng cấp, cải tạo dây chuyền giết mổ để đảm bảo công suất giết mổ và tuân thủ các quy định về môi trường, an toàn vệ sinh thực phẩm theo các quy định hiện hành.

đ. Liên hệ với các cơ quan, đơn vị có liên quan để được hướng dẫn đầy đủ các thủ tục và thực hiện các thủ tục đất đai, xây dựng, môi trường, PCCC, các thủ tục có liên quan theo đúng quy định, thực hiện đúng quy chuẩn, tiêu chuẩn chuyên

ngành, được cơ quan chức năng phê duyệt trước khi triển khai xây dựng và đưa dự án vào hoạt động.

e. Thực hiện dự án theo đúng theo mục tiêu, tiến độ thực hiện dự án, các nội dung đã được chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư và quy định của pháp luật có liên quan.

g. Chấp hành các nghĩa vụ của nhà đầu tư đối với dự án theo quy định của pháp luật, chấp hành đúng nghĩa vụ tài chính có liên quan.

h. Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo hoạt động đầu tư theo quy định hiện hành.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và là một bộ phận không tách rời của Quyết định số 1724/QĐ-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh.

2. Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân, Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân huyện Dương Minh Châu có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

3. Quyết định này được gửi cho Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân và một bản lưu tại Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh./.

Nơi nhận

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP; Phòng KT;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH.



Trần Văn Chiến

UBND TỈNH TÂY NINH
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 85 /QĐ-SKHĐT

Tây Ninh, ngày 09 tháng 4 năm 2018

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Quyết định số 1724/QĐ-UBND ngày 28/7/2017 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Lò mổ gia súc, gia cầm và thủy cầm Thanh Bảo Hân;

Căn cứ Quyết định số 54/2009/QĐ-UBND ngày 16/10/2009 của UBND tỉnh Tây Ninh về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Sở Kế hoạch và Đầu tư; Quyết định số 48/2013/QĐ-UBND ngày 16/11/2013 của UBND tỉnh Tây Ninh về sửa đổi, bổ sung một số điều Quyết định số 54/2009/QĐ-UBND ngày 16/10/2009 của UBND tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ văn bản đề nghị giãn tiến độ thực hiện dự án đầu tư và hồ sơ kèm theo do Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân nộp ngày 30/3/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận đề nghị giãn tiến độ thực hiện dự án đầu tư Lò mổ gia súc, gia cầm và thủy cầm Thanh Bảo Hân; Quyết định số 1724/QĐ-UBND ngày 28/7/2017 của UBND tỉnh Tây Ninh.

Điều 2. Tiến độ thực hiện dự án sau khi được chấp thuận giãn tiến độ như sau:

Tiến độ thực hiện dự án đầu tư: từ tháng 01/2017 đến tháng 3/2019.

Điều 3. Quyết định này được làm thành 02 (hai) bản gốc; 01 bản cấp cho Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân và 01 bản lưu tại Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh. 

GIÁM ĐỐC
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ



Bùi Công Sơn

81 /QĐ-SKHĐT

Tây Ninh, ngày 07 tháng 3 năm 2019

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 1724/QĐ-UBND ngày 28/7/2017 của UBND tỉnh về phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Lò mổ gia súc, gia cầm và thủy cầm của Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân;

Căn cứ Quyết định số 85/QĐ-SKHĐT ngày 09/4/2018 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh về chấp thuận đề nghị giãn tiến độ đầu tư dự án Lò mổ gia súc, gia cầm và thủy cầm của Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân;

Căn cứ Quyết định số 32/2016/QĐ-UBND ngày 27/9/2016 của UBND tỉnh Tây Ninh ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ văn bản đề nghị giãn tiến độ đầu tư và hồ sơ kèm theo do Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân nộp ngày 04/3/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận đề nghị giãn tiến độ đầu tư dự án Lò mổ gia súc, gia cầm và thủy cầm Thanh Bảo Hân; Quyết định số 1724/QĐ-UBND do UBND tỉnh Tây Ninh cấp ngày 28/7/2017.

Điều 2. Tiến độ thực hiện dự án sau khi được chấp thuận giãn tiến độ như sau:

Tiến độ thực hiện dự án đầu tư: từ tháng 01/2017 đến tháng 3/2020.

Điều 3. Quyết định này được làm thành 02 (hai) bản gốc; 01 bản cấp cho Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân và 01 bản lưu tại Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh. *Bm*

GIÁM ĐỐC
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ



QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai số 45/2013-QH-13 ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh tại Tờ trình số: 6155 /TTr-STNMT ngày 01 tháng 11 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

1. Thu hồi 09 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất với tổng diện tích 23.528,3 m² đất thuộc tờ bản đồ số 12 tại ấp Ninh Bình, xã Bàu Năng, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh, cụ thể như sau:

+ Giấy chứng nhận số phát hành CD 335449, số vào sổ cấp GCN CS03185 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 01/7/2016.

+ Giấy chứng nhận số phát hành CD 028365, số vào sổ cấp GCN CS02957 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 16/5/2016.

+ Giấy chứng nhận số phát hành CD 335205, số vào sổ cấp GCN CS03126 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 17/6/2016.

+ Giấy chứng nhận số phát hành CE 227611, số vào sổ cấp GCN CS03588 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 19/10/2016.

+ Giấy chứng nhận số phát hành CE 227610, sổ vào sổ cấp GCN CS03587 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 19/10/2016.

+ Giấy chứng nhận số phát hành CE 227817, sổ vào sổ cấp GCN CS03616 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 28/10/2016.

+ Giấy chứng nhận số phát hành CD 028899, sổ vào sổ cấp GCN CS03070 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 06/6/2016.

+ Giấy chứng nhận số phát hành CD 028898, sổ vào sổ cấp GCN CS03069 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 06/6/2016.

+ Giấy chứng nhận số phát hành CG 993004, sổ vào sổ cấp GCN CH03805 do Ủy ban nhân dân huyện Dương Minh Châu cấp ngày 03/01/2017.

Lý do thu hồi: Chuyển mục đích sử dụng đất đồng thời cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo yêu cầu của Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân.

2. Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân.

- Thửa đất số 483; Tờ bản đồ số 12.

- Địa chỉ: ấp Ninh Bình, xã Bàu Năng, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Diện tích: 23.671,4 m² đất.

- Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng.

- Mục đích sử dụng:

+ Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: diện tích 8.415,3 m² – SKC (Thực hiện Dự án lò mổ gia súc, gia cầm và thủy cầm);

+ Đất trồng lúa nước còn lại: diện tích 10.278,7 m² – LUK;

+ Đất nuôi trồng thủy sản: diện tích 4.977,4 m² – NTS.

- Thời hạn sử dụng:

+ Lâu dài: Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 1.230,0 m²;

+ Đến ngày 28/7/2067: Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp 7.185,3 m²;

+ Đến ngày 05/3/2068: Đất trồng lúa nước còn lại;

+ Đến ngày 31/10/2050: Đất nuôi trồng thủy sản.

- Nguồn gốc sử dụng đất:

+ Nhà nước cho thuê đất trả tiền một lần theo Quyết định số 2187/QĐ-

2187/QĐ-UBND ngày 30/8/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh: diện tích 7.185,3 m²;

+ Nhận góp vốn đất được công nhận quyền sử dụng đất như giao đất có thu tiền sử dụng đất: 1.230,0 m²;

+ Nhận góp vốn đất được công nhận quyền sử dụng đất như giao đất không thu tiền sử dụng đất: 15.256,1 m².

* Vị trí, ranh giới thửa đất được xác định theo Bản trích đo chỉnh lý bản đồ trích đo địa chính số 406/SĐ-TĐCL do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh lập ngày 14/8/2018 và được Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận ngày 27/8/2018.

Điều 2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thông báo cho Ủy ban nhân dân huyện Dương Minh Châu, Ủy ban nhân dân xã Bàu Năng để đăng ký vào hồ sơ địa chính Nhà nước cho Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân.

Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân có trách nhiệm quản lý và sử dụng đất theo đúng quy định của Luật Đất đai.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Dương Minh Châu, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Bàu Năng, Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành có liên quan và Giám đốc Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân căn cứ Quyết định thi hành, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐ VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, VP UBND tỉnh.

12

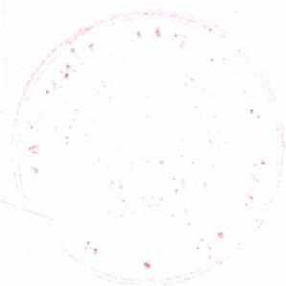
TM.ỦY BAN NHÂN DÂN

Kí. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thanh Ngọc

הנהגת המוסדות
הממשלתיים



BẢN SAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TRANG BỐ SUNG GIẤY CHỨNG NHẬN

Thửa đất số: 483
Số phát hành GCN: CV 688178
Tờ bản đồ số: 12
Số vào sổ cấp GCN: CS03138

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
Ngày 01/7/2019 để chấp quyền sử dụng đất và tài sản hình thành trong tương lai tại Ngã Hạng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hòa Thành, giấy cũ CO 560151 cấp ngày 12/11/2018 nay cấp đổi sang giấy CV 688178 cấp ngày 15/10/2020 (hồ sơ số 000810). CHỦ TÀI SẢN VÀ HỒ MÌNH ĐỀ Số: 11/24 cấp Q. 80785 Ngày: 20 tháng 10 năm 2018 ĐƠN CHỨNG NHẬN	15/10/2020 HỒ SƠ GIẢI MÔ ĐOC [Stamp: Ủy ban nhân dân huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh] [Signature: Dương Minh Châu] [Stamp: Ủy ban nhân dân huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh] [Signature: Dương Kim Hà]

GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
HỒ SƠ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

L. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất
CÔNG TY TNHH MTV THANH BAO HÂN
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3901229496
Đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 04 tháng 5 năm 2019
Địa chỉ: ấp Ninh Bình, xã Bàu Nặng, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.



CV 688178

Trang bố sung số

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất:

- a) Thửa đất số: 483, tờ bản đồ số: 12
b) Địa chỉ: ấp Ninh Bình xã Bàu Nang, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh
c) Diện tích: 23671,4m² (không chủ tài sản ba nghìn sáu trăm mười một phẩy bốn mét vuông)
d) Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng
đ) Mục đích sử dụng: Đất cơ sở sản xuất nông nghiệp - SKC (Thực hiện dự án lò mổ gia súc, gia cầm và thủy cầm)
e) Thời hạn sử dụng: Đến ngày 28/7/2067
g) Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền mặt hàng năm theo Quyết định số 2187/QĐ-UBND ngày 30/8/2018 và Quyết định số 1025/QĐ-UBND ngày 07/5/2019 của UBND tỉnh

2. Nhà ở:

3. Công trình xây dựng khác:

Tên công trình: Lò mổ gia súc, gia cầm và thủy cầm

Hạng mục công trình	Diện tích xây dựng (m ²)	Diện tích sàn (m ²) hoặc công suất	Hình thức sở hữu	Cấp công trình	Thời hạn sở hữu
Nhà kho và	14,44	14,44	Sở hữu riêng	Cấp 4	-/-
Nhà văn phòng	244,62	244,62	Sở hữu riêng	Cấp 4	-/-
Nhà ở công nhân	222,75	222,75	Sở hữu riêng	Cấp 4	-/-
Bê và ly nước cấp	80,0	80,0	Sở hữu riêng	Cấp 4	-/-
Dãi mương	20,4	20,4	Sở hữu riêng	Cấp 4	-/-
Nhà máy phát điện	17,22	17,22	Sở hữu riêng	Cấp 4	-/-
Nhà xưởng	1122,0	1122,0	Sở hữu riêng	Cấp 3	-/-
Bê và ly nước thải	168,0	168,0	Sở hữu riêng	Cấp 3	-/-

4. Riêng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

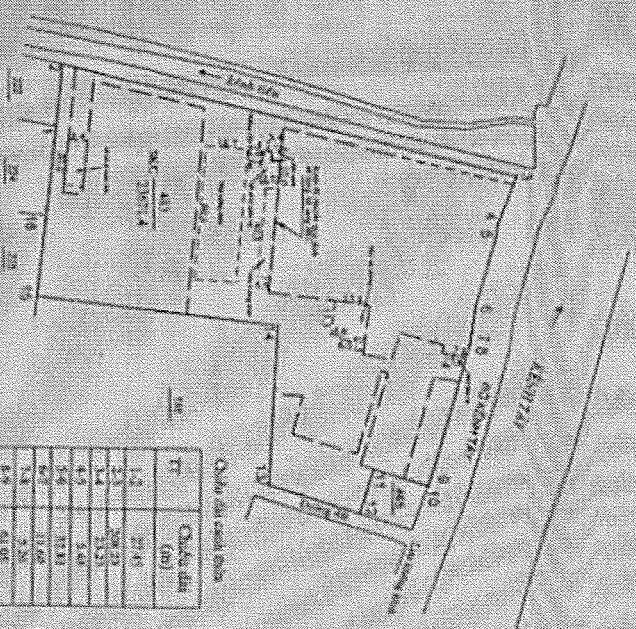
6. Ghi chú: Không

Tây Ninh, ngày 15 tháng 10 năm 2020
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH TÂY NINH
GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Hiền

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



ST	Quần thể
1,2	27,4
3,4	208,22
5,6	713,7
7,8	5,48
9,10	31,11
11,12	11,68
13,14	7,58
15,16	61,08
17,18	4,41
19,20	24,74
21,22	20,77
23,24	43,15
25,26	79,31
27,28	199,08
29,30	50,46
31,32	40,25

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	

QUYẾT ĐỊNH
**Về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất,
quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất
cho Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh tại Tờ trình số: 3590...../TTr-STNMT ngày 02..tháng 7....năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

1. Thu hồi các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân cụ thể như sau:

+ GCN số phát hành CE 227544, số vào sổ cấp GCN CS03575 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 14/10/2016;

+ GCN số phát hành CE 227609, số vào sổ cấp GCN CS03586 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 19/10/2016;

Lý do thu hồi: Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do đã chuyển mục đích sử dụng đất.

2. Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân cụ thể như sau:

- Thửa đất số 484, tờ bản đồ số 12;
- Địa chỉ: ấp Ninh Bình, xã Bàu Năng, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.
- Diện tích 4.807,3 m², Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng.
- Mục đích sử dụng: Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp – SKC (Thực hiện Dự án lò mổ gia súc, gia cầm và thủy cầm).
- Thời hạn sử dụng đất: Đến ngày 28 tháng 7 năm 2067.
- Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền một lần theo Quyết định số 1025/QĐ-UBND ngày 07/5/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh.

* Vị trí, ranh giới khu đất được xác định theo bản trích đo chỉnh lý bản đồ địa chính số 909/SĐ-TĐCL do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh lập ngày 17/4/2019, được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 24/4/2019.

Điều 2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thông báo cho Ủy ban nhân dân huyện Dương Minh Châu, Ủy ban nhân dân xã Bàu Năng để đăng ký vào hồ sơ địa chính Nhà nước cho Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân.

Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân có trách nhiệm quản lý và sử dụng đất theo đúng quy định của Luật Đất đai.

Điều 3. Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Dương Minh Châu, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Bàu Năng, Thủ trưởng các sở, ban, ngành có liên quan và Giám đốc Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân căn cứ Quyết định thi hành, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- PTVP, PCVP Minh Long;
- Lưu: VT, Phòng KTTC.

12.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thanh Ngọc

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan
có thẩm quyền

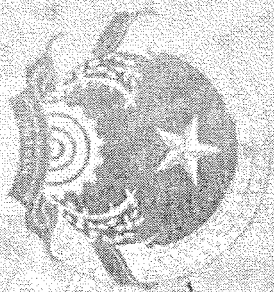
Người được cấp Giấy chứng nhận không được làm giả, tẩy xóa hoặc đổi
sống lại ký này dùng vào trong Giấy chứng nhận, khi bị phát hiện sẽ
bị hủy Giấy chứng nhận và thu hồi giấy này và cơ quan cấp Giấy.



7 225 567 190 118 78

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN

QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIÊN VỚI ĐẤT

1. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

CÔNG TY TNHH MTV THANH BẢO HÂN

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3901229496

Đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 30 tháng 8 năm 2017

Địa chỉ: ấp Ninh Bình và Bàu Nang, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

CO 560342

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

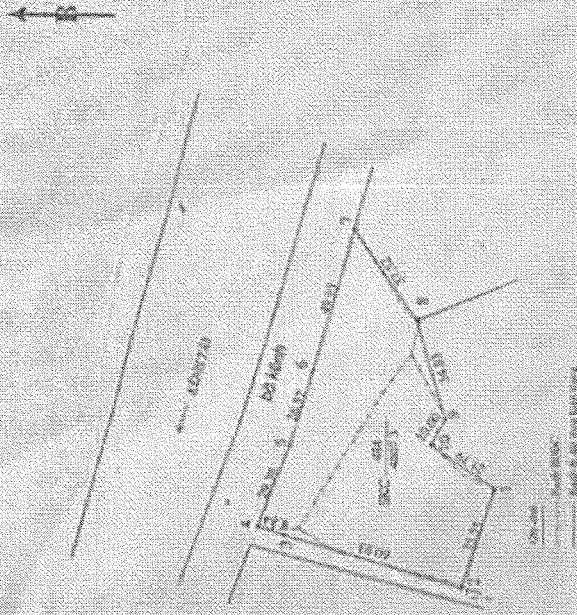
1. Thửa đất: 12

- Thửa đất số: 484, tờ bản đồ số: 12
- Địa chỉ: ấp Ninh Bình, xã Bàu Nãng, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh
- Diện tích: 4807,30m², (bằng chữ: Bốn nghìn tám trăm linh bảy phẩy ba mươi mét vuông)
- Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng
- Mục đích sử dụng: Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp - SKC (Thực hiện Dự án lò mổ gia súc, gia cầm và thủy cầm)
- Thời hạn sử dụng: Đến ngày 28/7/2057
- Nguyên gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền một lần theo Quyết định số 1025/QĐ-UBND ngày 07/5/2019 của UBND tỉnh

2. Nhà ở: -/-

- Công trình xây dựng khác: -/-
- Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-
- Cây lâu năm: -/-
- Giới chức: Không

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

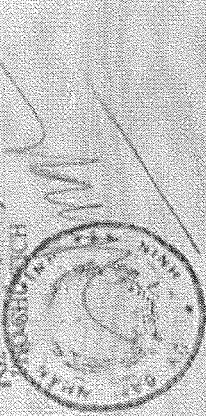


IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận	
Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Tây Ninh, ngày 11 tháng 7, năm 2019

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

K. CHỦ TỊCH



Nguyễn Thanh Ngọc

Số: 1025 /QĐ-UBND

Tây Ninh, ngày 08 tháng 5 năm 2019.

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cho phép Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân được chuyển mục đích sử dụng 20.063,4 m² đất để thực hiện Dự án lò mổ gia súc, gia cầm và thủy cầm

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật đất đai;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 615/QĐ-UBND ngày 11 tháng 3 năm 2019 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2019 của huyện Dương Minh Châu;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 2148 /TTr-STNMT ngày 24 tháng 4 năm 2019.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân được chuyển mục đích sử dụng 20.063,4 m² đất (từ đất trồng lúa nước còn lại (15.086,0 m²), đất nuôi trồng thủy sản (4.977,4 m²) sang đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp) tại xã Bàu Năng, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh để sử dụng vào mục đích thực hiện Dự án lò mổ gia súc, gia cầm và thủy cầm.

- Vị trí, ranh giới khu đất được xác định theo Trích lục bản đồ địa chính số 1988/SĐ-TL, tỷ lệ 1/2000 do Văn phòng Đăng ký Đất đai tỉnh lập ngày 22 tháng 3 năm 2019 và Bản trích đo chỉnh lý bản đồ địa chính số 909/SĐ-TĐCL, tỷ lệ

1/2000 do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh lập ngày 17 tháng 4 năm 2019 và được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định.

- Thời hạn sử dụng đất sau khi chuyển mục đích sử dụng đất: 50 (năm mươi) năm, kể từ ngày 28 tháng 7 năm 2017 đến hết ngày 28 tháng 7 năm 2067 (ngày UBND tỉnh ban hành Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư tại Quyết định số 1724/QĐ-UBND ngày 28/7/2017).

- Nghĩa vụ tài chính khi chuyển mục đích sử dụng đất: Nộp tiền thuê đất một lần.

Điều 2. Căn cứ Điều 1 của Quyết định này, Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục Thuế tỉnh, UBND huyện Dương Minh Châu, Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân, Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh có trách nhiệm tổ chức thực hiện các công việc sau:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Thông báo cho Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân nộp phí và lệ phí theo quy định của pháp luật;

- Ký hợp đồng thuê đất với Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân theo quy định;

- Chỉ đạo cho Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh cung cấp thông tin địa chính thửa đất và thực hiện chỉnh lý hồ sơ địa chính cấp tỉnh và cấp huyện theo quy định;

- Chỉnh lý hoặc cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định.

2. Cục Thuế tỉnh Tây Ninh: Xác định đơn giá thuê đất, thông báo Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân để thực hiện nộp tiền thuê đất theo quy định của pháp luật và chuyển cho Sở Tài nguyên và Môi trường làm cơ sở ký Hợp đồng thuê đất.

3. UBND huyện Dương Minh Châu: Chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường trực thuộc và UBND xã Bàu Năng xác định cụ thể mốc giới và giao đất tại thực địa cho Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân; Thực hiện chỉnh lý hồ sơ địa chính theo đúng quy định.

4. Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân có trách nhiệm:

- Ký hợp đồng thuê đất và trả tiền thuê đất theo quy định.

- Sử dụng đất đúng ranh giới, đúng mục đích, có hiệu quả theo đúng quy định của Luật Đất đai và thực hiện việc bảo vệ môi trường theo đúng quy định của Luật Bảo vệ Môi trường hiện hành.

5. Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh chịu trách nhiệm đưa Quyết định này lên trang thông tin điện tử của tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Dương Minh Châu, Chủ tịch UBND xã Bàu Năng, Giám đốc Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân, Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành, kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận: /

- Như Điều 3 (t/h);
- TTTH (đăng Website);
- Lưu: Văn thư, CVKT2.

12

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

Kí. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

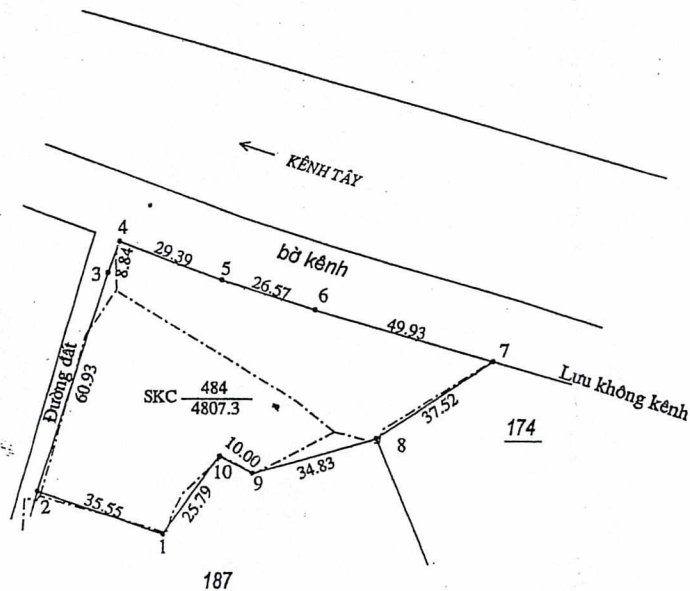


Nguyễn Thanh Ngọc

BẢN TRÍCH ĐO CHÍNH LÝ BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH

- Tên tổ chức đề nghị trích đo chính lý: **CÔNG TY TNHH MTV THANH BẢO HÂN**
- Địa chỉ: ấp Ninh Bình, xã Bàu Năng, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh
- Mục đích trích đo chính lý: **Lập thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất**
- Mục đích sử dụng đất theo hiện trạng (hoặc theo giấy tờ pháp lý): **Đất trồng lúa nước còn lại (LUK)**
- Mục đích sử dụng đất xin lập thủ tục: **Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (SKC) ;**
- Diện tích: **4807.3 m²**
- Trích đo chính lý từ các thửa: 172, 161 Tờ bản đồ: 12 ; Số thửa mới: 484 Tờ bản đồ: 12
- Các thay đổi của thửa đất so với giấy tờ pháp lý về QSD Đất:
- Khu vực đất: ấp Ninh Bình, xã Bàu Năng, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh

* Sơ đồ chỉnh sửa theo Biên bản thẩm định của Chi cục Quản lý đất đai ngày 08/04/2019



Tọa độ và chiều dài cạnh thửa

Số hiệu Đỉnh thửa	Tọa độ VN-2000		Chiều dài (m)
	X	Y	
1	1252304.48	572530.73	35.55
2	1252316.02	572497.11	60.93
3	1252374.08	572515.60	8.84
4	1252382.40	572518.59	29.39
5	1252372.23	572546.16	26.57
6	1252364.47	572571.57	49.93
7	1252350.85	572619.61	37.52
8	1252330.20	572588.29	34.83
9	1252320.74	572554.77	10.00
10	1252325.34	572545.89	25.79
1	1252304.48	572530.73	

Tỷ lệ: 1/2000

Thông tin biến động	STT thửa đất	Tờ bđ	ML Đất	Chủ sdd theo hiện trạng	DT thửa đất đã được chính lý
Thửa đất tách					
Thửa đất hợp	172, 161	12	LUK	Công Ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân	
Thửa đất mới sau chính lý	484	12	SKC	Công Ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân	4807.3 m ²

Ghi chú:

----- Ranh BĐĐC

----- Ranh th.đất theo hiện trạng

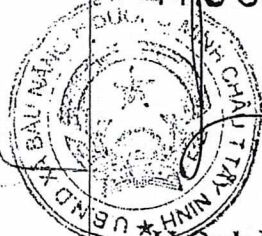
- Bản đồ này không thay thế GCN QSDĐ, QSHNở và TSKGL với đất

(Kèm theo Quyết định số:...../QĐ-UBND ngày...../...../..... của UBND tỉnh Tây Ninh)

Ngày 17 tháng 04 năm 2019 Văn phòng ĐKĐĐ tỉnh Tây Ninh U. Giám đốc	Ngày tháng năm 2019 UBND xã Bàu Năng (Ký xác nhận đo vẽ phù hợp hiện trạng)	Ngày 22 tháng 4 năm 2019 Chi cục Quản lý đất đai Chi cục trưởng	Ngày 24 tháng 4 năm 2019 Sở Tài nguyên và Môi trường P. Giám đốc
--	---	---	--

PHÓ GIÁM ĐỐC

PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Xuân Trúc

Nguyễn Hưng Thời

Biên Hoàn Vũ

Văn Tiến Dũng

TRÍCH LỤC BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH

Số: 1977/SD-TL

1. Số thứ tự thửa đất: 483 ; Tờ bản đồ số: 12

ấp Ninh Bình, xã Bàu Nặng, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh

2. Diện tích: 23671.4 m², Trong đó:

+ Diện tích đã chuyển mục đích sang SKC là: 8415.3 m²

+ Diện tích xin chuyển mục đích: 15256.1 m² (gồm các loại đất: LUK 10278.7 m², NTS 4977.4 m²)

3. Mục đích sử dụng đất theo giấy tờ pháp lý: Đất trồng lúa nước còn lại (LUK); Đất nuôi trồng thủy sản (NTS)

Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (SKC);

- Mục đích sử dụng đất xin lập thủ tục: Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (SKC);

4. Tên người sử dụng: CÔNG TY TNHH MTV THANH BẢO HÂN

Địa chỉ thường trú: ấp Ninh Bình, xã Bàu Nặng, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh

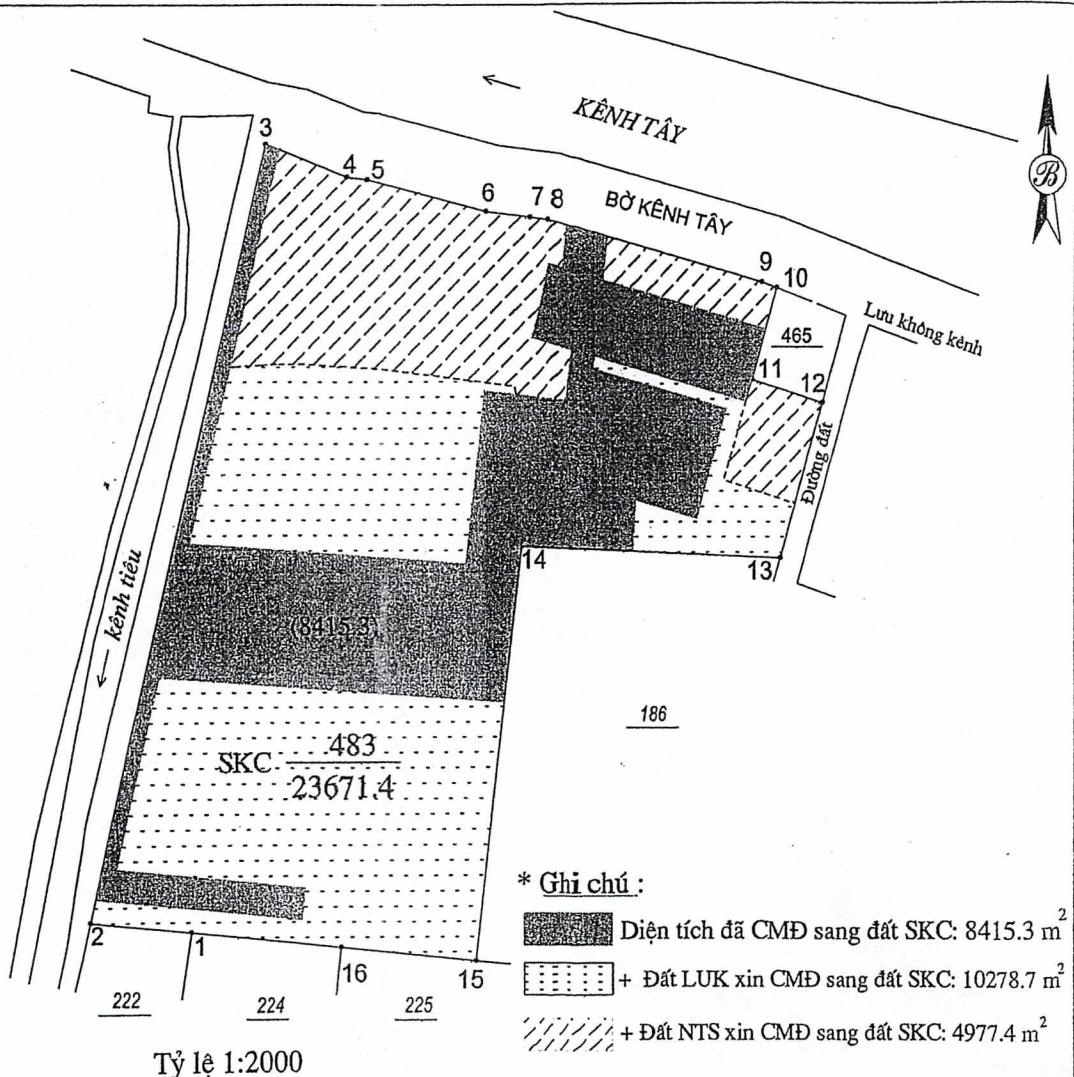
5. Các thay đổi của thửa đất so với giấy tờ pháp lý về quyền sử dụng đất

6. Bản vẽ thửa đất:

6.1. Sơ đồ thửa đất

6.2. Chiều dài cạnh thửa .

Số hiệu Đỉnh thửa	Chiều dài (m)
1 - 2	27.45
2 - 3	208.23
3 - 4	23.23
4 - 5	5.48
5 - 6	32.83
6 - 7	11.60
7 - 8	5.26
8 - 9	61.05
9 - 10	4.41
10 - 11	24.74
11 - 12	20.57
12 - 13	42.18
13 - 14	71.31
14 - 15	109.05
15 - 16	36.46
16 - 1	40.25



Quyết định giao đất số...../QĐ-UBND ngày...../...../ năm 201..... của UBND tỉnh Tây Ninh

VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI TỈNH TÂY NINH

Ngày 22 tháng 03 năm 2019
Người trích lục

Ngày 22 tháng 03 năm 2019
Giám đốc

Phạm Văn Gray



Hoàng Văn Chiến

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1021 /QĐ-UBND

Tây Ninh, ngày 30 tháng 8 năm 2018.

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cho phép Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân được chuyển mục đích sử dụng 7.185,3 m² đất tại xã Bàu Năng, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh để thực hiện Dự án lò mổ gia súc, gia cầm và thủy cầm

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật đất đai;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 135/2016/NĐ-CP ngày 09 tháng 9 năm 2016 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 42/2015/QĐ-UBND ngày 21 tháng 8 năm 2015 của UBND tỉnh Tây Ninh ban hành quy định khoản tiền phải nộp để bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi Nhà nước cho chuyển đất chuyên trồng lúa nước sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số 3189/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2018 của huyện Dương Minh Châu;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 496/TT-Tr-STNMT ngày 23 tháng 8 năm 2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân được chuyển mục đích sử dụng 7.185,3 m² đất gồm: 1.200,0 m² đất nông nghiệp khác; 5.625,7 m² đất trồng lúa nước còn lại, 359,6 m² đất nuôi trồng thủy sản sang đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp, tại ấp Ninh Bình, xã Bàu Năng, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh để thực hiện Dự án lò mổ gia súc, gia cầm và thủy cầm.

- Nguồn gốc đất: Đất thuộc quyền sử dụng đất của ông Bùi Văn Thanh và bà Lê Thị Sáu (ngụ tại số 3, hẻm 2, đường số 8, Trần Phú, khu phố Ninh Thành, phường Ninh Sơn, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh). Ông Thanh và Bà Sáu góp vốn bằng quyền sử dụng đất vào Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân (theo Hợp đồng góp vốn bằng quyền sử dụng đất số công chứng số 1000, quyền số 02/2016TP/CC-SCC/HDGD ngày 05/3/2018 tại Văn phòng Công chứng Trần Duy Linh).

- Vị trí, ranh giới khu đất được xác định theo Bản trích đo chính lý bản đồ địa chính số 406/SD-TĐCL tỷ lệ 1/2000, do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh lập ngày 14 tháng 8 năm 2018 và đã được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định.

- Thời hạn sử dụng đất sau khi chuyển mục đích sử dụng đất: 50 (năm mươi) năm, kể từ ngày 28 tháng 7 năm 2017 đến hết ngày 28 tháng 7 năm 2067 (ngày UBND tỉnh Tây Ninh cấp Quyết định chủ trương đầu tư tại Quyết định số 1724/QĐ-UBND ngày 28/7/2017).

- Nghĩa vụ tài chính khi chuyển mục đích sử dụng đất: Nộp tiền thuê đất một lần.

- Thời điểm tính tiền thuê đất: Kể từ ngày quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất có hiệu lực.

Điều 2. Căn cứ Điều 1 của Quyết định này, Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục Thuế tỉnh, UBND huyện Dương Minh Châu, Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân, Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm tổ chức thực hiện các công việc sau:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Thông báo cho Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân nộp phí và lệ phí theo quy định của pháp luật;

- Ký hợp đồng thuê đất với Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân theo quy định;

- Chỉ đạo cho Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Tây Ninh cung cấp thông tin địa chính thửa đất và thực hiện chỉnh lý hồ sơ địa chính cấp tỉnh và cấp huyện;

- Chỉnh lý hoặc cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính theo quy định.

2. Cục Thuế tỉnh Tây Ninh: Xác định đơn giá thuê đất, thông báo Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân để thực hiện nộp tiền thuê đất theo quy định của pháp luật và chuyển cho Sở Tài nguyên và Môi trường làm cơ sở ký Hợp đồng thuê đất.

3. UBND huyện Dương Minh Châu chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường trực thuộc và UBND xã Bàu Năng thực hiện chỉnh lý hồ sơ địa chính theo đúng quy định.

4. Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân có trách nhiệm:

- Ký hợp đồng thuê đất và trả tiền thuê đất theo quy định.

- Sử dụng đất đúng ranh giới, đúng mục đích, có hiệu quả theo đúng quy định của Luật Đất đai và thực hiện việc bảo vệ môi trường theo đúng quy định của Luật Bảo vệ Môi trường hiện hành.

- Hoàn chỉnh hồ sơ xin chuyển mục đích sử dụng đất đối với phần diện tích còn lại theo chủ trương của UBND tỉnh tại Quyết định số 1724/QĐ-UBND ngày 28/7/2017.

5. Văn phòng UBND tỉnh: Chịu trách nhiệm đăng Quyết định này lên trang thông tin điện tử của tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Dương Minh Châu, Chủ tịch UBND xã Bầu Nặng, Giám đốc Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân, Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành, kể từ ngày ký.

Nơi nhận: *ly*

- Như Điều 3 (t/h);
- TTTT (đăng Website);
- Lưu: Văn thư, CVKT2.

12

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thanh Ngọc

Số: /TTr-STNMT

Tây Ninh, ngày 02 tháng 7 năm 2019

TỜ TRÌNH

**Về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất,
quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất
cho Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh

Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh có nhận hồ sơ đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân. Sau khi kiểm tra nội dung hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh như sau:

- Ông Bùi Văn Thanh và bà Lê Thị Sáu được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cụ thể như sau:

+ GCN số phát hành CE 227544, số vào sổ cấp GCN CS03575 với diện tích 2.735,0 m² thuộc thửa đất số 172, tờ bản đồ số 12, mục đích sử dụng: đất trồng lúa nước còn lại, cấp ngày 14/10/2016.

+ GCN số phát hành CE 227609, số vào sổ cấp GCN CS03586 với diện tích 2.031,8 m² thuộc thửa đất số 161, tờ bản đồ số 12, mục đích sử dụng: đất trồng lúa nước còn lại, cấp ngày 19/10/2016.

- Ngày 16/4/2018, Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất của ông Bùi Văn Thanh và bà Lê Thị Sáu với diện tích 4.766,8 m² thuộc thửa đất số 172, 161, tờ bản đồ số 12, mục đích sử dụng: đất trồng lúa nước còn lại.

- Để tiện cho việc quản lý, sử dụng đất Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân có nhu cầu hợp thửa đất số 172, 161, tờ bản đồ số 12 thành thửa đất số 484, tờ bản đồ số 12 với diện tích 4.807,3 m², diện tích tăng 40,5 m² do sai số trong quá trình đo đạc theo bản trích đo chỉnh lý bản đồ địa chính số 909/SĐ-TĐCL do Văn phòng Đăng ký Đất đai tỉnh lập ngày 17/4/2019, được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 24/4/2019.

- Ngày 07/5/2019, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định số 1025/QĐ-UBND về việc cho phép Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân được chuyển mục đích sử dụng 20.063,4 m² đất để thực hiện Dự án lò mổ gia súc, gia cầm và thủy cầm.

- Ngày 04/6/2019, UBND tỉnh ký hợp đồng thuê đất số 01/06/HĐTĐ với Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân, hình thức nộp tiền thuê đất: Thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê.

Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính về tiền thuê đất theo thông báo số 03/TB-CCT ngày 11/6/2019 của Chi cục Thuế huyện Dương Minh Châu về việc nộp tiền thuê đất, thuê mặt nước.

Nay Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật đất đai; Căn cứ hồ sơ đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân. Sở Tài nguyên và Môi trường kính đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh như sau:

1. Thu hồi các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân cụ thể như sau:

+ GCN số phát hành CE 227544, sổ vào sổ cấp GCN CS03575 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 14/10/2016;

+ GCN số phát hành CE 227609, sổ vào sổ cấp GCN CS03586 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 19/10/2016;

Lý do thu hồi: Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do đã chuyển mục đích sử dụng đất.

2. Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân cụ thể như sau:

- Thửa đất số 484, tờ bản đồ số 12;

- Địa chỉ: ấp Ninh Bình, xã Bàu Năng, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Diện tích 4.807,3 m², Hình thức sử dụng: Sử dụng riêng.

- Mục đích sử dụng: Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp – SKC (Thực hiện Dự án lò mổ gia súc, gia cầm và thủy cầm).

- Thời hạn sử dụng đất: Đến ngày 28 tháng 7 năm 2067.

- Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền một lần theo Quyết định số 1025/QĐ-UBND ngày 07/5/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh.

* Vị trí, ranh giới khu đất được xác định theo bản trích đo chỉnh lý bản đồ địa chính số 909/SĐ-TĐCL do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh lập ngày 17/4/2019, được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 24/4/2019.

Gửi kèm theo Tờ trình này có các giấy tờ sau:

1. Đơn đăng ký biến động đất đai, tài sản gắn liền với đất của Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân.
2. Đơn đề nghị tách thửa đất, hợp thửa đất của Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân.
3. Bản trích đo chỉnh lý bản đồ địa chính số 909/SĐ-TĐCL do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh lập ngày 17/4/2019, được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 24/4/2019.
4. Quyết định số 1025/QĐ-UBND ngày 07/5/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc cho phép Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân được chuyển mục đích sử dụng 20.063,4 m² đất để thực hiện Dự án lò mổ gia súc, gia cầm và thủy cầm.
5. Hợp đồng thuê đất số 01/06/HĐTD ngày 04/6/2019 giữa UBND tỉnh với Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân.
6. Thông báo số 03/TB-CCT ngày 11/6/2019 của Chi cục Thuế huyện Dương Minh Châu về việc nộp tiền thuê đất, thuê mặt nước.
7. Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước ngày 12/6/2019 của Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân.
8. GCN số phát hành CE 227544, sổ vào sổ cấp GCN CS03575 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 14/10/2016;
9. GCN số phát hành CE 227609, sổ vào sổ cấp GCN CS03586 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 19/10/2016;
10. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3901229496, đăng ký lần đầu ngày 29/8/2016, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 30/8/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp cho Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân.

Sở Tài nguyên và Môi trường kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BGĐ Sở;
- Lưu VP. Sở, VP ĐKĐĐ.
(Binh)

GIÁM ĐỐC

UBND TỈNH TÂY NINH
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 184 /SXD-QLXD
V/v thông báo kết quả thẩm định
TKBVTCT xây dựng công trình Lò mổ
gia súc, gia cầm và thủy cầm của
Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân

Tây Ninh, ngày 22 tháng 01 năm 2019

Kính gửi: Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân.

Sở Xây dựng đã nhận được Tờ trình của Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân trình thẩm định thiết kế bản vẽ thi công xây dựng công trình Lò mổ gia súc, gia cầm và thủy cầm.

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng Quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Quyết định số 48/2016/QĐ-UBND ngày 19/12/2016 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc Ban hành quy định về phân cấp quản lý và thực hiện dự án đầu tư công, dự án đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh; Quyết định số 14/2018/QĐ-UBND ngày 09/5/2018 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về phân cấp quản lý và thực hiện dự án đầu tư công, dự án đầu tư xây dựng công trình trên địa bàn tỉnh Tây Ninh ban hành kèm theo Quyết định số 48/2016/QĐ-UBND ngày 19/12/2016 của UBND tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ Quyết định số 1724/QĐ-UBND ngày 28/7/2017 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Lò mổ gia súc, gia cầm và thủy cầm của Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân;

Căn cứ hồ sơ trình thẩm định gửi kèm tờ trình thẩm định,

Sau khi xem xét, Sở Xây dựng thông báo kết quả thẩm định thiết kế bản vẽ thi công xây dựng công trình như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TRÌNH

- Tên công trình: Lò mổ gia súc, gia cầm và thủy cầm.
- Loại, cấp công trình: Công trình công nghiệp, cấp III.
- Thuộc dự án đầu tư: Lò mổ gia súc, gia cầm và thủy cầm Thanh Bảo Hân.
- Chủ đầu tư: Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân.



- Địa chỉ: Ấp Ninh Bình, xã Bàu Năng, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.
- Giá trị dự toán xây dựng trình thẩm định: 5.000.000.000 đồng.
- Nguồn vốn: Vốn doanh nghiệp.
- Địa điểm xây dựng: Thửa đất số 483, tờ bản đồ số 12, ấp Ninh Bình, xã Bàu Năng, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.
- Đơn vị thiết kế xây dựng công trình: Công ty CP Tư vấn Xây dựng Phúc Kiến.

II. NỘI DUNG HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH

1. Hồ sơ trình thẩm định chủ yếu gồm

- Tờ trình thẩm định thiết kế xây dựng công trình;
- Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư dự án;
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân;
- Quyết định số 2187/QĐ-UBND ngày 30/8/2018 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc cho phép Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân được chuyển mục đích sử dụng 7.185,3 m² đất tại xã Bàu Năng, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh để thực hiện dự án Lò mổ gia súc, gia cầm và thủy cầm;
- Giấy chứng nhận QSDĐ, QSHNƠ và TSKGLVĐ số CO 560151 do UBND tỉnh Tây Ninh cấp ngày 12/11/2018, số vào sổ cấp GCN: CT02524;
- Quyết định số 3203/QĐ-UBND ngày 26/12/2017 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Lò mổ gia súc, gia cầm và thủy cầm Thanh Bảo Hân do Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân làm Chủ dự án;
- Giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 05/TDPCCC do Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an Tây Ninh cấp ngày 10/01/2019;
- Thuyết minh và bản vẽ thiết kế thi công xây dựng công trình;
- Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng của đơn vị thiết kế (BXD-00002790) và chứng chỉ hành nghề của các cá nhân chủ nhiệm, chủ trì thiết kế.

2. Các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn chủ yếu được áp dụng

QCVN 03:2012/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Nguyên tắc phân loại, phân cấp công trình dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật đô thị;

QCXDVN 05:2008/BXD Quy chuẩn xây dựng Việt Nam về Nhà ở và công trình công cộng - An toàn sinh mạng và sức khỏe;

QCVN 06:2010/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về An toàn cháy cho nhà và công trình;

QCVN 12:2014/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Hệ thống điện của nhà ở và nhà công cộng;

QCVN 16:2017/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng;

TCVN 4319:2012 Nhà và công trình công cộng - Nguyên tắc cơ bản để thiết kế;
TCVN 9379:2012 Kết cấu xây dựng và nền - Nguyên tắc cơ bản về tính toán;
TCVN 9362:2012 Nền nhà và công trình - Tiêu chuẩn thiết kế;
TCVN 2737:1995 Tải trọng và tác động - Tiêu chuẩn thiết kế;
TCVN 5574:2012 Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế;
TCVN 4513:1988 Cấp nước bên trong nhà và công trình - Tiêu chuẩn thiết kế;
TCVN 4474:1987 Thoát nước bên trong nhà và công trình - Tiêu chuẩn thiết kế;
TCVN 9207:2012 Đặt đường dây dẫn điện trong nhà ở và công trình công cộng - Tiêu chuẩn thiết kế;

TCVN 9206:2012 Đặt thiết bị điện trong nhà ở và công trình công cộng - Tiêu chuẩn thiết kế;

TCVN 2622:1995 Phòng cháy, chống cháy cho nhà và công trình - Yêu cầu thiết kế;

TCVN 3890:2009 Phương tiện Phòng cháy và chữa cháy cho nhà và công trình - Trang bị, bố trí, kiểm tra và bảo dưỡng.

3. Giải pháp thiết kế chủ yếu của công trình: Công trình gồm các hạng mục sau (*quy mô cụ thể theo hồ sơ thiết kế*)

- Nhà xưởng chính: Quy mô 01 tầng, dài 60m, rộng 20m, cao 8,7m; nền xưởng bằng BTCT xoa sika floor, nền các phòng lát gạch ceramic, nền kho lạnh bằng tấm panel cách nhiệt; trần xưởng, kho lạnh bằng tấm panel cách nhiệt, trần các phòng bằng thạch cao; tường xây gạch ống, ốp gạch ceramic cao 3m, một số vách ngăn dùng tấm panel; mái lợp tôn; cửa đi khung nhựa lõi thép, vách kính. Công trình thiết kế móng đơn BTCT; khung thép chịu lực; hệ thống cấp điện, cấp thoát nước sinh hoạt, thoát nước thải.

- Bể xử lý nước cấp: Bằng BTCT, dài 10m, rộng 8m, cao 4,75m (ngầm 1,75m, nổi 3m so với sân nền); nhà điều hành khung BTCT dài 4,1m, rộng 4,1m, cao 3,5m.

- Bể xử lý nước thải: Bằng BTCT, dài 20m, rộng 8,4m, cao 5,05m (ngầm 2,55m, nổi 2,5m so với sân nền).

- Nhà xe 2 bánh: 01 tầng, dài 20m (trục 1 đến 6), nhịp khung 5m, bước khung 4m; nền BT lán vữa, mái lợp tôn; móng đơn BTCT, khung thép chịu lực.

- Nhà để máy phát điện: 01 tầng, dài 12,2m, rộng 3,2m, cao 3,8m; nền BT, mái tôn; cửa sắt kính; móng đơn, khung BTCT.

- Văn phòng: 01 tầng, dài 16,71m, rộng 15,3m, cao 9,4m; nền lát gạch, trần thạch cao, mái lợp tôn; tường xây gạch; móng đơn, khung BTCT.

- Nhà ăn: 01 tầng, dài 25m, rộng 7,4m, cao 6,18m; nền lát gạch, trần thạch cao, mái tôn; móng đơn BTCT.

- Nhà ở công nhân: 01 tầng, dài 40,5m, rộng 5,4m, cao 5,3m; nền lát gạch, trần thạch cao, mái tôn; móng đơn BTCT.

- Nhà bảo vệ: 01 tầng, kích thước 3,8mx3,8m, cao 4,4m; nền lát gạch, trần thạch cao, mái ngói; móng đơn BTCT.

- Đài nước 20m³: Khung, bể bằng BTCT, diện tích xây dựng khoảng 12m², cao 23,22m tính đến đỉnh bể.

III. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

1. Điều kiện năng lực của tổ chức, cá nhân thực hiện thiết kế xây dựng công trình: Phù hợp.

2. Sự phù hợp của thiết kế bản vẽ thi công so với nhiệm vụ thiết kế: Phù hợp.

3. Sự hợp lý của các giải pháp thiết kế xây dựng công trình: Hợp lý.

4. Sự tuân thủ các tiêu chuẩn áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật, quy định của pháp luật về sử dụng vật liệu xây dựng cho công trình: Tuân thủ (kiến nghị Chủ đầu tư sử dụng vật liệu xây không nung cho công trình). Vật liệu đưa vào sử dụng cho công trình cần đảm bảo theo Thông tư số 10/2017/TT-BXD ngày 29/9/2017 của Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng và hướng dẫn chứng nhận hợp quy, công bố hợp quy.

5. Sự phù hợp của các giải pháp thiết kế công trình với công năng sử dụng của công trình, mức độ an toàn công trình và đảm bảo an toàn của công trình lân cận: Cơ bản phù hợp. Kiến nghị Chủ đầu tư tổ chức khảo sát địa chất, làm cơ sở tính toán, thiết kế móng công trình.

6. Sự hợp lý của việc lựa chọn dây chuyền và thiết bị công nghệ đối với thiết kế công trình có yêu cầu về công nghệ: Không xem xét.

7. Sự tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ: Tuân thủ.

8. Yêu cầu sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện thiết kế: Đề nghị Chủ đầu tư tổ chức chỉnh sửa bản vẽ theo các nội dung sau:

- Trên bản vẽ mặt bằng tổng thể phải thể hiện rõ kích thước định vị các hạng mục của công trình và khoảng cách từ bờ kênh (kênh Tây, kênh tiêu) đến hạng mục công trình gần nhất (khoảng cách này phải đảm bảo tuân theo Quyết định số 49/2013/QĐ-UBND ngày 07/11/2013 của UBND tỉnh Tây Ninh về việc ban hành Quy định phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Tây Ninh);

- Hoàn thiện, bổ sung cao độ hệ thống mương thoát nước (thoát nước thải, thoát nước mưa) đảm bảo yêu cầu kỹ thuật về độ dốc cũng như các yêu cầu kỹ thuật khác có liên quan;

- Bổ sung mặt bằng móng nhà điều hành bể xử lý cấp nước;

- Bổ sung bản vẽ kết cấu đà kiềng, cột khối vữa phòng, nhà ăn, nhà ở công nhân, nhà bảo vệ;

- Bổ sung các thông số vật liệu của bê tông cốt thép, thép hình, đường hàn, bu lông được sử dụng để thiết kế xây dựng công trình.

IV. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH DỰ TOÁN

(Không thẩm định)

V. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

- Đủ điều kiện để triển khai các bước tiếp theo theo quy định sau khi chỉnh sửa hoàn thiện theo các nội dung tại mục III nêu trên.

- Kiến nghị: Đề nghị Chủ đầu tư tổ chức thực hiện các yêu cầu về đất theo Quyết định số 2187/QĐ-UBND ngày 30/8/2018 của UBND tỉnh về việc cho phép Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân được chuyển mục đích sử dụng 7.185,3 m² đất tại xã Bàu Nặng, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh để thực hiện dự án Lò mổ gia súc, gia cầm và thủy cầm. *ĐV*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, QLXD.Thiện.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Trần Tương Quốc



UBND TỈNH TÂY NINH
SỞ XÂY DỰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 32/TB-SXD

Tây Ninh, ngày 28 tháng 9 năm 2020

THÔNG BÁO
KẾT QUẢ KIỂM TRA CÔNG TÁC NGHIỆM THU HOÀN THÀNH
HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH, CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

Kính gửi: Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2019/TT-BXD ngày 16/8/2019 của Bộ Xây dựng về việc Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ hồ sơ thiết kế đã được thẩm định tại Văn bản số 184/SXD-QLXD ngày 22/01/2019 của Sở Xây dựng về việc thông báo kết quả thẩm định TKBVTC xây dựng công trình Lò mổ gia súc, gia cầm và thủy cầm của Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân;

Căn cứ Báo cáo hoàn thành thi công xây dựng công trình Lò mổ gia súc, gia cầm và thủy cầm số 09/CTY ngày 25/6/2020 của Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân;

Căn cứ Văn bản số 2182/SXD-QLXD ngày 13/7/2020 của Sở Xây dựng về việc kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành thi công xây dựng công trình Lò mổ gia súc, gia cầm và thủy cầm của Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân;

Căn cứ Văn bản số 01/CV_GT ngày 21/8/2020 của Công ty TNHH Thanh Bảo Hân về việc giải trình theo Văn bản số 2182/SXD-QLXD ngày 13/7/2020 của Sở Xây dựng về việc kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành thi công xây dựng công trình Lò mổ gia súc, gia cầm và thủy cầm của Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân;

Căn cứ Văn bản chấp thuận nghiệm thu về PCCC số 151/NT-PCCC ngày 14/10/2019 của Phòng Cảnh sát PCCC và CNCH - Công an tỉnh Tây Ninh;

Căn cứ kết quả kiểm tra đối với công trình ngày 03/7/2020,

Sở Xây dựng chấp thuận kết quả nghiệm thu của Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân để đưa vào sử dụng đối với một số hạng mục công trình như sau:

1. Thông tin về công trình

a) Tên công trình: Lò mổ gia súc, gia cầm và thủy cầm.

- Các hạng mục chấp thuận kết quả nghiệm thu: Nhà xưởng chính, bể xử lý nước cấp, bể xử lý nước thải, nhà để máy phát điện, nhà văn phòng, nhà ở công nhân, nhà bảo vệ, đài nước.

- Các hạng mục không chấp thuận kết quả nghiệm thu: Nhà ăn, Nhà xe 02 bánh.
Lý do: Thi công sai so với bản vẽ đã được cấp giấy phép xây dựng.

b) Địa điểm xây dựng: Ấp Ninh Bình, xã Bàu Nặng, Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

c) Loại và cấp công trình: Công trình công nghiệp, cấp III.

d) Công trình gồm các hạng mục (quy mô cụ thể theo bản vẽ hoàn công):

- Nhà xưởng chính: Quy mô 01 tầng, dài 60m, rộng 20m, cao 8.7m; nền xưởng bằng BTCT, nền các phòng lát gạch ceramic, nền kho lạnh bằng tấm panel cách nhiệt; trần xưởng, kho lạnh bằng tấm panel cách nhiệt, trần các phòng bằng thạch cao; tường xây gạch, một số vách ngăn dùng tấm panel; mái lợp tôn; cửa đi khung nhựa lõi thép, vách kính. Công trình thiết kế móng đơn BTCT; khung thép chịu lực; hệ thống cấp điện, cấp thoát nước sinh hoạt, thoát nước thải.

- Bể xử lý nước cấp.

- Bể xử lý nước thải.

- Nhà để máy phát điện.

- Văn phòng: 01 tầng, nền lát gạch, trần thạch cao, mái lợp tôn; tường xây gạch; móng đơn, khung BTCT.

- Nhà ở công nhân: 01 tầng, nền lát gạch, mái tôn; móng đơn BTCT.

- Nhà bảo vệ.

- Đài nước.

2. Các yêu cầu đối với Chủ đầu tư

- Lưu trữ hồ sơ công trình theo quy định.

- Quản lý, khai thác, vận hành công trình theo đúng công năng, thiết kế được duyệt.

- Các yêu cầu khác:

+ Đề nghị Chủ đầu tư hoàn chỉnh lại bản vẽ hoàn công theo đúng thực tế thi công công trình.

+ Đối với 02 hạng mục xây dựng sai phép, đề nghị Chủ đầu tư thuê đơn vị tư vấn có năng lực phù hợp để kiểm định chất lượng 02 hạng mục này (trình tự thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016 và khoản 6 Điều 1 Thông tư số 04/2019/TT-BXD ngày 16/8/2019 của Bộ Xây dựng).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thanh tra Sở (p/h);
- Lưu: VT, QLXD.

Thiện

Số chứng thực.....

7907

quyển số.....

07.SCT/BS

Bàu Nặng, ngày 29 tháng 9 năm 2020.

CHỦ TỊCH

KT. GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ

XÂY DỰNG

TỈNH TÂY NINH

TRẦN TƯƠNG QUỐC



Nguyễn Hưng Thời

UBND TỈNH TÂY NINH
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Số: 907 /STNMT-PBVMT
V/v Xây dựng hệ thống xử lý nước thải công suất
90 m³/ngày đêm của Dự án Lò mổ gia súc
gia cầm và thủy cầm Thanh Bảo Hân

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Tây Ninh, ngày 20 tháng 02 năm 2020

Kính gửi: Công ty TNHH một thành viên Thanh Bảo Hân.

Sở Tài nguyên và Môi trường nhận được 02 Văn bản: 01/HT-ĐTM ngày 01/12/2019 và 03/KT-HTXLNT ngày 12/01/2020 của Công ty TNHH một thành viên Thanh Bảo Hân (Công ty) về việc đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành hệ thống xử lý nước thải công suất xử lý 90 m³/ngày đêm của Dự án Lò mổ gia súc, gia cầm và thủy cầm Thanh Bảo Hân (Dự án) tại ấp Ninh Bình, xã Bàu Năng, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh. Ngày 27/12/2019 và ngày 16/01/2020, Sở Tài nguyên và Môi trường đã chủ trì với sự tham gia của Chi cục chăn nuôi và Thú y, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Dương Minh Châu, UBND xã Bàu Năng, Ban Quản lý ấp Ninh Bình tiến hành kiểm tra thực tế, kết quả:

Hệ thống xử lý nước thải đang vận hành với quy trình, công nghệ như sau:
Nước thải → Bể thu gom → Bể lắng → Bể điều hòa → Bể kị khí → Bể thiếu khí
→ Bể hiếu khí → Bể lắng → Ao sinh học → Bể khử trùng → Suối cầu Vườn Điều.
Kết quả phân tích mẫu nước thải tại vị trí xả nước thải sau hệ thống xử lý có 08 chỉ tiêu phân tích (pH, TSS, BOD₅, COD, Amoni, Tổng Nitơ, Tổng Photpho, Coliform) đạt cột A QCVN 40:2011/BTNMT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp với hệ số Kq = 0,9, Kf = 1,1. Trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải công suất xử lý 90 m³/ngày đêm, Công ty có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu sau đây:

1. Tự chịu trách nhiệm đối với hệ thống xử lý nước thải đã lắp đặt. Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng thiết kế, đảm bảo nước thải đạt quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp theo quy định trước khi xả thải ra môi trường; định kỳ kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định, trường hợp có thay đổi quy trình, công nghệ xử lý nước thải phải báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường.
2. Thực hiện các quy định về an toàn, vệ sinh lao động môi trường làm việc cho công nhân trong nhà xưởng sản xuất.
3. Tiếp tục thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án theo hồ sơ môi trường đã phê duyệt cũng như tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành.
4. Chủ động xử lý, khắc phục kịp thời các sự cố và các tình huống bất lợi xảy ra gây ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường trong suốt quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải và báo cáo ngay cho cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường và các cơ quan nhà nước có liên quan khác để được hướng dẫn, hỗ trợ.
5. Lập sổ nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải và lưu giữ để cung cấp cho cơ quan quản lý nhà nước khi có yêu cầu, sổ nhật ký phải thể hiện rõ các nội

dung sau: Lưu lượng nước thải đầu vào, đầu ra hệ thống xử lý nước thải, lượng điện tiêu thụ.

6. Thu gom, xử lý bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy định tại Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 về quản lý chất thải và phế liệu.

7. Lập hồ sơ đề nghị kiểm tra, xác nhận hoàn thành các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành của Dự án gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường để kiểm tra, xác nhận theo đúng quy định Nghị định quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường xác thực Văn bản hợp nhất số 11/VBHN – BTNMT ngày 25/10/2019.

8. Giám sát thường xuyên hệ thống xử lý nước thải, khi phát hiện hệ thống xử lý nước thải xảy ra sự cố hoặc nước thải sau xử lý không đạt hiệu quả theo yêu cầu, phải ngưng ngay việc xả thải, chủ động xử lý, khắc phục kịp thời và báo cáo ngay cho Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Dương Minh Châu, UBND xã Bàu Năng để được hướng dẫn, hỗ trợ, không được xả nước thải chưa đạt quy chuẩn quy định ra môi trường. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD và các PGD Sở;
- UBND huyện DMC;
- Phòng TN&MT huyện DMC;
- UBND xã Bàu Năng;
- Lưu: VT.Sở, PBVM.



Trần Minh Sơn

**CÔNG AN TỈNH TÂY NINH
PHÒNG CS.PCCC&CNCH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 151/NT-PCCC

Tây Ninh, ngày 14 tháng 10 năm 2019

Kính gửi: Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân.

Theo đề nghị tại văn bản ngày 07/10/2019 về việc nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân; căn cứ kết quả nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy tại biên bản kiểm tra do đại diện Phòng cảnh sát PCCC&CNCH Công an tỉnh Tây Ninh lập ngày 11/10/2019, hồ sơ nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân.

Phòng cảnh sát PCCC&CNCH Công an tỉnh Tây Ninh đồng ý, việc nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy của Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân đối với công trình Lò mổ gia súc, gia cầm và thủy cầm xây dựng tại ấp Ninh Bình, xã Bàu Nặng, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh theo các nội dung sau: Bậc chịu lửa; Lối thoát nạn; Giao thông, khoảng cách an toàn PCCC; Giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan; Hệ thống báo cháy tự động; Hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà; Hệ thống cấp nước chữa cháy ngoài nhà; Hệ thống chống sét.

Để đảm bảo an toàn phòng cháy và chữa cháy cho Lò mổ gia súc, gia cầm và thủy cầm trong suốt quá trình sử dụng, đề nghị Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân thực hiện các yêu cầu kèm theo sau đây:

- Thực hiện đầy đủ các điều kiện an toàn về phòng cháy và chữa cháy theo quy định tại Điều 7 Nghị định 79/2014/NĐ-CP;
- Thực hiện đúng quy định, quy trình về vận hành và sử dụng, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các hệ thống, thiết bị phòng cháy và chữa cháy và các hệ thống kỹ thuật khác có liên quan;
- Duy trì liên tục chế độ hoạt động của các hệ thống, thiết bị phòng cháy và chữa cháy và các hệ thống kỹ thuật khác có liên quan trong suốt quá trình hoạt động tại thời điểm nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy. /.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục C07;
- Lưu: VT, Đội CS.PCCC&CNCH KV Bến Cầu – Gò Dầu.



Số: 05 /TDPCCC-.....

GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

- Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;

- Căn cứ Điều 7 Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số ...Đơn... ngày ..07/..01/...2019 của:.....Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân
Người đại diện là ông:.....Bùi Văn Thanh.....Chức danh:.....Giám đốc.....

PHÒNG CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ

CHỨNG NHẬN:

.....Lò mổ gia súc, gia cầm và thủy cầm.....
Địa điểm xây dựng: ...ấp Ninh Bình, xã Bàu Năng, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh...
Chủ đầu tư/chủ phương tiện:Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân
Đơn vị lập dự án/thiết kế: Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng Phúc Kiến + Công ty TNHH MTV Nguyễn Vũ Corp.....
Đã được thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:
...Bậc chịu lửa; Lối thoát nạn; Giao thông và khoảng cách an toàn PCCC; Giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan; Hệ thống báo cháy tự động; Hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà; Hệ thống cấp nước chữa cháy ngoài nhà; Hệ thống chống sét.....
theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

Tây Ninh, ngày 10 tháng 01 năm 2019

Nơi nhận:

- Cty TNHH MTV Thanh Bảo Hân.
- Lưu: Đội CS.PCCC&CNCH kv Bến Cầu – Gò Dầu.



Đại tá Nguyễn Văn To

Ngày Tháng Năm)

[illegible]



المركز الإسلامي للشهادة الحلال شهادة الحلال

HALAL CERTIFICATE
Certificate ID: HVN 1444-224



بناءً على الاختبارات والمراقبات والمباحثات التي قامت الحلال فيتنام للشهادة الحلال نشهد بأن
Based on the inspection carried out by Halal Vietnam it is hereby certified that:

Type of products:

Foods

نوع المنتجات

Name of products:

اسم المنتجات

- | | |
|-------------------------------|------------------------|
| 1. Thịt gà | 6. Giò sống gà |
| 2. Thịt gà lạnh đông | 7. Chả lụa gà |
| 3. Thịt gà thả vườn | 8. Giò thủ gà |
| 4. Thịt gà thả vườn lạnh đông | 9. Gà viên |
| 5. Lòng gà | 10. Thịt gà tẩm gia vị |

يكون حلالاً عند الشريعة الإسلامية

Is "Halal" in accordance with the Islamic Law

علامة تجارية / Trade mark



THANH BAO HAN CO., LTD

Address: Plot No. 464, Map No. 12, Hamlet Ninh Binh, Bau Nang Commune,
Duong Minh Chau District, Tay Ninh Province, Vietnam

موافق المبدئي Initial Approval/ bắt đầu cấp : 01 Oct 2022
تاريخ الإصدار Issued on / ngày cấp : 01 Oct 2022
تاريخ الانتهاء Valid until / ngày hết hạn : 01 Oct 2023

To verify this certificate validity
please call: + 84906378666
Email: info@halalvietnam.vn



Hj. Imam Mieu Abbas
President of Halal Vietnam



Thị Nhiên
Annisa MHD
Director of Halal Vietnam

Member of IHLA - WHC - Appointed by The Hanoi Authority Planning and Investment
Office: 4/67- An Dao C, Trau Quy, Gia Lam, Hanoi, Vietnam, phone: +84906378666, web: halalvietnam.vn

GIẤY CHỨNG NHẬN CERTIFICATE



Mã truy xuất online

Chứng nhận hệ thống quản lý an toàn thực phẩm của
Certification of food safe management system of:

CÔNG TY TNHH MTV THANH BẢO HÂN

địa chỉ sản xuất/ *production address:*

Thửa đất số 464, tờ bản đồ số 12, ấp Ninh Bình, xã Bàu Nặng, huyện Dương Minh Châu,
tỉnh Tây Ninh/

*Land plot No. 464, map no. 12, Ninh Binh hamlet, Bau Nang commune,
Duong Minh Chau district, Tay Ninh province*

cho lĩnh vực hoạt động/ *for the following activities:*

Giết mổ và đóng gói gia cầm tươi sống, sản xuất giò sống gà, chả lụa gà,
giò thủ gà, gà viên/

*Slaughtering and packaging of poultry, chicken paste, chicken head cheese,
chicken nuggets*

được đánh giá và phù hợp tiêu chuẩn/

has been assessed and found to conform to the requirements of the following standard:

TCVN ISO 22000:2018/ ISO 22000:2018

và được phép sử dụng dấu chứng nhận/ *and approved to bear certification mark:*



TỔNG GIÁM ĐỐC
General Director

Số chứng nhận/ *Certificate No.:* HC-48/CN-72-0001

Ngày cấp chứng nhận/ *Date of issue:* 20/02/2023

Ngày hết hạn chứng nhận/ *Expiry date:* 19/02/2026



NHONHO TECHNOLOGY COMPANY LIMITED

- **Ha Noi office 1:** Km 11, National highway 21, Thạch Thất district, Hà Nội city.
- **Ha Noi office 2:** 249A Thụy Khuê street, Ba Đình district, Hà Nội city.
- **HCM office 1:** Van Dat tower, street 1, Tân Bình Industrial Park, Tân Phú district, HCM city.
- **HCM office 2:** BE 19, street 12, Phong Phú 4 KDC, Bình Chánh district, HCM city.
- **Can Tho office 1:** K2 - 17, Võ Nguyên Giáp street, Cái Răng district, Cần Thơ city.
- **Can Tho office 2:** E8-18, Cao Minh Lọc street, Phú Thu ward, Cái Răng district, Cần Thơ city.
- **Can Tho office 3:** Area 6, Hưng Thạnh ward, Cái Răng district, Cần Thơ city.
- **Thai Nguyen office:** 07 Thông Nhất street, Thái Nguyên city, Thái Nguyên province.

Hotline: +84 901 339 669

Website: www.nhovn.com

Email: info@nhovn.com



Mã truy xuất online

GIẤY CHỨNG NHẬN CERTIFICATE

Chứng nhận hệ thống Phân tích mối nguy và kiểm soát điểm tới hạn - HACCP của
Certifies that the Hazard Analysis and Critical Control Points - HACCP of:

CÔNG TY TNHH MTV THANH BẢO HÂN

địa chỉ sản xuất/ *production address:*

Thửa đất số 464, tờ bản đồ số 12, ấp Ninh Bình, xã Bàu Nặng, huyện Dương Minh Châu,
tỉnh Tây Ninh/

*Land plot No. 464, map no. 12, Ninh Binh hamlet, Bau Nang commune,
Duong Minh Chau district, Tay Ninh province*

cho lĩnh vực hoạt động/ *for the following activities:*

Giết mổ và đóng gói gia cầm tươi sống, sản xuất giò sống gà, chả lụa gà,
giò thủ gà, gà viên/

*Slaughtering and packaging of poultry, chicken paste, chicken head cheese,
chicken nuggets*

được đánh giá và phù hợp tiêu chuẩn/

has been assessed and found to conform to the requirements of the following standard:

TCVN 5603:2008

(CAC/RCP 1-1969, REV.4-2003)/ HACCP Codex

và được phép sử dụng dấu chứng nhận/ *and approved to bear certification mark:*



TỔNG GIÁM ĐỐC
General Director

Số chứng nhận/ *Certificate No.:* HC-48/CN-72-0002

Ngày cấp chứng nhận/ *Date of issue:* 20/02/2023

Ngày hết hạn chứng nhận/ *Expiry date:* 19/02/2026



NHONHO TECHNOLOGY COMPANY LIMITED

- **Ha Noi office 1:** Km 11, National highway 21, Thạch Thất district, Hà Nội city.
- **Ha Noi office 2:** 249A Thụy Khuê street, Ba Đình district, Hà Nội city.
- **HCM office 1:** Van Dat tower, street 1, Tân Bình Industrial Park, Tân Phú district, HCM city.
- **HCM office 2:** BE 19, street 12, Phong Phú 4 KDC, Bình Chánh district, HCM city.
- **Can Tho office 1:** K2 - 17, Võ Nguyên Giáp street, Cái Răng district, Cần Thơ city.
- **Can Tho office 2:** E8-18, Cao Minh Lạc street, Phú Thu ward, Cái Răng district, Cần Thơ city.
- **Can Tho office 3:** Area 6, Hưng Thạnh ward, Cái Răng district, Cần Thơ city.
- **Thai Nguyen office:** 07 Thông Nhất street, Thái Nguyên city, Thái Nguyên province.

Hotline: +84 901 339 669

Website: www.nhovn.com

Email: info@nhovn.com

Số: /GP-STNMT

Tây Ninh, ngày tháng 7 năm 2024

GIẤY PHÉP KHAI THÁC, SỬ DỤNG NƯỚC DƯỚI ĐẤT
(Gia hạn, điều chỉnh lần 2)

GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012.

Căn cứ Nghị định số 02/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.

Căn cứ Quyết định số 26/2021/QĐ-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2021 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường.

Căn cứ Quyết định số 290/QĐ-UBND ngày 23 tháng 02 năm 2009 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đề tài “Biên hội loạt bản đồ địa chất thủy văn tỷ lệ 1:50.000 và ứng dụng tin học trong quản lý nước dưới đất phục vụ cho quy hoạch khai thác tài nguyên nước tỉnh Tây Ninh”.

Căn cứ Quyết định số 2586/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2013 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đề tài “Nghiên cứu quy hoạch xây dựng mạng lưới quan trắc môi trường tỉnh Tây Ninh từ nay đến năm 2020”.

Căn cứ Quyết định số 2588/QĐ-UBND ngày 12 tháng 12 năm 2013 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đề tài “Xây dựng mạng lưới quan trắc động thái nước dưới đất tỉnh Tây Ninh”.

Căn cứ Quyết định số 2293/QĐ-UBND ngày 17 tháng 9 năm 2021 của UBND tỉnh về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường cấp, gia hạn điều chỉnh nội dung, đình chỉ, khôi phục và thu hồi các thủ tục thuộc lĩnh vực tài nguyên nước, trừ trường hợp xả nước thải vào công trình thủy lợi.

Căn cứ Quyết định số 3246/QĐ-UBND ngày 29 tháng 11 năm 2021 của UBND tỉnh về việc công bố quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính của ngành Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ Quyết định số 1110/QĐ-UBND ngày 17 tháng 5 năm 2023 của UBND tỉnh công bố chuẩn hóa Danh mục và quy trình nội bộ thủ tục hành chính lĩnh vực tài nguyên nước, lĩnh vực khí tượng thủy văn thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới (điều chỉnh lần 1) đất số 1604/GP-STNMT ngày 20 tháng 03 năm 2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường cấp cho Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân, hết hạn ngày 07 tháng 10 năm 2024.

Căn cứ Giấy phép môi trường số 1992/GPMT-UBND ngày 29 tháng 9 năm 2023 của UBND tỉnh cấp cho Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân. Nội dung thuyết minh theo Bảng 1.8 bảng cân bằng sử dụng nước của cơ sở lưu lượng nước tối đa là 80,4 m³.

Xét Đơn đề nghị cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất ngày 20 tháng 6 năm 2024 của Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân và hồ sơ kèm theo.

Căn cứ Luật Tài nguyên nước năm 2023 có hiệu lực từ ngày 01/7/2024, tại Khoản 5 Điều 86 Luật Tài nguyên nước năm 2023 quy định chuyển tiếp: “Trường hợp tổ chức, cá nhân đã nộp hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất, giấy phép về tài nguyên nước trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành nhưng chưa được cấp phép thì được thực hiện theo quy định của Luật số 17/2012/QH13, trừ trường hợp tổ chức, cá nhân đề nghị thực hiện cấp giấy phép theo quy định của Luật này”. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác nước dưới đất của Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân nộp trước ngày 01/7/2024. Do đó, việc thực hiện cấp giấy phép theo quy định của Luật Tài nguyên nước năm 2012 là phù hợp.

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Tài nguyên Nước và Khoáng sản tại Báo cáo thẩm định ngày 02 tháng 7 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân, địa chỉ trụ sở chính tại ấp Ninh Bình, xã Bàu Năng, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh được khai thác nước dưới đất với các nội dung sau:

1. Mục đích khai thác, sử dụng nước: Sinh hoạt và sản xuất tại lò mổ gia súc, gia cầm và thủy cầm.
2. Vị trí công trình khai thác nước: ấp Ninh Bình, xã Bàu Năng, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh
3. Tầng chứa nước khai thác: Pliocen thượng (n₂²).
4. Tổng số giếng khai thác: 02 giếng; gồm: 01 giếng khai thác, 01 giếng dự phòng
5. Tổng lưu lượng nước khai thác: 80,4 m³ /ngày đêm.
6. Thời hạn khai thác: 03 năm.
7. Chế độ khai thác: 300 ngày/năm.

Vị trí tọa độ, lưu lượng và các thông số của từng giếng cụ thể như sau:

Số hiệu	Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiều 3 ^o		Lưu lượng (m ³ /ngày đêm)	Chiều sâu đặt ống lọc (m)		Chiều sâu mực nước động lớn nhất cho phép (m)	Tầng chứa nước khai thác
	X(m)	Y(m)		Từ	Đến		
G1	1252 392	572 422	80,4	71	80	15	Pleistocen hạ (qp ₁)
G2	1252 410	569 912	Giếng Dự phòng				

Điều 2. Các yêu cầu cụ thể đối với Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân:

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này; nếu thay đổi nội dung quy định tại Điều 1 phải được cơ quan cấp phép đồng ý bằng văn bản;

2. Thực hiện việc quan trắc mực nước, lưu lượng, chất lượng nước trong quá trình khai thác theo nước theo quy định tại Thông tư số 17/2021/TT-BTNMT ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước; Thiết bị quan trắc phải có giấy kiểm định của cơ quan quản lý đo lường chất lượng tiêu chuẩn Việt Nam và thông báo lần đầu với cơ quan thuế kèm theo hồ sơ khai thuế tài nguyên trong kỳ khai thuế gần nhất kể từ ngày lắp đặt xong thiết bị.

3. Thiết lập phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của công trình khai thác: tối thiểu 20 m tính từ miệng các giếng khoan (trong phạm vi hiện trạng sử dụng đất); Phối hợp với UBND huyện Dương Minh Châu, UBND xã Bàu Năng và các cơ quan liên quan xác định ranh giới phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của công trình trên thực địa theo quy định.

4. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành liên quan đến lĩnh vực cấp nước theo quy định.

5. Thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 43 của Luật Tài nguyên nước và các nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

6. Hằng năm (trước ngày 30 tháng 01 của năm tiếp theo), tổng hợp báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường về tình hình khai thác, sử dụng nước và các vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác; các kết quả quan trắc theo quy định tại khoản 2 Điều này.

7. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh, UBND huyện Dương Minh Châu.

8. Thông báo cho cơ quan chức năng giám sát việc trám lấp giếng theo quy định sau khi giấy phép hết hạn.

Điều 3. Sở Tài nguyên và Môi trường (Phòng Quản lý tài nguyên nước và khoáng sản) có trách nhiệm cập nhật thông tin của giấy phép này vào cơ sở dữ liệu

thông tin giấy phép tài nguyên dùng chung của trung ương và địa phương; theo dõi, giám sát hoạt động khai thác, sử dụng nước dưới đất của công trình này.

Điều 4. Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân được hưởng các quyền hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 43 của Luật Tài nguyên nước và quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới (điều chỉnh lần 1) đất số 1604/GP-STNMT ngày 20 tháng 03 năm 2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường. Chậm nhất chín mươi (90) ngày trước khi Giấy phép hết hạn, nếu Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân còn tiếp tục khai thác nước dưới đất như quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn giấy phép theo quy định./.

Nơi nhận:

- Cục Quản lý TNN;
- UBND tỉnh;
- UBND huyện Dương Minh Châu;
- Cục thuế tỉnh Tây Ninh;
- UBND xã Bàu Nặng;
- Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân;
- Lưu: VT Sở, PQLTNN&KS

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Số: 1992/GPMT-UBND

Tây Ninh, ngày 29 tháng 9 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 04 tháng 12 năm 2020;
Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
Căn cứ Quyết định số 3203/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2017 của UBND tỉnh phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án Lò mổ gia súc, gia cầm và thủy cầm Thanh Bảo Hân của Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân;
Xét hồ sơ và đề nghị của Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân tại Văn bản số 01/TBH-MT ngày 09 tháng 3 năm 2023 về việc đề nghị thẩm định cấp Giấy phép môi trường và Văn bản số 01/TBH-MT ngày 18 tháng 8 năm 2023 về việc giải trình các nội dung chỉnh sửa, bổ sung trong báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường Cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm và thủy cầm Thanh Bảo Hân, phân kỳ 1 tại ấp Ninh Bình, xã Bàu Năng, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 6.144/TTr-STNMT ngày 30 tháng 8 năm 2023,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân địa chỉ tại ấp Ninh Bình, xã Bàu Năng, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Cơ sở Giết mổ gia súc, gia cầm và thủy cầm Thanh Bảo Hân, phân kỳ 1 tại ấp Ninh Bình, xã Bàu Năng, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Cơ sở:

- 1.1. Tên Cơ sở: Giết mổ gia súc, gia cầm và thủy cầm Thanh Bảo Hân, phân kỳ 1.
- 1.2. Địa điểm hoạt động: ấp Ninh Bình, xã Bàu Năng, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

1.3. Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 8558115162 ngày 19/10/2017, chứng nhận thay đổi lần thứ nhất ngày 27/5/2019; Phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên với mã số doanh nghiệp 3901229496 đăng ký lần đầu ngày 29/8/2016, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 04/5/2019.

1.4. Mã số thuế: 3901229496.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: cơ sở lò mổ gia súc, gia cầm và thủy cầm.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất:

- Quy mô, công suất: giết mổ gia cầm, thủy cầm quy mô 6.000 con/ngày.

- Thuộc nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân được cấp Giấy phép môi trường:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác so với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

2.6. Công khai Giấy phép môi trường trên trang thông tin điện tử của Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân hoặc tại trụ sở UBND xã Bàu Nặng; thời điểm công khai chậm nhất là 10 ngày sau khi được cấp Giấy phép môi trường

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm, kể từ ngày ký Giấy phép này.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tây Ninh chủ trì, phối hợp với UBND huyện Dương Minh Châu và các đơn vị có liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Cơ sở của Công ty TNHH MTV Thanh Bảo Hân được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- CT TNHH MTV Thanh Bảo Hân;
- Ct, các PCT.UBND tỉnh;
- Sở TN&MT;
- UBND huyện DMC;
- UBND xã Bàu Nặng;
- Cổng thông tin điện tử;
- LĐVP, CVK
- Lưu: VT, VP UBND tỉnh.

12

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH.



Trần Văn Chiến

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI
THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1912/GPMT-UBND
ngày 09 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân làm việc tại Cơ sở với lưu lượng tối đa khoảng 6m³/ngày.
- Nguồn số 02: nước thải phát sinh từ khu giặt mổ gia cầm, thủy cầm với lưu lượng tối đa khoảng 72 m³/ngày.
- Nguồn số 03: nước thải phát sinh từ nhà ăn với lưu lượng khoảng 02 m³/ngày.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Dòng nước thải:

01 dòng nước thải gồm các nguồn số 01, 02, 03 được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất xử lý 90 m³/ngày. đêm để xử lý đạt cột A QCVN 40:2011/BTNMT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp với hệ số Kq = 0,9, Kf = 1,1; nước thải sau xử lý xả thải ra nguồn tiếp nhận là suối Cầu Vườn Điều thuộc ấp Ninh Bình, xã Bàu Năng, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

2.2. Nguồn tiếp nhận nước thải:

Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung của Cơ sở theo đường ống PVC φ114mm, đặt âm dưới đất 0,5m đến hố gas, sau đó theo đường cống bê tông φ400mm, đặt âm 01m, dài khoảng 5m, chảy ra nguồn tiếp nhận.

2.3. Vị trí xả nước thải:

- Sau hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất xử lý 90 m³/ngày.đêm.

- Tọa độ vị trí xả thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105°30', múi chiếu 3°):

STT	Điểm	Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục: 105°30', múi chiếu 3°)	
		Y	X
1	Điểm đầu vào	572363	1252236
2	Điểm đầu ra	572308	1252223
3	Điểm xả thải	572302	1252228

- Điểm xả nước thải: tại miệng cửa xả đường cống BTCT $\phi 400\text{mm}$; thiết kế điểm xả nước thải phải có biển báo, có sàn công tác diện tích tối thiểu là 01 m^2 và có lối đi để thuận lợi cho việc kiểm tra, kiểm soát nguồn thải theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 48 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, nước thải được xả thẳng ra suối Cầu Vườn Điều thuộc ấp Ninh Bình, xã Bàu Năng, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

2.4. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $90\text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$, tương đương với $5,625\text{ m}^3/\text{giờ}$.

2.4.1. Phương thức xả nước thải: tự chảy

2.4.2. Chế độ xả nước thải: liên tục

2.4.3. Chất lượng nước thải trước khi xả thải ra môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường đạt cột A QCVN 40:2011/BTNMT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp với hệ số $K_q = 0,9$, $K_f = 1,1$, cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	6 – 9	03 tháng/lần	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 điều 97 nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	BOD ₅	mg/L	29,7		
3	COD	mg/L	74,25		
4	Chất rắn lơ lửng	mg/L	49,5		
5	Tổng N	mg/L	19,8		
6	Tổng P	mg/L	3,96		
7	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	4,95		
8	Coliforms	MPN/100ml	3.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải:

- Nguồn số 01: nước thải sinh hoạt tại khu vực nhà vệ sinh được xử lý sơ bộ bằng 03 bể tự hoại 3 ngăn, tổng dung tích 60 m^3 (dung tích lần lượt là 15 m^3 , 25 m^3 và 20 m^3) sau đó theo các đường ống PVC $\phi 16 \text{ mm}$ và PVC $\phi 300 \text{ mm}$ dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất xử lý $90 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ của Cơ sở để tiếp tục xử lý.

- Nguồn số 02: nước thải phát sinh từ khu giết mổ gia cầm, thủy cầm được thu gom theo đường ống PVC $\phi 168 \text{ mm}$ và PVC $\phi 300 \text{ mm}$ dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất xử lý $90 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ của Cơ sở để tiếp tục xử lý.

- Nguồn số 03: nước thải phát sinh từ khu vực nhà ăn theo đường ống PVC $\phi 168 \text{ mm}$ và PVC $\phi 300 \text{ mm}$ dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất xử lý $90 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ của cơ sở để tiếp tục xử lý.

Toàn bộ nước thải được thu gom về hệ thống xử lý nước thải công suất xử lý $90 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ để xử lý đạt cột A QCVN 40:2011/BTNMT với hệ số $K_q=0,9$ và $K_f = 1,1$; nước thải sau hệ thống xử lý theo đường cống bê tông $\phi 400 \text{ mm}$, đặt âm 1 m , có chiều dài 5 m chảy ra điểm tiếp nhận là suối Cầu Vườn Điều tại ấp Ninh Bình, xã Bàu Năng, huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

1.2.1 Tóm tắt quy trình xử lý nước thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Nước thải sinh hoạt: nước thải $\rightarrow$ Bể tự hoại 03 ngăn $\rightarrow$ hệ thống xử lý nước thải tập trung của cơ sở công suất xử lý $90 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

Nước thải từ khu giết mổ: nước thải $\rightarrow$ hệ thống xử lý nước thải tập trung của cơ sở công suất $90 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

Nước thải từ khu nhà ăn: nước thải $\rightarrow$ hệ thống xử lý nước thải tập trung của cơ sở công suất $90 \text{ m}^3/\text{ngày}$.

Hệ thống xử lý nước thải có quy trình công nghệ như sau: Nước thải $\rightarrow$ Bể thu gom $\rightarrow$ Bể điều hòa $\rightarrow$ Bể lắng hai vỏ $\rightarrow$ Bể kỵ khí $\rightarrow$ Bể thiếu khí $\rightarrow$ Bể hiếu khí $\rightarrow$ Bể lắng $\rightarrow$ Ao sinh học $\rightarrow$ Bể khử trùng $\rightarrow$ nguồn tiếp nhận.

1.2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

Bể tự hoại:

+ 01 bể tại khu vực văn phòng với kích thước $3 \times 2 \times 2,5 \text{ m}$, dung tích bể 15 m^3 , kết cấu: bê tông cốt thép

+ 01 bể tại khu vực nhà ăn với kích thước $5 \times 2 \times 2,5 \text{ m}$, dung tích bể 25 m^3 .

+ 01 bể tại khu vực giết mổ gia cầm, thủy cầm với kích thước $2 \times 4 \times 2,5 \text{ m}$; dung tích bể 20 m^3 .

Hệ thống xử lý nước thải tập trung:

- + 01 bể thu gom kích thước 2,6m x 1,1m x 3,1m; kết cấu bê tông cốt thép.
- + 01 bể lắng 02 vỏ kích thước 6m x 5m x 5,15m; kết cấu bê tông cốt thép.
- + 01 bể điều hòa kích thước 6m x 2,8m x 5,15m; kết cấu bê tông cốt thép.
- + 01 bể kỵ khí kích thước 6m x 4,2m x 5,15m; kết cấu bê tông cốt thép.
- + 01 bể thiếu khí kích thước 6m x 4,2m x 5,15m; kết cấu bê tông cốt thép.
- + 01 bể hiếu khí kích thước 7,2m x 4,2m x 5,15m; kết cấu bê tông cốt thép.
- + 01 bể lắng kích thước 3,6m x 4,2m x 5,15m; kết cấu bê tông cốt thép.
- + 01 ao sinh học kích thước 20m x 20m x 2,5m; kết cấu lót bạt HDPE độ dày 1mm.
- + 01 bể khử trùng kích thước 3m x 2m x 1m; kết cấu bê tông cốt thép
- + 01 hồ sự cố diện tích 315 m² gồm 02 ngăn, kích thước mỗi ngăn 10,4m x 15m x 2m (vách ngăn dày 20cm); kết cấu bê tông cốt thép
- + 01 sân phơi bùn diện tích 20,16 m² có kích thước 7,2m x 2,8m, kết cấu bê tông cốt thép.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Chlorine.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hồ ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý. Cơ sở đã lắp đặt 01 bơm dự phòng để bơm nước thải phòng trường hợp bơm bị hỏng và 01 máy phát điện phòng trường hợp xảy ra sự cố mất điện, hệ thống xử lý nước thải không hoạt động.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ khu vực xử lý nước thải và hệ thống thoát nước.

- Niêm yết quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải tại khu vực xử lý, vận hành hệ thống theo đúng quy trình, kỹ thuật đã xây dựng; lập sổ theo dõi, nhật ký vận hành xử lý.

- Đào tạo đầy đủ các kiến thức về lý thuyết vận hành hệ thống xử lý nước thải, cách xử lý sự cố cho nhân viên phụ trách.

- Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố.

- Bố trí 01 hồ sự cố để lưu chứa nước thải trong trường hợp hệ thống xảy ra sự cố. Kết cấu vật liệu BTCT, diện tích 315m² gồm 02 ngăn, kích thước mỗi ngăn 10,4m x 15m x 2m (vách ngăn dày 20cm). Tổng dung tích 630m³, dung

tích hữu ích 499m³. Thời gian lưu trữ hữu ích khoảng 5 ngày.

Stt	Hạng mục	Thông số kỹ thuật	Số lượng
1	Hồ sự cố	- Vật liệu: BTCT - Thể tích hữu ích: 499 m ³ - Thời gian lưu trữ hữu ích: 5 ngày	01 hồ

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A phụ lục này, không xả nước thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nhân lực, nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.3. Lập sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý nước thải.

3.4. Bố trí kinh phí để duy tu, bảo trì định kỳ công trình xử lý nước thải để đảm bảo xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột A với hệ số $K_q = 0,9$, $K_f = 1,1$

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1911/GPMT-UBND
 ngày 24 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải, bụi:

Nguồn số 01: Bụi, khí thải từ hoạt động của máy phát điện dự phòng, công suất 1.500kVA.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Dòng khí thải:

01 Dòng khí thải từ máy phát điện dự phòng được thu gom thoát ra ngoài môi trường theo đường ống $\phi 200\text{mm}$, cao 2,5m, vật liệu Inox SUS304, độ dày 3mm.

2.2. Vị trí xả khí thải, bụi

Tại ống khói máy phát điện dự phòng có công suất 1.500kVA. Tọa độ vị trí xả thải như sau: X = 1252323; Y = 572335 (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiếu 3°).

2.3. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: $6.364\text{m}^3/\text{giờ}$

2.3.1. Phương thức xả khí thải:

Khí thải được xả ra môi trường qua ống khói, xả liên tục khi máy phát điện dự phòng hoạt động.

2.2.2. Chất lượng bụi, khí thải khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và cột B, QCVN 19:2009/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, với hệ số $K_p=1$, $K_v=1,2$, trước khi xả thải ra môi trường, cụ thể như sau:

STT	Thông số	Đơn vị	QCVN 19:2009/BTNMT (cột B, $K_p=1$, $K_v=1,2$)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Bụi tổng	mg/Nm^3	240	Không áp dụng	Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 điều 98 nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	SO_2	mg/Nm^3	600		
3	CO	mg/Nm^3	1.200		
4	NO_2	mg/Nm^3	1.020		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

Nguồn số 01: Khí thải từ quá trình đốt nhiên liệu dầu diesel để vận hành máy phát điện công suất 1.500kVA khi có sự cố mất điện được thu gom thoát ra ngoài môi trường theo đường ống $\phi 200\text{mm}$, cao 2,5m, vật liệu Inox SUS304, độ dày 3mm.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

Khí thải từ máy phát điện dự phòng công suất 1.500kVA thu gom về ống thải của máy phát điện, xả trực tiếp ra môi trường (máy phát điện dự phòng chỉ vận hành khi có sự cố mất điện).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định 08/2022/NĐ-CP.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Định kỳ kiểm tra các thiết bị.

- Đào tạo đội ngũ công nhân nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi sự cố xảy ra. Hướng dẫn bảo trì, bảo dưỡng máy phát điện.

- Khi xảy ra sự cố, dừng hoạt động tại khu vực xảy ra sự cố, tìm nguyên nhân sửa chữa, khắc phục kịp thời. Trường hợp xảy ra sự cố lớn, sửa chữa mất nhiều thời gian, phải dừng sản xuất cho tới khi khắc phục được sự cố, bảo đảm không được gây ô nhiễm môi trường không khí.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Công ty chịu toàn bộ trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1912/GPMT-UBND
 ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Nguồn số 01: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ khu vực máy phát điện dự phòng công suất 1.500kVA;
- Nguồn số 02: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ khu vực giết mổ gia cầm, thủy cầm và đánh lông;
- Nguồn số 03: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ khu vực máy cắt;
- Nguồn số 04: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ khu vực hệ thống xử lý nước thải;
- Nguồn số 05: Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ khu vực kho đông lạnh.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

Nguồn số 01: X = 1252323; Y = 572335;

Nguồn số 02: X = 1252301; Y = 572352;

Nguồn số 03: X = 1252292; Y = 572353;

Nguồn số 04: X = 1252232; Y = 572355;

Nguồn số 05: X = 1252303; Y = 572393.

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$, múi chiều 3°)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – QCVN 26:2010/BTNMT; Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung – QCVN 27:2010/ BTNMT, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

STT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: thường xuyên kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ (tra dầu, mỡ, vệ sinh) thay thế các linh kiện hư hỏng để không phát sinh tiếng ồn vượt quá ngưỡng cho phép trong môi trường sản xuất.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy móc, thiết bị có phát sinh độ rung.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 199/GPMT-UBND
ngày 28 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Trạng thái	Khối lượng (kg/năm)	Mã chất thải	Kí hiệu phân loại
1	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	200	18 01 03	KS
2	Các loại dầu thải khác	Lỏng	50	17 07 03	
3	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ các quá trình xử lý nước thải công nghiệp khác	Bùn	1.300	12 06 06	KS
4	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	10	16 01 06	NH
5	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	Rắn	15	08 02 04	KS
6	Pin, ắc quy thải	Rắn	05	16 01 12	NH
7	Gia súc, gia cầm chết (do dịch bệnh)	Rắn	Phát sinh không thường xuyên	14 02 01	NH
	Tổng cộng		1.580		

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Loại chất thải	Mã chất thải	Đơn vị tính	Trạng thái	Khối lượng
1	Lông gia cầm	14 01 10	Tấn/năm	Rắn	360

TT	Loại chất thải	Mã chất thải	Đơn vị tính	Trạng thái	Khối lượng
2	Phân gia cầm	14 01 12	Tấn/năm	Rắn	180
	TỔNG CỘNG		Tấn/năm		540

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

STT	Loại chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Rác thải sinh hoạt	19,2
	Tổng khối lượng	19,2

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

Sử dụng thiết bị lưu chứa chất thải nguy hại có nắp đậy kín, đảm bảo điều kiện kín, khít đối với các thiết bị lưu chất thải nguy hại ở dạng lỏng.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích: 15 m².

- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu chứa chất thải nguy hại: Có tường gạch bao quanh, mái che bằng tôn; nền bê tông có gờ chắn tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có biện pháp cách ly với các loại chất thải nguy hại hoặc nhóm chất thải nguy hại khác có khả năng phản ứng hóa học với nhau. Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại được trang bị các dụng cụ, thiết bị phòng cháy chữa cháy theo quy định; có vật liệu hấp thụ và xéng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30cm mỗi chiều.

2.1.3. Biện pháp xử lý:

Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

Bao bì, thùng chứa có nắp đậy.

2.2.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích: 22,7m².

- Thiết kế, cấu tạo: Tường xây bằng gạch, mái che bằng tôn, nền bê tông, có gờ chắn tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào.

2.2.3. Biện pháp xử lý:

Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

Thùng nhựa có nắp đậy.

2.3.2. Khu vực lưu chứa:

Bố trí khu vực tập kết có diện tích 3m², có mái che bằng tôn.

2.3.3. Biện pháp xử lý:

Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu giữ chất thải rắn, chất thải nguy hại

Thiết kế đúng quy định khu lưu giữ chất thải và thu gom, lưu giữ, xử lý toàn bộ các loại chất thu rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình xây dựng, lắp đặt máy móc, thiết bị và vận hành Cơ sở đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ chất thải.

2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố dịch bệnh:

Thực hiện các biện pháp kiểm soát hoạt động giết mổ tuân thủ theo quy định tại Thông tư số 09/2016/TT-BNNPTNT ngày 01/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về kiểm soát giết mổ và kiểm tra vệ sinh thú y và QCVN 01 -150:2017/BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia yêu cầu vệ sinh thú y đối với cơ sở giết mổ động vật tập trung. Giám sát dịch bệnh cho gia cầm và thủy cầm từ hộ chăn nuôi để chủ động phát hiện khoanh vùng, khống chế để tránh lây lan diện rộng. Nhập gia cầm và thủy cầm từ các cơ sở an toàn dịch bệnh, rõ nguồn gốc, có giấy chứng nhận kiểm dịch của cơ quan thú y. Cơ sở không tổ chức lưu trữ gia cầm mà chỉ tiến hành nhập về và giết mổ trong ngày, tránh tình trạng lưu trữ gia cầm lâu ngày tại cơ sở, gia tăng nguy cơ phát sinh dịch bệnh. Khi có dịch bệnh, tiến hành khai báo ngay với cơ quan thú y tại địa phương để bố trí cán bộ thú y đến kiểm tra và xác định loại dịch bệnh tại cơ sở. Tiến hành thực hiện các biện pháp tiêu hủy gia cầm, thủy cầm theo hướng dẫn tại Thông tư số 07/2016/TT-BNNPTNT ngày

31 tháng 5 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn.

3. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ

Bố trí 1 hồ nước chữa cháy bên trong Cơ sở với thể tích là 214,36 m³. Phương tiện chữa cháy tại cơ sở được bố trí gồm 37 bình chữa cháy trong đó có 18 bình bột MT5, 19 bình bột MFZ8. Bố trí 13 tủ chữa cháy trong đó có 09 tủ 01 cuộn vòi và 04 tủ 02 cuộn vòi. Trong các khu vực sản xuất đều có trang bị đầy đủ dụng cụ phòng cháy chữa cháy đảm bảo theo đúng các quy định của Việt Nam về phòng chống cháy nổ. Bố trí các sơ đồ thoát hiểm tại khu vực mọi người quan sát thấy. Các máy móc, thiết bị có lý lịch kèm theo và được đo đạc theo dõi thường xuyên các thông số kỹ thuật. Thường xuyên kiểm tra các biển báo, biển cấm lửa, nội quy PCCC, phương tiện PCCC. Tổ chức thường xuyên các đợt tập dợt chữa cháy cho công nhân, nêu chi tiết các nhiệm vụ mà người lao động cần thực hiện khi xảy ra sự cố cháy nổ.

- Thực hiện trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại đảm bảo theo yêu cầu quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.

Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 1012/GPMT-UBND
ngày 21 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (HOẶC VĂN BẢN TƯƠNG ĐƯƠNG VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG)

UBND tỉnh phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án lò mổ gia súc, gia cầm và thủy cầm Thanh Bảo Hân của Công ty tại Quyết định số 3203/QĐ-UBND ngày 26/12/2017 với mục tiêu giết mổ gia súc quy mô 600 con/ngày, giết mổ gia cầm, thủy cầm quy mô 6.000 con/ngày.

Giấy phép môi trường này chỉ thực hiện cho Cơ sở Giết mổ gia súc, gia cầm và thủy cầm Thanh Bảo Hân, phân kỳ 1 với mục tiêu giết mổ gia cầm, thủy cầm quy mô 6.000 con/ngày. Sau khi Công ty thi công hoàn thành các hạng mục công trình chính, phụ trợ, xử lý chất thải và lắp đặt máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất cho Phân kỳ 2 mục tiêu giết mổ gia súc, Công ty phải thực hiện thủ tục cấp Giấy phép môi trường cho toàn Dự án (bao gồm cả 02 phân kỳ) theo quy định pháp luật của Luật Bảo vệ môi trường 2020 và Nghị định số 08/2022/NĐ – CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Thiết kế, xây dựng hệ thống thu gom nước mưa riêng biệt với hệ thống thu gom nước thải; thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất của Cơ sở đạt quy chuẩn Việt Nam cột A QCVN 40:2011/BTNMT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp với hệ số $K_q = 0,9$, $K_f = 1,1$. Tuyệt đối không được xả nước thải xử lý chưa đạt quy chuẩn quy định ra môi trường.

4. Thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu các nguồn phát sinh bụi, khí thải đảm bảo môi trường không khí xung quanh đạt QCVN 05:2023/BTNMT, QCVN 06:2009/BTNMT, đáp ứng các yêu cầu về tiếng ồn, độ rung được quy định tại QCVN 26:2010/BTNMT và các tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành có liên quan khác bắt buộc áp dụng trước khi thải ra môi trường.

5. Thực hiện quản lý các loại chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh trong suốt quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường.

6. Thường xuyên theo dõi chất lượng nước thải của Cơ sở sau xử lý để kiểm soát chất lượng nước thải từ quá trình hoạt động của Cơ sở theo đúng quy định.

7. Xây dựng phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố nước thải, bụi, khí thải, đảm bảo đúng theo quy định hiện hành.

8. Bố trí diện tích đất để trồng cây xanh trong khuôn viên đất của Cơ sở theo đúng tỷ lệ quy định của pháp luật.

9. Thực hiện các yêu cầu về vệ sinh công nghiệp, phòng chống cháy, nổ, an toàn lao động và các rủi ro sự cố môi trường khác trong quá trình hoạt động của Nhà máy đảm bảo theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

10. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

11. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

12. Thực hiện trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất theo lộ trình quy định tại Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

13. Thực hiện trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

14. Thường xuyên kiểm tra thực hiện các biện pháp an toàn, vệ sinh lao động đảm bảo môi trường làm việc an toàn cho công nhân viên.

15. Thực hiện công khai thông tin môi trường của Cơ sở theo quy định tại khoản 2 Điều 102 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

16. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.

	CÔNG TY TNHH TK XD MT ARTTEK	Mã số	P/H: / /2019	Trang
	HỒ SƠ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG	BBNT/SD/NT-NC	Chỉnh sửa:	
		XDCB-QLCL	Áp dụng:	

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHIỆM THU ĐƯA VÀO SỬ DỤNG
Số 03.TBH-XD/NTĐVSD

CÔNG TRÌNH : NHÀ MÁY GIẾT MỎ GIA SÚC, GIA CÀM VÀ THỦY CÀM
HẠNG MỤC : THI CÔNG HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC CẤP VÀ NƯỚC THẢI
ĐỊA ĐIỂM: NINH BÌNH, BÀU NĂNG, DƯƠNG MINH CHÂU, TÂY NINH

1 Đối tượng nghiệm thu :

- Tên hạng mục được nghiệm thu : Hoàn thành hạng mục thi công hệ thống xử lý nước cấp và nước thải
- Vị trí xây dựng công trình: Ninh Bình, Bàu Năng, Dương Minh Châu, Tây Ninh

2 Thành phần trực tiếp nghiệm thu :

• Đại diện Chủ đầu tư :

CTY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THANH BẢO HÂN

- Ông : Bùi Văn Thanh

Chức vụ : Giám đốc

- Ông :

Chức vụ :

• Đại diện nhà thầu :

CTY TNHH THIẾT KẾ XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG ARTTEK

- Ông : Bùi Văn Nguyên

Chức vụ : Giám đốc

- Ông : Phạm Phan Kinh Luân

Chức vụ : Chỉ huy trưởng

3 Thời gian nghiệm thu :

• Bắt đầu : 10h00 ngày 30 tháng 12 năm 2019

• Kết thúc : 10h00 ngày 30 tháng 12 năm 2019

Tại :

4 Đánh giá hạng mục đã thực hiện :

a/. Tài liệu làm căn cứ để nghiệm thu :

- Hợp đồng (PLHD): Số 01/2018/TBH-AR (Phụ lục số 01 ART-TBH/PLPS)
- Hồ sơ thiết kế bản vẽ hoàn công đã được Chủ đầu tư phê duyệt.
- Phiếu yêu cầu nghiệm thu: Số: 04.TBH-XD/PYC/NTĐVSD
- Hồ sơ quản lý chất lượng :

- Quy chuẩn, tiêu chuẩn được áp dụng : TCVN hiện hành.

- Biên bản nghiệm thu giai đoạn: Số 03.TBH-XD/NTGD

b/. Chất lượng hoàn thành hạng mục:

Hoàn thành đúng các nội dung đã được nêu trong Hợp đồng

5 Kết luận :

- Đồng ý nghiệm thu

6 Các bên tham gia nghiệm thu :

Đ. D. NHÀ THẦU
THIẾT KẾ XÂY DỰNG
MÔI TRƯỜNG
ARTTEK
BÙI VĂN NGUYÊN

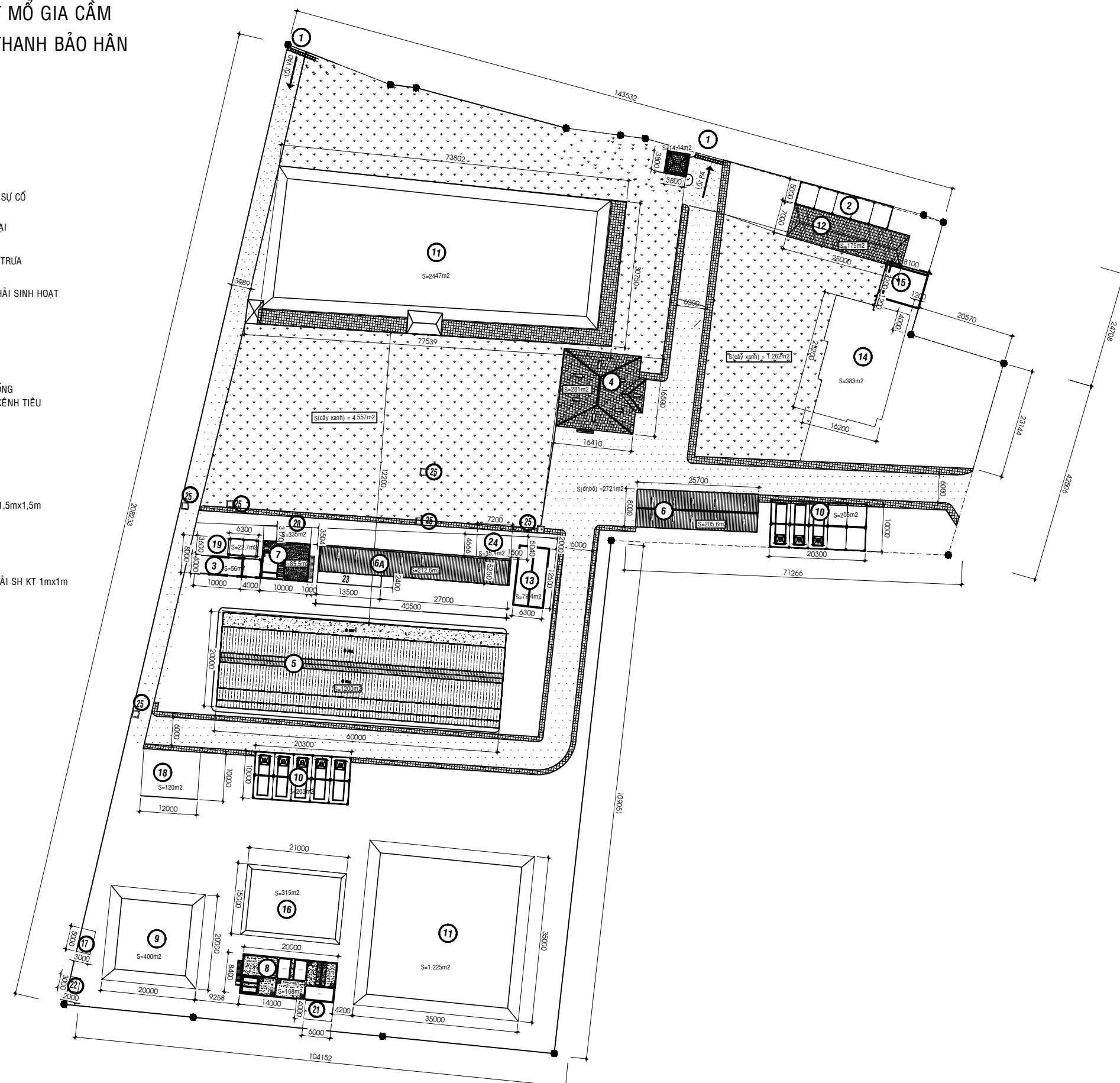
Đ. D. CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY
TNHH MTV
THANH BẢO HÂN
Bùi Văn Thanh

MẶT BẰNG TỔNG THỂ
NHÀ MÁY GIẾT MỠ GIA CẦM
CÔNG TY TNHH THANH BẢO HÂN

GHI CHÚ:

- | | | | |
|----|-------------------------------|----|--|
| 01 | CỔNG, NHÀ BẢO VỆ & CỘT CỜ | 12 | NHÀ GỖ |
| 02 | NHÀ XE 2 BÁNH | 13 | VĂN PHÒNG |
| 03 | TRẠM ĐIỆN-PHÒNG MÁY PHÁT ĐIỆN | 14 | VĂN PHÒNG QUẢN LÝ |
| 04 | VĂN PHÒNG | 15 | NHÀ KHO |
| 05 | NHÀ XƯỜNG CHÍNH | 16 | HỒ DỰ TRỮ NƯỚC THẢI SỰ CỐ |
| 06 | CĂNG TIN | 17 | KHO RÁC THẢI NGUY HẠI |
| 6A | KHO | 18 | KHU CÔNG NHÂN NGHỈ TRƯA |
| 07 | BỂ XỬ LÝ NƯỚC (200M3/NGÀY) | 19 | NƠI TẬP TRUNG RÁC THẢI SINH HOẠT |
| 08 | BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI 90M3/NGÀY | 20 | XUỐNG CƠ KHÍ |
| 09 | AO SINH HỌC | 21 | HỒ ĐIỀU HÒA |
| 10 | KHO CONTAINER | 22 | BỂ KHỬ TRÙNG HỆ THỐNG NƯỚC THẢI THOÁT RA KÊNH TIÊU |
| 11 | AO CÁ | 23 | KHU RỬA KHAY |
| | | 24 | WC CÔNG NHÂN |
| | | 25 | HỒ THU NƯỚC MƯA KT 1,5mx1,5m |
| | | 26 | HẦM TỰ HOẠI |
| | | 27 | HỒ GA THOÁT NƯỚC THẢI SH KT 1mx1m |

- ỚNG PVC D 168
- - - - - ỚONG PVC D 300



MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC MƯA
NHÀ MÁY GIẾT MỒ GIA CẦM
CÔNG TY TNHH THANH BẢO HÂN

GHI CHÚ:

- 01

CỔNG, NHÀ BẢO VỆ & CỘT CỜ
- 02

NHÀ XE 2 BÁNH
- 03

TRẠM ĐIỆN-PHÒNG MÁY PHÁT ĐIỆN
- 04

VĂN PHÒNG
- 05

NHÀ XƯỞNG CHÍNH
- 06

CĂNG TIN
- 6A

KHO
- 07

BỂ XỬ LÝ NƯỚC (200M3/NGÀY)
- 08

BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI 90M3/NGÀY
- 09

AO SINH HỌC
- 10

KHO CONTAINER
- 11

AO CÁ
- 12

NHÀ GỖ
- 13

VĂN PHÒNG
- 14

VĂN PHÒNG QUẢN LÝ
- 15

NHÀ KHO
- 16

HỒ DỰ TRỮ NƯỚC THẢI SỰ CỐ
- 17

KHO RÁC THẢI NGUY HẠI
- 18

KHU CÔNG NHÂN NGHỈ TRƯA
- 19

NƠI TẬP TRUNG CTRIT
- 20

XƯỞNG CƠ KHÍ
- 21

HỒ ĐIỀU HÒA
- 22

BỂ KHỬ TRÙNG HỆ THỐNG NƯỚC THẢI THOÁT RA KÉNҺ TIỂU
- 23

KHU RỬA KHAY
- 24

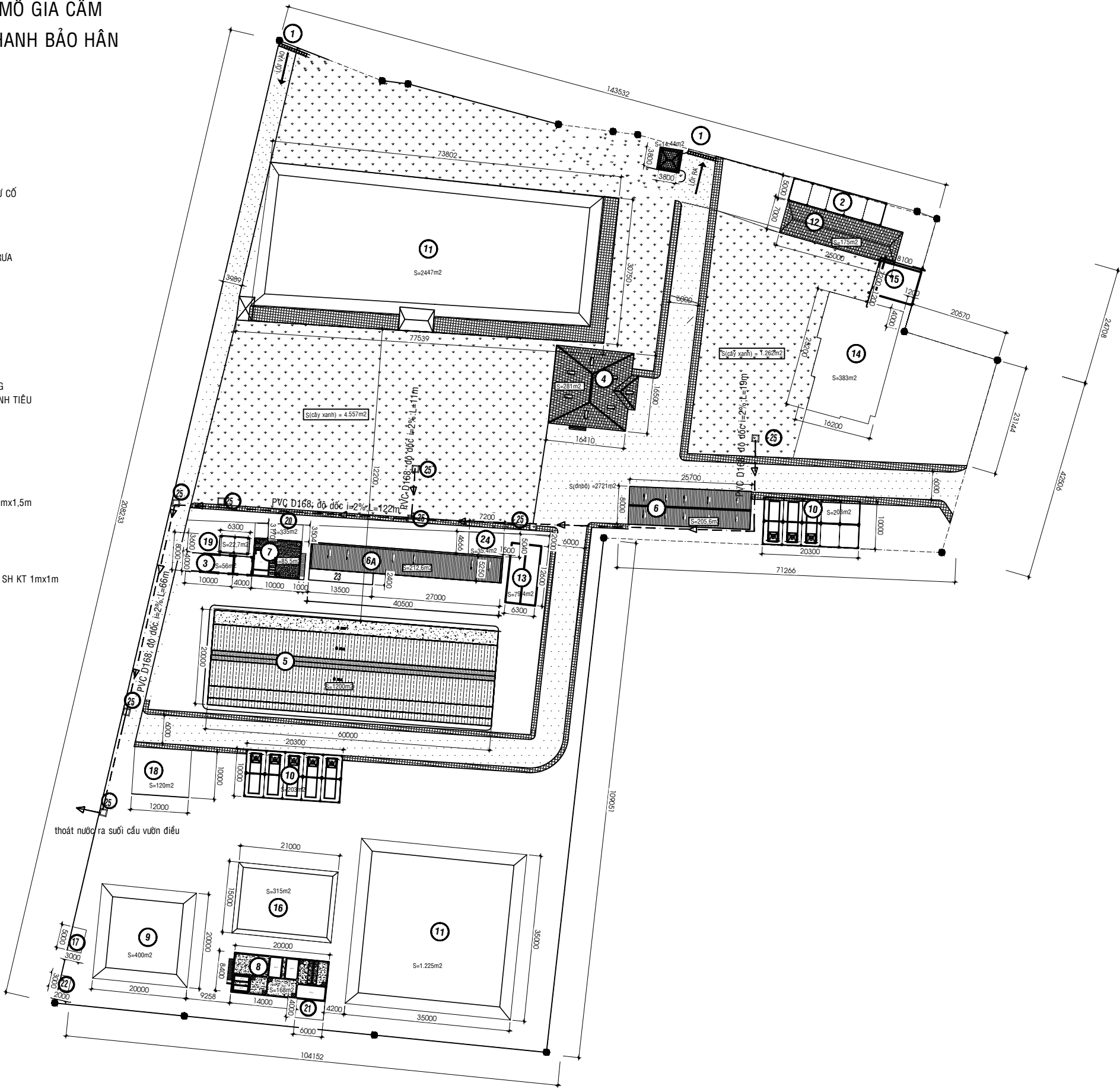
WC CÔNG NHÂN
- 25

HỒ THU NƯỚC MƯA KT 1,5mx1,5m
- 26

HẦM TỰ HOẠI
- 27

HỒ GA THOÁT NƯỚC THẢI SH KT 1mx1m

————— ỚNG PVC D 168
----- ỚNG PVC D 300



MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC THẢI
NHÀ MÁY GIẾT MỒ GIA CẦM
CÔNG TY TNHH THANH BẢO HÂN

GHI CHÚ:

- 01

CỔNG, NHÀ BẢO VỆ & CỘT CỜ
- 02

NHÀ XE 2 BÁNH
- 03

TRẠM ĐIỆN-PHÒNG MÁY PHÁT ĐIỆN
- 04

VĂN PHÒNG
- 05

NHÀ XƯỞNG CHÍNH
- 06

CĂNG TIN
- 6A

KHO
- 07

BỂ XỬ LÝ NƯỚC (200M3/NGÀY)
- 08

BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI 90M3/NGÀY
- 09

AO SINH HỌC
- 10

KHO CONTAINER
- 11

AO CÁ
- 12

NHÀ GỖ
- 13

VĂN PHÒNG
- 14

VĂN PHÒNG QUẢN LÝ
- 15

NHÀ KHO
- 16

HỒ DỰ TRỮ NƯỚC THẢI SỰ CỐ
- 17

KHO RÁC THẢI NGUY HẠI
- 18

KHU CÔNG NHÂN NGHỈ TRƯA
- 19

NƠI TẬP TRUNG CTRTT
- 20

XƯỞNG CƠ KHÍ
- 21

HỒ ĐIỀU HÒA
- 22

BỂ KHỬ TRÙNG HỆ THỐNG NƯỚC THẢI THOÁT RA KÉNҺ TIỂU
- 23

KHU RỬA KHAY
- 24

WC CÔNG NHÂN
- 25

HỒ THU NƯỚC MƯA KT 1,5mx1,5m
- 26

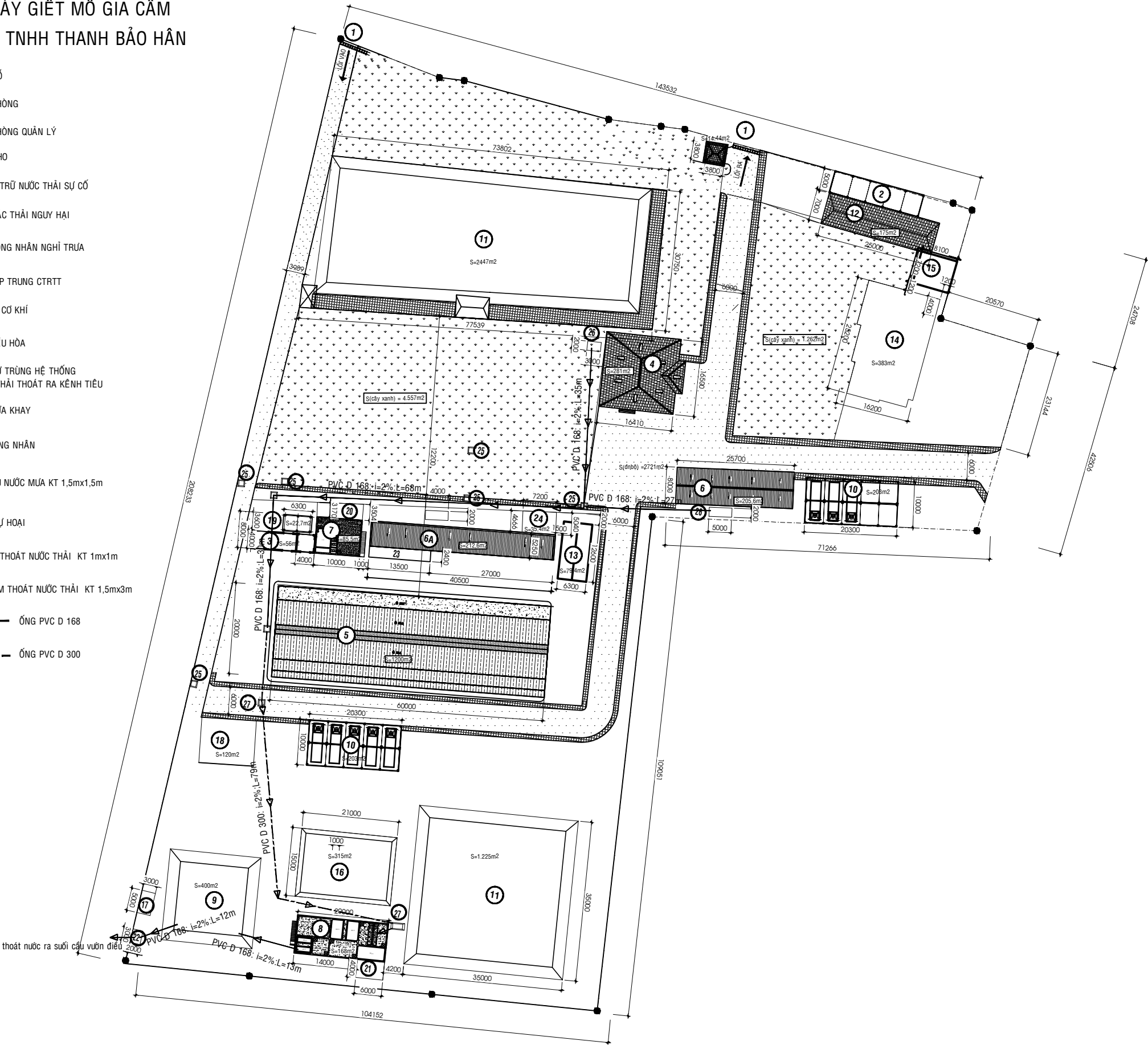
HẦM TỰ HOẠI
- 27

HỒ GA THOÁT NƯỚC THẢI KT 1mx1m
- 28

HỒ GỒM THOÁT NƯỚC THẢI KT 1,5mx3m

————— ỚNG PVC D 168

----- ỚNG PVC D 300





CÔNG TY TNHH TK-XD-MT ARTTEK

ARTTEK CO.,LTD

VPGD: 65 T6, P. TÂY THẠNH, Q. TÂN PHÚ, TP. HCM

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

CÔNG TRÌNH: NHÀ MÁY GIẾT MỔ GIA SÚC, GIA CẦM VÀ THỦY CẦM

HẠNG MỤC: XỬ LÝ NƯỚC THẢI - CÔNG SUẤT 90M3/NGÀY

ĐỊA CHỈ: NINH BÌNH, BÀU NẴNG, DƯƠNG MINH CHÂU, TÂY NINH

CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH MTV THANH BẢO HÂN

NHÀ THẦU: CÔNG TY TNHH TK XD MÔI TRƯỜNG ARTTEK

NƯỚC THẢI

Q	90m3/day
pH	6~8
BOD ₅	< 2850 mg/l
COD _{Cr}	< 3050 mg/l
SS	< 900mg/l
Oil, fat	< 50 mg/l
TN	< 170mg/l
TP	< 90mg/l

Power Supply
3ø,380V,50Hz,

BL

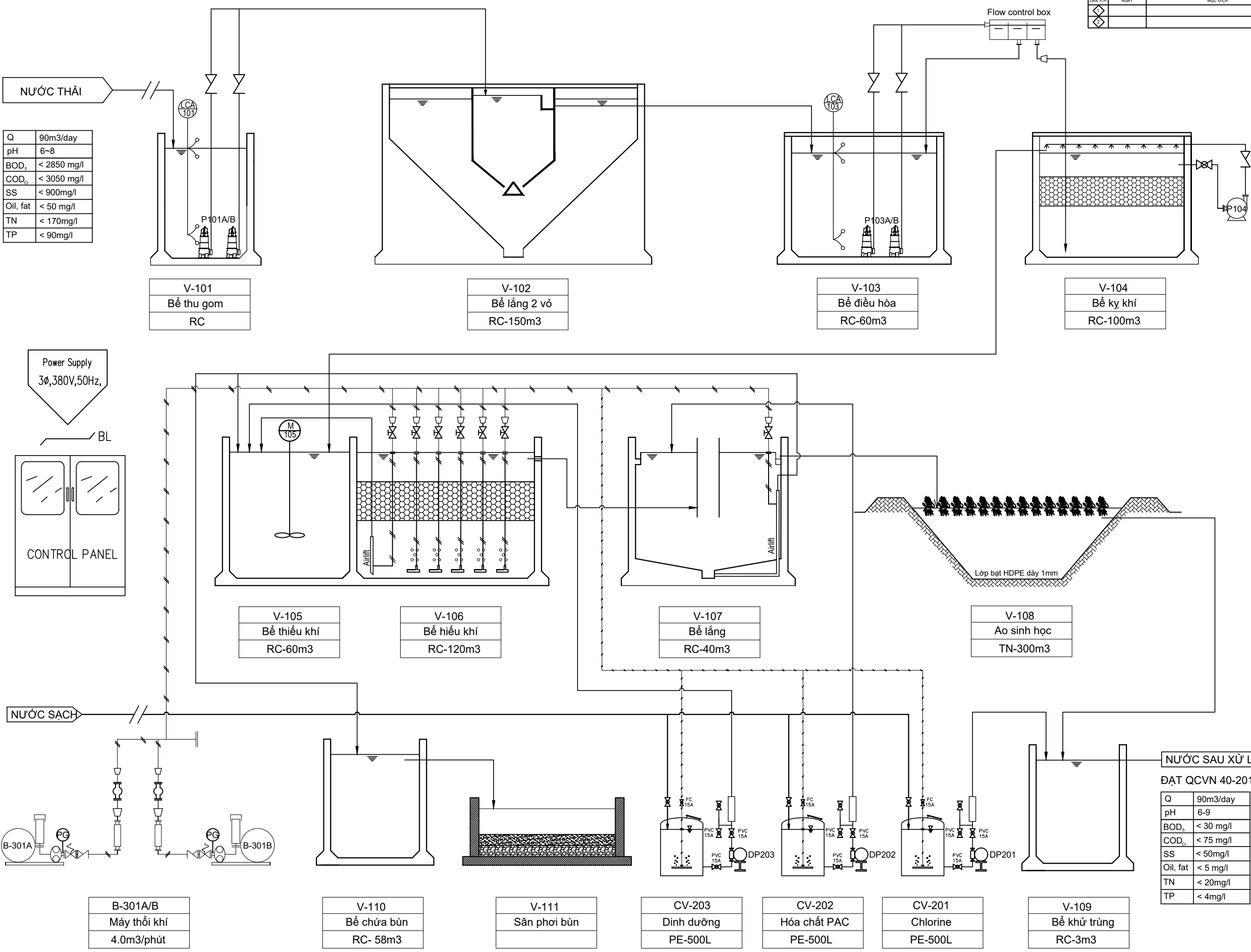
CONTROL PANEL

NƯỚC SẠCH

NƯỚC SAU XỬ LÝ

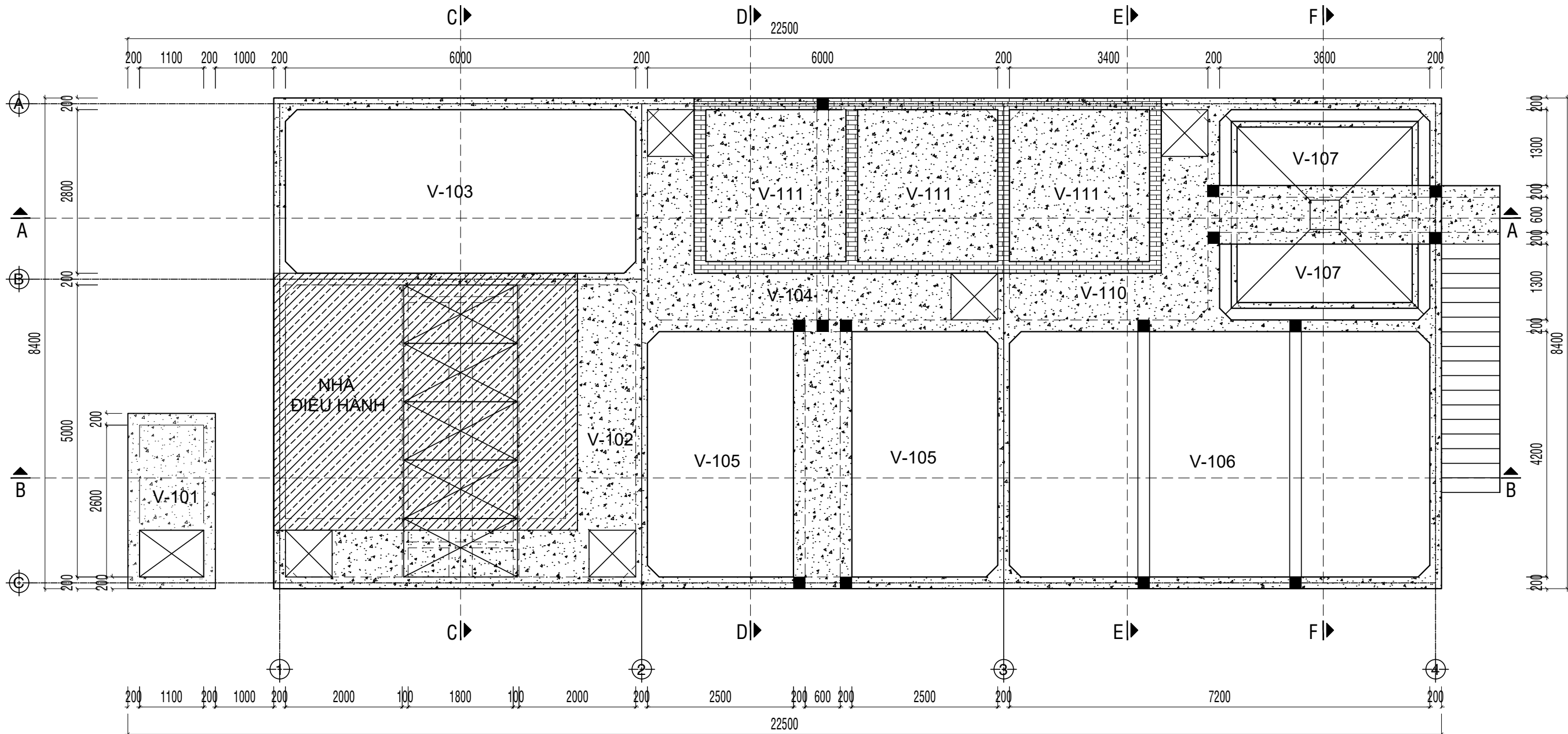
ĐẠT QCVN 40-2011 CỘT A

Q	90m3/day
pH	6-9
BOD ₅	< 30 mg/l
COD _{Cr}	< 75 mg/l
SS	< 50mg/l
Oil, fat	< 5 mg/l
TN	< 20mg/l
TP	< 4mg/l



GHI CHÚ:	CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH MTV THANH BẢO HÂN ĐỊA CHỈ: NINH BÌNH, BÀU NÀNG, DƯƠNG MINH CHÂU, TÂY NINH	PHÊ DUYỆT	CÔNG TRÌNH NHÀ MÁY GIẾT MỒ GIA SÚC, GIA CẨM VÀ THỦY CẨM ĐỊA CHỈ: NINH BÌNH, BÀU NÀNG, DƯƠNG MINH CHÂU, TÂY NINH	NHÀ THẦU: CÔNG TY TNHH TK-XD-MT ARTTEK ARTTEK CO.,LTD VPGD: SỐ 65 ĐƯỜNG T6, P. TÂY THANH, Q. TÂN PHÚ, TP. HCM	GIÁM ĐỐC	THIẾT KẾ	VẼ	KIỂM	TÊN BV:		
			QUY TRÌNH CÔNG NGHỆ								
			TỈ LỆ:		SỐ BV:	LẦN P/H					
			NT01								
			1								
					BÙI VĂN NGUYỄN	BÙI VĂN NGUYỄN	ĐÀO KIM THIÊN	PHAN THIÊN NGUYỄN			

LẦN P/H	NGÀY	MỤC ĐÍCH	KÝ PHÁT HÀNH

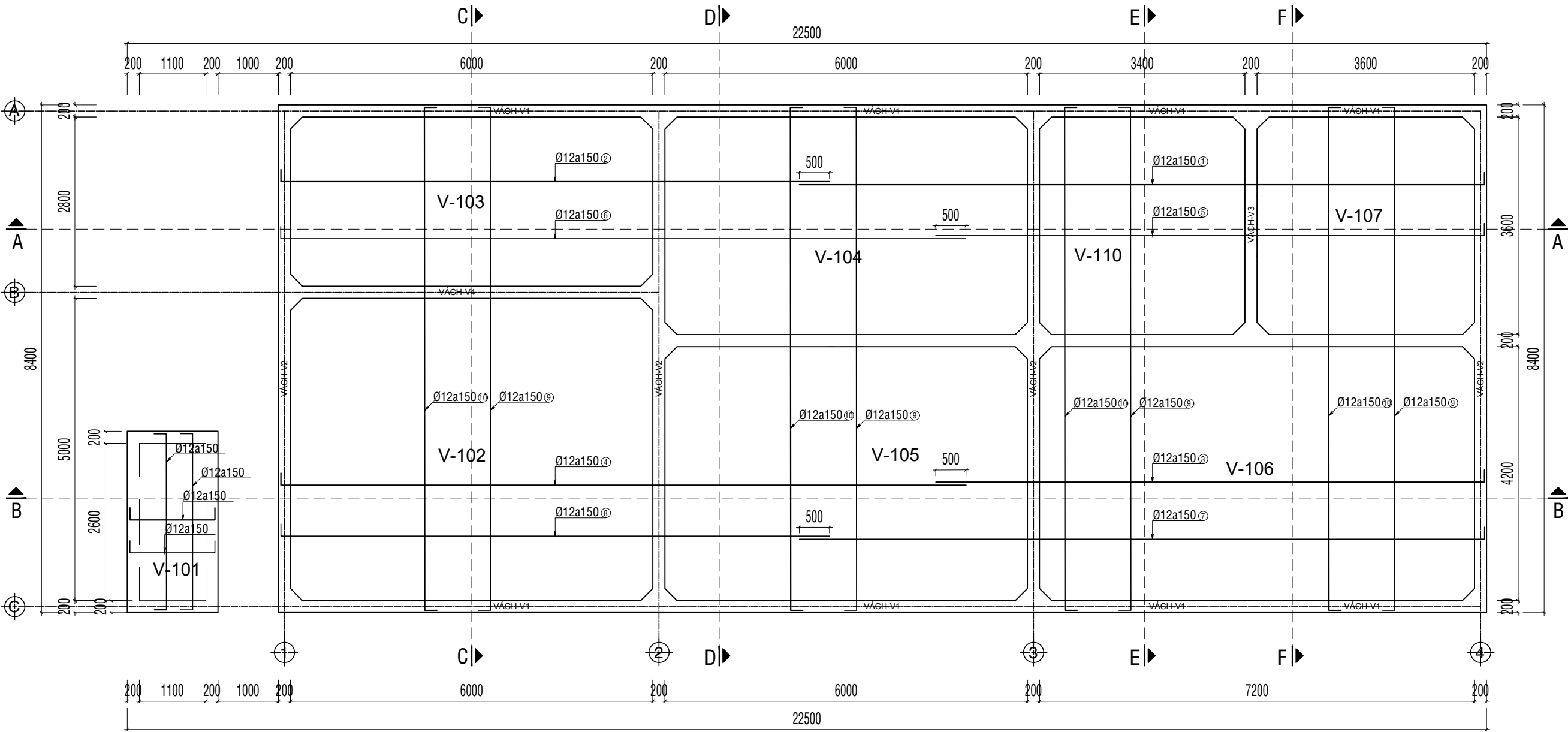


MẶT BẰNG CỤM BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

TỈ LỆ: 1/75

GHI CHÚ:	CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH MTV THANH BẢO HÂN ĐỊA CHỈ: NINH BÌNH, BÀU NÀNG, DƯƠNG MINH CHÂU, TÂY NINH	PHÊ DUYỆT	CÔNG TRÌNH	NHÀ THẦU: CÔNG TY TNHH TK-XD-MT ARTEK ARTTEK CO.,LTD VPGD: SỐ 65 ĐƯỜNG T6, P. TÂY THANH, Q. TÂN PHÚ, TP. HCM	GIÁM ĐỐC	THIẾT KẾ	VẼ	KIỂM	TÊN BV:		
			NHÀ MÁY GIẾT MỒ GIA SÚC, GIA CẨM VÀ THỦY CẨM ĐỊA CHỈ: NINH BÌNH, BÀU NÀNG, DƯƠNG MINH CHÂU, TÂY NINH						MẶT BẰNG CỤM BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI		
			HẠNG MỤC						TỈ LỆ:	SỐ BV:	LẦN P/H
			HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI CS-90M3/NGÀY ĐÊM							NT02	1
					BÙI VĂN NGUYỄN	BÙI VĂN NGUYỄN	ĐÀO KIM THIÊN	PHAN THIÊN NGUYỄN			

LẦN P/H	NGÀY	MỤC ĐÍCH	KÝ PHÁT HÀNH

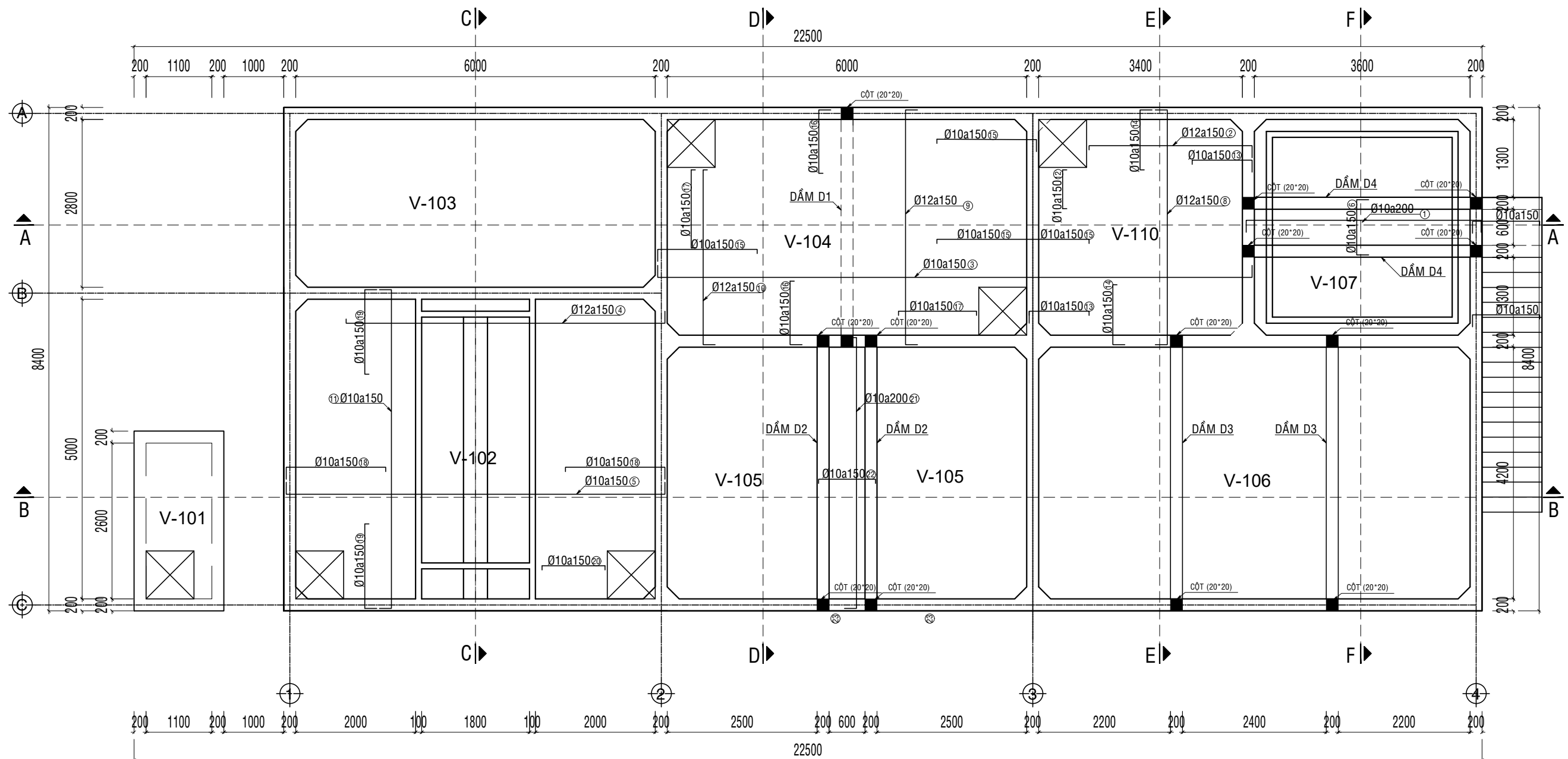


MẶT BẰNG THÉP ĐÁY CỤM BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

TỈ LỆ: 1/75

GHI CHÚ:	CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH MTV THANH BẢO HÂN ĐỊA CHỈ: NINH BÌNH, BÀU NÀNG, DƯƠNG MINH CHÂU, TÂY NINH	PHÊ DUYỆT	CÔNG TRÌNH NHÀ MÁY GIẾT MỒ GIA SÚC, GIA CẨM VÀ THỦY CẨM ĐỊA CHỈ: NINH BÌNH, BÀU NÀNG, DƯƠNG MINH CHÂU, TÂY NINH HẠNG MỤC HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI CS-90M3/NGÀY ĐÊM	NHÀ THẦU:  CÔNG TY TNHH TK-XD-MT ARTEK ARTEK CO.,LTD VPGD: SỐ 65 ĐƯỜNG T6, P. TÂY THANH, Q. TÂN PHÚ, TP. HCM	GIÁM ĐỐC	THIẾT KẾ	VẼ	KIỂM	TÊN BV: MẶT BẰNG THÉP ĐÁY CỤM BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI		
									TỈ LỆ:	SỐ BV: NT03	LẦN P/H 1

LẦN P/H	NGÀY	MỤC ĐÍCH	KÝ PHÁT HÀNH	
1				
2				

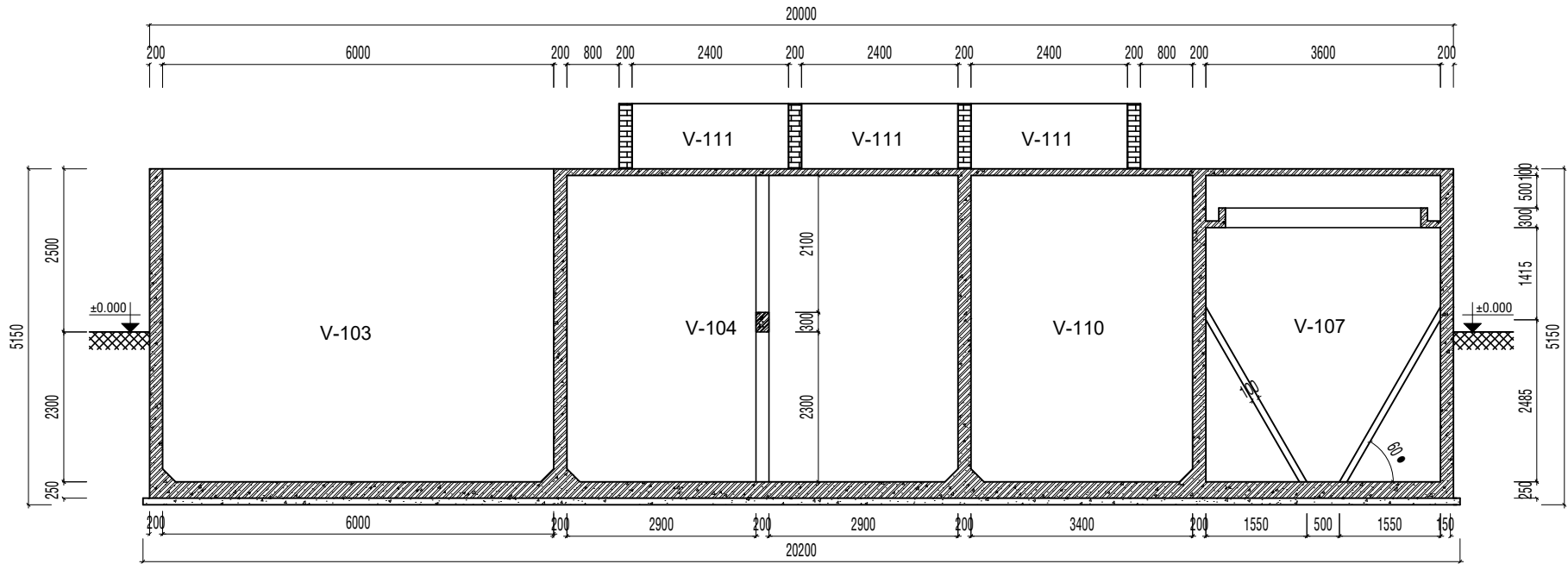


MẶT BẰNG THÉP SÀN CỤM BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

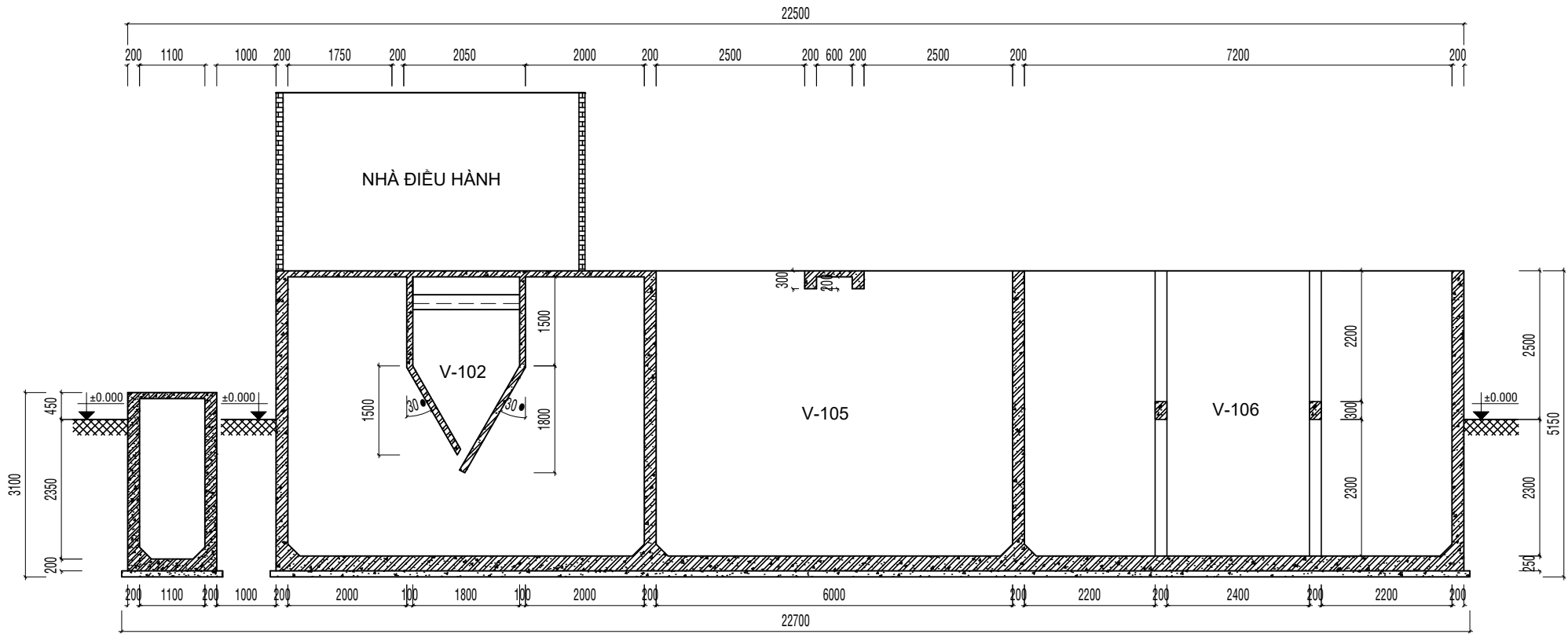
TỈ LỆ: 1/75

GHI CHÚ:	CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH MTV THANH BẢO HÂN ĐỊA CHỈ: NINH BÌNH, BÀU NĂNG, ĐƯƠNG MINH CHÂU, TÂY NINH	PHÊ DUYỆT	CÔNG TRÌNH	NHÀ THẦU:  CÔNG TY TNHH TK-XD-MT ARTEK ARTTEK CO.,LTD VPGD: SỐ 65 ĐƯỜNG T6, P. TÂY THANH, Q. TÂN PHÚ, TP. HCM	GIÁM ĐỐC	THIẾT KẾ	VẼ	KIỂM	TÊN BV:			
			HANG MỤC		HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI CS-90M3/NGÀY ĐỀM	BUI VĂN NGUYÊN	BUI VĂN NGUYÊN	ĐÀO KIM THIỀN	PHAN THIỀN NGUYÊN	MẶT BẰNG THÉP SÀN CỤM BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI		
										TỈ LỆ:	SỐ BV:	LẦN P/H
											NT04	1

LẦN P/H	NGÀY	MỤC ĐÍCH	KÝ PHÁT HÀNH	



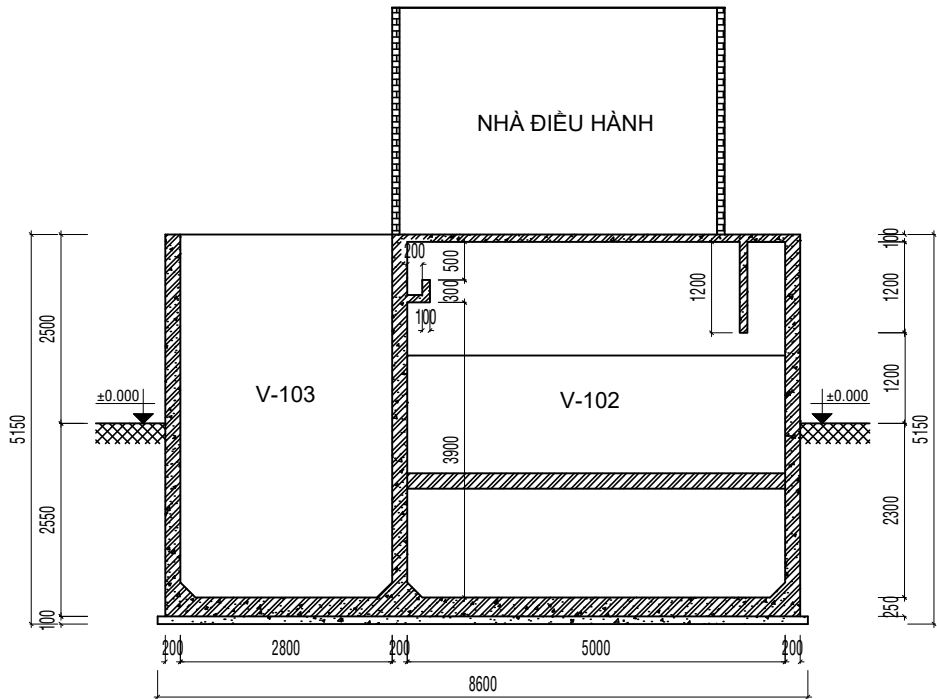
MẶT CẮT A-A
TỈ LỆ: 1/100



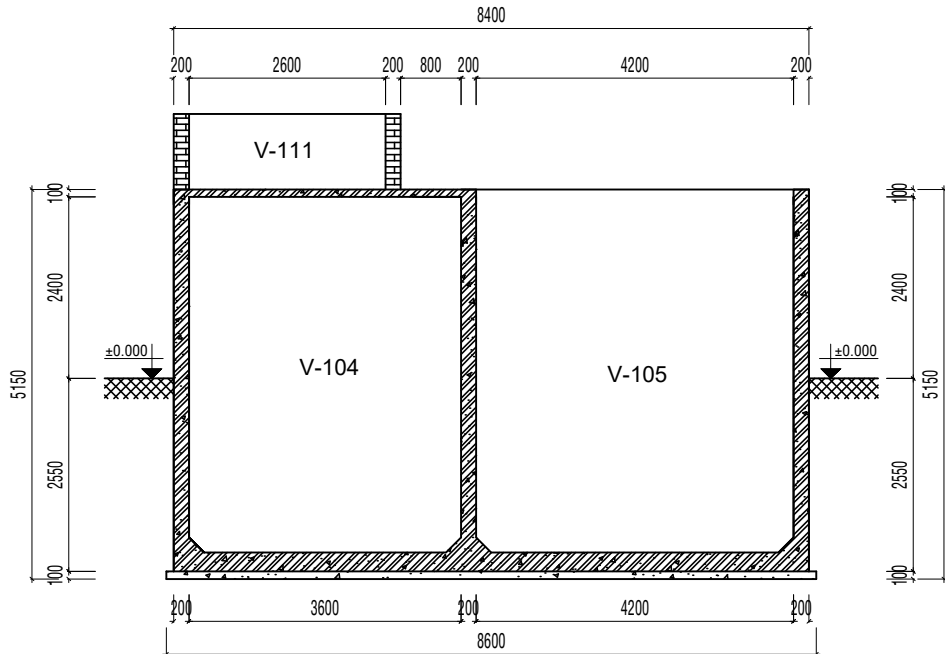
MẶT CẮT B-B
TỈ LỆ: 1/100

GHI CHÚ:	CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH MTV THANH BẢO HÂN ĐỊA CHỈ: NINH BÌNH, BÀU NANG, DƯƠNG MINH CHÂU, TÂY NINH	PHÊ DUYỆT	CÔNG TRÌNH	NHÀ THẦU: CÔNG TY TNHH TK-XD-MT ARTEK ARTTEK CO.,LTD VPGD: SỐ 65 ĐƯỜNG T6, P. TÂY THANH, Q. TÂN PHÚ, TP. HCM	GIÁM ĐỐC	THIẾT KẾ	VẼ	KIỂM	TÊN BV:		
			NHÀ MÁY GIẾT MỒ GIA SÚC, GIA CẨM VÀ THỦY CẨM ĐỊA CHỈ: NINH BÌNH, BÀU NANG, DƯƠNG MINH CHÂU, TÂY NINH						MẶT CẮT A-A, B-B		
			HẠNG MỤC						TỈ LỆ:	SỐ BV:	LẦN P/H
			HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI CS-90M3/NGÀY ĐÊM							NT05	1
					BÙI VĂN NGUYỄN	BÙI VĂN NGUYỄN	ĐÀO KIM THIÊN	PHAN THIÊN NGUYỄN			

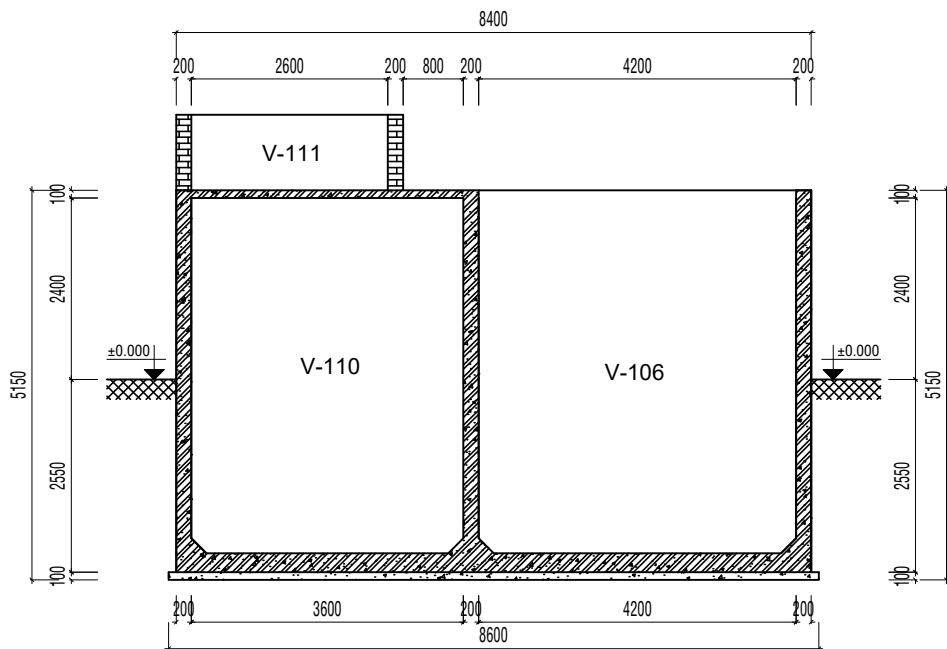
LẦN P/H	NGÀY	MỤC ĐÍCH	KÝ PHÁT HÀNH	
1				



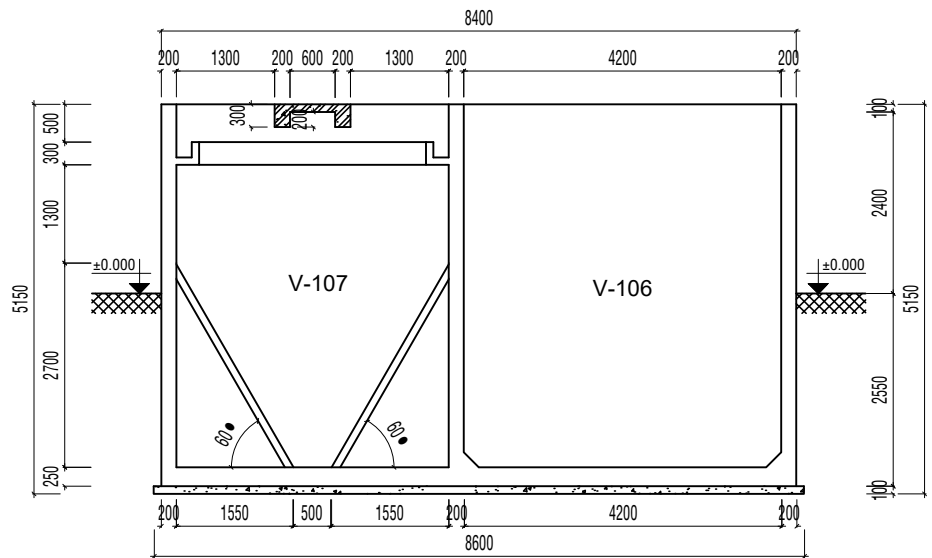
MẶT CẮT C-C
TỈ LỆ: 1/100



MẶT CẮT D-D
TỈ LỆ: 1/100



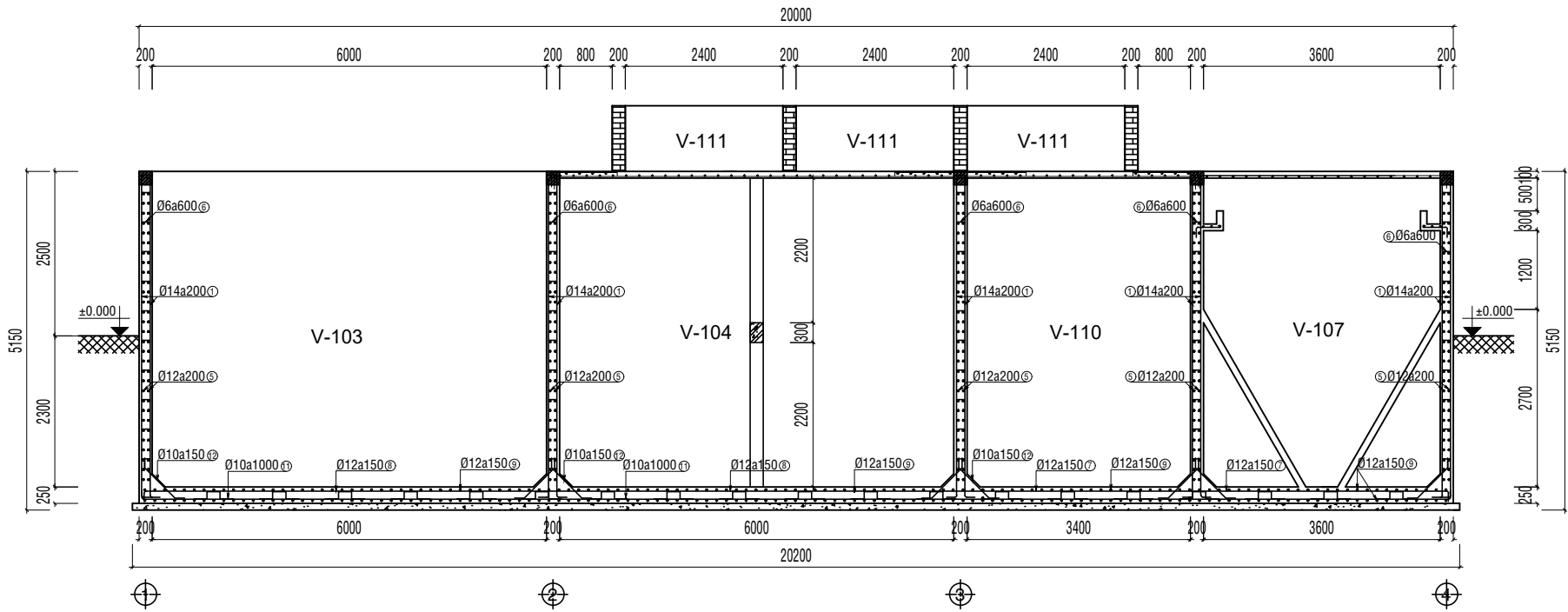
MẶT CẮT E-E
TỈ LỆ: 1/100



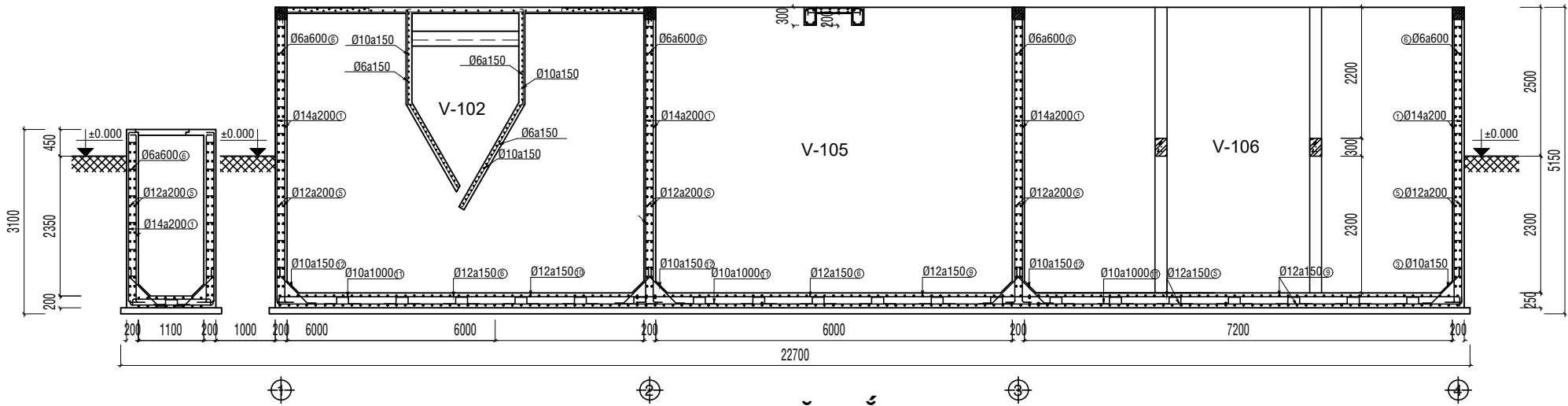
MẶT CẮT F-F
TỈ LỆ: 1/100

GHI CHÚ:	CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH MTV THANH BẢO HÂN ĐỊA CHỈ: NINH BÌNH, BÀU NÀNG, DƯƠNG MINH CHÂU, TÂY NINH	PHÊ DUYỆT	CÔNG TRÌNH NHÀ MÁY GIẾT MỒ GIA SÚC, GIA CẨM VÀ THỦY CẨM ĐỊA CHỈ: NINH BÌNH, BÀU NÀNG, DƯƠNG MINH CHÂU, TÂY NINH	NHÀ THẦU:  CÔNG TY TNHH TK-XD-MT ARTTEK ARTTEK CO.,LTD VPGD: SỐ 65 ĐƯỜNG T6, P. TÂY THANH, Q. TÂN PHÚ, TP. HCM	GIÁM ĐỐC	THIẾT KẾ	VẼ	KIỂM	TÊN BV:		
									MẶT CẮT A-A, B-B		
									TỈ LỆ:	SỐ BV:	LẦN P/H
										NT06	1
			HẠNG MỤC HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI CS-90M3/NGÀY ĐÊM		BÙI VĂN NGUYỄN	BÙI VĂN NGUYỄN	ĐÀO KIM THIÊN	PHAN THIÊN NGUYỄN			

LẦN P/H	NGÀY	MỤC ĐÍCH	KÝ PHÁT HÀNH



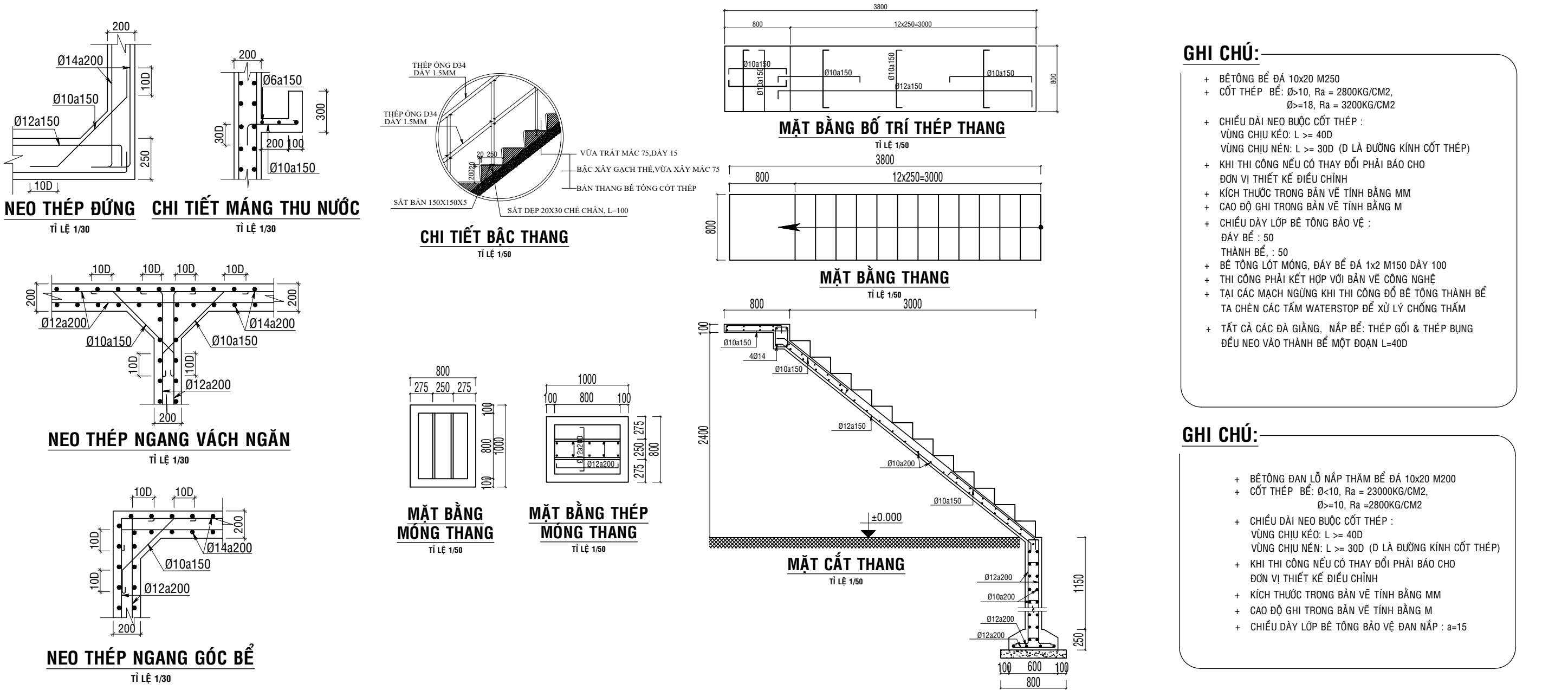
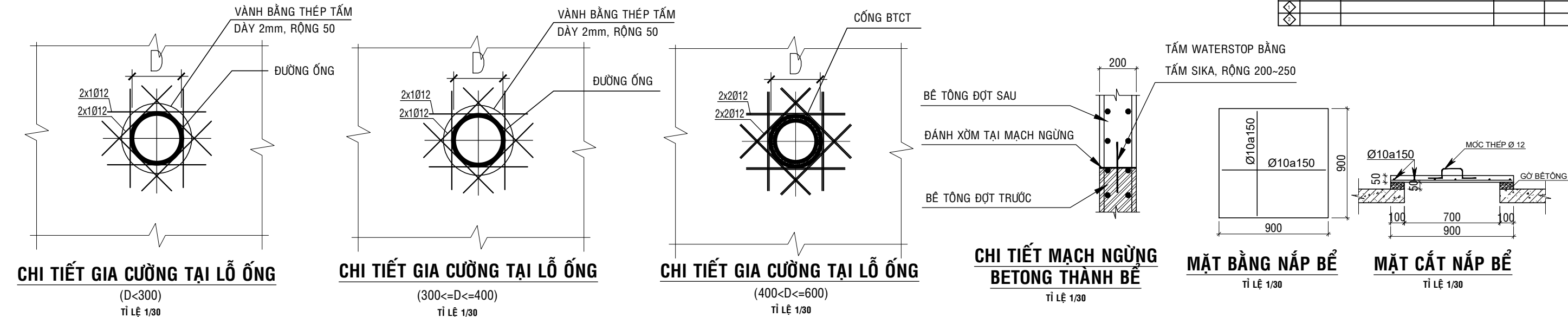
MẶT CẮT A-A
TỈ LỆ: 1/100



MẶT CẮT B-B
TỈ LỆ: 1/100

GHI CHÚ:	CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH MTV THANH BẢO HÂN ĐỊA CHỈ: NINH BÌNH, BÀU NÀNG, DƯƠNG MINH CHÂU, TÂY NINH	PHÊ DUYỆT	CÔNG TRÌNH	NHÀ THẦU: CÔNG TY TNHH TK-XD-MT ARTEK ARTEK CO.,LTD VPGD: SỐ 65 ĐƯỜNG T6, P. TÂY THANH, Q. TÂN PHÚ, TP. HCM	GIÁM ĐỐC	THIẾT KẾ	VẼ	KIỂM	TÊN BV:		
			NHÀ MÁY GIẾT MỒ GIA SÚC, GIA CẨM VÀ THỦY CẨM ĐỊA CHỈ: NINH BÌNH, BÀU NÀNG, DƯƠNG MINH CHÂU, TÂY NINH						MẶT CẮT BỐ TRÍ THÉP A-A, B-B		
			HẠNG MỤC						TỈ LỆ:	SỐ BV:	LẦN P/H
			HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI CS-90M3/NGÀY ĐÊM							NT07	1
					BÙI VĂN NGUYỄN	BÙI VĂN NGUYỄN	ĐÀO KIM THIÊN	PHAN THIÊN NGUYỄN			

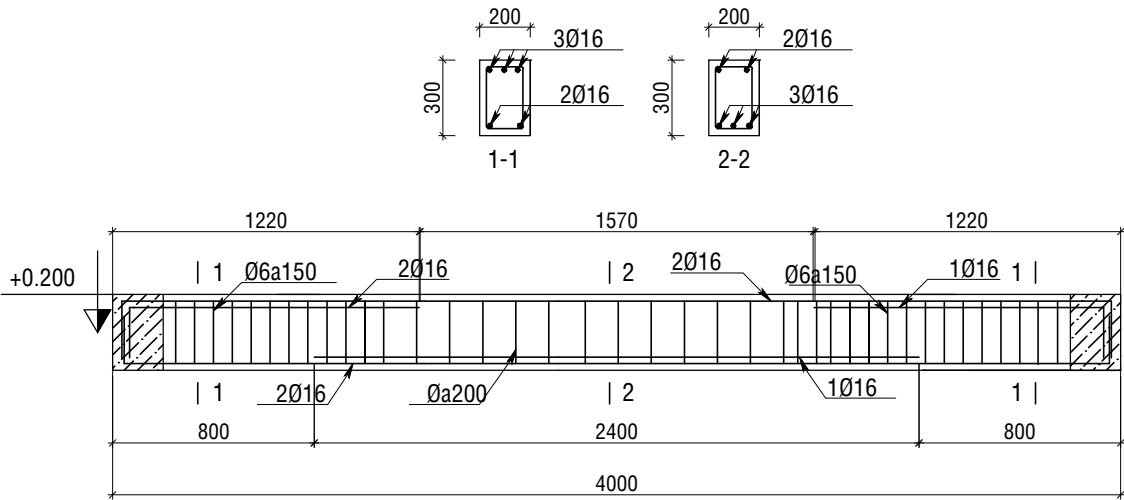
LẦN P/H	NGÀY	MỤC ĐÍCH	KÝ PHÁT HÀNH



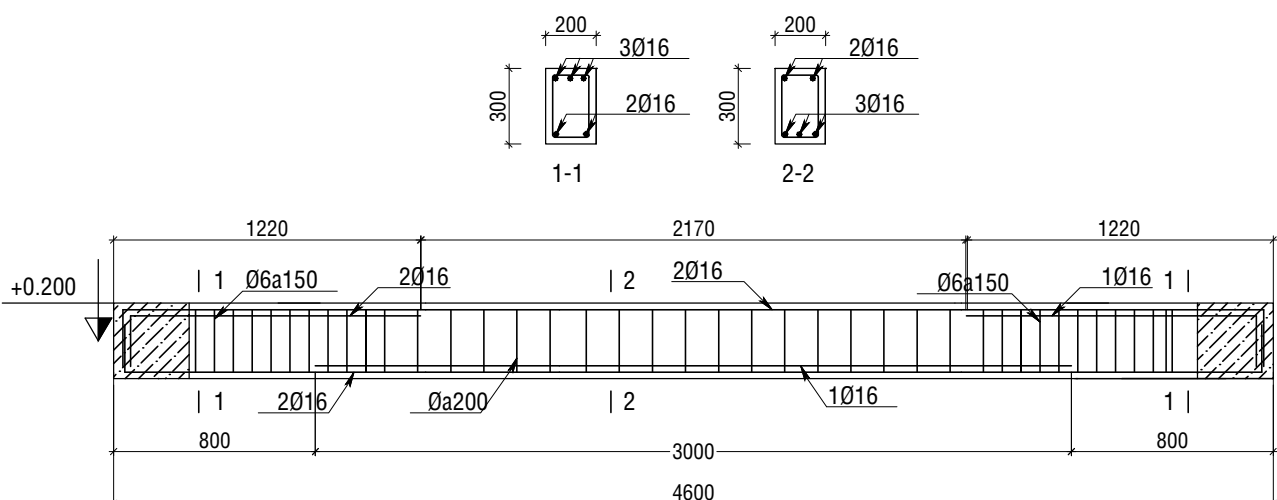
- GHI CHÚ:**
- + BÊ TÔNG BỂ ĐÁ 10x20 M250
 - + CỐT THÉP BỂ: Ø>10, Ra = 2800KG/CM2, Ø>=18, Ra = 3200KG/CM2
 - + CHIỀU DÀI NEO BƯỚC CỐT THÉP : VÙNG CHỊU KÉO: L >= 40D VÙNG CHỊU NÉN: L >= 30D (D LÀ ĐƯỜNG KÍNH CỐT THÉP)
 - + KHI THI CÔNG NẾU CÓ THAY ĐỔI PHẢI BẢO CHO ĐƠN VỊ THIẾT KẾ ĐIỀU CHỈNH
 - + KÍCH THƯỚC TRONG BẢN VẼ TÍNH BẰNG MM
 - + CAO ĐỘ GHI TRONG BẢN VẼ TÍNH BẰNG M
 - + CHIỀU DÀY LỚP BÊ TÔNG BẢO VỆ : ĐÁY BỂ : 50 THÀNH BỂ, : 50
 - + BÊ TÔNG LÓT MÓNG, ĐÁY BỂ ĐÁ 1x2 M150 DÂY 100
 - + THI CÔNG PHẢI KẾT HỢP VỚI BẢN VẼ CÔNG NGHỆ
 - + TẠI CÁC MẠCH NGỪNG KHI THI CÔNG ĐỔ BÊ TÔNG THÀNH BỂ TA CHÈN CÁC TẤM WATERSTOP ĐỂ XỬ LÝ CHỐNG THẤM
 - + TẤT CẢ CÁC ĐÀ GIẰNG, NẮP BỂ: THÉP GỐI & THÉP BỤNG ĐỀU NEO VÀO THÀNH BỂ MỘT ĐOẠN L=40D

- GHI CHÚ:**
- + BÊ TÔNG ĐẠN LỖ NẮP THẨM BỂ ĐÁ 10x20 M200
 - + CỐT THÉP BỂ: Ø<10, Ra = 23000KG/CM2, Ø>=10, Ra =2800KG/CM2
 - + CHIỀU DÀI NEO BƯỚC CỐT THÉP : VÙNG CHỊU KÉO: L >= 40D VÙNG CHỊU NÉN: L >= 30D (D LÀ ĐƯỜNG KÍNH CỐT THÉP)
 - + KHI THI CÔNG NẾU CÓ THAY ĐỔI PHẢI BẢO CHO ĐƠN VỊ THIẾT KẾ ĐIỀU CHỈNH
 - + KÍCH THƯỚC TRONG BẢN VẼ TÍNH BẰNG MM
 - + CAO ĐỘ GHI TRONG BẢN VẼ TÍNH BẰNG M
 - + CHIỀU DÀY LỚP BÊ TÔNG BẢO VỆ ĐẠN NẮP : a=15

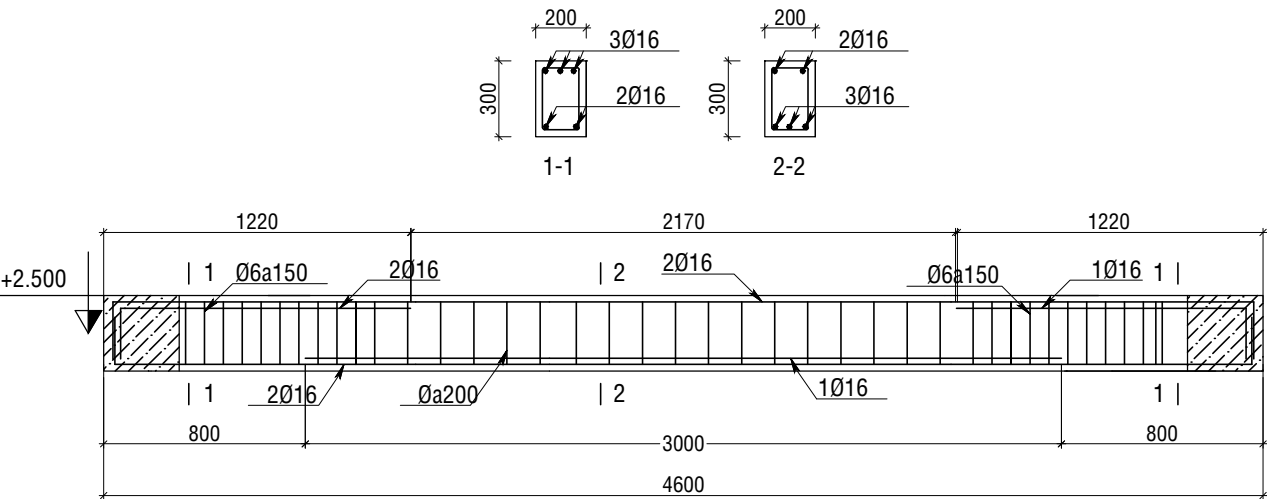
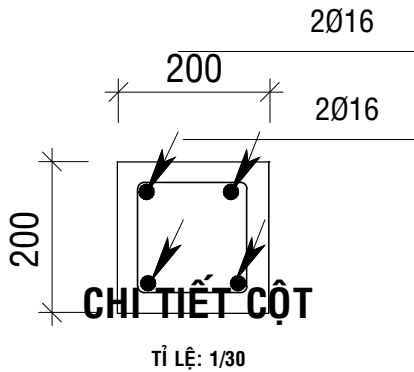
GHI CHÚ:	CHỦ ĐẦU TƯ:	PHÊ DUYỆT	CÔNG TRÌNH	NHÀ THẦU:	GIÁM ĐỐC	THIẾT KẾ	VẼ	KIỂM	TÊN BV:		
									CHI TIẾT		
									TỈ LỆ:	SỐ BV:	LẦN P/H
										NT09	1
					BÙI VĂN NGUYỄN	BÙI VĂN NGUYỄN	ĐÀO KIM THIÊN	PHAN THIÊN NGUYỄN			



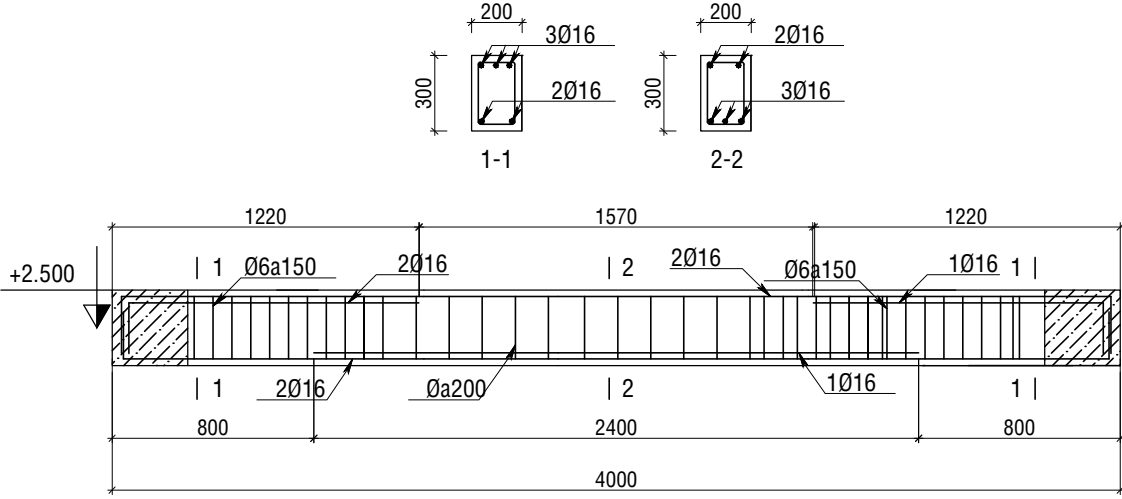
DÀM D1 SL.01
TỈ LỆ: 1/30



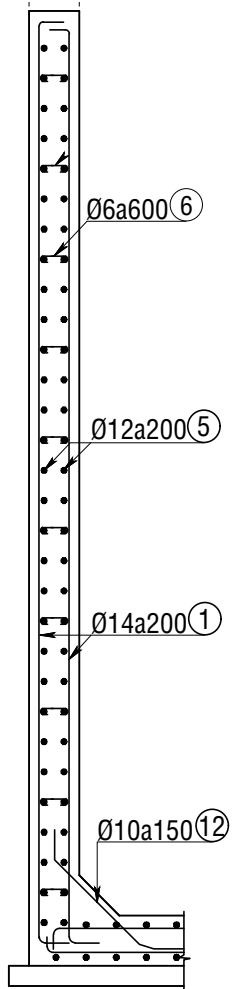
DÀM D3 SL.02
TỈ LỆ: 1/30



DÀM D2 SL.02
TỈ LỆ: 1/30



DÀM D4 SL.02
TỈ LỆ: 1/30



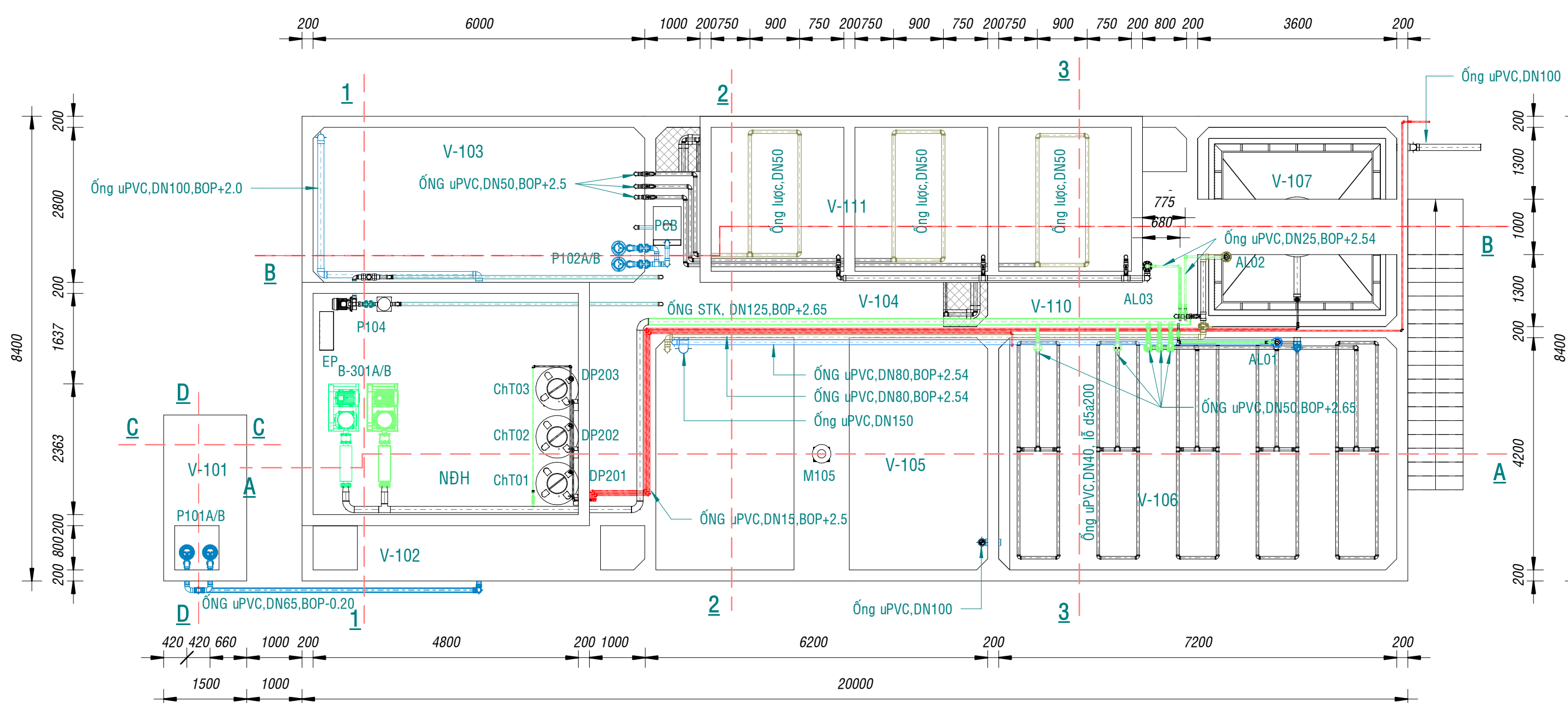
CHI TIẾT VÁCH
TỈ LỆ: 1/30

GHI CHÚ:	CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH MTV THANH BẢO HÂN ĐỊA CHỈ: NINH BÌNH, BÀU NÀNG, DƯƠNG MINH CHÂU, TÂY NINH	PHÊ DUYỆT	CÔNG TRÌNH	NHÀ THẦU:  CÔNG TY TNHH TK-XD-MT ARTTEK ARTTEK CO.,LTD VPGD: SỐ 65 ĐƯỜNG T6, P. TÂY THANH, Q. TÂN PHÚ, TP. HCM	GIÁM ĐỐC	THIẾT KẾ	VẼ	KIỂM	TÊN BV:		
			NHÀ MÁY GIẾT MỒ GIA SÚC, GIA CẨM VÀ THỦY CẨM ĐỊA CHỈ: NINH BÌNH, BÀU NÀNG, DƯƠNG MINH CHÂU, TÂY NINH						CHI TIẾT DÀM, CỘT		
			HẠNG MỤC						TỈ LỆ:	SỐ BV:	LẦN P/H
			HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI CS-90M3/NGÀY ĐÊM							NT10	1
					BÙI VĂN NGUYỄN	BÙI VĂN NGUYỄN	ĐÀO KIM THIÊN	PHAN THIÊN NGUYỄN			

LẦN PH	NGÀY	MỤC ĐÍCH	KÝ PHÁT HÀNH

MẶT BẰNG BỐ TRÍ THIẾT BỊ VÀ ĐƯỜNG ỐNG

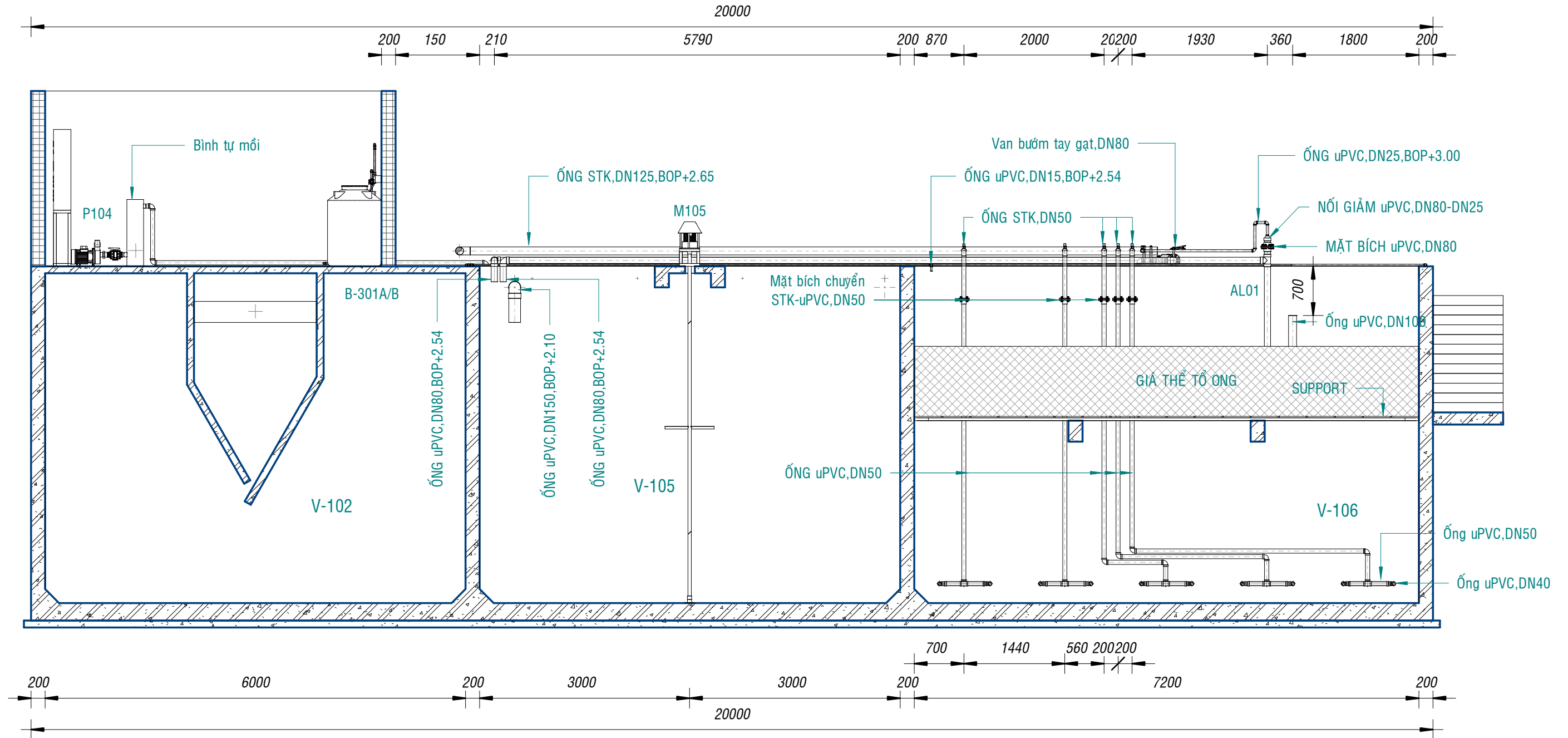
TỈ LỆ 1:75



GHI CHÚ:	CHỦ ĐẦU TƯ:	PHE DUYỆT	CÔNG TRÌNH	NHÀ THẦU:	GIÁM ĐỐC	THIẾT KẾ	VẼ	KIỂM	TÊN BV:			
	CÔNG TY TNHH MTV THANH BẢO HÂN ĐỊA CHỈ: NINH BÌNH, BÀU NÀNG, ĐƯƠNG MINH CHÂU, TÂY NINH		NHÀ MÁY GIẾT MỒ GIA SÚC, GIA CẨM VÀ THỦY CẨM ĐỊA CHỈ: NINH BÌNH, BÀU NÀNG, ĐƯƠNG MINH CHÂU, TÂY NINH		CÔNG TY TNHH TK-XD-MT ARTTEK <u>ARTTEK CO..LTD</u> VPGD: SỐ 65 ĐƯỜNG T6, P. TÂY THANH, Q. TÂN PHÚ, TP. HCM							
			HẠNG MỤC									
			HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI CS-90M3/NGÀY ĐÊM									
					BÙI VĂN NGUYỄN	BÙI VĂN NGUYỄN	NGUYỄN QUỐC PHỤC	PHAN THIÊN NGUYỄN				

TỈ LỆ 1:60

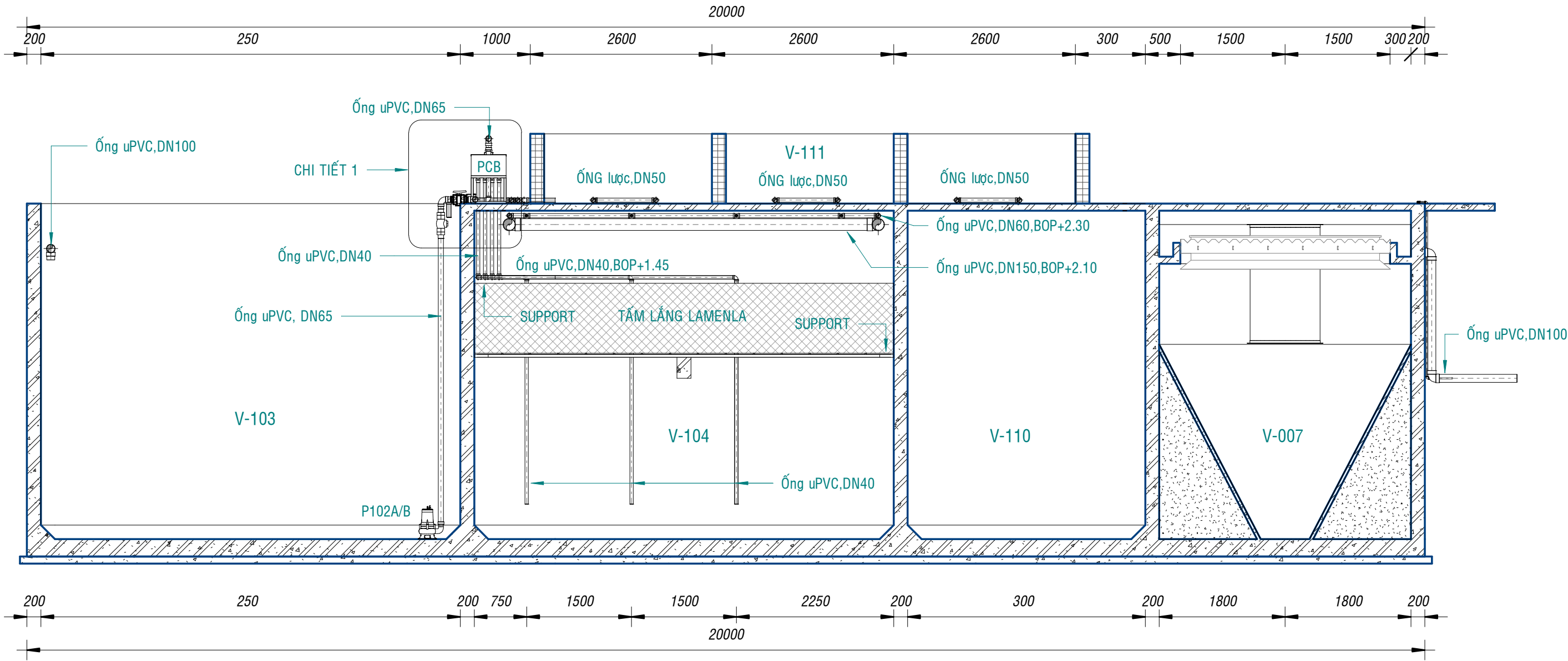
LẦN PH	NGÀY	MỤC ĐÍCH	KỶ PHÁT HÀNH	
1				
2				



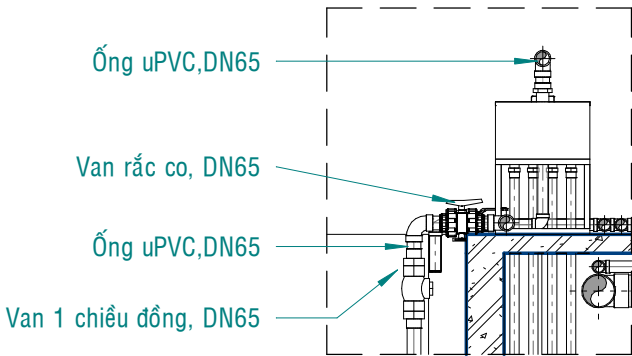
GHI CHÚ:	CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH MTV THANH BẢO HÂN ĐỊA CHỈ: NINH BÌNH, BÀU NĂNG, DƯƠNG MINH CHÂU, TÂY NINH	PHÊ DUYỆT	CÔNG TRÌNH	NHÀ THẦU:  CÔNG TY TNHH TK-XD-MT ARTTEK ARTTEK CO.,LTD VPGD: SỐ 65 ĐƯỜNG 76, P. TÂY THANH, Q. TÂN PHÚ, TP. HCM	GIÁM ĐỐC	THIẾT KẾ	VẼ	KIỂM	TÊN BV:																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																														
			NHÀ MÁY GIẾT MỎ GIA SÚC, GIA CẨM VÀ THỦY CẨM ĐỊA CHỈ: NINH BÌNH, BÀU NĂNG, DƯƠNG MINH CHÂU, TÂY NINH		HẠNG MỤC HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI CS-90M3/NGÀY ĐÊM																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																																		

MẶT BẰNG CẮT B-B

LẦN PH	NGÀY	MỤC ĐÍCH	KÝ PHÁT HÀNH
1			
2			



CHI TIẾT 1
TỈ LỆ 1:30

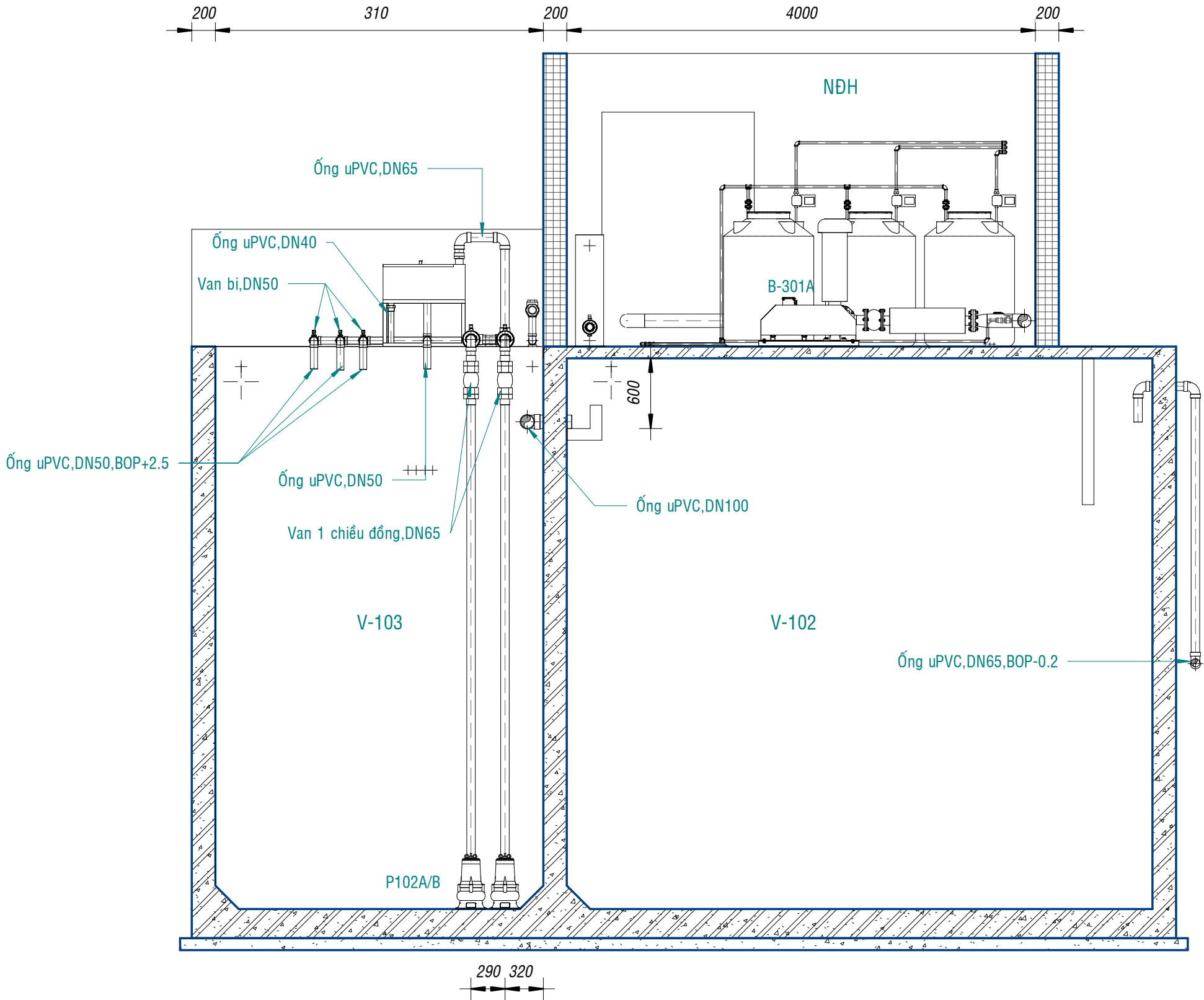


GHI CHÚ:	CHỦ ĐẦU TƯ:	PHE DUYỆT	CÔNG TRÌNH	NHÀ THẦU:	GIÁM ĐỐC	THIẾT KẾ	VẼ	KIỂM	TÊN BV:			
			NHÀ MÁY GIẾT MỒ GIA SÚC, GIA CẨM VÀ THỦY CẨM ĐỊA CHỈ: NINH BÌNH, BÀU NÀNG, DƯƠNG MINH CHÂU, TÂY NINH	 CÔNG TY TNHH TK-XD-MT ARTTEK <u>ARTTEK CO.,LTD</u> VPGD: SỐ 65 ĐƯỜNG T6, P. TÂY THANH, Q. TÂN PHÚ, TP. HCM								
					HẠNG MỤC							
					HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI CS-90M3/NGÀY ĐÊM							
	CÔNG TY TNHH MTV THANH BẢO HÂN ĐỊA CHỈ: NINH BÌNH, BÀU NÀNG, DƯƠNG MINH CHÂU, TÂY NINH				BÙI VĂN NGUYỄN	BÙI VĂN NGUYỄN	NGUYỄN QUỐC PHỤC	PHAN THIÊN NGUYỄN	TỈ LỆ:	SỐ BV:	LẦN P/H 1	

LẦN PH	NGÀY	MỤC ĐÍCH	KÝ PHÁT HÀNH
1			
2			

MẶT BẰNG CẮT 1-1

TỈ LỆ 1:40



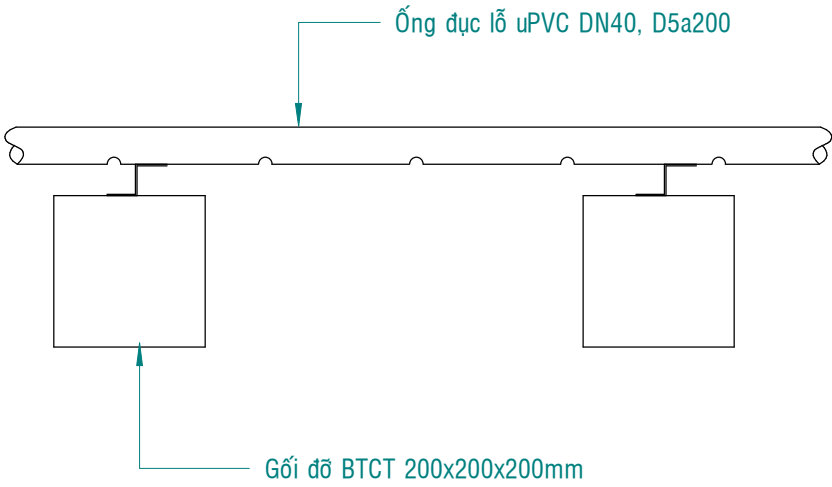
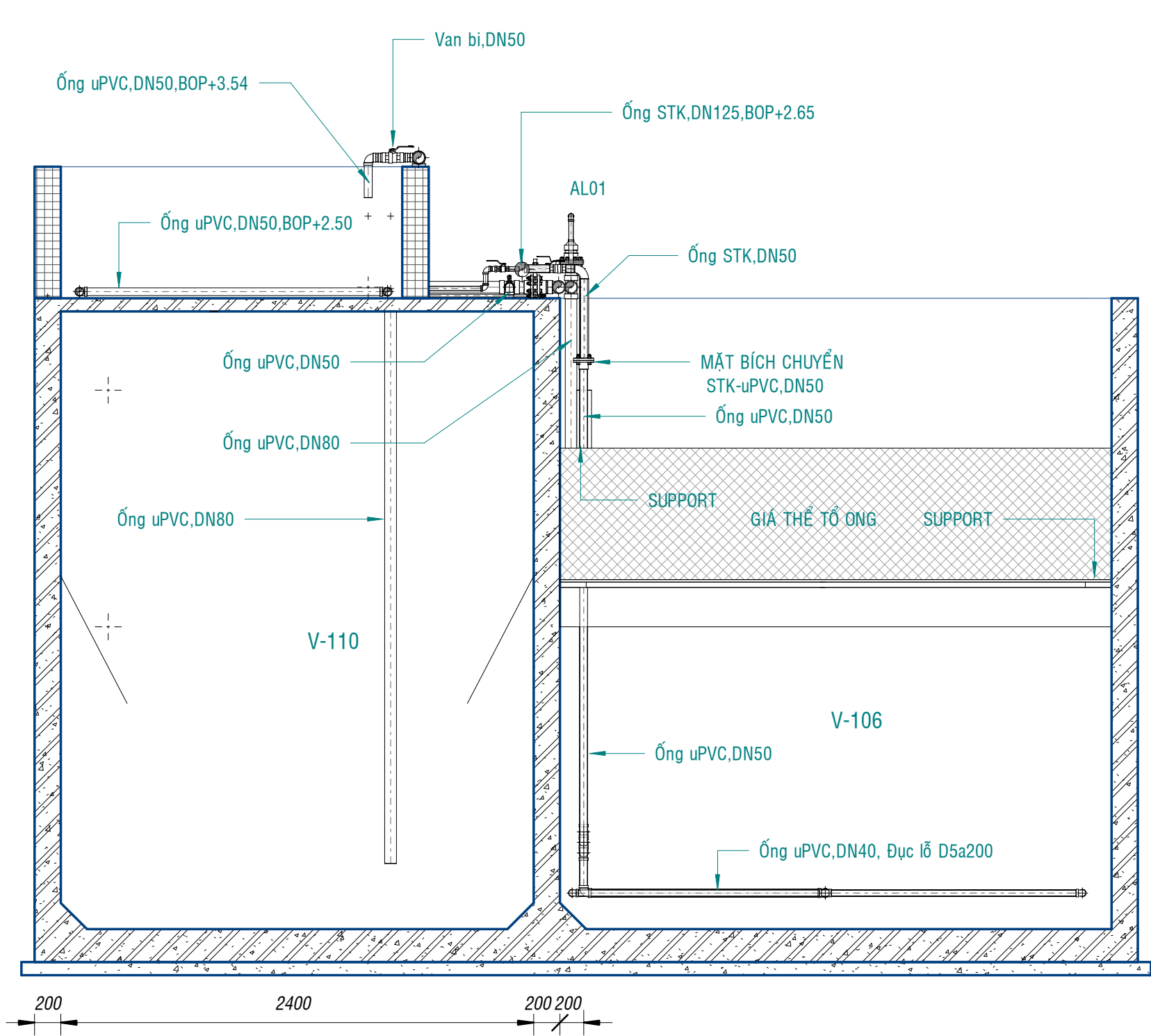
GHI CHÚ:	CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH MTV THANH BẢO HÂN ĐỊA CHỈ: NINH BÌNH, BÀU NÀNG, DƯƠNG MINH CHÂU, TÂY NINH	PHÉ DUYỆT	CÔNG TRÌNH	NHÀ THẦU:	GIÁM ĐỐC	THIẾT KẾ	VẼ	KIỂM	TÊN BV:		
			NHÀ MÁY GIẾT MỒ GIA SÚC, GIA CẦM VÀ THỦY CẦM ĐỊA CHỈ: NINH BÌNH, BÀU NÀNG, DƯƠNG MINH CHÂU, TÂY NINH	 CÔNG TY TNHH TK-XD-MT ARTTEK ARTTEK CO.,LTD VPGD: SỐ 65 ĐƯỜNG T6, P. TÂY THANH, Q. TÂN PHÚ, TP. HCM							
			HẠNG MỤC								
			HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI CS-90M3/NGÀY ĐÊM								
					BÙI VĂN NGUYỄN	BÙI VĂN NGUYỄN	NGUYỄN QUỐC PHỤC	PHAN THIÊN NGUYỄN			1

GHI CHÚ:	CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH MTV THANH BẢO HÂN ĐỊA CHỈ: NINH BÌNH, BÀU NANG, DƯƠNG MINH CHÂU, TÂY NINH	PHÊ DUYỆT	CÔNG TRÌNH	NHÀ THẦU:	GIÁM ĐỐC	THIẾT KẾ	VẼ	KIỂM	TÊN BV:			
			NHÀ MÁY GIẾT MỒ GIA SÚC, GIA CẨM VÀ THỦY CẨM ĐỊA CHỈ: NINH BÌNH, BÀU NANG, DƯƠNG MINH CHÂU, TÂY NINH	CÔNG TY TNHH TK-XD-MT ARTTEK <u>ARTTEK CO.,LTD</u> VPGD: SỐ 65 ĐƯỜNG T6, P. TÂY THANH, Q. TÂN PHÚ, TP. HCM						TỈ LỆ:	SỐ BV:	LẦN P.
				HẠNG MỤC			BÙI VĂN NGUYỄN	BÙI VĂN NGUYỄN	NGUYỄN QUỐC PHUC	PHAN THIÊN NGUYỄN		

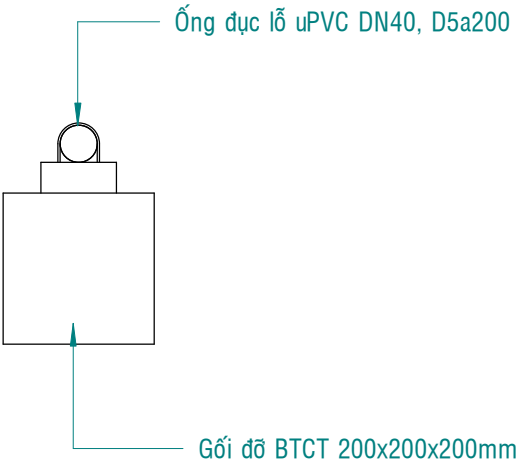
LẦN PH	NGÀY	MỤC ĐÍCH	KÝ PHÁT HÀNH
1			
2			

MẶT BẰNG CẮT 3-3

TỈ LỆ 1:40



CHI TIẾT ỐNG ĐỤC LỖ BỂ V-106



CHI TIẾT MẶT CẮT ỐNG ĐỤC LỖ BỂ V-106

GHI CHÚ:	CHỦ ĐẦU TƯ:	PHÉ DUYỆT	CÔNG TRÌNH	NHÀ THẦU:	GIÁM ĐỐC	THIẾT KẾ	VẼ	KIỂM	TÊN BV:		
			NHÀ MÁY GIẾT MỒ GIA SÚC, GIA CẨM VÀ THỦY CẨM ĐỊA CHỈ: NINH BÌNH, BẦU NẮNG, DƯƠNG MINH CHÂU, TÂY NINH	 CÔNG TY TNHH TK-XD-MT ARTTEK <u>ARTTEK CO.,LTD</u> VPGD: SỐ 65 ĐƯỜNG T6, P. TÂY THANH, Q. TÂN PHÚ, TP. HCM							
			HẠNG MỤC								
			HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI CS-90M3/NGÀY ĐÊM								
	CÔNG TY TNHH MTV THANH BẢO HÂN ĐỊA CHỈ: NINH BÌNH, BẦU NẮNG, DƯƠNG MINH CHÂU, TÂY NINH				BÙI VĂN NGUYỄN	BÙI VĂN NGUYỄN	NGUYỄN QUỐC PHỤC	PHAN THIÊN NGUYỄN	TỈ LỆ:	SỐ BV:	LẦN PH 1

CHỦ ĐẦU TƯ:
CÔNG TY TNHH MTV
THANH BẢO HÂN
ĐỊA CHỈ: NINH BÌNH, BÀU NÀNG, DƯƠNG MINH CHÂU, TÂY NINH

PHE DUYỆT

CÔNG TRÌNH
NHÀ MÁY GIẾT MỒ GIA SÚC, GIA CẨM VÀ THỦY CẨM
ĐỊA CHỈ: NINH BÌNH, BÀU NÀNG, DƯƠNG MINH CHÂU, TÂY NINH
HẠNG MỤC
HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI CS-90M3/NGÀY ĐÊM

NHÀ THẦU:
CÔNG TY TNHH TK-XD-MT ARTEK
ARTEK CO.,LTD
VPGD: SỐ 65 ĐƯỜNG T6, P. TÂY THANH, Q. TÂN PHÚ, TP. HCM

GIÁM ĐỐC	THIẾT KẾ	VẼ	KIỂM	TÊN BV:
BÙI VĂN NGUYỄN	BÙI VĂN NGUYỄN	NGUYỄN QUỐC PHỤC	PHAN THIÊN NGUYỄN	

TÊN BV:	TỈ LỆ:	SỐ BV:	LẦN PH
			1
MICRO FILM	FILE NO.		

